T.T. TÔ-LIÊN

DELEGATION DE LA REGIE DU DEPOT LEGAL
No P 1162
E. 3036
HANOI

Ký Sự

PHẢI - ĐOÀN PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM
ĐI ẤN - ĐỘ và TÍCH - LAN
Hội-Nghị Phật Giáo Thế-Giới tại COLOMBO.

1950

IMPRIMERIE DU GOUVERNEMENT
HANOI

8°
Indochine
2642

2642

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)

Ký giả : T. T. TỐ-LIÊN

KÝ SỰ

PHÁI ĐOÀN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

DI

ẤN-ĐỘ *và* TÍCH-LAN

Cuộc Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới
tại Colombo từ ngày 25-5 đến 8-6-1950

NHÀ IN ĐUỐC-TUỆ
HÀ-NỘI

8° Indoch.
2642

Nhà kho sách xưa Quán Ven Đường

PHAI-DOAN PHAT-GIAO VIET-NAM DI

AN · ĐO

1. — DUYÊN KHỞI

Ngày 23 tháng 3 năm 1950. — Phủ Thủ-Hiến Bắc-Việt gửi công-văn đến Hội Phật-giáo, yêu cầu cử lấy một vị Tăng-sĩ gia-nhập Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam sang Ấn-Độ. Nguyên văn bức thư ấy như sau :

PHỦ THỦ-HIẾN BẮC-VIỆT
Phòng Xã-Hội — Kinh-Tế
Số 3806/XH/KT

Hà-nội, ngày 23-3-1950

◈

THỦ-HIẾN BẮC-VIỆT
Kính gửi Ông Hội-trưởng
HỘI VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO
HÀ-NỘI

Thưa Ông,

Chính-phủ sẽ cử một Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam qua Ấn-Độ trước tháng 5 năm 1950 này. Trong Phái-đoàn sẽ có người thông-ngôn Anh-ngữ và hiểu biết đạo Phật.

Vậy xin Ông lựa chọn một vị Sư có học-vấn xứng đáng để gia nhập Phái-đoàn ấy và trả lời ngay tôi biết.

Vị sư này sẽ khởi hành vào Sài-gòn trong thượng tuần tháng tư Dương-lịch. Lẽ dĩ nhiên là Chính-phủ chịu hết mọi khoản chi phí.

Kính thư
NGUYỄN-HỮU-TRÍ

Ký-giả được xem công-văn này trước nhất, liền cho mời Ông VIÊN-QUANG là Tổng-thư-ký của Hội Việt-Nam Phật-giáo đến bàn việc triệu-tập Hội-đồng để thảo luận việc quan-trọng đó. Nhưng đến buổi họp thì ký-giả chẳng may vừa bị cảm nặng, nhân có Cụ BÙI-THIỆN-CƠ, Hội-trưởng Hội Việt-Nam Phật-giáo đến thăm, bèn dặn với Cụ rằng : « *Nếu Hội-đồng có cử đến tôi, thì nhớ Cụ cố từ chối cho, vì tôi mới bị bệnh, hơn nữa còn bận nhiều công việc* ». Sau buổi họp đó, Cụ BÙI-THIỆN-CƠ và Cụ TRẦN-VĂN-ĐẠI lại đến phòng bệnh cho biết rằng : « *Hội-đồng đã đề-cử một vài vị Thượng-tọa, nhưng các Ngài đều viện cớ rằng : Thượng-tọa là Hội-trưởng Hội Tăng-Ni Bắc-Việt lại là Phó Hội-trưởng Hội Việt-Nam Phật-giáo, phải lấy tư cách ấy mà ứng phó với thơ mời của Chính-phủ để gia nhập Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam thì đối với cả trong Thuyền-gia lẫn ngoài Thiện-tín mới được danh chính ngôn thuận. Vì thế mà Hội-đồng Quản-trị chúng tôi đã ấn định thỉnh Thượng-tọa, nếu Thượng-tọa lại cố từ chối nữa, chẳng hóa ra Phật-giáo Việt-Nam vô nhân đối với cuộc Hội-nghị Phật-giáo Quốc-tế này hay sao ?* » Ký-giả tiếp lời : « *Đã đành thế, nhưng tôi còn e việc đi đây, không khéo ra thì dính vào Chính-trị. Chắc các Cụ cũng đã nhận thấy trong gần 20 năm nay, tôi ra đây theo đuổi công việc chấn-hưng Phật-giáo, chỉ dấn thân thẳng tiến với mục đích thực hiện tôn-chỉ tự-giác giác-tha, của Phật-Tổ là những việc Phật-học, việc truyền-bá, với việc từ-thiện, cứu-tế, ngoài ra, không nghiêng ngả theo một phe đảng chính-trị nào mặc dầu nhiều khi bị dụ dỗ áp bức. Nếu trước đây tôi đã đi*

theo con đường chính-trị hay phái đảng, có lẽ tính mệnh tôi không còn đến ngày nay, hay có còn sống cũng chẳng còn ở chùa Quán-Sứ này nữa. Vả lại tôi là người tu theo Tôn-chỉ Đại-thừa Phật-giáo không bao giờ được phép ghét bỏ một việc gì về thế-gian nếu là việc có ích chung cho xã-hội. Tôi chỉ có một điều ước mong đừng làm cho con đường Phật-giáo bị tối tăm, để cho mọi người đã chót lầm lỡ đi theo con đường ấy bị va chạm, vấp ngã, đau đớn, rồi biết hối lại mà quay đầu về với con đường sáng-suốt của Phật-giáo.

Nhưng thôi, Hội ta hãy trả lời Ngài Thủ-Hiến Bắc-Việt là cử tôi gia nhập Phái-đoàn Phật-giáo, còn đi hay không, để khi vào NAM-VIỆT được gặp Thủ-tướng hoặc Bộ Ngoại-giao tôi sẽ trình thực rằng Phật-giáo không bao giờ dính vào chính-trị, nếu cần, tôi chỉ đi theo phạm-vi thật-sự. Nếu được ưng thuận thì tôi sẽ đi, nhược bằng không, thì sẽ trở về ».

Cách mấy hôm sau tôi khỏi sốt, cùng với Cụ Hội-trưởng ra tiếp kiến Ngài Thủ-hiến Bắc-Việt để yêu cầu gửi thư trả lời Bộ Ngoại-giao và xin đề-cử Ông VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG là một nhân-viên Hội Phật-học HUẾ cùng đi, là vì Ông CƯỜNG có am hiểu Phật-pháp và lại nói được tiếng ANH nữa.

Ngài Thủ-hiến thấy tôi nhận lời đi lấy làm vui vẻ; Chúng tôi ra về. Cách mấy hôm sau, Phủ Thủ-hiến lại gửi bản sao bức thư của Ngài đề-nghị với Bộ Ngoại-giao cử tôi xung phái-đoàn Phật-giáo. Dưới đây là nguyên-văn bức thư đó:

Phủ Thủ Hiến Bắc Việt
Số 2923/VP/THP

Hà-nội, ngày 3 - 4 - 1950

Trích yếu

Phái Đoàn Phật Giáo
đi Ấn-Độ

THỦ-HIẾN BẮC-VIỆT
Kính gửi Ông Tổng-trưởng
Bộ NGOẠI-GIAO
SÀI-GÒN

Trả lời quý Công-văn số 96/MAE/CAB ngày 18-3-1950, tôi đề nghị cử Cụ Thượng-tọa Tố-Liên, Phó Hội-trưởng Hội Việt-Nam Phật-Giáo xung vào Phái-đoàn Phật-giáo Việt Nam qua Ấn-độ.

Cụ Thượng-tọa Tố-Liên là một vị tu hành, đạo-đức, học-lực uyên-thâm, hiểu thấu đạo Phật, rất hoạt bát và là một vị cao cấp của Phật-giáo, rất có uy tín đối với dân chúng và có thể đại-diện Phật-giáo Việt-Nam để đàm-đạo với ngoại-quốc.

Thượng-tọa Tố-Liên có ngỏ ý xin Ông Võ-đình-Cường ở Hội Phật-học Huế, biết nói tiếng Anh, hiểu biết đạo Phật đi theo làm thông ngôn, sẽ giúp được nhiều việc.

Ký : NGUYỄN-HỮU-TRÍ

∴

Thư này đến độ ngót một tháng mới lại tiếp được thư chính thức cử tôi xung Trưởng Phái-đoàn Phật-Giáo Việt-Nam. Dưới đây là nguyên văn bức thư đó :

THỦ-HIẾN BAC-VIỆT
Số 3655/VP/THP

Hà-nội, ngày 21 - 4 - 1950

THỦ-HIẾN BẮC-VIỆT
Kính gửi Thượng-tọa TỐ-LIÊN
Phó Hội-trưởng Hội Việt-Nam Phật-Giáo
73, Phố Quán-sứ — HÀ-NỘI

Thưa Thượng-Tọa,

Tôi xin trân trọng báo tin để Thượng-tọa biết, Thủ-tướng Chính-phủ Việt-Nam đã quyết định cử Thượng-tọa làm Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam qua Ấn-Độ.

Vậy xin kính mời Thượng - tọa quá bộ lại Phủ Thủ - Hiến để tôi được tiếp chuyện trước khi Thượng-tọa khởi hành vào Sài-gòn.

Thừa ủy-nhiệm Thủ-Hiến Bắc-Việt
Chánh văn-phòng
Ký tên : Không rõ.

∴

Thế là Ký-giả ấn định khởi hành ngày 11 tháng 3 năm Canh-Dần (1-5-50). Hội Việt-Nam Phật-giáo có sửa tiệc trai tiễn hành trước ngày đăng-trình một hôm. Đến dự có : TỔ-THỊNH, chủ sự chùa Bà-Đá với hầu hết các Cụ, Thượng-tọa TĂNG, NI ở Hà-nội cùng nhân viên Ban Quản - trị với rất đông các Giáo-hữu Hội Việt-Nam Phật-Giáo. Quang cảnh trai-đường Chùa Quán-sứ hôm ấy thật là tưng bừng vui vẻ. Cụ BÙI-THIỆN-CƠ và Cụ HOÀNG-ĐẠO-THẮNG có vịnh thơ tiễn Ký-giả như sau này :

Tăng già gặp được bước ngay nay;
Cưỡi gió, chim bằng thẳng cánh bay,
Đất Phật có duyên thì mới gặp,
Cơ trời đã đến phải ra tay.
Gắn tình thân - thiện bang - giao mới,
Gắng sức thu - hồi giáo - pháp hay.
Theo bước Đường - Tăng đời thủa trước,
Việt-Nam Phật-Giáo cũng thơm lây.

BÙI-THIỆN-CƠ

∴

KỶ NIỆM THƯỢNG-TỌA TỐ-LIÊN SANG ẤN-ĐỘ

Bể Nam nay mới nẩy bông sen,
Mừng cuộc Tây Du Cụ Tố - Liên.
Ướp lấy mùi sen vườn Thất - Bảo,
Thu về ánh sáng cõi Tam - Thiên.
Móc mưa tô - điểm mầu hoa mới,
Cây cỏ vui chào mặt khách quen.
Muôn dặm cánh hồng chiều gió thuận,
Chúc mừng mọi sự được như nguyền.

∴

Đường thi TAM-TẠNG, Hán TRƯƠNG-KHIÊN,
Nam - Việt ngày nay Cụ Tố - Liên,
Vì việc nước nhà đi phỏng-đạo,
Nhân sang đất Phật để tham-thuyền.
Mong bồi cỗi gốc nền Tôn - Giáo,
Mừng gặp anh em cõi Phạm - Thiên.
Trân trọng mấy lời xin kính tặng,
Chúc câu Không, Lực, Tịnh, Khinh, An.

HOÀNG-ĐẠO-THẮNG

Bình nhật không bao giờ tôi dám có mộng tưởng vi với Đường-Tăng, nhưng nay các Cụ đã có câu ví với Thánh-Tăng thứ nhất của đời Thịnh Đường, cho nên tôi cũng cảm hứng vịnh bài Trộm tỷ với Đường-Tăng :

Cùng sang Tây-Trúc thỉnh kinh vàng,
Thánh trước, phàm sau vẫn một đàng,
Thánh muốn dân Trung soi Đuốc-Tuệ,
Phàm mong đất Việt cấy hoa Đàm,
Thánh mang sứ mệnh lên Linh-Thứu,
Phàm vị Tăng-Gia tới Phật-Tràng,
Đất Việt đương cơn mưa khói đạn,
Thánh phù công dụng giúp quê hương.

2. — TỪ BẮC VÀO NAM ĐỂ VẠCH RÕ NHIỆM-VỤ

Ngày 11-5-50. — Hồi mặt trời gần đúng ngọ, Ông THẨM-HOÀNG-TÍN, Thị-trưởng Hà-nội, ngồi xe trưng Quốc-kỳ Việt-Nam đến Chùa Quán-Sứ đón chúng tôi. Ba ô-tô của Chinh-Phủ đồng thời cùng đến để đưa các Cụ Thượng-Tọa và nhân-viên Hội Phật-Giáo đi tiễn. Tôi cùng Ông THẨM-HOÀNG-TÍN còn đương mải bàn việc hội Bảo-Trợ đồng-bào hồi-cư. bỗng thấy ô-tô ngừng bánh tại cửa sân Trường bay Gia-Lâm, thì xe Ông HOÀNG-THÚC-ĐÀM, Phó Đổng-lý Văn-Phòng Phủ Thủ-Hiến Bắc-Việt cũng vừa đến. Sau những lời chào, Ông HOÀNG-THÚC-ĐÀM liền trao tôi một phong bì và nói : Số tiền hai nghìn đồng (2000$00) đây là của Ngài NGUYỄN-HỮU-TRÍ, Thủ-Hiến Bắc-Việt tiễn Thượng-Tọa. Trước mặt mọi người, tôi lấy làm ngần ngại, vì hôm qua Hội Tăng-Ni Bắc-Việt và Hội Việt-Nam Phật-Giáo với các Giáo-Hữu có tặng số tiền khá lớn, tôi đều chối từ không lấy. Bây giờ lại nhận món tiền của Ngài Thủ-Hiến e có điều gì bất tiện chăng ? Đối với người đi xa ai mà chẳng cần tiền. Nhưng hãy cân nhắc xem nhận có được hợp nghĩa không đã. Ừ, như hôm qua từ là phải, vì đã là yếu-nhân của hai Hội, thì sự đi về việc đạo có ích chung, ngoài số tiền của Chính-Phủ trợ cấp về

lộ-phí, còn muốn mua sắm kinh sách về làm tài liệu cho Phật-Giáo, lẽ cố nhiên công quỹ của hai Hội phải chịu, chứ hà tất phải nhận tiền tặng. Đến như món tiền của Ngài Thủ-Hiến Bắc-Việt tặng, là món tặng sứ-mệnh Phật-Giáo, mình không được phép chối từ. Nghĩ vậy tôi liền gửi lời cảm ơn Ngài Thủ-Hiến Bắc-Việt và nhận lấy phong bì tiền, lại cùng nhau đàm-đạo cho đến 13 giờ 30 mới cùng các Ngài chia tay để lên máy bay vào Nam-Việt.

Đến nơi, xuống trình giấy tờ xong, đã thấy Ông NGUYỄN-NHƯ-HUÊ, Chánh Văn-Phòng Bộ Ngoại-Giao với Ông MAI-THỌ-TRUYỀN, Đổng-lý Bộ Nội-Vụ đón tôi lên xe về Bộ Ngoại-giao.

Ông MAI-THỌ-TRUYỀN nói với tôi : Bộ Ngoại-Giao đã ủy Ông HUÊ sắp đặt tất cả giấy tờ cho Phái-Đoàn Phật-Giáo. Ông HUÊ nối lời Ông TRUYỀN :

« Bộ Ngoại-giao đã dành riêng cho Phái-đoàn một căn nhà công của Bộ. Vậy xin Thượng-tọa về đó nghỉ để chờ các đoàn-viên đến đủ cả sẽ lấy giấy tờ ». Tôi nói : *« Trân-trọng cảm ơn Quý Bộ »*. Tôi còn nói thêm rằng :

« Hiện giờ các đoàn-viên chưa ai tới, tôi hãy xin về nghỉ ở chùa PHẬT-ẤN, lúc nào các đoàn-viên đến đủ sẽ cho tôi biết, để còn phải ấn-định rõ con đường đi của Phái-đoàn Phật-giáo ». Lúc đó Ông HUÊ liền chỉ vào cụ già chừng 60 tuổi, dáng người vui vẻ, nhã nhặn, hỏi tôi rằng : *« Thượng-tọa có biết Cụ ĐỖ-HÙNG không ? »* — *Tôi biết tiếng đã lâu, nhưng chưa có hân-hạnh được gặp. Ngài Thủ-hiến Bắc-Việt có cho tôi biết, trong Phái-đoàn Phật-giáo sẽ có Cụ HÙNG.*

Tôi vừa rất lời, Cụ HÙNG vui vẻ đứng dậy với một giọng thong thả : « *Bạch Thượng-tọa, tôi đây chính là ĐỖ-HÙNG* ». Tôi đứng dậy chào rồi lại cùng ngồi. Tôi nói với Cụ HÙNG : « *Chắc Cụ hiểu nhiều về Phái-đoàn Phật-giáo, vậy xin Cụ cùng đi ẤN-ĐỘ với chúng tôi* ». Cụ HÙNG nói : « *Nếu có tôi đi, người ta sẽ cho Phái-đoàn Phật-giáo đi về chính-trị. Và cứ thư của Ngài Thủ-Hiến Bắc-Việt tiến cử Thượng-tọa mà tôi đã được xem thì Thượng-tọa lĩnh nhiệm vụ Trưởng Phái-đoàn là đủ* ». Lúc đó đã gần hết giờ làm việc, nên tôi phải xin hoãn việc bàn định, rồi ai nấy đều ra về.

Tôi ở Chùa Phật-ấn có ba vị Cư-sĩ đến phỏng-vấn :

HỎI : — Phái-đoàn Phật-giáo VIỆT-NAM đi ẤN-ĐỘ có liên can gì đến chính-trị không ?

ĐÁP : — VIỆT-NAM ta có linh 18 triệu dân hoặc trực tiếp hoặc dán tiếp theo Phật-giáo. Vậy thì Phái-đoàn Phật-giáo chúng tôi đi đây, nếu được thành công với nhiệm-vụ nối lại giây tinh-thần Phật-giáo giữa VIỆT-ẤN có đã gần 2000 năm, như thế tuy không can đến chính-trị hiện thời, nhưng cũng vì dân tộc gây cuộc hòa hảo bằng tôn-giáo. Huống hồ còn rước hồn đạo-đức thuần-túy về cảm-hóa nhân-tâm, cải-thiện đời sống tinh-thần tức là bồ cứu tình-thế đối đen giữa lúc này, như thế chả là âm phù chính-trị gây hòa-bình cho dân-tộc chúng ta ư ! ».

Sáng ngày 28. — Công xa đón tôi đến Bộ Ngoại-giao để gặp các Đoàn-viên, trong đó có Cư-sĩ VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG với ông PHẠM-CHỮ là thông-ngôn Anh-ngữ của Bộ Ngoại-giao được cử vào Phái-đoàn, giữ nhiệm-vụ thông ngôn Trong Phái-

đoàn còn có Đại-đức THẠCH-BÍCH, ăn vận theo lối Thầy tu CAO-MÊN. Tôi đã lấy làm không ưng, nhưng cho rằng, để sau khi nhiệm-vụ của Phái-đoàn Phật-giáo được định đoạt xong rồi sẽ hỏi. Tôi liền mời Cụ ĐỖ-HÙNG và Ông HUÊ cùng đến trụ-sở có đủ nhân-viên Phái-đoàn. Tôi hỏi : « *Xin các Ngài đại-diện Bộ Ngoại-giao cho biết Phái-đoàn Phật-giáo chúng tôi được biết hiện giờ chúng tôi có cần gặp Cụ NGUYỄN-PHAN-LONG, Thủ-tướng kiêm Tổng-trưởng Ngoại-giao để bày tỏ với Ngài về nhiệm-vụ khi đến ẤN-ĐỘ không ?*

Cụ ĐỖ-HÙNG trả lời : « *Nội-các Thủ-tướng LONG đương thay đổi, có nhiều việc bận rộn, nên Thủ-tướng LONG đã ủy chúng tôi tiếp xúc với Thượng-tọa, tôi tin rằng : Thượng-tọa đã lãnh Trưởng-phái-đoàn cố nhiên là có sẵn chương-trình, xin cho chúng tôi biết đại-lược* ».

Ký-giả nói : *Riêng tôi nghĩ, Phái-đoàn Phật-giáo đi đây là do Chính-phủ cử. Nhưng Phái-đoàn Phật-giáo chúng tôi chỉ theo với một mục-đích là nối lại giây tinh-thần văn-hóa Phật-giáo giữa VIỆT-NAM với ẤN-ĐỘ và các nước, sẽ theo chương-trình sau này :* Bắt đầu đến chùa hội-quán Hội ĐẠI-BỒ-ĐỀ (Maha Boddhi) ở CALCUTTA là Thủ-đô cũ của ẤN-ĐỘ, sẽ nhờ Hội đó tổ-chức cuộc nói chuyện về Phật-giáo VIỆT-NAM đã có một lịch-sử sâu xa, kế đến đi chiêm bái các nơi Phật-tích để chứng minh thêm được phần nào của lịch-sử Phật giáo ẤN-ĐỘ và thăm các cơ-quan Phật-giáo lớn hiện có ở ẤN-ĐỘ, trong dịp đó sẽ chuyển hòm sách trong có những tác-phẩm quý nhất của Phật-giáo VIỆT-NAM do Hội VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO kính biếu Chính-phủ ẤN-ĐỘ để mở đường thân thiện với dân-tộc ẤN-ĐỘ và mua các

kinh sách về Phật-giáo làm tài-liệu cho Phật-giáo nước nhà. Sau sẽ sang TÍCH-LAN dự Hội-nghị Phật-giáo thế-giới khai mạc vào 25 - 5 - 1950 này, để góp mặt với Phật-giáo Quốc-tế sáng lập Hội Phật-giáo thế-giới theo với chương-trình nghị-sự của ban Tổ-chức Hội-nghị đã định. Vả lại, TÍCH-LAN là nơi trung-tâm-điểm của Nam phương Phật-giáo, hơn nữa Phật-giáo hiện tại là Quốc-giáo của TÍCH-LAN có rất nhiều di-tích quan-trọng về Phật-giáo, cần phải khảo-sát để về làm tài liệu cho nền tín-ngưỡng đạo-đức của nước nhà. Nếu còn thì giờ lại về DIẾN-ĐIỆN và XIÊM-LA cũng không ngoài mục-đích khảo-sát tình hình Phật-giáo.

Như vậy thì chúng tôi đi đây chỉ là Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam chứ không phải là Phái-đoàn Phật-giáo do Chính-phủ cử đi, để tránh dị-nghị là Phái-đoàn Phật-giáo đi làm chính-trị, nếu Phái-đoàn Phật-giáo chúng tôi chỉ đi với những nhiệm-vụ ấy, thì tôi mới dám nhận đi với trách-nhiệm Trưởng phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam.

Cụ ĐỖ-HÙNG trả lời : « *Chính-phủ cử Phái-đoàn Phật-giáo với mục-đích đúng như Thượng-tọa vừa nói, với nhiệm-vụ ấy mà làm được chu đáo giữa lúc này, chả là bổ ích ư ?*

Tôi lại nêu đến vấn-đề Đại-đức THẠCH-BÍCH ra hỏi :

« *Chư Tăng Việt-Nam thiếu gì, mà phải cử vị Tăng Cao-Mên vào Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam ? Mặc dầu là Phật-giáo không phân mầu da, không phân chủng-tộc, nhưng đứng về phương-diện thế-gian mà bàn, thì còn phải phân biệt mầu da, chủng-tộc, là vì quốc-thể, tôi nhận thấy nếu Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam lại có vị Tăng Cao-Mên,*

người ta có thể tưởng là Phái-đoàn Phật-giáo Việt - Mên hay là Phái-đoàn Phật-giáo Liên-bang Đông-Dương, đó là một điều cần phải tránh giữa lúc này ».

Cụ HÙNG trả lời : « *Chính-phủ định cử một vị Tăng làm Đại-diện cho dân-tộc thiểu-số, Đại-đức THẠCH-BÍCH đây, chính là người được cử vào nhiệm vụ ấy* ».

Ông HUÊ nói tiếp : « *Đối với danh nghĩa Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam mà Thượng-tọa đề phòng dị nghị như thế là phải lắm. Chính tôi hôm qua thấy Đại-đức THẠCH-BÍCH cũng đã thắc mắc mà hỏi, thì người trả lời : « Tôi vốn người Việt, vì xuất-gia tu theo với chư Tăng Cao-Mên, nên phục sức theo lối Cao-Mên* ». Ông HUÊ lại tiếp : « *Xin giao Thượng-tọa bản khai lý-lịch của Đại-đức THẠCH-BÍCH, trong đó đã khai là Quốc-tịch Việt-Nam để đề phòng dị nghị về sau* ». Ông VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG nói : « *Thượng-tọa cầm lấy tờ khai lý-lịch của Thầy THẠCH-BÍCH là đủ rồi để cho người đi* ».

Ông CƯỜNG nói đoạn, liền đưa bức gia-thư của nhà Ông gửi vào. Chúng tôi xem thư, ai nấy đều ngẫn người ra, trong thư nói thân-mẫu Ông CƯỜNG bị mệt nặng lắm, bắt buộc Ông phải về HUẾ ngay, vì Ông là con một. Chúng tôi không dám ép Ông CƯỜNG đi, e Bà cụ có về chầu Phật, thì Ông CƯỜNG sẽ phải hối hận suốt đời về chữ hiếu của Ông, nhất là một Phật tử như Ông lại càng cần phải giữ trọn chữ hiếu lắm. Chúng tôi rất tiếc là thiếu Ông VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG trong Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam này.

3. — TỪ NAM ĐẾN ẤN-ĐỘ

Đúng 5g30 sáng, Ông MAI-THỌ-TRUYỀN đi ô-tô của Bộ Ngoại-giao đến đón Phái-đoàn và Cụ PHẠM - VĂN - VI đi tiễn chúng tôi. Ra tới trường bay thì xe Cụ HÙNG cũng vừa tới. Ông PHẠM-CHỮ đi cân hành-lý, chúng tôi cùng nhau đàm đạo mãi cho đến 7g30 mới chia tay.

Chúng tôi lên máy bay cũng như mọi lần, sau khi máy bay cất cánh, một người đàn bà Pháp làm công cho Hãng đến đưa cho ít bông để đút nút tai, phòng khi lộng óc, lại còn phải kéo giây da ở ghế quàng vào mình, phòng khi lộn người, vì máy bay cất cánh lên cao. Lúc đó tôi cứ việc ngồi bình-tĩnh để mặc cho tinh-thần tung hoành với vũ-trụ bao la. Tôi đương tĩnh-tọa thì tiếng kêu ầm ầm của máy bay đã dìu-dịu và trông đèn báo hiệu ở đầu máy vừa tắt. Hôm nay vì người mệt nên bị ù tai khó chịu, phải lấy tay bịt chặt hai lỗ mũi lại, rồi thở ra rất mạnh, mới thấy đỡ choáng đầu. Bấy giờ mới cởi giây da ở mình ra, sẽ lấy " píp " hút một hơi thuốc khoan-khoái lắm, thế rồi tôi lại bấm khuy máy ở ghế cho nó ngả xuống, nằm ngủ được một lúc. Bỗng nghe tiếng si sào, dật mình tỉnh dạy, thì người đàn bà Pháp đem bánh cho chúng tôi điểm tâm, trông lên đồng hồ đã 9 giờ hơn. Tuy tay vẫn bẻ bánh ăn, nhưng mắt vẫn nhìn ra ngoài, tôi thấy thôi thì từ núi non

đến làng mạc, cả thành quách đến cửa nhà, đều chỉ là những mô cỏn con dưới tầm mắt, bỗng nhớ lại câu của Đức Khổng-Tử : « *Lên đỉnh núi Thái, sẽ thấy thiên - hạ là nhỏ* ». Nhưng lúc này tôi còn lên cao gấp mấy lần núi Thái kia, vì thế mà được thấy rõ thiên hình, vạn trạng của vũ-trụ, bất luận to hay nhỏ, nó chỉ còn là những hình ảnh lờ mờ dưới tầm mắt tôi. Thế mới biết càng lên cao càng thấy rõ chân-tướng bình đẳng, khốn nỗi người đời cứ nhận nó có lớn, nhỏ, có cao, thấp với cái tư - tưởng phân biệt để sinh ra sự tranh chấp, chiếm đoạt lẫn nhau. Chỉ có thế thôi mà nhân-loại đã xây cao thành sầu, khơi sâu bể khổ, từ thuở có nhân-loại cho đến mãi ngày nay, chẳng những không ngừng mà lại còn thêm hăng-hái, xây mãi, đào mãi cái thành sầu, bể khổ ấy nữa. Tâm-hồn tôi đương lúc man-mác với mối hồ nghi vô biên đó, bỗng người ngồi đằng sau gọi bạn mà rằng : « *Này anh, ngắm ra quang cảnh mà xem, lúc này trời đẹp quá, máy bay lại lên tít tận cung xanh, nhìn bên dưới chỉ có núi với nước, điểm tô như bức gấm hoa thôi* ». Chính lúc đó, tôi cũng đương nhìn ra, quả thực quang cảnh lúc đó không khác gì bồng-lai nhược-thủy, còn chính mình đang đóng vai phi - tiên với rất nhiều những đám mây lô nhô, như hình người ở cung xanh xuống đón rước, thực là quang cảnh nên thơ, tôi liền vịnh :

Phải bạn cung xanh đón đó không ?
Yêu nhau xin hãy hiểu nhau cùng.
Chẳng tiên cũng thỏa chơi mây gió,
Thoát tục nhưng còn vị Núi Sông.
Muốn rủ đây về chơi cảnh cũ,
Hãy chờ nhau giúp việc đời xong.

Tri âm ai đó nên suy nghĩ,
Đời chẳng quên ta, ta nhớ nhung !

Tôi đang mải ngâm vịnh, thì bỗng ông PHẠM-CHỮ hỏi : « *Thượng-tọa có lẽ đương mải vịnh phong cảnh thì phải ?* » — *Phải đấy ông ạ !*

— *Thượng-tọa đi chuyến này cần viết lấy tập ký-sự để kỷ-niệm, chứ không nên chỉ ngâm vịnh một vài bài mà thôi !*

— *Ông nói phải đấy, chỉ hiềm tôi không đủ tài viết ký-sự thôi ! Tuy vậy tôi cũng đã viết được mấy trang rồi.* Còn đương vui chuyện về văn thơ, lại thấy người đàn bà Pháp ban sáng, bưng hai khay cơm có nhiều món mà tôi không quen dùng, thấy ông PHẠM-CHỮ đỡ lấy một khay, còn trả lại với mấy câu sì sồ. Người đàn bà Pháp liền bưng khay đi, một lúc lại bưng đến 6 chiếc bánh ngọt với một cốc cà-phê sữa. Ông PHẠM-CHỮ mau mắn đỡ lấy chuyền sang cho tôi. Ăn xong bỗng thấy đèn tàu báo hiệu xấu trời, tôi liền ngó ra xem thì ra tầu đang bay giữa biển, phải đối phó với cơn gió rùng người, bên trên có những đám mây đen, trắng mù mịt, ngược ngược, xuôi xuôi, tan tan, hợp hợp. Dưới mặt biển, những làn sóng trắng xóa cuồn cuộn hết lớp nọ tới lớp kia, kế tiếp nhau sô sát, lưng chừng những quả núi đương bị mây phủ mịt mù. Trên mây, dưới sóng đều bị mãnh lực của thần gió lôi cuốn, tan tan, hợp hợp khắp bầu trời, mặt biển. Ngắm cảnh trạng đó, ký-giả cảm đến cổ kim thế sự, thành, bại, đắc, thất, cũng chẳng khác chi những đám mây, những làn sóng, đương nối nhau bay liệng, tung vỗ kia, rồi lại cùng nhau tiêu tan đâu mất, bèn hứng vịnh :

Kìa ngắm mà xem lớp hải-âu,
Ào ào, ạt ạt, nối đuôi nhau,
Khi lên tung vỗ làng mây núi,
Lúc xuống tiêu ngầm cuộc bể dâu.
Mây trắng hợp tan cùng tấn thảm,
Cát vàng bồi lở cũng trò sầu.
Hỡi ai là khách bồn ba nọ,
Lớp sóng việc đời có khác đâu.

Ký-giả đương mải ngắm cảnh ngâm thơ, Đại-Đức THẠCH-BÍCH bỗng hỏi :

— *Thượng-tọa có đọc chuyện TÂY-DU không ?*

— *Tôi có đọc cả chuyện TÂY-DU tự tay Thầy HUYỀN-TRANG biên chép lẫn TÂY-DU của nhà tiểu-thuyết làm ra, nhưng không bao giờ tôi chịu tin chuyện TÂY-DU của nhà tiểu-thuyết phịa đặt có TÔN-NGỘ-KHÔNG, SA-TĂNG, CHU-BÁT-GIỚI theo Thầy ĐƯỜNG-TĂNG đi thỉnh kinh; họ đã mô tả ra một mớ hoang đường để cổ hoặc nhân-tâm và làm mờ ám hẳn một thiên lịch-sử mạo-hiểm của một vị Thánh-Tăng đời ĐƯỜNG (Tàu).*

Tôi xin kể qua thân thế thầy ĐƯỜNG-TĂNG để Đại-Đức nghe :

« Thầy HUYỀN-TRANG sinh năm 602 quê ở Lạc-Dương tức Phủ Hồ-Nam bây giờ, thân-phụ Thầy đã mấy đời nổi tiếng Văn-hào, sẵn nếp Nho-phong nên thầy sớm xuất sắc về Nho-học, bạn bè của Thầy đương thời đã bầu cho là thiếu-niên nho-giả, ai nấy đều kính nể. Tưởng rằng sau này sẽ thành nhà quan-các đại-gia, có ngờ đâu 13 tuổi, Thầy đã xuất-gia theo đường đạo-đức. Năm 14 tuổi gặp buổi chính-trị thối nát, thế đạo lu mờ, giặc giã tứ tung, nhân dân đồ thán, trước thảm trạng thành quách tro tàn,

máu xương trà đạp, những kẻ vũ phu tàn bạo coi mệnh người như sâu kiến, như cỏ rác ; khắp trong nước chỗ nào cũng có giặc cướp rối loạn, đến nỗi các nhà tu cũng ít tránh khỏi vạ lây. Thầy đành phải lánh lên núi tu thân, luyện đạo. Được mấy năm thì Vua ĐƯỜNG Thái - Tôn đánh dẹp giặc giã cũng đã tạm yên ở các xứ trung-châu, nhưng ngoài biên-thùy vẫn chưa bình-định. Nhất là Vua ĐƯỜNG Thái - Tôn chưa nối được giây thân - thiện với các nước lân-bang, thì mong gì bình-định được các biên-giới. Lúc đó Thầy HUYỀN - TRANG phát sinh ra quan-niệm tự lĩnh lấy sứ-mệnh Phật - giáo đi thỉnh kinh, nhân bang-giao hòa-hảo với các nước âm phù cho Vua ĐƯỜNG Thái - Tôn về đường chính-trị. Sự thực đã được chứng kiến ở lịch-sử đời ĐƯỜNG, là Thầy Đường - Tăng đi thỉnh kinh qua nước nào, là nước ấy chẳng thần-phục oai - dũng của Vua ĐƯỜNG Thái - Tôn, thị cũng thần - phục với đức - hóa của vua ĐƯỜNG đó là một điểm chính trong lịch - sử TÂY - DU của Thầy HUYỀN-TRANG.

Thầy HUYỀN - TRANG đi TÂY - PHƯƠNG cầu kinh, còn một điểm cực kỳ quan-trọng nữa. Chúng ta đã thấy lịch-sử Phật-giáo truyền vào TRUNG-QUỐC từ Hán - Minh - Đế đến ĐƯỜNG Thái - Tôn trải chừng 500 năm. Thời kỳ Thầy HUYỀN-TRANG mới xuất - gia, chính là lúc Phật - giáo cũng rối ren, ăn nhịp với thiên - hạ loạn - lạc, lý thể tất nhiên như vậy, hóa nên trong giới tu hành một phần đông bị phong trào ích - kỷ, tự lợi lôi cuốn, nào là vì lợi lộc mà ghen tị, nào là vì môn - phái mà chia rẽ, nào là vì thiên về tư - tưởng giáo - lý mà công kích ; ai nấy

chỉ tự trọng lý tưởng của mình, không ai đồng ý chí với ai, mạnh ai người nấy được, khiến cho lực-lượng Phật-pháp quá ư bạc-nhược, đoàn thể tu hành quá ư yếu ớt, khiến cho tín-đồ hết đường trông cậy, đâm ra chán ngán. Kẻ vô đạo thừa cơ đứng ngoài công kích phá hoại. Vận-mệnh Phật-pháp lúc đó chỉ còn như giây tơ, địa vị Tăng-Già không còn giá trị nông nỗi nguy ngập đến thế rồi, mà có ai biết nghĩ đến đâu? Hoặc giả có còn có số người biết, nhưng cũng chỉ thở ngắn than giài rồi lại cho là khó khăn, đành bó tay ngồi nhìn, rừng thuyền bão táp, bể giác sóng còn. Đứng trước thảm trạng ấy, Thầy HUYỀN-TRANG hết sức lo âu, quyết trí ra tay cứu vãn, vì Thầy đã sẵn tin tưởng chắc chắn rằng: Thiên hạ hết loạn tất phải đến trị, Tôn-giáo hết suy tất phải đến thịnh, miễn là ta phải có đủ công năng tu-hành chứng-ngộ được đạo mầu. Nghĩ thế rồi, Thầy liền rủ mấy vị cao Tăng đồng-chí-nguyện dâng sớ xin Vua Thái-Tôn sang Tây-trúc tham-thuyền học-đạo thêm và cầu kinh Phật đem về bồi bổ cho nền Phật-giáo nước nhà. Vì bấy giờ việc triều-chính của nhà ĐƯỜNG chưa được yên, việc bang giao với các nước ngoài chưa được thân mật đậm đà, Có nhiều nước ngoài người ta chưa kiêng nể. Vua Thái-Tôn sợ Thầy đi sẽ bị nguy hiểm, để đến mất quốc thể, vì thế nên Vua Thái-Tôn liền hạ-chiếu cấm Phái-đoàn Phật-giáo do Thầy cầm đầu không được sang Tây-trúc. Các bạn đồng chí đều sợ lệnh vua không ai dám đi nữa, Còn Thầy HUYỀN TRANG, Thầy tự nói rằng: « Trí ta đã quyết, đường ta đã dọn, ta quyết không chịu lùi bước, chẳng quản

quan san hiểm trở, chẳng quản hùm beo ác thú, chẳng sợ gió xương tuyết bụi, chẳng ngại nắng, mưa, nóng, rét, cũng không cần có sắc chỉ nhà vua, ta chỉ tin cậy vào Phật lực, ta lên chùa làm lễ Phật xin hộ trì cho đi thỉnh kinh ».

« THÀNH TẤT HỮU CẢM ». Thầy HUYỀN-TRANG thấy Phật báo ứng điềm tốt lành, tức khắc một túi, một ngựa, không giấy, không tờ, trốn ra biên thùy ngắm miền Tây-trúc thẳng tiến, dòng dã 16 năm trời, một mình vò võ đất khách, quê người, trải bao gian nguy, nếm đủ phong trần, cay đắng, mới học được đạo, mới thỉnh được kinh đem về làm tươi sáng cho nền Phật-giáo TRUNG - HOA, tự tạo nên thời thế tôn-giáo thay cho thời thế chiến - tranh. Tên tuổi Thầy HUYỀN - TRANG đến nay vẫn còn sán lạn ở sử xanh TRUNG-QUỐC.

Cứ xem như thế, trải 500 năm từ Hán-Minh-Đế ĐƯỜNG Thái-Tôn, trước thời kỳ nhà ĐƯỜNG mở vận, cục-diện chính-trị cũng như Tôn-giáo, ai cũng phải thú nhận là thối nát, rối ren, phải chăng thời thế tạo anh hùng, nên dân tộc TRUNG - HOA hồi đó đã sản xuất ra hai nhà niên - thiếu kỳ - khôi, cùng đem tài ba, đạo - đức ra xoay chuyển càn khôn, bổ cứu cho nền chính-trị và tôn-giáo. Ấy là ĐƯỜNG Thái-Tôn và Thầy HUYỀN - TRANG. Một người hơn 10 năm dong duổi thanh gươm, yên ngựa, dẹp yên giặc giã, mở vận thái bình. Một người cũng hơn 10 năm dong duổi yên ngựa túi kinh mới rước được hồn đạo-đức về để cứu vãn nhân-tâm thế-đạo. Đường đi của hai nhà tuy có khác, nhưng đều thành công cứu quốc, cứu dân, đều làm vinh dự cho

đời nhà ĐƯỜNG, lại cùng đứng chung tên tuổi vinh quang trên lịch-sử TRUNG-QUỐC vĩ-đại vậy.

4. – HỘI PHẬT-GIÁO ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Ký-giả còn đương muốn kể thêm chuyện Tây-Du để khuyến-khích Đại-đức THẠCH-BÍCH thì bỗng nghe xì-xào tiếng người nói, tầu sắp xuống. Mọi người lại quàng giây da vào mình như lúc tầu mới lên. Tiếng động cơ tắt, máy bay đã ở mặt đất, chúng tôi xuống. Ông PHẠM-CHỮ trình giấy tờ và thu nhận hành lý. Một người đàn bà Pháp trạc độ 50 tuổi, với nét mặt tươi tỉnh, vui vẻ, chắp tay chào tôi và bắt tay ông PHẠM-CHỮ, tự giới-thiệu : « *Tôi trông nom về ngành văn-hóa của tòa Tổng lãnh-sự Pháp ở Calcutta này được Ông Tổng lãnh-sự cử ra đón Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam* ». Ký-giả cảm ơn rồi cùng lên xe. Chừng 20 phút, ô-tô đỗ, người đàn bà Pháp xuống trước, vào chùa Hội ĐẠI-BỒ-ĐỀ, chư Tăng trong đó ra đón vào phòng khách, đã có Thượng-tọa JIRANATANA là Thư-ký thường-trực tiếp đón chúng tôi một lúc, rồi cho người đưa đến phòng khách. Sao mà khéo thế nhỉ ? Phái-đoàn Phật-giáo có ba người, thì căn phòng cũng chỉ có ba cái giường. Mặc dầu đương mùa nóng nực mà vẫn rải đệm cỏ, trên phủ vải trắng ; có đồng hồ, đủ bàn ghế. Tôi lại ra cửa, ý muốn đi tìm nơi xuất-sử, thấy bên kia buồng khách có sẵn nhà tắm và nhà xuất

sử đều bằng máy, quy-củ sắp đặt rất tiện cho viễn-khách.

Ngay chiều hôm ấy, tôi ủy Ông PHẠM-CHỮ ra cảm ơn Ông Tổng-lãnh-sự Pháp đã cho Đại-diện ra đón và trình giấy thông-hành với các nhà chức-trách địa-phương. Tôi ở nhà, lên chùa làm lễ rồi ra cửa chùa ngắm phong cảnh. Trước cửa chùa Bồ-Đề có một cái hồ rộng độ hai mẫu ta, nước hồ lúc nào cũng trong veo, với ánh bóng cây buổi chiều trông đẹp mắt lắm. Tôi thấy có mấy ngàn người đang bơi lội, liền hỏi thì người ta cho biết rằng : Phong-tục của ẤN-ĐỘ hễ được tắm gội nơi hồ ao của đền chùa là khước lắm. Thế nên, mỗi buổi chiều chung quanh hồ này, lúc nào cũng đầy lớp sóng người giải-trí với cơn nòng nực.

Chùa này của Hội ĐẠI-BỒ-ĐỀ làm nên từ khi chấn-hưng Phật-giáo, tuy cất theo với dãy nhà hàng phố, nhưng thoạt trông đã biết ngay là cảnh Phật, vì lối kiến-trúc đều theo mỹ-thuật Phật-giáo, ý giả vì đất hẹp, nên chùa làm hai từng, đắp vẽ theo lịch-sử Phật Thích-Ca. Từng gác trên thờ Phật; chính giữa thờ tượng Phật Thích Ca, bốn góc có tượng Văn-Thù, Phả-Hiền v. v... Sau tượng Phật, một tòa tháp tròn cao độ một thước rưỡi, có thờ xá-lợi Phật ở trong, có thêm mấy chiếc tủ kính rất đẹp, bên trong đựng nhiều đồ pháp-khí và pháp-bảo, có hạng trạm, trổ, có hạng để chơn. Mỗi thứ bảo vật, đều tượng-trưng một ý nghĩa về Phật-giáo. Từng dưới Phật-điện là nhà giảng, cũng đắp vẽ theo lịch-sử Phật-giáo, khiến ai mới vào, thoạt trông đã phải khởi lòng tôn-kính. Khắp nhà giảng đều có đèn, quạt điện với rất nhiều ghế để thập-phương ngồi nghe giảng. Phía sau nhà giảng là

tòa nhà ba từng, có đủ Tăng-đường, trai-đường, khách-đường, văn-phòng, thư-viện v. v... Tôi có vịnh tức cảnh :

Chùa Hội Bồ-Đề nức tiếng lâu,
Tới, lui Phật-tử khắp năm châu.
Phạm Tăng (1) niệm kệ (2), chim hòa vận,
Viễn khách đàm kinh, cá lắng câu.
Với đám sóng người khai giác ngạn,
Cùng nơi đất Phật dẫn quan đầu (3).
Hỡi ai có chí cầu kinh Phạm,
Này cảnh Bồ-Đề mách bảo nhau.

Thượng-tọa thư-ký tiếp chúng tôi ban nãy, với chư Tăng Tích-Lan sang đảm-nhiệm việc Hội, ngoài tiếng bản xứ, các vị còn thông-thạo nhiều tiếng ngoại-quốc, nhất là tiếng Anh, tiếng Ấn và tiếng Ba-Lỵ. Vị nào cũng có tinh-thần linh lợi về học-vấn, lại rất ưa hoạt-động về Phật-sự ; tất cả các sự cung cấp chư Tăng đều do Hội Đại-Bồ-Đề đảm nhiệm.

Còn chư Tăng chỉ chủ-trương về việc tu-hành và truyền giáo, chứ không phải lý gì về sự sinh hoạt cả. Trong chùa lại có các vị Cư-sĩ ở chung với chư Tăng để làm việc. Có Cư-sĩ MADANLAL ANAN rất giỏi về triết-học, ông chuyên trông nom về bài vở cho tờ tạp-chí của Hội Đại-Bồ-Đề. Tôi rất phục tinh-thần kính-trọng chư Tăng của ông. Vì nhiều bữa ngọ ông săn-sóc đến cơm nước của chư Tăng. Không thấy một chú tiểu

---

(1) Chỉ chư tăng Ấn-Độ.

(2 Kệ nhà Phật cũng có vận điệu như thơ nhà Nho.

(3) Phật-tử thế-giới phần nhiều đến chùa Đại-Bồ-Đề rồi mới đi chiêm bái các nơi.

nào cả. Tôi có hỏi thì chư Tăng cho biết rằng : *« Các tiểu đều được đi học ở các trường Phật-học xa cả ».*

Ngoạn cảnh xong, Ông PHẠM-CHỬ cũng vừa về cho biết là giấy tờ phải ba ngày nữa mới xong.

— *« Cũng vừa. Vì theo như lời Thượng-tọa thư-ký thường-trực nói, thì còn phải chờ Ông Tổng-thư-ký của Hội Đại-Bồ-Đề về, thì chương-trình làm việc của chúng ta mới được định đoạt, là vì các việc còn phải nhờ Ông giúp đỡ. Vả lại tôi cũng còn phải an-tĩnh để lễ bái ba ngày cầu nguyện Phật-tổ điểm hóa cho mọi việc, thì mới mong có kết-quả. Ngoài ra tôi còn phải sửa lại hai bài diễn-văn mới viết phác ra, sẽ đưa Ông dịch ra Anh-văn, nếu được đủ phương-tiện diễn giảng, thì tôi giảng bằng tiếng Việt, còn Ông sẽ dịch luôn ra tiếng Anh. Nó là phận sự chính của Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam chúng ta, đem ra cống hiến cho người ngoài :* " **Đem chuông đi đấm nước người** ". *Ông nên cố gắng dịch bài diễn-văn này ».*

Tối mịt hôm mồng 6, Ông Tổng-thư-ký của Hội Đại-Bồ-Đề đi rước xá-lợi của hai Đức Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên về, có đến thăm chúng tôi, nói chuyện qua loa rồi hứa đến 8 giờ sáng mai sẽ chính-thức tiếp Phái-đoàn. Tuy tôi với Ông mới được gặp nhau trong khoảnh khắc về những câu chuyện trao đổi ý-kiến, đã nhận được ở Ông là một nhà Cư-sĩ có đủ nghị-lực cả về phần lý-tưởng lẫn thực-hành.

Ông ra khỏi phòng, tôi bàn với Ông PHẠM-CHỬ, lẽ tôi phải biên thành thư để Ông dịch ra Anh-văn, sáng mai, sau khi đàm-đạo sẽ đưa.

Tất cả Phái-đoàn đều hoan-nghênh ý-kiến ấy, tôi liền lấy bút viết :

Ngày 7 tháng 5 năm 1950

TRƯỞNG PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Kính gửi Ngài Hội-Trưởng

Hội MAHA BODDHI – CALCUTTA

Thưa Ngài,

Chúng tôi vốn biết Phật-tử bốn bể dù đến đâu cũng đều coi nhau là con của Đức Từ Phụ THÍCH-CA MÂU-NI.

Vì lễ nghi giữa giới Phật-tử ở mỗi địa phương một khác, chúng tôi tới Quý-quốc, mặc dầu được Quý-Hội ưu-đãi, khiến thâm tâm chúng tôi cảm kích vô cùng ; nhưng chỉ vì các điều bỡ ngỡ, nên chúng tôi không tránh khỏi các sự thất thố đối với Ngài cũng như đối với Quý-Hội, mong Ngài hoan hỷ lượng thứ.

Thưa Ngài, chúng tôi cũng như dân VIỆT-NAM, đều được sống trên nền tảng luân-lý Phật-giáo với bầu không khí thuần-túy. Cả 18 triệu dân VIỆT-NAM theo Phật-giáo, rất thành-kính tôn thờ Đức Giáo-Chủ THÍCH-CA và chư Vị Thánh-Tăng của Quý-quốc đã sớm truyền-bá Phật-giáo sang VIỆT-NAM trước đây gần 2000 năm. Uống nước nhớ nguồn, nên dân VIỆT-NAM theo Phật giáo đều có sẵn mối thiện cảm sâu xa thầm kín đối với Quý-Quốc và Quý-Hội.

Để tỏ lòng kính mến Phật-sự của Quý-Hội, ĐỨC BAO-ĐẠI, Quốc-Trưởng VIỆT-NAM, có giao cho chúng tôi 1000 roupies (4000$00 Đông-Dương) để dâng cúng vào Phật-sự của Quý-Hội, xin Ngài nhận cho.

Lại xin Ngài nhận của Hội Việt - Nam Phật-Giáo kính biếu Quý-Hội một số kinh sách Phật do tay bút của các Cao - Tăng VIỆT - NAM chú giải đã lâu đời, thêm với một số kinh, sách Phật bằng Việt-Văn của Hội Việt-Nam Phật-Giáo chúng tôi xuất bản.

Ngoài ra, yêu cầu Ngài cũng như Quý - Hội giúp đỡ cho các việc sau này :

1·) Hội Việt-Nam Phật-Giáo kính biếu Chính-phủ Quý - quốc một hòm kinh Phật và một hòm để kính biếu Hội Nghiên-cứu Phật-học cùng ở Quý - quốc, dám mong giúp chúng tôi được thân đến nơi để chuyển giao.

2) Giúp chúng tôi đi chiêm-bái các nơi Phật-tích ở Quý-quốc.

3·) Giúp cho, thỉnh hoặc mua các kinh sách Phật do Quý-hội xuất-bản, hoặc nơi nào có, xin mách bảo cho chúng tôi thỉnh.

4·) Giúp cho mua những tranh ảnh về lịch-sử, mỹ-thuật Phật-giáo ở Quý-quốc.

5·) Chúug tôi được chụp ảnh các Tôn-Tượng và các pháp-bảo ở Chùa Hội-quán đây và các nơi Phật-tích.

6·) Chúng tôi được biết Quý - hội có những cuốn phim về Phật-giáo, nêu có thể được, xin mua giúp.

7·) Giúp chúng tôi mọi phương - tiện để đi tới dự Hội-nghị Phật-giáo thế-giới tại Tích-Lan,

8· Tôi có 10 điều đề-nghị với Phật-giáo Quốc-tế, xin phiền Ngài chuyển giao đến ban Tổ-chức của Hội-nghị đó trước khi chúng tôi đến dự.

9·) Giúp chúng tôi đến New Delhi (Nưu Đen li)

là Thủ-đô mới của Quý-quốc để viếng thăm các Phật-tử ở đó và cho được gặp Bác-sĩ Prasad là Tổng-Thống của Quý-quốc để sẽ dâng biếu lên Ngài hòm kinh Phật.

TỐ - LIÊN

Dưới đây là bản dịch bức thư trả lời của Hội Đại BỒ-ĐỀ :

Calcutta ngày 10 tháng 5 năm 1950

Kính gửi Thượng-tọa Tố-Liên
Trưởng Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam
CALCUTTA

Kính bạch Thượng-tọa,

Chúng tôi rất lấy làm cảm ơn những mỹ ý của Thượng - tọa viết trong thư ngày 7 vừa rồi. Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được dịp đón tiếp Thượng-tọa và các nhân viên Phái-đoàn và chúng tôi mong rằng Thượng - tọa hoan - hỷ cho nếu có điều gì không được vừa ý, trong khi lưu lại ở đây.

Xin Thượng-tọa nhận lời trân-trọng cảm ơn của chúng tôi về những sách mà Quý-hội đã có nhã ý tặng Hội chúng tôi. Các kinh sách đó sẽ được liệt vào hạng bộ sách có giá-trị trong thư-viện của chúng tôi.

Trước khi Thượng-tọa lên đường về Việt-Nam chúng tôi mong rằng có thể kính tặng Quý-hội toàn bộ những sách do Hội chúng tôi xuất-bản.

Chúng tôi rất lấy làm cảm ơn Quốc-Trưởng Bảo-Đại về số tiền 1000 roupies, mà Ngài đã nhã ý gửi Thượng-tọa tặng Hội chúng tôi. Xin nhờ

Thượng - tọa chuyển lời cảm ơn của Hội chúng tôi lên Quốc Trưởng về mỹ ý của Ngài.

Chúng tôi rất lấy làm tiếc là quý vị không thể đến kịp để dự lễ ngày đản-sinh Đức Phật-Tổ. Nhưng chúng tôi chắc rằng quý-vị sẽ có dịp nhận xét những công việc chúng tôi đang tiến hành để chấn-hưng nền Phật-giáo chốn này. Sau 50 năm gắng sức của Hội chúng tôi ngày nay đã thấy được đôi phần kết quả và được sự cộng tác và giúp đỡ của các nước theo Phật-giáo, như nước Việt - Nam, chúng tôi hy vọng rằng có thể thu lượm được kết quả mỹ mãn trong nhiệm vụ đó. Sự đến dự này của Quý Phái-đoàn sẽ giúp thêm năng lực cho việc tiến hành đó, và tôi tha thiết mong rằng : Tình giao hảo giữa Quý hội và Hội chúng tôi sẽ mỗi ngày thêm chặt chẽ, cho đến khi chúng ta đạt được đến mục-đích cao cả, là chấn - hưng nền Phật-giáo ở ngay trên xứ đã phát sinh ra Tôn-giáo ấy.

Chúng tôi xin chúc quý vị được nhiều sự như ý trong khi lưu lại ở xứ này, và rất lấy làm hân hạnh được tiếp quý vị, chúng tôi hy vọng rằng : về sau này còn được tiếp thêm nhiều Phật-tử của Quý-quốc sang bên này cùng theo một mục đích như trên.

Xin kính chúc Quốc-Trưởng Bảo-Đại an khang trường cửu và tất cả dân chúng Việt-Nam đều được thái bình thịnh vượng.

Nay kính,

D. Valisinha

Tổng-thư-ký Hội Maha Boddhi Calcutta

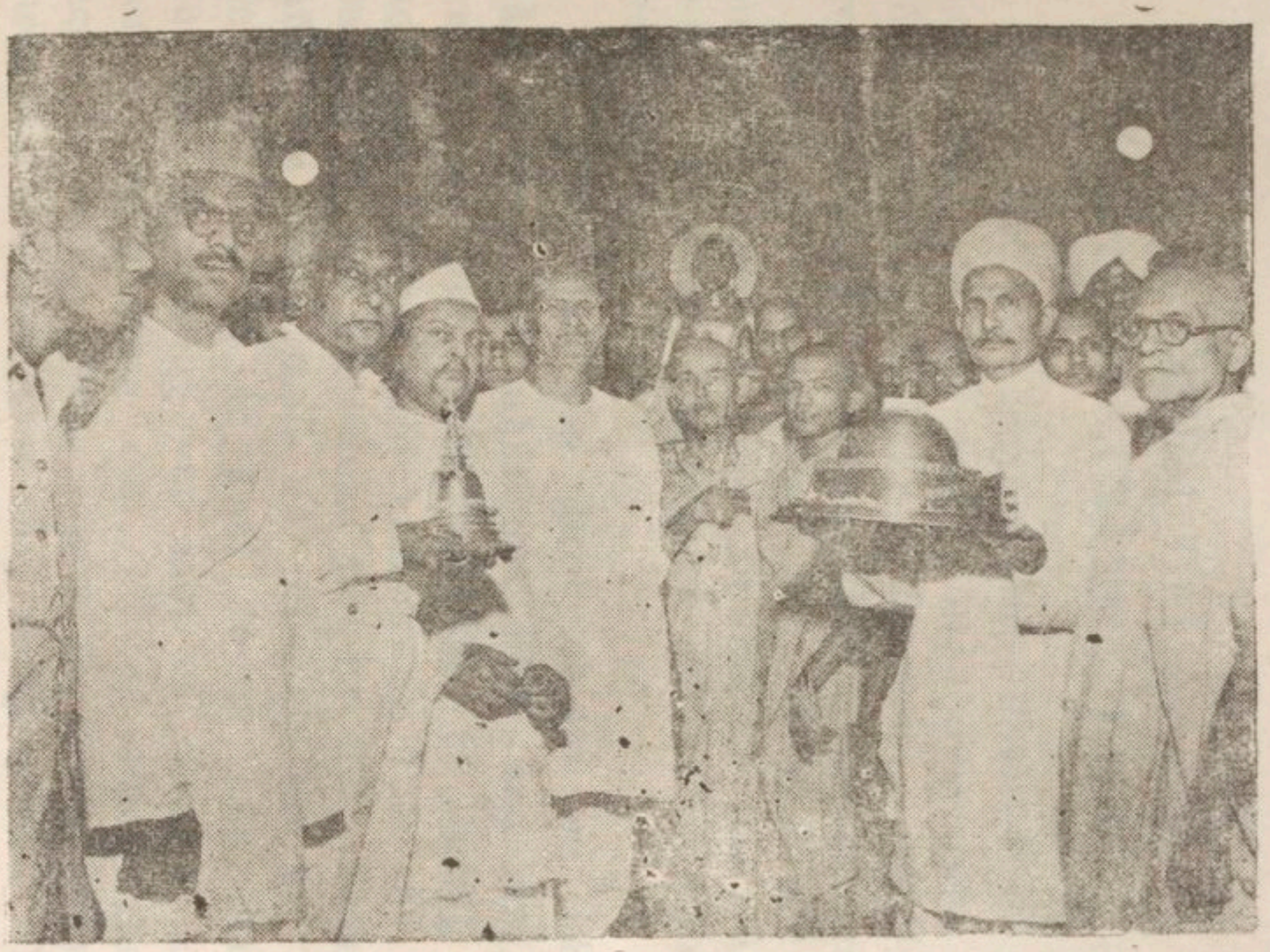

Nghênh tiếp Xá-Lợi

5. – CHIÊM BÁI XÁ-LỢI HAI VỊ THÁNH - TĂNG

Sau cuộc nói truyện giữa Phái - đoàn Phật-giáo chúng tôi với Ông Tổng-thư-ký, đến phút cuối cùng, Ông lại cho biết rằng : « *Mới rước được xá-lợi của hai vị thánh-tăng là Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên về chùa đây. Vậy 9 giờ sáng hôm nay, chư Tăng với Bản-hội sẽ làm lễ khai xá-lợi, xin mời Thượng-tọa với Phái đoàn lên chiêm bái* ».

Tôi thấy nói sắp được chiêm bái xá - lợi, phần thưởng thứ nhất của Phật ban cho. Gần nửa đời tu-hành chưa bao giờ có tưởng vọng được gặp những khối kim-cương thân ấy. Sáng hôm đó lại có Phái-đoàn Cao-Ly đến chiêm bái. Chúng tôi đang ngồi nói chuyện thì có người đến mời lên dự lễ khai xá-lợi. Lên đến nơi đều quỳ lễ, hướng vào một cái hình tròn tựa như cái mâm đồng con, nhưng chính thực ra đúc bằng vàng. Theo thước ta thông thủy một thước hai, có lan can chạy xung quanh, rồi đến một quãng có hai cái cột trụ để tiêu - biểu nơi vào sân tháp ; hai cái trụ của lan can kia nối liền với bẩy bực thang để lên bệ tháp. Trong bệ tháp còn có hàng lan can nữa vây lấy bệ tháp thứ hai, từ sân tháp đến bệ tháp thứ hai,

theo thước ta độ linh 5 tấc, đem cái chụp vàng đúc theo hình tháp cao bốn thước ta úp lại sẽ thành cây tháp vàng tròn cao linh bẩy tấc ta. Giữa bệ tháp thứ hai có hai đài sen hình tròn như cái hộp nhỏ đựng thuốc lào. Trên hai đài sen có hai cái trụ đội cho hai cái tựa như đồng hồ quả quít, chung quanh bằng vàng, hai mặt lồng kính. Xá-lợi để bên trong vì có kính trông rõ lắm. Tháp và hộp đựng xá-lợi mà ký-giả vừa kể trên đều do Hội ĐẠI-BỒ-ĐỀ mới sắm để tôn-nghiêm sau khi người ANH trả xá-lợi về AN-ĐỘ. Còn đến hình-thức Cổ-chế để đựng xá-lợi và xá-lợi to nhỏ thế nào Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã kê-cứu để giúp quý độc-giả sau đây :

TÀI LIỆU VỀ XÁ-LỢI CỦA HAI VỊ ĐỆ-TỬ PHẬT *XÁ-LỢI PHẤT và MỤC KIỀN-LIÊN*

Năm 1939, Hội Phật-giáo MAHA BODDHI ở Calcutta (Ấn-Độ) có điều-đình với Chính-phủ Anh-cát-lợi để xin rước về Ấn-Độ xá-lợi của hai vị A-la-hán SARIPUTTA (Xá-Lợi-Phất) và MOGGALANASA (Mục-Kiền-Liên).

Hồi đó đang trưng bầy ở Viện Bảo-tàng Victoria và Albert ở Luân-Đôn (kinh-đô của nước Anh-cát-lợi). Sau vì chiến tranh không tiện cho sự chuyên trở, nên việc đó phải hoãn lại. Đến năm 1945, Hội MAHA BODDHI tiếp tục can thiệp lại, và Chính-phủ Anh bằng lòng trao trả xá-lợi đó cho Ấn-Độ. Song vì dân chúng đảo TÍCH-LAN rất mộ Phật, nên xá-lợi của Ngài XÁ-LỢI-PHẤT và Ngài MỤC-KIỀN-LIÊN được đưa qua đảo TÍCH-LAN cho dân chúng chiêm-ngưỡng trước

khi đưa sang thờ ở NEW-DELHI (tân kinh-đô Ấn-Độ).

Xá lợi hai vị La-hán đó do Đại tướng CUNNINGHAM (người Anh) tìm thấy ở SANCHI xưa tên là VÉDISAGIRI, trên một ngọn đồi nhỏ ở gần thành VÉDISA tại AVANTI, nơi quê hương của nhiều tín-đồ nhà Phật, của vua ASOKA (A-Dục), của Hoàng-tử NAHINDA v. v...

Xá-lợi để trong hai hòm bằng đá mầu xám, trên có khắc chữ Phạm (Sariputta và Maha Moggalanasa). Hòm hình vuông, mỗi chiều độ 45 phân, nắp dầy độ 15 phân. Trong hòm bằng đá đặt về hướng Nam, lại còn một hòm nữa bằng đá trắng, rộng 15 phân, cao 75 phân. Bề mặt là một cái cóng bằng đất đen, đường kính 2 phân, dầy nửa phân, cái cóng ấy đã bị vỡ.

Bên cạnh hai chiếc hòm đó có hai miếng gỗ trầm. Trong hòm chỉ có một chiếc xương của vị La-hán SARIPUTTA (Xá-Lợi-Phất) dài độ 25 ly và 7 hạt ngọc trai, 7 hạt đó chắc chắn là những bảo-vật mà người ta thường đặt bên xá lợi các vị Phật, Thánh : 3 viên hạt trai, 3 viên ngọc và một viên pha-lê. Trong chiếc hòm đặt về phương Bắc, cũng lại có một cái hòm bằng đá nhỏ hơn hòm trước. Khi mới mở bề mặt trắng trông như phấn. Nhưng sau làn phấn đó mất đi và mầu cũng như hòm kia. Ở trong có hai cái xương của vị MOGGALANASA (Mục-Kiền-Liên), chiếc to chỉ dài độ một phân. Mặt trong cái nắp là một chữ viết bằng mực : Chữ XÁ trên nắp hòm đựng xương vị La-hán SARIPUTTA (Xá-Lợi-Phất) và chữ MA, trên nắp hòm đựng xương vị La-hán MOGGALANASA (Mục-Kiền-Liên). Phương hướng đặt hai hòm đó cũng không phải là không có ý nghĩa. Nguyên khi Đức Phật

ngồi xoay mặt về phương Đông, thì phương Nam ở bên phải Ngài mà phương Bắc ở bên trái. SÁ và MA là những đệ-tử gần cận nhất của Ngài, thường đứng bên phải và bên trái Ngài. Hai nắp hòm hiện để ở viện Bảo - tàng SANCHI.

Ngoài ra, ở SATADHARA, cách SANCHI độ 10 cây số, người ta còn tìm ra nhiều ngôi mộ Phật nữa. Ở đó cũng có hai hòm bằng đá, trên nắp cũng có chữ SARIPUTTARA và MAHA MOG-GALANASA.

Ngày 14 tháng 3 năm 1947, dân chúng đảo TÍCH-LAN đã cử-hành một lễ rất uy-nghi để đón các xá-lợi đó tới COLOMBO. Và đến cuối năm 1948, các xá-lợi đó đã được rước về đất ẤN-ĐỘ do Bác-sỹ NERHU, Thủ-tướng Ấn-Độ đón rước.

Bộ Quốc-gia Giáo-dục Việt-Nam

∴

Có người hỏi : « *Xá-lợi của mỗi vị chỉ có thế thôi ư ?* »

– Tôi không được biết rõ về phần xá-lợi của hai vị Thánh-tăng đây, nhưng theo chỗ tôi hiểu ở các kinh sách Phật nói về xá-lợi, thì sau khi đàn thiêu đã tắt, số xá-lợi thu được, phần nhiều đem chia đi các nơi để thờ, ít khi để một chỗ Tôi ngờ rằng đây cũng mới chỉ là một phần nào thôi.

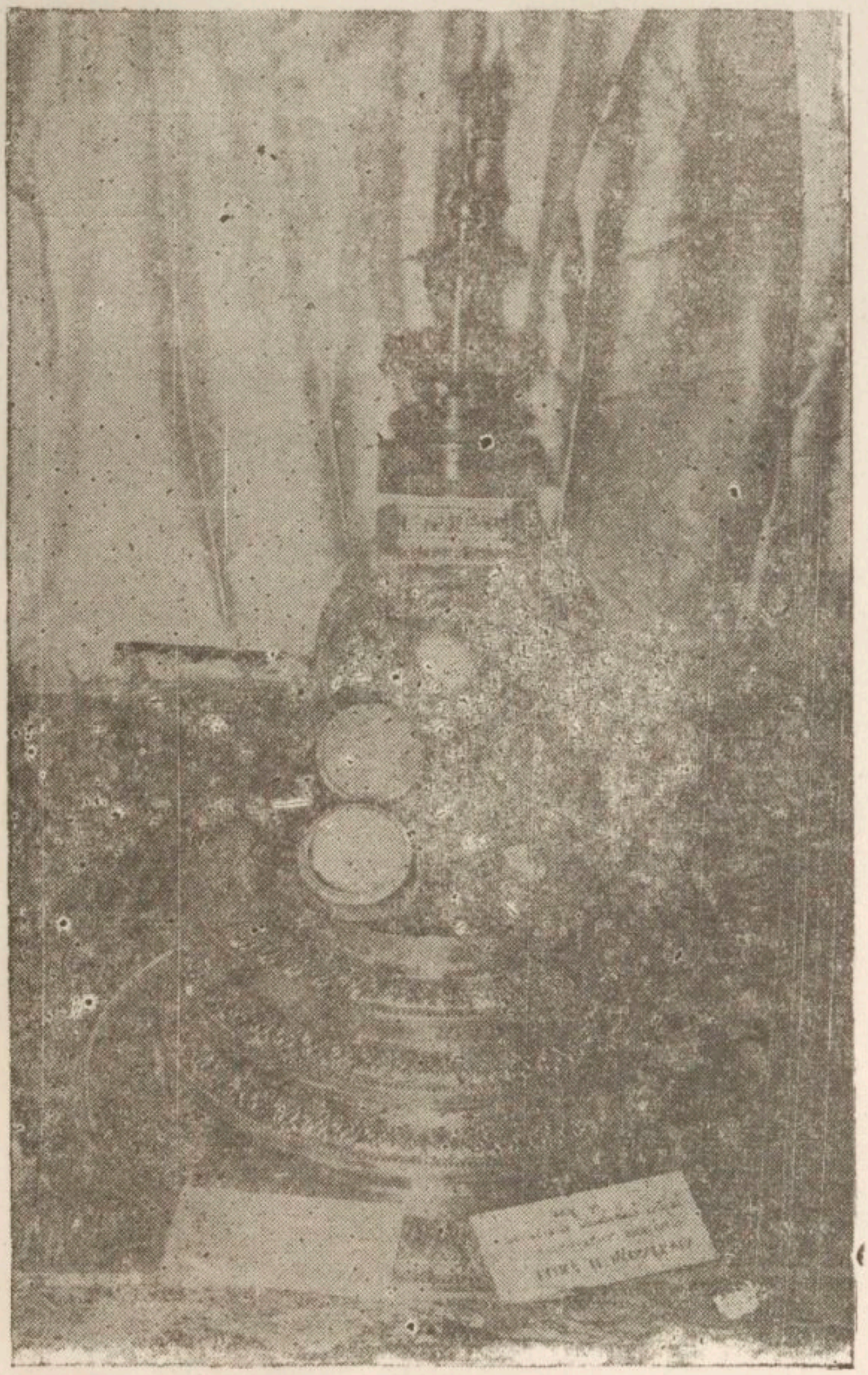

Bảo khí cổ đựng Sá-lỵ của 2 vị thánh tăng Sá-lỵ Phất, và Mục-kiền-Liên

6. — NGÀI THỦ-HIẾN BENGALE HỎI VỀ PHẬT-GIÁO VÀ CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

Lễ chiêm bái xá-lợi xong, Ngài Tổng Thư-ký lại cho biết rằng : « *Thủ-hiến xứ BENGALE (Băng-gan) hẹn 4 giờ chiều hôm nay sẽ tiếp chúng tôi* ». Đúng 4 giờ, ông Tổng thư-ký cùng đi với chúng tôi vào Phủ Thủ-hiến. Đến nơi lính gác cửa vào trình, Ngài Thủ-hiến ra cửa đón chào và mời chúng tôi vào công-đường nói chuyện. Ngài Thủ-hiến nói : « *Tôi tuy không chính-thức quy Phật, nhưng tôi rất tin Phật và rất mộ giáo-lý của Phật, vì Phật dạy : Hạng người nào cũng theo được.* » Ngài hỏi : « *Bên Việt-Nam cuộc chiến tranh Việt-Pháp đã yên chưa ?* »

— *Thưa Ngài, chưa yên !*

Ngài nói : « *Tôi đọc các báo có nói nhiều về sự đau khổ của dân Việt-Nam, nên tối nào tôi cũng cầu nguyện cho nền độc-lập của nước Việt-Nam sớm thực-hiện cho dân-tình đỡ khổ* ».

Những câu nói của Ngài Thủ-hiến BENGALE vừa nói xong, khiến cho tôi thêm để ý xem dung-mạo như thế nào, mà nói những câu thiết tha đối với dân Việt-Nam như vậy. Quả nhiên tai to, trán cao, mắt sáng, tiếng nói dõng-dạc, tầm người cao lớn, cả tướng-mạo đáng kính, vận bộ quần áo vải gai phơn-phớt trắng, biểu lộ

một tư-cách con người có vẻ trầm-tiềm, cương-nghị và nhân-từ, khiêm-tốn. Lúc mới tới, Ngài tiếp chúng tôi bằng cách vồn-vã và thâu-mật như tinh khế-hữu. Tôi nghĩ luôn, Ngài đã kính mộ giáo-lý của Phật, lại thân-mật với chư Tăng, cố nhiên có tư-tưởng mong cho thế-giới hòa-bình bằng cách không bạo-động. Như vậy, những câu mà Ngài tiếp chúng tôi thành-thực tự đáy lòng thốt ra.

Khi từ biệt, Ngài còn gọi linh hầu thân dẫn chúng tôi đi xem mọi nơi trong dinh Phủ. Nguyên đây là dinh của Phó-vương Anh hồi trước, cho nên sự rộng-rãi trang-nghiêm của nó có thể ngoài tri tưởng-tượng ; có những báu vật cổ kim nhiều không kể xiết mà phần nhiều là các báu vật của Vương-triều ngày xưa để lại.

Tiếp kiến Ngài Thủ-hiến xong, chúng tôi lại đến thăm Hội Phật-giáo Bengale tức là Hội Nghiên cứu Phật-học của địa-phương này. Vì không báo trước nên chúng tôi không được gặp Hòa-thượng trụ-trì. Nhưng có Ngài Hội-trưởng và nhân-viên thường-trực tiếp đãi chúng tôi theo lễ nhà Phật. Tôi có chuyển giao phong thư và hòm kinh của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO gửi biếu. Ông Chánh hội-trưởng thu nhận với những lời hết sức cảm động. Ông còn phàn-nàn là tại chúng tôi không cho biết trước để có sự tiếp đón xứng đáng.

Sự tổ-chức ở chùa Hội-quán này, tuy không được bằng chùa Đại-Bồ-Đề, nhưng ở đây có trường Tăng-học, hiện có hơn 30 vị Tăng-học đều do Hội này cung cấp.

7. — CƯ-SĨ BARUA CHO BIẾT VỀ TÌNH HÌNH PHẬT-GIÁO ẤN-ĐỘ

Tôi muốn biết về tình hình Phật-giáo hiện-tại ở ẤN-ĐỘ, nên ở Hội Nghiên-cứu Phật-học ra, liền nhờ Ông PHẠM-CHỬ thuê ô-tô, lấy cớ là mời Cư-sĩ BARUA đưa đi thăm phố để cho có cơ-hội hỏi được nhiều chuyện. Lên xe xong, với mấy câu chuyện phố phường chiếu lệ, ký-giả hỏi : « *Tôi nhận thấy ở ông có một lực-lượng học-vấn uyên-thâm, cả về thế-gian lẫn Phật pháp, với tư-tưởng thanh-tịnh thuần-túy như vậy, sao ông không xuất-gia ?* »

— Tôi không lập gia-đình là cốt để xuất-gia lúc nào cũng được dễ dàng. Tôi chưa xuất-gia mà vẫn ở chùa với Chư Tăng, là cốt để tập luyện tính-tình và lễ-độ thuyền-gia cho am-hiểu đã. Nhất là tôi còn làm Cư-Sỹ để được dễ-dàng đột-nhập vào đám quần-chúng mà tùy-duyên phương-tiện cảm-hóa họ, như mấy năm gần đây, tôi đã làm một số đông dân Ấn-Độ theo Phật-giáo.

Ông xem Phật-giáo ở Ấn-Độ có thể phục-hưng được không ?

— Ấn-Độ, là đệ nhất Tổ-quốc của Phật-giáo, hết vận-hội suy tất phải thịnh. Nhưng thịnh hay suy còn tùy ở Phật-Tử có trách nhiệm truyền giáo ở Ấn-Độ. Riêng tôi, tôi nhận thấy quốc hội Ấn-Độ lấy

tượng-hình Pháp-luân (bánh xe Pháp) của Phật-giáo làm nhãn hiệu chính giữa quốc-kỳ Ấn-Độ và người Anh-cát-Lợi đã trao trả xá-lợi của hai vị Thánh Tăng cho chính phủ Ấn. Hôm Bác Sĩ Nehru Thủ-Tướng Ấn qùy xuống đón hai bảo-vật thiêng-liêng ấy, có tới tám triệu người đến chiêm-bái. Đấy là tượng trưng Phật-Giáo có thể phục-hưng được ở Ấn-Độ.

— Giữa Phật-giáo với Ấn-Độ Giáo có thể dung-hòa được không ?

— Những nỗi yếu-hèn đau-khổ của Ấn-Độ từ xưa đến nay, phần nhiều vì Ấn-Độ nhiều Tôn giáo tranh-chấp nhau, để sinh ra vạ chia-rẽ dân-tộc, làm cho hao-mòn lực-lượng hùng-hậu đi. Ngày nay, nhờ vào sự cách-mệnh thành-công của Thánh Cam-Địa với phần lớn các nhà trí thức Ấn-Độ đã tỉnh ngộ, đã nhận chân là phải làm cho Phật-Giáo và Ấn-Độ giáo dung-hòa với nhau. Lại còn có một cớ, có thể là cớ chính của Ấn-Độ, phải dung hòa Tôn-Giáo để thực-hiện chủ-nghĩa bình-đẳng của Phật-Giáo mà phá cái chế độ giai cấp của Ấn-Độ Giáo, mới hòng giải thoát được cho 18 triệu dân nô-lệ.

— Hiện giờ Ấn-Độ có bao nhiêu chư Tăng Ni ?

— Chắc Thượng Tọa thừa hiểu rằng nhà chép sử Phật-Giáo ở Ấn-Độ đã phải gác bút từ đầu thế kỷ thứ 19, vì thế mà số Tăng, Ni ở Ấn-Độ riêng chỗ tôi biết thì chưa có mấy. Trái lại, ở Ấn-Độ có tới 1000 vị Tăng ở Tích-Lan sang đây để phục hưng Phật-giáo

— Dân số tín-ngưỡng duy-nhất về Phật-Giáo của Ấn-Độ được độ bao nhiêu ?

– Ước độ 15 triệu người.

— Người theo Ấn-Độ Giáo có hay đến chùa lễ không ?

— Nhiều lắm, ngay Ngài Hội-Trưởng Hội Đại Bồ Đề của chúng tôi đây chính là người theo Ấn-Độ Giáo.

— Theo chỗ tôi hiểu thì Ấn-Độ giáo là một danh từ tổng quát, nếu phân tách ra thì nó sẽ có 96 thứ Tôn phái. Những tôn phái tương-tự như Khổng-giáo, Lão-giáo ở Tầu thì còn có thể dung-hòa được với Phật-giáo. Nếu đem Phật-giáo mà dung-hòa với các Tôn phái do thần đạo thoát-thai từ Thái-cổ, đầy những sự mê-tín dị-đoan mà dung-hòa vào Phật-Giáo có còn được chân tướng không ? Và Phật-giáo còn đào-tạo làm sao được tín-đồ thuần-túy nữa ?

— Chân tướng Phật-giáo là ở lý sắc không, không sắc. Lý đó đã vì chúng-sinh xuất hiện ra là « từ bi cứu thế » Muốn cứu thế phải thực hành phương tiện. Chắc Thượng-Tọa còn nhớ Phật dạy : « Theo lòng mong cầu của chúng sinh mà làm lợi ích cho họ » trước nhất ta hãy dùng phép phương-tiện để làm cho lợi-ích chúng-sinh đi đã, rồi sau ta sẽ đưa họ tới chỗ thuần-túy tín ngưỡng. Nếu ta có cỗ ngon mà không cho người ta ăn, thì ai biết đến mỹ-vị của nó mà thèm-thuồng muốn ăn. Vả lại, số thuần túy tín-ngưỡng ở nước nào cũng vậy, chỉ được một số ít người có căn cơ lại có học-thức thôi. Còn hạng bình-thường sẽ tập quen mê-tín lâu đời nhất đán thay đổi ngay, khó-khăn lắm, nhưng họ có tín-ngưỡng còn hơn không !..,

Cuộc nói chuyện này đã lâu tới 2 tiếng đồng-hồ. Bấy giờ cũng đã hơn 8 giờ tối. Tôi bảo xe quay về để Ông PHẠM-CHỮ còn đi ăn cơm tối.

8. — MỘT VỊ ĐẠI-ĐỨC HỎI VỀ PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Một hôm về buổi tối, một vị Đại-Đức nguyên là Tiến-Sĩ xuất gia đến phòng của tôi nói là sẽ hướng dẫn phái đoàn Phật-giáo chúng tôi đi chiêm - bái các nơi Phật tích. Theo chương-trình thì phải đi tới mười ngày mới về. Tôi cám ơn và mời Đại-Đức ngồi nói chuyện.

Đại-Đức bắt đầu hỏi : *Việt-Nam theo Phật-Giáo Nam-phương hay Bắc-phương ?*

Tôi đoán là Đại-Đức muốn biết về lịch sử Phật-Giáo Việt-Nam mình, để khi đi hướng-đạo sẽ tiện việc nói chuyện với các Phật-Tử các nơi Phật-tích. Thôi ta cứ việc theo lời hỏi mà trả lời.

— *Bạch Đại-Đức, nếu theo về địa-lý thì Việt-Nam chúng tôi theo Phật - Giáo Bắc - phương, là vì kinh Phạm-tự truyền sang Bắc-phương, mà các kinh Phật ở Việt-Nam là theo kinh Tàu, mà kinh của Tàu đều dịch ở kinh Phạm-tự ra cả. Xem thế đủ thấy Phật-giáo Việt-Nam thuộc về Bắc-phương Phật-giáo. Theo chỗ tôi nhận xét, thì đem chia Phật-giáo Nam-phương ra làm tiểu thừa, Phật-giáo Bắc-phương là đại thừa chưa chắc đã là đúng. Vì Phật-giáo vốn có đủ Đại-thừa và Tiểu-thừa. Một chứng cớ rõ ràng, là những người mới vào đạo phải tu hành về phần tự giác, tự lợi đó là Tiểu - thừa, rồi sẽ đem phần tự-giác tự-lợi của mình ra làm mọi việc lợi-tha, giác-tha, thì là tôn-chỉ của Đại-thừa. Còn như Phật-giáo ở*

xứ nào thiên quá về một mặt là tại quan-niệm của người theo Phật-giáo ở địa-phương đó.

— Nếu vậy Phật-giáo Việt-nam là do Tàu truyền sang chứ không phải là do Ấn-Độ truyền sang ?

— Cuối thế-kỷ thứ 2 có Mậu-Bác Cư-Sỹ, vì tránh nạn mà sang Việt-Nam rồi truyền-bá Phật-giáo ở xứ chúng tôi, nhưng lúc đó mới chỉ có ảnh-hưởng một phần nào, chứ chưa có sự tổ chức cụ thể. Đến mãi năm 225, Ngài KHANG-TĂNG-HỘI là Cao-Tăng của Quý quốc sang Việt-Nam, bấy giờ Việt-Nam mới có Tăng chúng, Phật-giáo Việt-Nam mới có hệ-thống, tổ-chức do tăng-già lãnh đạo trách nhiệm truyền-giáo. Thế nên sau Ngài KHANG-TĂNG-HỘI còn có nhiều các Cao Tăng quý Quốc và Việt-Nam đi lại mật thiết với nhau về việc tu hành và truyền bá. Phật-giáo Việt-Nam lấy hệ thống Tăng-Già truyền giáo, nên từ xưa vẫn tôn thờ Ngài KHANG-TĂNG-HỘI là Sơ-Tổ truyền Phật-giáo sang Việt-Nam.

— Số Tăng, Ni ở Việt-Nam có được bao nhiêu ?

— Đích số thì tôi chưa biết rõ, nhưng ở Việt-Nam rất ít làng không có chùa, có làng lại có đến hai ba chùa. Mỗi chùa cả thày lẫn tiểu, ít nhất cũng tới ba người. Nhiều chùa có tới vài ba chục vị. Xem thế thì biết số Tăng, Ni ở Việt-Nam không phải là ít.

— Thượng-Tọa bao nhiêu tuổi mới xuất gia, tu ở chùa nào, thuộc về pháp phái nào ?

— Tôi xuất gia giữa năm 1903, tức là năm lên 13 tuổi, thụ nghiệp Hòa-thượng tôi tại chùa HƯƠNG-TÍCH ở tỉnh HÀ-ĐÔNG thuộc về pháp phái Lâm-Tế,

— Thượng-Tọa theo công-cuộc chấn-hưng Phật-giáo đã được bao nhiêu năm ?

— Đầu năm 1935, tôi đang tu-niệm ở chùa La-

sơn, bỗng bị nghiệp sư bắt ra giúp hội V. N. P. G. vì có một số các yếu nhân của Hội đó vào tận chùa Hương-Tích thỉnh cầu, nên Hòa-Thượng tôi bắt phải ra chùa Quán-Sứ để theo đuổi mục-đích chấn-hưng Phật-giáo, chẳng may tôi bị bệnh phải xin tạm nghỉ về chùa Côn-Sơn thuộc tỉnh Hải-dương điều trị, nhưng cũng không khỏi, sau lại phải ra bệnh-viện Hà-nội mổ giữa năm 1945 chính là năm nước chúng tôi bùng nổ cuộc cách-mệnh do Cụ Hồ-chí-Minh lãnh đạo.

Quốc-gia đã biến cố thì Tôn-giáo cũng bị ảnh-hưởng, giới xuất-gia chúng tôi lúc đó cũng đã phần nhiều lâm vào tình thế hết sức lộn-xộn rối-ren. Giữa lúc đó tôi mới mổ bao tử được 13 ngày. nhận thấy tình-thế nguy ngập đến thuyền môn, không thể ngồi yên được, đành phải khăn đai chét bụng ra khỏi bệnh-viện cùng với các bậc tu hành đồng-chí tìm phương bổ cứu. Một ban lâm thời tổ chức Phật-giáo thống nhất được thành lập, liền cử ra 7 phái đoàn chư Tăng theo một chương-trình cấp tốc trong 10 ngày đi khắp 13 tỉnh để chiêu tập Tăng-già để cùng thảo về vấn-đề thống nhất Phật-giáo đoàn kết Tăng-già, hết thảy đều hưởng ứng nhiệt - liệt, đã đi đến kết quả một kỳ Đại hội-đồng toàn-thể Tăng-già và các hội Phật ở Bắc-Việt. Hội nghị này đã duyệt y bản quyết-nghị nhằm vào mục đích điều-hòa các Hội Phật giáo, thực-hiện tinh-thần thống nhất Phật-giáo với một ủy ban Tăng-già Bắc-Bộ được cử ra lãnh trách nhiệm đó. Tôi được cử làm phó chủ tịch ủy ban này.

Công cuộc của Ủy-ban Tăng-già Bắc-Bộ đó đang tiến-triển thì cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, dân chúng và các Phật-Tử ở Hà-nội chạy loạn hầu hết còn mấy vị chúng tôi, tử, sinh phó mặc cho định-nghiệp, liều chết ở lại chùa Quán-Sứ. lẽ cố nhiên phải đương đầu với đầy thảm trạng đau thương, cũng đều trông cậy có Phật lực che chở cho qua cơn sóng gió

hết sức nguy-nan khủng khiếp mới còn đến ngày nay, lại hân hạnh được sang nước Phật đây để được gặp gỡ các Phật-Tử thế-Giới.

— Tình hình hoạt-động hiện-tại Phật-giáo Việt-Nam ra sao ?

— Về giới xuất-gia thì ở Bắc Việt và Trung-Việt đã có tổ-chức thành Tăng-Già giáo-hội, đều theo một mục-đích chỉnh-lý nội-bộ tu hành, còn những hội Phật-giáo có đủ cả tăng lẫn tục như HỘI-ĐẠI-BỒ-ĐỀ đây thì hiện thời có ba hội có ảnh hưởng lớn và cùng chung một tôn-chỉ phụng sự Tam-bảo, chấn-hưng Phật giáo, ngoài ra còn thực hiện tôn chỉ cứu-thế. làm các việc cứu-tế xã-hội nữa ».

∴

Sáng ngày mùng 9, ông Tổng thư-ký cho mời tôi và ông PHAM-CHỬ đến tư phòng, tôi nhân danh Hội Trưởng hội Tăng Ni Bắc-Việt kính biếu ông một tập báo Phương - Tiện và yêu cầu ông giúp đỡ bài vở cho báo Phương - Tiện. Ông rất vui vẻ nhận lời còn nói thêm rằng : « *Nếu tôi vì bận mà chưa kịp viết bài gửi sang, thì Thượng-tọa được tự do trích dịch những bài vở trong tạp chí Maha Boddhi của hội chúng tôi để đăng vào Phương Tiện.* » Tôi tỏ lời cảm ơn. Ngài nói : « *Đây là số sách báo của Hội chúng tôi biếu phái đoàn Phật - giáo.* » Ngài nói tiếp : « *Thượng-tọa muốn chụp ảnh Phật hoặc các pháp-bảo trên chùa đây, cứ việc gọi thợ ảnh đến cho họ làm. Còn như muốn mua phim thì để thư-thả tôi sẽ giúp, hiện bây giờ chưa tiện có.* »

Ngay lúc đó tôi liền gửi Ngài 1000 đồng roupies (theo tiền Đông-dương linh 4000$) để Ngài mua giúp các kinh sách báo-chí về Phật-giáo, nhận tiền xong, Ngài lại nói : « *Tôi đã bàn*

định với Ngài Hội-trưởng Hội chúng tôi để mời các Phật-tử địa-phương này đến 6 giờ chiều ngày 22 tháng 5 này đến tiếp Thượng-tọa và Phái-đoàn, xin Thượng-tọa sẽ diễn-giảng vào kỳ đó. Ngày mai, Thượng-tọa đi chiêm-bái, tôi đã cử một vị Đại-đức đi hướng-dẫn và đã báo cho các nơi biết, nhưng không nói sẽ đến đích vào ngày nào, vì đường từ nơi này đến nơi khác, hàng mấy trăm cây số một, mà lại đương mùa nắng-nực, e đến không đúng để nhỡ việc cho người ta, chắc điều đó Thượng-tọa cũng đồng ý.»

— « Ngài nghĩ thế thực chu đáo ». Tôi trả lời và hỏi thêm : « Ngày nào chúng tôi đi Colombo dự Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới ? »

— « Tôi đã biên thư đến ban Trị-sự của chi-hội chúng tôi ở đó và có gửi thư riêng cho ông RAJA HEWAVITARNE là Phó Hội-trưởng Hội MAHA BODDHI TÍCH-LAN để đón tiếp và sắp đặt nơi ăn nghỉ, cả bản đề-nghị lên Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới của Thượng-tọa, tôi cũng đã gửi đi rồi.

9. — CHIÊM BÁI BỒ-ĐỀ TRÀNG

Chư Tăng và ông Tổng Thư-ký Hội Đại-Bồ-đề đã sửa-soạn chương-trình đưa chúng tôi đi chiêm-bái các nơi Phật-tích.

Đúng 7 giờ tối mùng 10 tháng 5, ô-tô đến đón chúng tôi với Đại-đức hướng-đạo ra ga Houral lấy vé lên tầu. Đêm đó, chúng tôi phải ngủ ở tầu. Vì chúng tôi đi hạng nhất nên được rộng rãi, thư-thái lắm. Nhân dịp thư-thái, Đại-đức hướng-đạo có cho chúng tôi được nghe một đoạn lịch-sử Đức Phật-Tổ tu ở Bồ-đề-tràng như sau : « Đức THICH-CA khi còn ở nhà là Thái-tử TẤT-ĐẠT-ĐA, đã nhiều lần xin Phụ-vương đi xuất-gia không được, đến một đêm kia thanh vắng, Thái-tử bèn cưỡi ngựa vượt thành trốn vào tu ở Tuyết-sơn suốt 6 năm, ép xác quá khắc khổ, đến nỗi nhịn ăn, nhịn mặc, làm cho thân-thể gầy còm chỉ còn da bọc xương. Đã đến lúc Ngài không còn đủ sức-lực để tu nữa, lúc đó Đức Phật-mẫu ở trên cung trời thấy Ngài yếu quá, sợ đến chết mất. Phật-mẫu vội vàng tự trời xuống khóc than mà khuyên rằng : « *Nếu như Bồ-tát Ngài cứ tu ép sác quá như thế để cho mình gầy, sức yếu mãi đi thì còn hơi sức đâu mà tu-hành cho đến chứng được đạo quả* ». Nghe đức Phật-mẫu khuyên răn đã hết điều, Ngài mới đổi chi-hướng, bỏ Tuyết-sơn xuống Buddhagâya (xứ Bồ-đề-tràng)

xuống sông Ni-Liên tắm táp rồi lại mặc áo cũ rách vào mình, đi đến cây Bồ-đề, đương ngồi vá áo thì có ông VÔ-CẤU-QUANG là vua cõi Trời Tịnh-Cư trông thấy, liền đem cái áo Ca-sa xuống dâng. Lúc đó lại có Cô Nan-Đà đương đi chăn bò thấy Ngài gầy gò, liền về nấu cháo sữa đem ra dâng cúng. Ngài dùng xong, lại có người cắt cỏ đem cho một bó. Ngài đỡ lấy rải xuống gốc Bồ-đề, ngồi lên cương-quyết thề rằng : « *Ta lên ngồi đây tu thuyền mà không chứng được đạo quả, thề không bao giờ chịu bỏ cỗi Bồ-đề này mà đứng dậy* ». Vừa đứt lời thề, thì hào-quang ở đầu Ngài chiếu ra chói-lọi khắp mọi nơi, quả đất đã nhiều lần rung động làm cho bọn Ma-vương khủng-khiếp, chúng nó liền hô-hào kéo nhau đến, ra oai đánh đập, bắn chém tứ tung, toan bề hại Ngài, nhưng bao nhiêu gươm giáo, cung tên của bọn chúng đều biến ra hoa sen cả. Bọn Ma-vương vẫn chưa chịu, lại bảo nhau hóa phép ra làm mưa, làm bão tưởng chừng đến long trời, lở đất. Bỗng có Thần Hộ-pháp hóa rắn uốn khúc che kín cho Ngài. Nó cũng chưa chịu, lại càng bực tức hơn nữa, cùng nhau chạy về cung, Ma-vương lại cấp tốc sai con gái của chúng đem bộ sắc khuynh thành ra phô diễn đủ trò bỉ ổi, toan bề cám dỗ khiêu-động ái-tình của Ngài, kết-quả đều bị thần-lực của Ngài chuyển-biến cho các Ma nữ, yêu nữ, cô nào cũng hóa ra mặt bủng, môi nhợt, đầu bù, tóc rối, sau đều phải bảo nhau quỳ xuống xin Ngài mở lòng lân-mẫn cho được hoàn lại nhan sắc cũ, sẽ xin làm lễ quy-y.

Sở dĩ Ngài hàng-phục được bọn yêu-ma ác-nghiệt ấy, là vì chí-nguyện của Ngài chỉ lo-âu về

sự đau khổ của chúng-sinh, muốn tham thuyền để tìm đến cỗi nguồn của phép diệt trừ đau khổ mà cứu-độ chúng-sinh ra khỏi bể thảm thành sầu. Chí-nguyện bền vững ấy, đạo-lực mạnh-mẽ ấy, bọn Ma-vương quỷ-quái kia ám-hại làm sao cho nổi ?

Hàng-phục được bọn Ma-vương rồi, Ngài lại vào ngồi Đại-định vừa 48 ngày thì ngộ đạo. Vua Đế-Thích hiện xuống chào mừng và thỉnh Phật đi truyền đạo để cứu-độ chúng-sinh »,

∴

Tàu chạy suốt đêm cho đến 7 giờ sáng mới đến ga Thành Gâya. Từ đấy đến Bồ-đề-tràng là nơi Phật THÍCH-CA tu thành đạo còn 11 dặm Anh nữa, phải vào hàng com của sở Hỏa-xa điểm tâm. Ăn xong, tại ra ô-tô đến Trụ-sở chi-nhánh Hội Đại Bồ-đề ở Gâya. Vào uống nước, nói chuyện qua với cụ Trụ-trì ; Sư Cụ Trụ-trì cũng cùng đi với chúng tôi vào Bồ-đề-tràng.

Sư Cụ bản Tự nói : « *Ô-tô đi đây là chạy qua con đường sông Ni-Liên* ». Sư Cụ nói, tai tôi tuy có nghe, nhưng vẫn chăm chú để mắt nhìn tất cả cảnh-vật của nợi Phật-tích mà bản tâm tôi kinh-thờ, ngưỡng-vọng gần nửa đời tu-hành. Vì nơi đó có hàm-súc đầy sự huyền-bí, huyền-bi cả từ gốc cây ở mặt đất, cho đến vì sao ở trên trời. Chả thế mà Hoàng-tử TẤT-ĐẠT-ĐA tu khổ-hạnh dòng-dã sáu năm ở Tuyết-sơn không thấy chứng đạo quả, khi đến đây chỉ một lần tắm ở sông Ni-Liên, dùng một bát sữa của Mục-nữ, rồi tiến đến gốc cây Bồ-đề ngồi, suy nghĩ vừa 48 ngày, bỗng một sáng

mai thấy sao mai mọc mà ngộ đạo thành Phật.

Ôi ! Khu đất Bồ-đề-tràng sao rộng-rãi thế, bao-la có đến mấy mươi mẫu đất, thỉnh-thoảng lại nổi bật lên một khu cây-cối um-tùm che-phủ cho đám dân-cư giữa bãi cát vàng đương nắng như rang của nhiệt-độ.

Ô-tô vừa dừng bánh, một số thổ-dân cả già, trẻ, trai, gái chạy ra, nhưng không phải để đón chào mà là xem khách lạ, vì tôi ăn-vận phục-sức Tăng-già Việt-Nam, họ thích nhất là khi được nhìn thấy bộ răng đen của tôi, hóa nên tất cả đều chăm chú nhìn vào tôi. Tôi nghe thấy trong bọn họ có một người chỉ vào tôi hỏi Sư Cụ bản tự : « *Người này là thế nào ?* » -- « *Cũng tu hành như tôi* ». Bấy giờ họ mới chào.

Đến nơi, chúng tôi cùng tiến bước lên đồi. Tôi ngửng mặt trông lên Phật-điện và cây Đại Bồ-đề với tất cả cảnh-vật chung-quanh. Ôi ! Sao mà đồ-sộ, sầm-uất thế. Lúc đó tưởng chừng như mắt tôi được thấy bảo-tháp của Phật Đa-bảo hiện ra: nghe kinh Pháp-hoa trên hội Linh-sơn của đức THICH-CA còn tại thế. Vào đến gần Phật-điện, nhờ người trông hành-lý, ai nấy đều trút bỏ dép rồi mới được vào. Đến trước đài hương, ông Cẩn dâng hương, lại có ông già thổ-dân đem đến bán hoa, ông Chữ trả tiền, tôi đỡ lấy một tràng hoa dâng lên cúng Phật, theo lễ Ấn-độ tức là đeo vào cổ Phật, còn một nắng hoa nữa dâng ở bàn thờ. Tôi cũng như mọi vị đều quỳ lễ độ 10 phút, niệm hồng danh đức Bản-Sư THÍCH-CA.

Quả thực lúc đó tâm tôi thổn-thức, mắt tôi dơm-dớm, nhìn lên Chân-thân đức Thế-tôn. Tôi

không khẩn cầu với Từ-phụ một điều gì cả. Trái lại chỉ thấy tự hổ mà suy nghĩ rằng : *« Xưa Đức Thế-tôn cũng là người, sao Ngài sống với cuộc đời trong sạch sáng sủa ? Nay con cũng là người, mặc dầu đã theo Ngài xuất-gia mà vẫn sống chung với cuộc đời xấu-xa, tối-tăm mà người ta còn đương thi nhau đem màn ám-muội mà che-phủ cho tối mù-mịt thêm mãi đi. Ngài cũng là người tu, mà tu đến giác-ngộ chân-lý vũ-trụ, nhân-sinh. Con cũng là người có Phật-tính, có tu-hành, mà sao đối với chân-lý vũ-trụ nhân-sinh, con chỉ thấy tối như đêm dầy như đất.*

Trăm lậy, nghìn lậy Đức Thế-tôn, xin rủ lòng từ điểm-hóa cho con cùng chúng-sinh được giác-ngộ ».

Lúc đó rõ ràng thấy tôi có cảm-tưởng như nghe thấy lời Phật dạy rằng : *« Này Cùng-tử con ơi ! Ta đã cảm thấu lời của con vừa hối hận với thân-thế của con, ta cũng thương lắm rồi. Ta thương con thì những lời ta dạy bảo con đây, con cần phải suy nghĩ mà nhớ như chôn vào ruột đấy nhé Này con ơi ! Cõi trần-thế là nơi bể khổ, con còn nhớ không ? Quả đất này con đã có bao kiếp sinh ra cũng gửi ở nó, khi con chết đi cũng lại về với nó, con còn nhớ không ? Con đã có bao phen ở quả đất này làm loài cỏ cây đến làm loài cầm-thú, côn-trùng, cho đến khi làm người, khi vinh khi nhục, khi đắc, khi thất, gian-lao lận-đận với bao nhiêu trần-thế đau khổ, chưa chắc nước bể đã nhiều hơn nước mắt của con đã vẫy vùng khắp cõi với những đau thương khổ-não. Nếu con đã biết khổ lại cần phải biết dục-tâm, vọng-*

ý của con là cởi rễ khổ, con phải tức khắc chém chặt cho tiệt giống dục tâm, vọng-ý đi, như thế là con cũng được giác-ngộ và thoát khổ như từ-phụ của con đây Nếu con chỉ than thở thân là khổ, đời là khổ mà không chịu tinh-tiến nhẫn-nhục mà tu thân hành đạo, thì con còn khổ ».

Lễ tạ xong, đứng dậy, lúc ấy tôi mới dám để mắt nhìn trong lòng Phật-điện, chỗ tôi vừa lễ đây chỉ rộng bằng hai căn nhà thôi. Tượng Đức Thích-Ca ngự trên tòa Kim-cương, hai bên là tượng Di-Lặc Bồ-tát. Còn có một pho tượng đứng ở giữa mà đứng ở dưới đất. Sư cụ trụ-trì liền chỉ vào pho tượng đứng đó mà cho biết rằng : *Bồ-đề tràng này đã bị giáo Bà-la-môn chiếm một thời-gian, tượng Thần SI-HOA đứng đây là thần độc-tôn của họ. Nay tuy đã trả Bồ-đề tràng về Phật-giáo, nhưng họ viện cớ rằng Thần Si-Hoa của họ được thờ ở Phật-điện đây, cũng như các chùa thờ tượng Phạm-Thiên, Đế-Thích bên dưới tượng Phật vậy, Vì thế họ còn xin thờ tượng Thần SI-HOA dưới Phật-điện.*

Về phía sau Phật-điện lại còn có hai thánh-điện thờ tượng Ngài Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên, chúng tôi đều có tới dâng hương lễ. Lễ xong các nơi mới xuống dưới Tháp để nhìn xem các kỳ-công đệ nhất của Vua đệ nhất anh-hùng trong lịch-sử Ấn tức là Vua A-Dục. Ngài đã xây lên tòa Phật-điện ở đây và còn nhiều nơi có dấu vết của Phật Thích-Ca cả về quá-khứ lẫn hiện tại. Có lẽ các cảnh kỳ-quan của Phật-giáo thế giới phải để nhường tòa Phật-điện ở Bồ-Đề-Tràng là đệ nhất. Phật-điện cao gần 80 thước tây mà xây trên đồi. Từ đỉnh đến chân và

chung quanh, tứ phia đều bằng đá trạm trổ hình tượng Phật, Thánh và hình tượng bát-bộ Hộ-pháp, còn trạm trổ nhiều cảnh mỹ-thuật về Phật-giáo nữa. Còn có tới gần 1000 ngọn tháp vừa to vừa nhỏ ngọn có trạm trổ, ngọn để trơn, và còn nhiều thạch-khí, trạm thành hình pháp-khí, pháp-bảo để bầy xung quanh. Muốn xem để nhận xét cho hiểu biết phải mất một thời-gian khá lâu, và phải có nhiều người học rộng về Phật-giáo mới có thể hiểu biết được các điển-tích xây tạc ở đây.

Sau chúng tôi ra chiêm-bái tòa Kim-cương ở bên cây Bồ-đề về phia sau tòa Phật-điện. Ở đây cũng có tượng Đức Thich-Ca ngồi, nhưng tượng tạc liền vào một tảng đá lớn rồi xây liền vào vách đá ở phia sau Phật-điện chứ không tạc ngồi vào tòa Kim-cương. Tòa Kim-cương này tôi có đo theo thước ta, chiều dài 5 thước, chiều rộng 3 thước, trong lòng để trơn, chung quanh trạm, tựa như hình cái sập trạm bóng.

Theo lời Phật dạy : « Vị Bổ-sứ Bồ-tát nào khi xuống Sa-bà để nối ngôi Giáo-chủ, cũng đều đến tòa Kim-cương này ngồi tu phép Đại-định cho đến chứng đạo thành Phật mới lên nối ngôi Giáo-chủ cõi Sa-bà », Chư Phật trước Phật Thích-Ca và sau Phật Thích-Ca đều tu-hành thành Phật ở tòa Kim-cương này. Thế nên, mặc dầu bao thuở phong-sương, bao lần ba-đào đến long trời lở đất, làm cho cõi trần-thế nghiêng ngả, tòa Kim-cương này cũng vẫn còn ở nguyên. Đó chẳng là chân-tướng cửa lý " *bất sinh, bất diệt* " ư ?

Đến cây Bồ-đề, trông hình dạng ngoài vỏ

cây, hơi chăng trắng lại vàng-vàng, lá xanh và mượt, tán nó dương xanh ngắt tận chín từng trời, rườm-rà, âm-u khắp khu đất để che vào tòa Kim-cương là di-tích thiêng-liêng bất diệt. Sư cụ bản-tự cho biết rằng : « *Cái gốc to kia mới chính là cây Bồ-đề che phong sương, mưa nắng cho Đức Thích-Ca thuyền-định đến giác-ngộ đáng tiếc không còn, bởi vì trước đây giặc Hung-nô sang xâm chiếm Ấn-Độ, tàn phá chùa tháp. Chúa họ là Ca-Xăng-Ca (Cacanka) hạ lệnh đến phá chùa giết sãi và chặt cây Bồ-đề của Phật ngồi tu đi rồi. Cây Bồ-đề này đây chỉ là cái nhánh của nó mọc lên đấy thôi. Qua bốn thời xuân, hạ, thu, đông cũng đều xanh tốt âm-u như thế này cả. Chỉ có đến ngày kỷ-niệm Đức Phật tịch-diệt là nó ủ-dũ, rầu-rĩ, rồi trút rụng đi hết cả lá, nhưng chỉ qua ngày lễ là lại đều đàm lộc, chừng tuần lễ, cành nào cành ấy đều lại mượt-mà, sin-sít như thường* ».

Sư cụ trụ-trì nói tiếp : « *Lịch-sử Phật Tổ Thích-Ca có nói : Khi Đức Phật Thích-Ca chứng đạo thành Phật, Ngài phóng hào-quang chiếu đến cõi trời Đại-Phạm. Vua cõi trời ấy có chiêu-tập các vị thiên-nhân mà bảo rằng : Thái-tử Tất-Đạt-Đa tu đạo Bồ-tát ở dưới cây Bồ-đề, nay Ngài đã chứng được đạo chính-đẳng, chính-giác là đạo sáng-suốt hết thảy mọi lẽ. Ngài đã đem đạo ấy may làm áo nhẫn-nhục, đúc làm gươm trí-tuệ, hàng phục hết bọn Ma-vương rồi, nay Ngài đương quay bánh xe pháp để vận chở chung-sinh lên ngàn giác. Chúng ta tuy có phúc sinh ở thiên-giới, làm người giỏi nhưng đối với Phật thì vẫn còn là chúng-sinh, nay gặp được hội Ngài thuyết-pháp, thực là hiếm có. Vậy nay chúng*

ta phải đến để chiêm-bái, cúng-dàng uy-dung của Ngài.

Xưa Công-chúa Sanghamitta chiết cành Bồ-đề ở đây đem sang Tích-Lan chao tay cho một vị Lão-tăng đem giồng, đến nay cây Bồ-đề đó đã thành một cảnh Phật-tích nổi danh với hoàn-cầu của đạo Phật Tích-Lan. Kế đến một Phật-tử ở Tích-Lan lại chiết cành ở cây Bồ-đề bên đó đem sang Ấn-Độ giồng ở vườn Lộc-uyển. Cây Bồ-đề ở Lộc uyển hiện giờ cũng đã lớn đầy hai người vầng ».

Lúc ấy ký-giả có một cảm-tưởng tựa hồ như cây Bồ-đề nó đương bảo rằng : « *Này khán-giả ! Núi Tuyết-sơn kia là nơi hiểm trở, rét mướt độc nhất của dẫy Hy-mã-lạp-sơn, lại là cảnh âm-u, tĩnh-mịch nhất của nhà tu-hành, thế mà Đức Thế-tôn tu ở Tuyết-sơn không chứng đạo quả. Còn như giống cây Bồ-đề ở Ấn-Độ đây, có thể nhiều như giống cây "đa" ở xứ khán-giả, mà nó lại mọc ngay ở giữa cánh đồng bãi cát nóng cũng không khỏi náo-nhiệt của hoàn-cảnh, thế mà Đức Thích-Ca tu ở dưới gốc cây này lại giác-ngộ* ». Nhự thế có phải đức Phật Ngài muốn biểu-thị cho khán-giả biết rằng : « *Ngài không phải là ông Hoàng độc nhất tu thành Phật, Ngài cũng không phải là thần, thánh độc nhất hóa thành Phật. Ngài cũng như số hằng sa chúng-sinh có Phật-tính, Ngài chỉ đem một Phật-tính như ai mà tu thành Phật đó* ».

Dưới đây là do cảm tưởng của ký-giả ngâm bài tức cảnh :

Thích-Ca thành đạo ở nơi này,
Thế-giới ba nghìn, Giác ngạn đây.
Kìa gốc Bồ-Đề tòa Phật chứng,

Này ngôi Bảo-Điện tháp vua xây.
Khơi nguồn bát-nhã sông Ni rót,
Dẫn mạch từ-bi núi Thứu vây.
Giáo-Tổ vì đời nêu cõi giác.
Cho người kim, cổ biết đường ngay.

Tôi hỏi sư cụ bản-tự :

— *Bạch Cụ, bên gốc Bồ-Đề này trước đây có pho Tượng Đức Quán-Âm Bồ-Tát bằng đá to lắm, tương truyền rằng : hễ khi nào tượng Ngài chìm xuống thì đạo Phật không còn ở Ấn-Độ nữa. Đầu thế kỷ thứ sáu, Thầy Đường Tăng đến đây chiêm bái cũng đã chìm đến ngực, từ ấy đến nay đã bao thế-kỷ rồi, pho tượng đá cố nhiên không còn nữa, nhưng Cụ có biết chìm xuống chỗ nào, xin chỉ giáo cho biết ».*

Sư Cụ đáp :

— *« Tôi cũng thấy truyền tụng như thế, nhưng cũng không biết chìm xuống chỗ nào cả. Nhưng Thượng-tọa có biết tại làm sao lại chìm thế nhỉ ?»*

— *Bạch Cụ ! Đức Quán-Âm Bồ-Tát có phát nguyện giúp Đức THÍCH-CA mà hóa độ chúng-sinh cả cõi Sa-bà này ; Một khi mà nước nào còn có tâm niệm đến Ngài thì Ngài còn ứng hiện, nếu không tâm niệm đến Ngài thì Ngài không ứng hiện nữa thế nên tượng Ngài vừa chìm đi hết là Phật-giáo không còn ở Ấn-Độ nữa ».*

Đại-Đức hướng đạo chobiết rằng : *« Bồ-Đề tràng này trước đây còn đang bị giáo Bà-la-Môn chiếm, các Phật-tử thế giới tuy không ra mặt tranh đấu với họ bằng cách bạo động, cũng không cậy thế lực đòi lại cơ nghiệp của Đức Giáo Tổ. Nhưng mấy ngôi chùa của Phật-tử Ấn-Độ, Trung-Hoa Nhật-Bản và Tây-Tạng đều làm lên ở chung quanh kia, đều là có công nghiệp duy-trì Bồ-Đề tràng này. Bác-Sỹ PRASAD là Tổng-thống Ấn-Độ hiện thời, cảm thấy trí*

cương quyết duy-trì Bồ-Đề-tràng của Phật-tử mấy nước đó nên ngài nói can thiệp đòi lại cho ».

Tôi nói tiếp : « *Có lẽ Phật-tổ còn thương chúng-sinh, nên giữa lúc ngọn Đuốc-tuệ của Ngài bị lu mờ, tiếng cứu thế của Ngài bị im-lim ở xứ này mà các Phật tử ở Thế-giới cứ điềm-nhiên trong hoàn-cảnh, ở đâu biết đấy : « Cha chung không ai khóc » để mặc cho người ta chiếm đoạt tổ-nghiệp, thì nhục nhã biết dường nào ! Chúng ta ngày nay khỏi mang cái nhục ấy là nhờ có chư Tăng mấy nước kể trên đã làm lên mấy ngôi chùa đó để duy-trì, xin Đại-Đức dẫn chúng tôi đến để nhân danh Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam tỏ chút lòng kính phục* ».

Nhờ có Đại-đức Hướng-đạo nên chúng tôi đến chùa nào, chư Tăng cũng lấy tình đồng-đạo tiếp đãi rất quý hóa. Ngôi chùa chúng tôi đến cuối cùng là ngôi chùa thuộc về chư Tăng Tây-Tạng. Chúng tôi đến chỉ có hai Sư bác ra tiếp, còn Sư cụ chủ với chư Tăng đang tụng-niệm khóa ngọ. Vốn biết phần đông chư Tăng Tây-Tạng tu theo Mật-tôn tức là môn tu thần-thông, tôi có ý đi tìm Sư cụ chủ để cầu Ngài chỉ-giáo cho môn trì-chú. Thực đáng tiếc cho tôi còn vô-duyên với Mật-tôn, nên khi đến phòng thấy Ngài đương ngồi thẳng-thắn với nét mặt vẳng-lặng, cặp môi đang rung động với trang thần-chú, tôi vội vã lui ra, đến xem bộ kinh Tây-Tạng bọc ngoài một vuông vải vàng. Tôi xin với Sư bác cho giở ra xem. Bộ kinh này theo thước ta, chiều dài tới thước bẩy, rộng 7 tấc, còn có đến mấy trăm bộ kinh đều bọc vóc, nhiễu để vào hai tủ kính thờ ngay trên Phật-điện.

Ông PHẠM-CHỮ đến cho tôi biết đã hết giờ

của buổi chiêm-bái Bồ-Đề-Tràng. Buộc lòng tôi phải nhờ Sư bác chuyển lời kính chào Sư cụ rồi theo Phái-đoàn ra ô-tô. Về đến Trụ-sở Hội Phật-giáo Gâya đã 11 giờ trưa, nghỉ ngơi một chút lại phải ra hàng cơm của nhà Ga ăn cơm ngọ, để đi cho kịp chuyến tầu 2g50 đến Ba-la-nại.

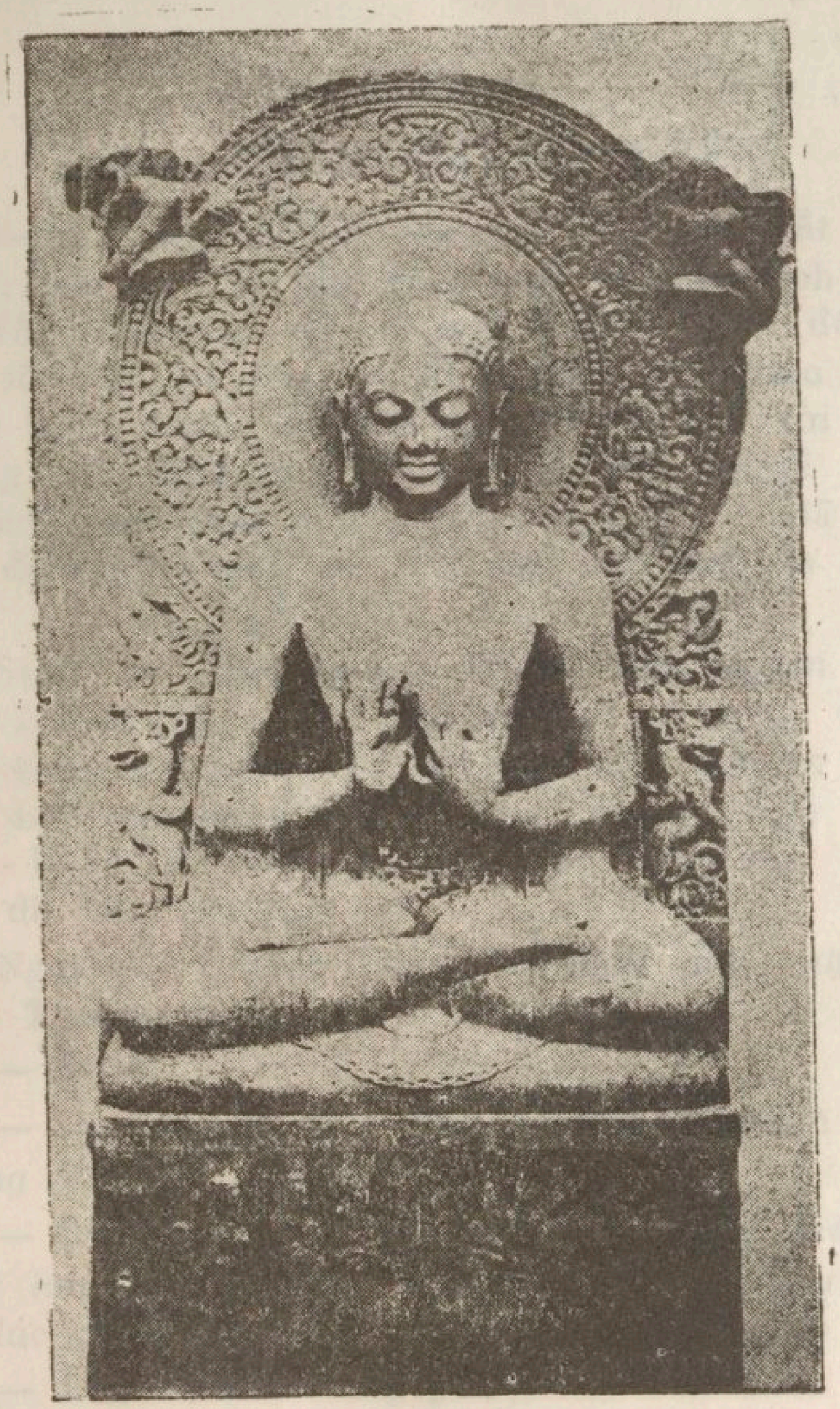

Tượng Đức bản sư Thích-Ca tạc theo kiểu chuyển xe pháp Tứ-đế ở Lộc-uyển.

10. — CHIÊM BÁI LỘC-UYỂN

Đúng 3 giờ chiều, tầu hỏa ở Gâya bắt đầu chạy, mãi đến 10 giờ đêm mới đến ga tỉnh BA-LA-NẠI (Bénarès) đã có ô-tô đón sẵn. Đi độ 10 cây số nữa thì đến Trụ-sở Chi-hội Phật-giáo Lộc-Uyển cũng thuộc về Hội Đại-Bồ-Đề. Vào tới nơi, chúng tôi uống nước vội vàng, rồi xin đi chào chiếu-lệ cho phải phép, xong, đi nghỉ, vì đã phải hai đêm nằm tầu, ai nấy đều mỏi mệt và buồn ngủ.

Sáng ra, Hòa-thượng trụ-trì cho người mời đến trai-đường. Ngài tiếp chúng tôi ngay trong bữa điểm-tâm sáng nay. Mở đầu câu chuyện Ngài cho biết quê-quán ở Tich-Lan, sang trụ-trì chùa Lộc - Uyển đã được 25 năm rồi, năm nay xuân thu đã năm mươi.

Ngài hỏi : *Chư Tăng Việt-Nam đều mặc áo như Thượng-tọa ư ?*

— *Vâng.*

— *Sao không mặc Pháp-y luôn ở mình như chúng tôi ?*

— *Chư Tăng Việt-Nam phần nhiều ở nhà quê phải làm việc, nên không tiện mặc Pháp-y, chỉ có lúc lễ Phật, tụng kinh mới mặc.*

— *Làm sao có Pháp-y ?*

— *Do các thầy Giới-sư truyền-thụ trong khi thụ-giới.*

— Pháp thụ-giới ở Việt-Nam thế nào ?

— Ở nơi nào có nhiều chư Tăng tu-hành thì phải mời mười vị giới-hạnh cao cả, nơi nào ít thì mời năm vị. Các Thầy được mời đó sẽ kết đàn làm phép theo luật Phật dạy mà truyền giới và ban áo cà-sa cho.

— Chư Tăng Việt-Nam có kết-hạ an-cư không ?

— Nhiều lắm.

— Chư Tăng Việt-Nam có tu thuyền-định không ?

— Về các đời Đinh, Lê, Lý, Trần phần nhiều tu thuyền-định, nhưng hiện thời phép tu thuyền ở Việt-Nam đã thất truyền.

— Nếu vậy thì không có môn tu nào nữa sao ?

— Còn có môn tu Tịnh-độ là môn tu niệm Phật, nếu niệm được nhất tâm thì cũng như tu thuyền.

— Bạch Hòa-thượng — tôi hỏi lại : *Ở đây có ruộng không ?*

— Khu Lộc-Uyển này có vô số ruộng, nhưng để mặc người bản-xứ họ làm họ ăn, mình đi tu để làm Đạo chứ có đi tu để làm ruộng đâu.

— Không làm ruộng lấy gì mà ăn ?

— Cứ làm Đạo tự nhiên đủ ăn, không làm Đạo mà chỉ đi làm ruộng, dù có cũng chưa chắc đã giữ được mà ăn.

Đối với Hòa-thượng này, tôi đã nhận được ở ngài thổ-lộ ra nhiều câu có đầy tư-tưởng cao xa. Thấy tôi điềm-tâm có vẻ uể-oải, Hòa-thượng liền pha trò :

— Tuy chúng ta ăn chay, nhưng cũng cần phải ăn khỏe mới có đủ lực-lượng mà tranh-đấu cho Phật-pháp chứ ?

— *Vâng, phải đấy, nhưng tiểu-đệ xin nối lời thêm :*

« *Phải tu khỏe nữa mới đủ tinh-thần tranh-đấu cho Phật-pháp* ». Tất cả Tăng, Tục trong bữa điểm-tâm này đều nẩy ra những nụ cười tươi-tắn.

Điểm-tâm xong, ra ngoạn cảnh, thì ra hôm qua Phái-đoàn Phật-giáo chúng tôi ngủ ở trung-tâm ba tòa nhà gác tất cả có tới 74 gian, kiến-trúc theo kiểu « Tinh-xá ». Hòa-thượng trụ-trì cho biết rằng : Ông vua thương-mại hiện thời của Ấn-Độ là Birla (Biếc-La) tự xuất gia-tài làm nên tòa tinh-xá này cung-tiến cho hội Đại-Bồ-Đề để làm trường Phật-học. Trong nội-dung ba tòa nhà gác này, chia làm nhiều ngăn. Ngăn để chư Tăng thường-trụ ở, ngăn để khách Tăng đến ở, ngăn làm trường Tăng-học v. v... Ngoài ra còn có nhiều nhà phụ-tùng khác nữa. Cách xếp-đặt rất khéo, đây chính là trụ-sở của hội Phật-giáo Lộc-uyển lại là trường Phật-học của hội Đại-Bồ-Đề. Vì tháng này nóng-nực quá, chư Tăng học-sinh đều đi kết Hạ ở các chùa khác. Ở khu nhà tinh-xá đây không có Phật-điện như các nơi, vì tòa Phật-điện đã có ở giữa Lộc-uyển chỉ cách đây độ vài trăm thước tây.

Tôi đương ngoạn cảnh thì có người mời đi ra Phật-điện chiêm-bái. Khi đến Phật-điện, nghi-thức lễ-bái cũng như ở Bồ-Đề-Tràng. Tòa Phật-điện ở Lộc-uyển này là do hội Đại-Bồ-Đề làm lên, chứ không phải có tự cổ, nhưng cũng kiến-trúc tựa như tòa Phật-điện ở Bồ-Đề-Tràng. Tòa Phật-điện mới này chính giữa cao độ 50 thước tây, còn tòa Bái-đường có thể để cho

vài trăm người lễ-bái và ngồi nghe giảng được, rồi đến hai tòa « Chung-lâu », « Cổ-các » đều cao độ 40 thước tây, bên ngoài tiếp liền với tòa Chấn-môn, lại thành ra hình tòa Tam-quan, làm theo kiểu kiến-trúc này đẹp lắm.

Chính giữa Phật-điện, chỉ thờ có một tòa tượng THÍCH-CA ngự trên tòa Sư-tử đá, trạm chổ theo điển-tích Phật chuyển pháp-luân ở vườn Lộc-uyển. Chính giữa trạm bánh xe có hai con hươu quỳ chung-quanh, bên ngoài là các Ngài : KIỀU-TRẦN-NHƯ, năm vị Đại A-La-Hán ngồi nghe Phật nói pháp Tứ-đế : Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Bấy giờ chúng tôi mới đi xem các di-tích ở Lộc-uyển. Khi còn ở Phật-điện trông ra đã thấy một quả núi cao ngất trời mà cũng chẳng ra núi đất, cũng chẳng ra núi gạch, khi đến nơi, thì trời ôi ! phong-xương ác-nghiệt của thời-gian đã vạc đẽo và bọn giặc-giã tàn-bạo đã cả gan tàn-phá gần hết tòa Bảo-tháp bằng đá trạm-chổ, đủ thiên hình vạn trạng, chỉ thỉnh-thoảng còn lại vài tảng đá đeo bám vào mỗi chỗ, thực đáng buồn thay cho nơi Phật-tích mà cũng phải chung với kiếp vận bể dâu !

Đại-đức hướng-đạo cho biết rằng : « Vua A-Dục xây ở Lộc-uyển này hai ngọn Bảo-tháp, một ngọn cách đây độ hai cây số, ngọn ấy xây để kỷ-niệm chính chỗ của Thánh-Tăng KIỀU-TRẦN-NHƯ với bốn vị bạn của Ngài khi thấy Phật bỏ lối tu quá khắc-khổ, đi ra tu theo Trung-đạo, nên cả năm thầy đều bỏ Phật đến đấy tu khổ-hạnh, tức là vẫn kiên-trí tu theo phép tiểu-thừa là lối tu quá ư ép sác. Khi Phật THÍCH-CA thành đạo rồi, Ngài liền

đi tìm năm vị để giáo-hóa, khi đến đấy là gặp. Còn ngọn Bảo-tháp này xây lên để kỷ-niệm chính nơi mà đức THÍCH-CA tìm thấy 5 vị đem đến đây mới thuyết-pháp « Tứ-đế ». Ngọn Bảo-tháp này còn có xá-lợi của Phật, ngọn kia họ đào phá tứ-tung ra để lấy đi mất hết rồi ». Nghe nói động tâm, tôi gần xa lệ. Nhưng hải cố chấn-tĩnh để tìm xem những quý-vật ở ngọn Đại-bảo-tháp này bọn giặc phá ra đem đi đâu mất cả ? Đại-đức Hướng-đạo biết tôi đương suy-nghĩ cố ý tìm-tòi những cái gì thiêng-liêng, huyền-bí mà đức Phật Ngài đã cho đứa con lạc-loài của Ngài được thấy ở ngoài Bồ-đề-tràng hôm qua, liền nói với tôi : « *Này Thượng tọa, ở sông Hằng có cái cầu xây toàn bằng đá trạm-chổ là do ông Chúa ác-nghiệp phá lấy ở tháp đây đem ra xây đấy. Nhưng đây mới là xem Phật tháp bị tàn-phá, bây giờ chúng ta đến xem Phật-điện, Tăng-đường còn di-tích của lịch-sử Phật-giáo huy-hoàng mà nay đều bị tan-hoang* ».

Đi độ vài trăm thước, đến một khu độ ngót hai mẫu ta, toàn thấy những chân tường xây bằng gạch chỉ còn có sát mặt đất mà ăn sâu đến bầy thước ta, đều có đường đi thông với nhau, thỉnh-thoảng lại có một chỗ độ bằng chiếc chiếu thụt vào. Đại-đức hướng-đạo hỏi : « *Thượng-tọa có biết kiểu nhà Tăng làm có Thuyền hốt không ?* »

— *Tôi có biết ! Những chổ lõm vào bằng chiếc chiếu kia chứ gì ?* » Tôi chỉ lên cái nhà bằng kẽm đằng sau có cái cột đá đứng dựng to lắm, mà đã gẫy một nửa, người ta mới làm hàng rào sắt để ngăn. Hỏi : « *Đây là gì ?* »

— Đây chính là Sư-tử-tọa của Phật ngồi để thuyết-pháp khi còn tại thế. Sợ lâu ngày mưa trôi mất dấu tích, nên phải làm nhà kẽm để che. Cột đá kia cũng của A-dục-vương xây để ghi khắc lời đức THÍCH-CA di-chúc rằng : « Sau này đức Di-Lặc ra đời khi tu thành Phật, Ngài cũng lại ra thuyết-pháp độ-sinh lần đầu tiên ở Lộc-uyển này.

— Khu Lộc-uyển rộng độ bao nhiêu ?

— Chu-vi tới 50 dặm Anh (90 cây số), chung quanh có 3 cái hồ, khi Phật còn tại thế, Ngài thường tắm ở một hồ, giặt y-phục ở một hồ và rửa bình-bát ở một hồ. Khu đất này thỉnh-thoảng lại nổi lên một quả đồi và nhiều cây-cối. Đại-đức nói tiếp : *Thượng-tọa chèo lên chóp quả đồi kia mà xem, sẽ thấy cảnh-trí đẹp, thiên-nhiên của nơi Phật-tích ».* Tôi liền đi một mình lên mặt quả đồi. thấy còn rất nhiều tảng đá trạm-chổ vất ngổn-ngang dưới rừng cây um-tùm. Tôi ngắm xem tất cả cảnh Phật-tích bao-la man-mác đã để lại bao nhiêu dấu vết tàn-phá của phong-xương và của những quân giặc Hung giặc Hồi. Càng thấy cảnh, lòng càng thổn-thức. Bài tôi vịnh tức cảnh dưới đây, chính là muốn miêu tả lúc đương uất-ức với hai bọn giặc tàn-ác vô-đạo :

Càng nhìn Lộc-uyển Phật trường xưa,
Toàn thấy lòng đau với lệ sa.
Rào sắt rêu phong tòa Tứ-đế,
Vườn hiêu cỏ rậm lối Tam-thừa.
Nhà Tăng hết đã cây chen đá,
Dấu Phật còn chăng Tháp với Hồ,
Cảnh ấy lòng này hương một nén,
Pháp-luân mau chuyển chúng-sinh chờ.

Khắp nền nhà Tăng ở Lộc-Uyển, nay chỉ còn là những cây mọc trên các đống đá

Ký-giả đương bồi hồi thổn thức, thì Đại-Đức hướng-đạo đột-ngột làm dật nẩy mình lên bằng câu hỏi : « *Có lẽ Thượng-tọa đương thổn-thức với cảnh-vật tiều-tụy của nơi Phật-tích này lắm thi phải ?* »

– Vâng, tôi đương ảo-não lắm, tôi tưởng người tôi không phải là loài mộc-thạch, đối với nơi Phật-tích bị tan-hoang sụp-đổ này, ai mà không súc-động ?

Hỏi : — *Sáng tạo ra nơi Phật-điện vô-biên công-đức này, cũng là do một người có quyền-hành độc-nhất, đến khi hạ-thủ phá-hoại đi, cũng lại do một người có quyền-hành độc-nhất. Thượng-tọa có thấy Đức-Phật đối với người ấy ra sao không ?*

Đáp : — *Vua Lương-Vũ làm chùa để xương-minh đạo Phật, Pháp, Tăng, được hưởng-phúc ở thiên-đường. Vua Chu-Vũ đuổi Tăng phá chùa để toan phá đạo Phật, Pháp, Tăng, phải chịu tội ở địa-ngục. Vua A-Dục tu-tạo nên Phật Trường này, Vua Xa-sang Ca giết Tăng chúng, phá-hoại Phật Trường này, tất nhiên cũng như Lương-Vũ và Chu-Vũ, ấy là cái lẽ định đoạt của nhân-quả phải theo thiện tâm với ác tâm của người đời mà thưởng phạt. Còn đến Đức Phật ngài đối với người tu-tạo, người phá-hoại, Ngài đều vô tâm cả. Ngài chỉ cho người tu-tạo, người phá-hoại cũng như hai con chim sẻ húc núi Tu-di mà thôi. Vì tu-tạo, đạo ngài cũng vẫn còn, đến phá-hoại, đạo Ngài cũng vẫn còn, cũng tỷ như núi Tu-Di có bao giờ siêu-đổ với sức húc của con chim sẻ.*

– Thượng-tọa có dám nhận nơi này là chân thật Phật-địa không ?

— Bàn về lý Phật tức Tâm-địa thì tôi không nhận, còn bàn về tông-tích Phật-địa ở nơi này thì tôi quả-quyết nhận. Về tâm-lý thì Phật dậy : « người đời không được say-mê nơi giả-ảnh và giả-cảnh mặc dầu cảnh-vật và hình ảnh ở vào phạm-vi hình-thức nào. Phật cho rằng : Tất cả muôn hình vạn trạng ở đời đều là giả-cảnh hay là giả-ảnh ráo, vì thế mà tôi không nhận nơi này là chân-thực Phật-địa, trái lại chỉ nhận tâm tôi là chân-thực Phật-địa.

Bàn về Phật-tích thì hiện tất cả Phật-tử thế-giới đều một lòng ngưỡng-mộ về nơi Phật-tích này vì nó có một giá trị thiêng-liêng của Phật giáo, khiến cho người đời thấy cảnh phát-tâm rồi tu-hành đến « minh-tâm kiến-tính thành Phật » được. Giữa chúng tôi đây, hẳn ai cũng nhớ câu « Mượn cảnh chùa, Tượng Phật mà tu-trì cho đến minh-tâm : « Giả hương-đài sắc tướng dĩ minh tâm ».

Ông PHẠM-CHỬ vừa thông-ngôn xong, liền cho tôi trông đồng-hồ ở tay, thì ra đã gần 12 giờ rồi, liền cùng nhau vội-vã về Hội-quán thụ ngọ kẻo Hòa-Thượng cùng Chư-tăng đợi.

Dùng cơm xong, đương ngồi uống nước thì Hòa-thượng trụ-trì thốt nhiên hỏi : «*Thượng-tọa thấy lịch-sử Phật-tổ Thích-Ca nói về nơi Lộc-uyển này thế nào, xin cho chúng tôi nghe với ?* » Nghe hỏi tôi lấy làm e-lệ quá, vì tôi không nhớ hết, vả lại, không biết chỗ lịch-sử tôi học nó có giống với Hòa-thượng Ngài biết không ? vì sách Phật-giáo nói về lịch-sử Đức Thế-tôn nhiều lắm. Nhưng thôi « đem chuông đi đấm nước ngoài » dù chẳng kêu ta cũng cứ đấm, dẫu chẳng cầu vinh nhưng cũng gỡ cho khỏi nhục vì dốt. Nghĩ thầm thế rồi Ký-giả liền đáp :

— Bạch Hòa Thượng, tôi xin kể sơ-lược, nếu có sai lầm xin Ngài chỉ-giáo thêm cho.

Một hôm, vua cõi giời Đại-Phạm cùng với rất nhiều thiên-nhân cùng đến chốn Phật thành-đạo, lễ xuống sát chân Phật mà bạch rằng : « Bạch Đức Thế-Tôn, Ngài chỉ vì chúng-sinh, đau khổ mà phải xuất-gia cầu đạo để diệt trừ cõi rễ đau khổ cho chúng-sinh, nay Ngài đã thành Phật, xin Ngài mau chuyển xe pháp nhiệm-mầu để giáo hóa cho chúng-sinh. Chúng-sinh đương mong chờ nghe pháp của Ngài không khác gì người đương đói mong được ăn, đương tối mong được sáng ».

Bấy giờ Đức Thế-tôn nhận nhời thỉnh-pháp của vua Phạm-Thiên, mới đi tới vườn Lộc-uyển đây để tìm năm ông đệ-tử trước cùng tu với Ngài là : Kiều-Trần-Như, A-Thấp-Bà, Bạt-Đà, Ma-Ha-Nam và Thập-lực Ca-Diếp. Đến nơi tìm thấy đủ cả năm ông. Phật liền chuyển xe pháp Tứ-đế mà giáo-hóa rằng : « Này lũ các ông Kiều-trần Như ! các ông nên biết rằng : Năm uẩn là sắc, thụ, tưởng, hành, thức ở thân con người ta, nó mà nồng-nàn quá là bị khổ, sinh là khổ, già là khổ, ốm là khổ, chết là khổ, yêu nhau mà phải biệt-ly là khổ, ghét nhau mà cứ phải gặp nhau là khổ, muốn gì mà cầu cạnh không được là khổ, đương vẻ-vang sung sướng mà bỗng mất là khổ, hết thảy chúng sinh đều không biết đến cõi rễ khổ mà trừ diệt đi, nên cứ phải khổ luân-hồi mãi mãi. Này lũ các ông Kiều-trần-Như, đời người là khổ, các ông nên biết, các sự phiền-não Tham, Sân, Si, là cái nhân nẩy ra mọi quả khổ, các ông nên đoạn trừ, cõi tịch diệt (vắng lặng) là cõi sung-sướng nhất các ông nên chứng, đạo Bồ-Đề là đạo giải thoát, các ông nên tu đi ». Phật vừa giáo-hóa xong năm ông bỗng thấy tự tâm chứng được đạo quả A-La-Hán, tức là lên ngôi Thánh cao

nhất hàng thánh của Tiểu-thừa.

Sở dĩ có ngôi Tam-Bảo là bắt đầu từ đấy, Đức Như-Lai Đại-giác là ngôi Phật-Bảo ; bốn phép diệu đế : Khổ, Tập, Diệt, Đạo là ngôi pháp-bảo ; năm vị A-la-Hán vừa nói trên là ngôi Tăng-bảo. Nói tóm lại thì Lộc Uyển đây là nơi Tam-Bảo-địa mở ra trước nhất của Đức Giáo-chủ Thích-Ca và của cả Phật-tử thế giới ».

Đến chiều, tôi xem ý cả Phái-đoàn đều có vẻ mệt mỏi, vì đi nhiều và thức đêm giữa lúc tiết trời nóng-nực quá, mới cùng nhau bàn ở lại đây nghỉ-ngơi một ngày mai nữa, rồi sẽ lại đi chiêm-bái nơi khác,

Chiều hôm ấy, mãi đến 5 giờ, một vị Đại-đức ở Hội-quán đưa chúng tôi ra xem viện Bảo-tàng. Đi độ 500 thước tây thì đến. Lấy vé vào cửa rồi ai nấy đi xem tự-do. Viện này ngày trước người Anh trông coi mới trả lại cho Chính-phủ Ấn-Độ, Viện Bảo tàng này khác hẳn với Viện Bảo-tàng ở nơi khác, vì toàn có đồi đá và có đến 7/10 là di-tích về Phật-giáo ở các ngọn chùa tháp thuộc về các nơi Phật-tích mà bọn giặc lấy đi không hết người ta đem về để ở đây. Ba tòa nhà có tới 20 gian rộng, ngăn đôi thành 40 gian. Bất cứ vật di-tích lớn nhỏ đều để trong viện này mà đều đề chữ Anh đánh dấu niên-lịch sáng tạo ra các bảo vật đó. Chúng tôi chỉ xem lượt qua cũng đã hết hai tiếng đồng-hồ. Nếu muốn xem để nhận-xét kỹ-lưỡng phải hết đến tuần-lễ, mà phải có lực học Phật rộng lắm mới hiểu hết điển-tích.

Sáng hôm sau chúng tôi lại đi xem các cơ-quan Từ-thiện của Hội Đại Bồ-đề đã thực-

hiện được nhiều tôn-chỉ từ-bi, phương-tiện để giúp ích cho dân-chúng xứ này.

Phật-tử chúng ta ai cũng phải phục về mục-đích truyền-bá về văn-hóa ở đây. Mặc dầu là nơi Phật-tích, nhưng chỉ là nơi thôn-quê, dân cư cũng không lấy gì làm đông, thế mà Hòa-thượng trụ-trì ngài tổ-chức nên Thư-viện về Phật-giáo rộng bằng 4 căn nhà, đều có tủ kính kê vây khắp cả. Tủ nào bên trong cũng đựng đầy kinh, sách, có bàn ghế đầy-đủ để cho độc-giả ngồi. Bên cạnh Thư-viện lại có trường học dạy theo Chương-trình Chính-phủ Ấn cũng do Hòa-thượng sáng-lập nên, có đủ các lớp Tiểu-học và Trung-học. Các Giáo-sư toàn là Phật-tử phụ-trách. Chúng tôi đương xem trường học lại có người rủ ra xem phòng phát thuốc làm phúc. Đến nơi thấy có nhiều người cầm chai lọ đến xin thuốc. Tôi vào chào vị y-sĩ cũng là Phật-tử, tôi liền hỏi : *« Mỗi ngày có độ bao nhiêu người đến xin thuốc, và tiền mua thuốc lấy ở đâu ? »*

-- *« Trung-bình mỗi ngày có 100 người đến xin thuốc. Tiền mua thuốc để phát, đều do các Hội-viên Hội Đại Bồ-đề góp nguyệt-liễm và các nhà từ-tâm giúp »*. Lúc đó tôi cảm-động quá với tấm lòng vàng của các nhà mộ Phật xứ này, đã biết mộ Phật bằng thực-tế, mới bảo ông PHẠM-CHỮ khi về dâng Hòa-thượng trụ-trì 200 roupies (tính theo tiền Đông-Dương linh 800$). Đi qua phòng phát thuốc một quãng, lại đến bệnh-viện cũng để làm phúc, cũng do Hòa-thượng trụ-trì đứng ra kiến-trúc, nhưng độ hai tháng nữa thì mới làm xong.

Thực ra hai hôm nay tôi rất buồn-rầu về hiện-tượng tiêu-điều tan-tác của cảnh Lộc-

uyển. Đến đây được thấy Hội Đại Bồ-đề thực-hiện được cơ-quan từ-thiện để phụng-sự nhân-loại ở Lộc-uyển, do Hòa-thượng trụ-trì lãnh-đạo, ngài đã thực-hiện được lòng từ-bi của Đức Phật ra làm công việc cứu-tế mà tôi đã mục-kích. Tôi tin rằng: Nếu những việc «pháp thí, tài thí» này mà tiếp tục được mãi, thì nơi Phật-tích này, có thể phục-hưng được một cách rất nhanh chóng. Lúc đó tôi thấy tâm-thần vui-vẻ, liền tức cảnh:

Đạo có người làm, Đạo mới hay,
Này Bồ-Đề Hội thực-hành đây.
Học-đường dạy trẻ thêm công tiến,
Thư-viện cung đời đủ sách hay.
Phòng phát thuốc không, tiền Hội chịu.
Nhà thương làm phúc, đất Chùa xây.
Cứu dân độ-thế noi gương Phật,
Phật ở lòng người mãi mãi đây

11. — CHIÊM-BÁI SONG-LÂM

Từ Lộc-uyển đến Song-lâm, nếu đi tầu hỏa phải lên ga tỉnh Ba-la-nại. Vì muốn xem cảnh tượng kinh-đô của các Tôn-giáo ở Ba-la-nại, nên 5 giờ chiều chúng tôi ở Lộc-uyển, ra Ba-la-nại, đến đây, chúng tôi đi xem cả bằng đường bộ lẫn đường thủy cho đến 9 giờ rưỡi mới lấy vé. Đúng 10 giờ tầu chuyển bánh, với con đường hơn 300 cây số, cho đến 7 giờ sáng hôm sau mới đến ga Gorupua, xuống ga vào hàng điểm tâm xong lại ra ô-tô đi đến 80 cây số nữa mới đến Song-lâm là nơi Đức Phật tịch.

May sao vừa xuống xe thì gặp được vị sư Ni người Tàu chừng độ 30 tuổi, thấy chúng tôi liền ra vái chào hết sức mừng rỡ, mời đón vào Chùa thì thấy đương tu tạo rở-dang, gỗ lạt còn bỏ ngổn-ngang, xem phong-cảnh thì Chùa này cũng nghèo, nhưng lễ-độ cư-sử của người đối với chúng tôi thật đáng phục, chúng tôi gửi hành-lý rồi ra chiêm-bái. Ra khỏi cửa Chùa đã trông thấy Phật-điện và Bảo-tháp

Theo nhời Đại-đức hướng-đạo : « *Vì Đức Phật Thích-Ca tịch ở đây, nên có nhiều xá-lợi của Phật để trong bảo-tháp này* ». Mực thước bảo-tháp này cũng ngang với bảo-tháp bên Lộc-Uyển, mà vẫn còn nguyên vẹn, lại được Chính-

phủ Ấn mới tu sửa lại những chỗ hư hỏng. Bên dưới chân tháp có Phật-điện. Phật-điện ở Song-Lâm, mặc dầu có tu bổ lại, nhưng không đồ-sộ nguy-nga như các nơi khác, vẫn giữ nguyên khung-khổ của một cái lăng cổ, xây vuông chạy dài độ 7, 8 thước tây, trên đỉnh có mấy cấp giống như bậc lên, có một cửa đi vào để lễ Phật. Cửa nhỏ hẹp chỉ đi lọt hai người. Tôi mặc áo cà-sa sẵn, đến nơi quỳ lễ ngay chứ chưa dám nhìn lên. Xong ba lễ, tôi vẫn quỳ để toan khẩn cầu, bỗng thấy tâm-hồn hồi-hộp, nước mắt chay quanh. Tại sao lại cảm-động mau thế ? Vì tôi vừa thấy tượng Từ-phụ Thích-Ca nằm mở mắt như khi còn hiện-tại, tưởng chừng như Ngài nhìn vào tôi, đầy vẻ từ-bi lân-mẫn, không khác ông bố nhìn nhận đứa con yêu mới đi đâu về. Lúc đó đối với Phật tôi cứ nhìn vào mắt Ngài tựa như đứa con hư-hỏng, chót dại bỏ cha đi " tha phương cầu thực ", nếm trải bao nhiêu phong-trần cay đắng, trải qua biết bao cảnh-thế nổi chìm, ngày nay mới quay về với thân-phụ. Tâm tôi càng súc-động thì mắt tôi càng chăm-chú nhìn Ngài. Tôi bỗng khóc òa lên mà than rằng :

« *Từ-phụ của con ơi ! Khi Từ-phụ còn ở đời thuyết pháp mầu, tế-độ chúng sinh, thì đứa con của Từ-phụ này còn đương bị lưới phiền-não vây phủ chân-tâm, tự tạo lấy giây nghiệp-báo để trói trằng trong bao kiếp luân-hồi khổ-não. Nay con đã được làm người, lại nhờ có thiện-duyên xuất-gia học đạo của Từ-phụ, thì Từ-phụ, lại đã tịch đi hơn hai ngàn năm rồi, thật đau-đớn cho con biết nhường nào. Hôm nay đây, con được đến thăm dấu vết cũ của Từ-phụ, chiêm bái trước*

sắc thân của Từ-phụ, con thiết-tha dâng lên Từ-phụ tất cả lòng thành kính lẫn mối đau-khổ của con và chúng-sinh, dám mong mắt trí bao la, lòng từ quảng-đại của Từ-phụ lân-mẫn xét soi ».

Lúc tôi còn đương ủ-rũ quỳ trước mặt Phật mà khóc than, bỗng cảm-tưởng như nghe thấy những câu an-ủi từ miệng vàng của Từ-phụ nói ra rằng :

« Này con ạ ! Ta xưa cũng đều phải theo luật biến thiên, nghĩa là cũng như con nay, đã có hợp thì phải có tan, có sống thì phải có chết ; nhưng sống là gửi mà chết là về. Thân ta tuy đã về cõi Niết-bàn vô-biên giải-thoát, nhưng đạo-lý của ta vẫn còn khắp thế-gian, đạo của ta tức là thân của ta đấy, lại là thân của con đấy. Nếu con biết thương thân bao nhiêu, lại càng phải lấy đạo của ta mà dùi mài lấy thân bấy nhiêu. Con nghe nhời ta, thực hành đạo của ta, quyết nhiên lúc nào con cũng vẫn thấy thân ta. Nghe nhời ta, con sẽ độ được con và chúng-sinh, tức là ta độ con và độ chúng-sinh đấy con ạ ! »

Không biết ai khéo ra mẫu cho thợ tượng mà họ tạc tượng Phật giống như in thế. Tượng Phật nằm gối lên khuỷu tay của Ngài mà lại mở mắt, hai con mắt giống như nụ sen xanh, nét mặt y như trăng rằm, thân Phật dài trượng sáu. Toàn thân Phật đều phủ kín bằng một bức gấm hoa, chỉ để hở có hai bả vai với hai bàn chân thôi. Phật nằm trên tòa đá. Trạm trổ toàn những hình-ảnh bi-ai như lúc sắp vào Niết-bàn. Buồn thảm nhất là hai tượng Ngài Ca-Diếp và A-Nan, là hai đệ-tử nhất nhì của Phật. Tượng hai vị đều quỳ khóc lóc bên tòa lúc mà Đức Phật

Ngài sắp nhập diệt. Tôi còn đương quỳ để chiêm ngưỡng mặc-niệm, thì bỗng có khách vào lễ, đành phải vái tạ đứng lên. Nhưng tôi còn đi vòng quanh tòa Phật nằm, tôi lại đánh bạo khẽ lật cả bức gấm phủ lên trên tượng Phật ra để xem. Xem vừa xong, thì bài Tán tượng Phật của tôi cũng xong, lại ra nghiêm-trang đọc trước mặt Phật :

Ba cõi Đạo-sư hiện tại còn,
Ngửa trông Đại-giác Thích-Ca Tôn.
Ba hai tướng báu y như đúc,
Trượng sáu thân vàng hệt đỗ khuôn.
Mặt nguyệt hình-dung bao phúc-tuệ,
Mắt sen thấu đáo mấy càn-khôn.
Chẹn hương khấn trước tòa Từ-phụ,
Tế-độ quần-sinh lẫn chúng con.

Xưa kia Đức Phật tịch rồi, còn lập Hỏa-đàn để làm lễ phần-thân, tức là làm lễ thiêu rồi lấy xá-lợi rước vào tháp, còn bao nhiêu tro tàn đều để vào ngôi tháp ở nơi làm lễ phần thân mà chúng tôi sắp đến nơi chiêm-bái bây giờ đây.

Từ Phật-điện tới hỏa-đàn còn phải đi qua một cánh đồng dài độ ba cây số. Mặc dầu đương nắng như thiêu như đốt của giữa trưa mùa hạ, chúng tôi cũng cố đi đến. Còn cách độ một cây số nữa, đã thấy cảnh hỏa-đàn um-tùm, tôi cứ tưởng hỏa-đàn ở trên một quả núi giữa cánh đồng, nhưng đến nơi thì lại là núi gạch của cây bảo-tháp bị tàn phá còn lại, phần nhiều gạch đã hóa ra đất, người ta đem giồng lên đỉnh nó hai cây Bồ-đề, hiện thời hai cây đã tỏa ra thành cây bảo-cái thiên-nhiên rườm-rà che phủ cho cả quả núi gạch đất tới ba sào

ruộng. Dấu vết của người ta đào phá ra để tìm xá-lợi còn để lại suốt bên này sang bên kia giữa bảo-tháp, ai là con Phật đến nơi này trông thấy cũng phải mủi lòng sa lệ.

Chúng tôi lên đến nơi, thấy một cánh cửa bằng sắt tây, buộc vào cái cột bằng cành củi khô chôn xuống đất, mà cánh cửa thì đóng. Một mảnh giấy đỏ đề chữ Hán rằng : « XUẤT HÀNH TĂNG PHẬT TUỆ », nghĩa là : « *Khi ra đến đường phải làm cho đạo Phật thêm sáng-sủa* ». Bên trong cánh cửa hiện ra một gian nhà cỏ đã cũ kỹ ở lọt vào gốc cây bồ-đề.

Bốn chữ Hán với gian nhà cỏ ấy, khiến cho ký-giả đoán chắc thể nào cũng lại có một vị xuất-trần hiền-tăng người Trung-Hoa hay Nhật-Bản bế-quan tu thuyền ở đấy. Chúng tôi còn đương ngồi nghỉ ở gốc cây bồ-đề thứ hai ở bên ngoài, bỗng nghe thấy oang-oang tiếng thổ-đồng của vị Lão-tăng người Trung-Hoa từ trong cổng ra. Chúng tôi ai nấy đều vội vã đứng cả dậy, kinh cẩn vái chào và bạch thực rằng : « *Chúng tôi là Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam đến chiêm bái* ».

Vị Lão-tăng tỏ vẻ hoan-hỷ lắm. Ngài toàn dùng tiếng Ấn-Độ nói với người thổ-dân đi cùng chúng tôi rằng : « *Bần-tăng ở đây chỉ có một mình thôi, không có nhà cửa, bàn ghế gì để mời quý-khách vào nghỉ, cũng không có tiểu-tăng đâu mà sai đun nước, xin mời các vị ngồi nghỉ chỗ cũ, để bần-tăng đi lấy bầu nước lã ra đãi quý-khách* ».

Ngài vừa vào qua cánh cổng, đã xách ngay ra một bình nước giếng mà người ta mới xách lên cho, với mấy cái bát sành mời chúng tôi uống nước. Ngài đứng nói chuyện với chúng tôi

đến hơn nửa giờ, cứ luôn mồm nói nói, cười cười rất vui-vẻ mà đạo vị. Ngài còn cho biết rằng : « *Khi tôi (vẫn là ngài), 31 tuổi, từ Trung-Hoa sang đây chiêm-bái, thấy các nơi Phật-tích ở khắp Ấn-Độ này đều bị vật đổi sao rời, vì phong sương, vì giặc-giã đã tàn phá, nhất là ngôi mộ của Đức Giáo-tổ chúng ta đây, bấy giờ còn tan hoang, bừa bãi lắm. Tôi lo các người ngoại-đạo cũng như các người du-lịch trên thế-giới họ phê-bình đến số Trưởng-tử của đấng Từ-phụ là chư Tăng, Ni chúng ta quên mất mồ cha đi khóc đống mối. Sau khi chiêm-bái xong trở về Trung-Hoa, tôi nhất quyết bỏ học, trốn thầy tôi sang ở đây, từ bấy đến nay đã được 25 năm rồi. Thổ dân ở đây người ta cho mỗi ngày một bữa cơm dưa muối, nhưng không bao giờ tôi phải nghĩ đến sự tôi đói cơm rách áo nơi đất khách quê người, chỉ một niềm gửi thân hoa cỏ cho được sớm khuya hương khói ở đây thờ cúng nơi phần-mộ của Đức Từ-phụ* ».

Lão-tăng hoan-hỷ là đời tu của người đã báo hiếu được đấng Từ-phụ, nên trong khi Ngài nói ra những câu cay đắng, sót-sa, mà nét mặt vẫn vui-vẻ tươi cười. Riêng ký-giả nghe thấy thấm-thía, mủi lòng sa lệ, bảo ông PHẠM-CHỮ dâng kính Ngài một món tiền. Người thổ-dân vội gạt đi nói :

— « *Chớ ! chớ ! Lão-tăng từ khi đến tu ở đây, không hề cầm lấy tiền của ai cho bao giờ, chỉ có ai đưa đến cho gạo, củi, rau, muối thì Ngài mới nhận* ».

Ký-giả hỏi người thổ-dân :

— *Thế người có hay đi vào các làng không ?*

— Có, nhưng thỉnh thoảng thôi.

— Người xuống làm gì ? Và có ai cho gì, lúc đó người có lấy không ?

— Lần nào xuống, Ngài cũng chỉ đi giáo-hóa, ai cho gì cũng không lấy và bảo : « Nếu cho lão thức ăn, xin quá bộ đem đến am cho, chớ lão không tiện mang ».

Câu chuyện đã dài, lão-tăng liền mời chúng tôi đi ngoạn cảnh để người vào thụ-trai kẻo quá ngọ. Tôi mừng thầm rằng sẽ lại được chứng-kiến bữa ăn khổ-hạnh của vị lão-tăng mô-phạm này. Tôi rủ các đoàn-viên giả vờ đi ngoạn cảnh đấy thôi, chứ ở đây chẳng có Phật-điện, bảo-tháp gì mà chiêm-bái và ngoạn cảnh như ở các nơi.

Ký-giả mượn cớ ngoạn cảnh, bước luôn vào gian nhà cỏ, chợt thấy bàn tay khô héo đương dúm một thứ tựa như cám, bỏ vào miệng. Tôi nhìn kỹ thì trời ơi ! Sao quá ư khổ hạnh ! Món thuyền-vị mà lão-tăng đương thụ đó là thứ cơm khô, rang lên rồi tán nhỏ, vì đã móm không còn nhai được nữa, cứ mỗi dúm bỏ vào miệng lại phải chiêu một hớp nước lã mới trôi được. Ký-giả đánh bạo đi xem vài cái hũ và lọ sành để lỏng-chỏng ở chàn giường, mở ra xem thấy nhẵn không cả, chỉ còn cái vỏ con là còn độ mấy bát cơm khô, các đồ vật hành dùng chỉ có mấy tấm áo với một cái chõng tre, dưới gầm có vài cái hỏa-lò để tay còn hơi nóng ; được thấy rõ đời tu khổ-hạnh của nhà xuất-thế mô-phạm, ký-giả trở ra vừa gặp các đoàn-viên với người thổ-dân cùng đến cửa. Người thổ-dân chỏ lên cái trạc ba ở lưng-chừng cây bồ-đề bảo tôi. Ký-giả ngẩng lên xem, thấy tựa như hình cái chuồng chim bồ-câu, tự nghĩ chắc

không phải, vì nếu là chuồng chim thì phải có cửa, chẳng có lẽ nào Ngài lại nuôi chim ? Hay là miếu thờ cô, cậu, song chẳng có bát nhang hoặc đồ thờ cúng gì cả. Ký-giả đi tìm thang để lên thì ra đã bị lão-tăng tiên đoán cất đi rồi. Chừng hiểu ý tôi muốn lên xem để khám phá nơi huyền-bí, nên lão-tăng đương ở trong nhà ra bảo cho biết rằng : Không lên được đâu ? Đấy là thuyền-thất riêng của lão-tăng. Ký-giả cảm phục quá, quay lại lễ Ngài rồi bảo ông PHẠM-CHỮ chụp ảnh làm kỷ-niệm, nhưng ba lần đưa máy ảnh ra, lão-tăng đều lấy áo che mặt nhất định không cho chụp. Vì lòng khâm-phục bậc lão-tăng siêu-việt, nên ký-giả viết tặng Ngài bài sau này :

Xuất-gia như Cụ mấy ai đây,
Một hạnh tu tròn, muôn hạnh hay.
Ngoài áo bát kia không bận bịu,
Trong am cỏ nọ lắm vui say.
Đã quen mùi đạo dưa cùng muối,
Nhường thấy việc đời bọt với mây.
Nhắn nhủ thuyền sơn bao Phật-tử,
Song-Lâm mau đến học Sư Thầy.

12. — CHIÈM-BÁI THỨU-LĨNH

Ngôi chùa của chư Tăng Diến-Điện cách núi Thứu chừng 6 cây số, chúng tôi định vào chùa này để gửi hành-lý rồi thượng sơn. Vì trời nắng quá, xem ý Phái-đoàn ai cũng mỏi-mệt cả. Cụ bản-tự chùa Diến-Điện lại bảo: « *Các Ngài nên nghỉ lại đây hôm nay, sáng mai mát-mẻ sẽ thượng sơn* », đành vâng lời nghỉ lại. Mặt trời gần gác núi, nhiệt-độ đã bớt nhiều, ký-giả mời Đại-đức hướng-đạo đi xem phong-cảnh ở ngay khu chùa. Đại-đức hướng-đạo cho biết : Ở đây còn di-tích của hai thành-quách xưa. Một di-tích có tự thời-kỳ trước Phật, và một tên là thành Vương-xá về triều-đại Vua Tần-bà Xa-la đồng thời với Đức Phật, mà chính vua Tần-bà Xa-la là người sùng-mộ và ủng-hộ Đức Phật THÍCH-CA thứ nhất. Ký-giả đến thăm di-tích của thành-quách về thời chưa có Phật thì nó chỉ là địa-thế ỷ-sơn, thủ-hiểm của mấy ông tiểu Bá-vương của mấy nghìn năm về trước, hiện giờ không còn dấu-tích gì nữa.

Kế đến xem di-tích, thành-quách, lâu-đài của các triều-đại vua Tần-bà Xa-la ở một địa-điểm bao-la, núi non vây phủ, cây-cối rất nhiều, tuy đương mùa nóng nhưng cỏ cây rất trù-mật, chân tường của thành-quách, chân móng

của cung-điện, đài-các, trông dấu-vết để lại rất mực quy-mô, hùng-tráng của kinh-đô cổ-kinh dĩ-vãng.

Đến ở giữa cựu-đô của vua Tần-bà Xa-la cố nhiên tôi phải hồi-tưởng mà hỏi đến chuyện thương-luân bại-lý của Thái-tử A-xà-Thế là con vua Tần-bà Xa-la. Đại-đức hướng-đạo chỉ ra một nơi xa tit, âm-u mà bảo tôi : « *Chỗ kia là nhà ngục mà vua Tần-bà Xa-la bị Thái-tử A-xà-Thế giam chết, còn chỗ kia là lãnh-cung mà Hoàng-hậu Vi-đề-Hy bị con là A-xà-Thế giam-cầm rồi được Phật đến cứu. Còn chỗ kia là trường đua của 500 con voi dữ say rượu của A xà-Thế thả ra để toan giết hại Đức Phật Thích-Ca.*

Ôi ! Thảm-mục thương-tâm nào bằng cảnh-ngộ, mà tai đương nghe những việc làm thương luân bại-lý của kẻ đã phú-quý cực nhân-gian, mắt lại thấy bao nhiêu dấu-vết oai-hùng đã tan-tác với phong-sương, đã tan-tành với sóng nước. Những cảnh ngộ chiều nay đã đưa Ký-giả đi sâu vào chân-lý vô-thường của Đức Phật dạy. Nếu như ai không tin lý vô-thường thì hãy nhìn vào sự thực khu đất tôi đương đứng đây, đương lúc thời vận cường-thịnh của nó, đã có bao kẻ chém giết lẫn nhau, để tranh đồ nó. Tranh đồ nó để nắm lấy oai-quyền nghiêng trời, lệch đất, để ăn ngồi trên miếng đỉnh-trung. Bởi mù-quáng vì lợi danh nên không thấy lẽ thiêng-liêng của luân-lý, đến nỗi lật đổ cương-thường, cắt đứt cả giây tình-nghĩa, như Thái-tử A-xà-Thế, nếu ta không tin chân-lý vô-thường của Phật dạy « thế-gian vô-thường » thì thành-quách, lâu-đài

của mấy ngàn xưa, giờ này đây, bao vương bá tranh hùng, miếng đất này giờ đâu ? Trái lại khu đất này làm cho Ký-giả hồi-hộp, cảm-súc. Hồi tưởng lại những câu bất diệt của nữ thi-sĩ Thanh-Quan :

« Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt.
Nước còn chau mặt với tang thương ».

hay :

« Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo,
Dấu cũ lâu-đài bóng tịch-dương ».

Lúc này Ký-giả không còn đủ sức kìm lại mối bi-quan. Vì súc cảnh thương-tâm nên cũng vịnh mấy câu để gửi lại mai hậu :

Hỡi hồn tranh Bá đồ Vương,
Hỏi bao thành-quách, miếu-đường đây đâu?
Những ai Khanh, Tướng, Công, Hầu,
Giang-sơn còn đó, thấy đâu anh hào.
Đài văn, điện vũ nơi nao ?
Bao vua chiến-thắng, bao trào bại quân.
Nào phường hại nước hại dân,
Nào phường cậy thế, cậy thần hiểm sâu.
Lầu ca, gác múa, chén đào,
Từng-bừng bao cuộc nay nào còn đâu ?
Kìa kìa đá mốc cỏ tầu,
Nắng mưa bao độ bể dâu mấy lần.
Ta đây là khách ngoại trần,
Đứng trên cõi mộng, mấy vần gửi ai.
Gửi ai là khách quan-hoài,
Việc đời muôn sự có rồi lại không.
Gửi ai là khách cửa không,
Việc đời điên-đảo bận lòng mà chi.
Gửi ai là khách đắc thì,
Việc đời chớ để những gì mỉa mai.

Gửi ai là khách lỡ thời,
Việc đời bầy sóa, sóa thôi lại bầy.
Cuộc đời ai lĩnh ai say,
Cảm-hoài đọc mấy câu này làm duyên.

Vì muốn cho chúng tôi tránh-đỡ sự nóng-nực, nên sáng hôm nay mới có 4 giờ 30, Sư Cụ bản-tự đã gọi giậy điểm-tâm, để đi chiêm-bái Thứu-lĩnh.

Điểm-tâm xong, vừa 5 giờ, chúng tôi bắt đầu ra đi, Đại-đức hướng-đạo hỏi : « *Từ đây đến Thứu-lĩnh có tòa kết tập kinh của Tổ Ca-Diếp và 500 vị La-Hán ở tít trên đỉnh núi và có vài ngọn tháp của vua A-Dục xây nhưng đã đổ gần hết, lại còn có nhiều trường Tăng học về thời Phật và sau thời Phật to lắm nhưng hiện giờ các cảnh đó chỉ còn nền không thôi. Thượng-tọa có muốn đến thăm không ?* »

— « *Xin thôi, đến nơi thấy cảnh cũ điêu-tàn, người xưa khuất-tịch, lại càng thêm cảm-động thương-tâm, cũng như mấy hôm trước đây, tôi thấy cảnh Phật-tích ở Lộc-uyển ở Song-Lâm.*

Thế là chúng tôi đi thẳng đường lên núi Thứu-lĩnh. Từ chùa đến núi chỉ có 6 cây số, đường xây bực đá rộng-rãi dễ hơn đường đi chùa Hương-Tích. Tôi hỏi Đại-đức hướng-đạo : « *Con đường đá này làm từ đời nào ?* »

— « *Con đường này của vua Tần-bà Xa la sáng tạo ra từ khi Phật còn tại thế, đồng thời nhà vua còn làm tòa nhà đồ-sộ ở gần khu suối nóng, để cho các vua chúa đến thăm Phật nghe đạo được dễ-dàng, trong khi đi lại và cư-trú, tòa nhà đó hiện vẫn còn, khi trở*

về sẽ dẫn Phái-đoàn đến xem suối nóng rồi xem tòa nhà ấy nhân thể ». Vì còn sớm, chúng tôi bảo nhau đi nhởn-nhơ để ngắm cây-cỏ, núi mây của buổi sớm mai mà sức nhiệt-độ của ánh dương-quang chưa vén hết những áng làn mây khói. Thật là vô-biên thú-vị của khách ngoại trần nhẹ-nhàng theo gót ngoại-vật thiên-nhiên.

Chỉ độ 6 cây số thế mà chúng tôi đi từ 5 giờ cho mãi đến 8 giờ mới đến. Đến chân núi Linh-thứu, đứng mà ngắm không những chỉ ưu-điểm của cảnh yên-hà, còn có nhiều cảnh-tượng bí-tàng của nơi Phật-tràng nữa. Dưới chân núi có thung-lũng rộng-rãi, khói mây, cây-cỏ điểm-tô như gấm, như vóc, các ngọn núi bao-phủ chung-quanh đều là những bức bình-phong, xa xa có những giòng suối uốn quanh mà trắng sóa như bạc. Tâm-hồn tôi lúc đó thấy nó phảng-phất tiêu-dao theo với những vần nhạc thiên-nhiên của gió reo, suối hát, cỏ đón, hoa chào giữa cảnh núi Phật-tích. Cảnh đẹp thiên-nhiên thế ấy, đến những cảnh bi-quan của vận tạo phũ-phàng ở núi Linh-thứu cũng không kém phần đau-đớn, khiến cho ai là Phật-tử khi đến nơi cũng phải chau mày với mưa gió vạc-đẽo của thời-gian dĩ-vãng.

Tôi thấy nổi lên sừng sững những bực tường đá xây cao phủ lấy chung-quanh lối lên Phật-đài, tôi hỏi Đại-đức hướng-đạo sao lại xây dầy tường ở lưng-chừng núi nhỉ ? Ngài cho biết rằng : « *Chính-phủ Ấn-Độ mới cho xây để giữ lấy lối lên Phật-đài, kẻo dần dà lở mất hết. Kìa bao nhiêu những tảng đá ngổn-ngang kia, đều là mới lở ở trên núi*

xuống đây ». Đại-đức hướng-đạo còn chỉ vào hòn đá bằng hai gian nhà đã nứt đôi bảo tôi rằng : « *Năm ngoái tôi lên, hòn đá nay còn lành lặn, năm nay lên đã nứt đôi, sang năm lên có lẽ nó bay đi rồi* ».

Đại-đức hướng-đạo lại dẫn chúng tôi đến một cái hang đá chỉ độ nửa gian nhà mà bảo rằng : « *Đây là hang ngồi tu thuyền-định của Tổ A-Nan-Đà từ khi Phật còn tại thế* ». Tôi thấy cái hang của nhà Tiên-giác đã hơn 2500 năm, mới định ngầm trong tâm, khi lễ xong, ta sẽ đến nơi này yên tọa một lúc để thưởng-thức thuyền vị còn lưu hương của ngàn xưa.

Từ hang tu của Tổ A-Nan-Đà còn phải đi vòng quanh ngược lên một quãng dài nữa mới đến đỉnh núi là nơi có tòa Sư-tử của Đức Phật ngồi thuyết-pháp ngày xưa, mà cũng lại là nền cũ của tòa Phật-điện đã tan nát rồi. Cái nền cũ của Phật đài này chỉ độ 5 miếng ruộng vuông vắn, đã phải xây đá bao bọc kỹ càng cho khỏi lở. Nền lát si-măng hãy còn lành lặn, sẵn có gió quét mưa rửa nên sạch-sẽ lắm. Vì chùa đổ nên tượng Phật cũng rước đi nơi khác rồi, chỉ còn bệ đá tức là tòa Sư-tử. Chúng tôi phải cắm hương nến vào tòa Sư-tử để lễ, nhưng hương nến không đủ sức chống với gió của đỉnh núi cao, cho nên hễ thắp thì lại tắt, sau đành phải lễ không hương, không nến.

Lúc chúng tôi lễ mới có hơn 8 giờ, hóa nên đỉnh núi còn nhiều những đám mây khói chùm phủ lấy cả người. Tôi đương quỳ lễ trong mây, bỗng nhớ đến câu : " *Linh vân kết đạo-tràng* " do cảm-tưởng ấy, nên khi lễ xong, tôi vịnh tức cảnh :

Đầu lễ mây, rồi mắt ngắm mây,
Đạo-tràng Thứu-Lĩnh nghiễm nhiên đây.
Kìa tòa Sư-tử in chân Phật,
Nọ cảnh Lôi-Âm tạc dấu Thầy.
Mạch Đạo đã khơi Nam đến Bắc,
Nguồn Thuyền từng rót Đông qua Tây.
Phong sương dù cố mà xuyên-tạc,
Ngàn giấc mây thiêng vẫn thế này.

Lễ xong, chúng tôi bàn nhau ở lại một tiếng để cho ai nấy có đủ thì giờ ngoạn cảnh. Một mình tôi liền xuống hang tu thuyền của Tổ A-Nan-Đà, thực là âm-u tịch-mịch, sẵn có tòa đá nhẵn mát, lại có thêm gió lùa mát-mẻ, ngồi được một lúc, đã thấy thân-thể nhẹ-nhàng, tâm-hồn phóng-khoáng, nhường như đã đi sâu vào cõi chân-không. Mùi thuyền đã nếm, lại ngả lưng chơi thử giấc tiên nữa, đương lúc sắp thiu-thiu thì Ông CẦN đến gọi ra về, lúc đó đã gần 10 giờ rưỡi rồi. Ra khỏi hang thấy nhiệt-độ của nắng hạ như thiêu như đốt, vậy mà khi nằm trong hang tôi không biết gì là nóng cả.

Ký-giả có vịnh bốn câu tức cảnh :

Thủa mùa hạ nằm hang Thứu-Lĩnh,
Gió Nam-phong quét sạch trần hiêu.
Nửa giờ tự-tại tiêu-diêu,
Thú vui, vui thực khó điều mách ai.

13. — THĂM SUỐI NÓNG

Đường về qua chừng bốn cây số mới đến suối nóng « Ôn-tuyền ». Thoạt đến nơi, tôi cứ tưởng có hàng chục ngôi đền thờ của Tín-đồ Bà-la-môn, nhưng đến nơi xem thì không phải, vì dân Ấn-Độ coi suối nóng này thiêng-liêng lắm. Họ tin rằng : Ai nặng nghiệp xuống tắm gội là sẽ được nhẹ đi, cho nên họ xây đắp chung quanh mỗi cái suối là một cái đền đồ-sộ, ở dưới lát đá hoặc trị si-măng, lại có bệ ngồi tắm giặt. Họ còn xây máng cho nước suối chảy ra để tắm gội, mà suối nào cũng đều có ống ngầm cho nước thoát đi, coi có mỹ-thuật và sạch-sẽ lắm.

Lúc chúng tôi đến nơi, vì nhiệt-độ đã mạnh lắm nên dân-chúng lân cận ra tắm gội rất đông, không còn làm sao tìm được một suối vắng người để lau mình cho biết thú-vị của « Ôn-tuyền ».

Đại-đức hướng-đạo cho biết rằng : « *Về mùa đông thì dân Ấn-Độ và các Phật-tử thế-giới về Thứu-Lĩnh chiêm bái, rồi ra đấy tắm đông-đúc không kể xiết. « Ôn-tuyền » này còn là một cảnh du-lịch của mùa đông, nên Chính-phủ Ấn đã phải làm một tòa nhà để cho khách du-lịch có chỗ ăn nghỉ, nhưng hết mùa đông thì đóng cửa, bây giờ có đến, người gác cũng không cho vào* ».

Chúng tôi chờ mãi đến 12 giờ trưa mới dành được một suối để xuống lau mình.

Thì ra suối nóng này quý thực, suối nào nước chầy ra cũng trong-trắng như bạc, khi mới rửa thì âm-ấm như mời hâm, nếu về mùa rét mà tắm rửa thì thực là như ý ; khi rửa xong lại mát lạnh đi, tôi có vịnh tức cảnh :

Phương Tây núi Thứu đạo khơi giòng,
Có phải đây là suối nóng không ?
Thương kẻ lạnh-lùng khơi mạch ấm,
Vì đời vẩn đục mở nguồn trong.
Ủ bầu nhật-nguyệt chừng dư sức,
Hâm lửa âm-dương đã tốn công.
Toan quẩy quách về Nam-Việt tắm,
E rằng Phật quở sãi chơi ngông.

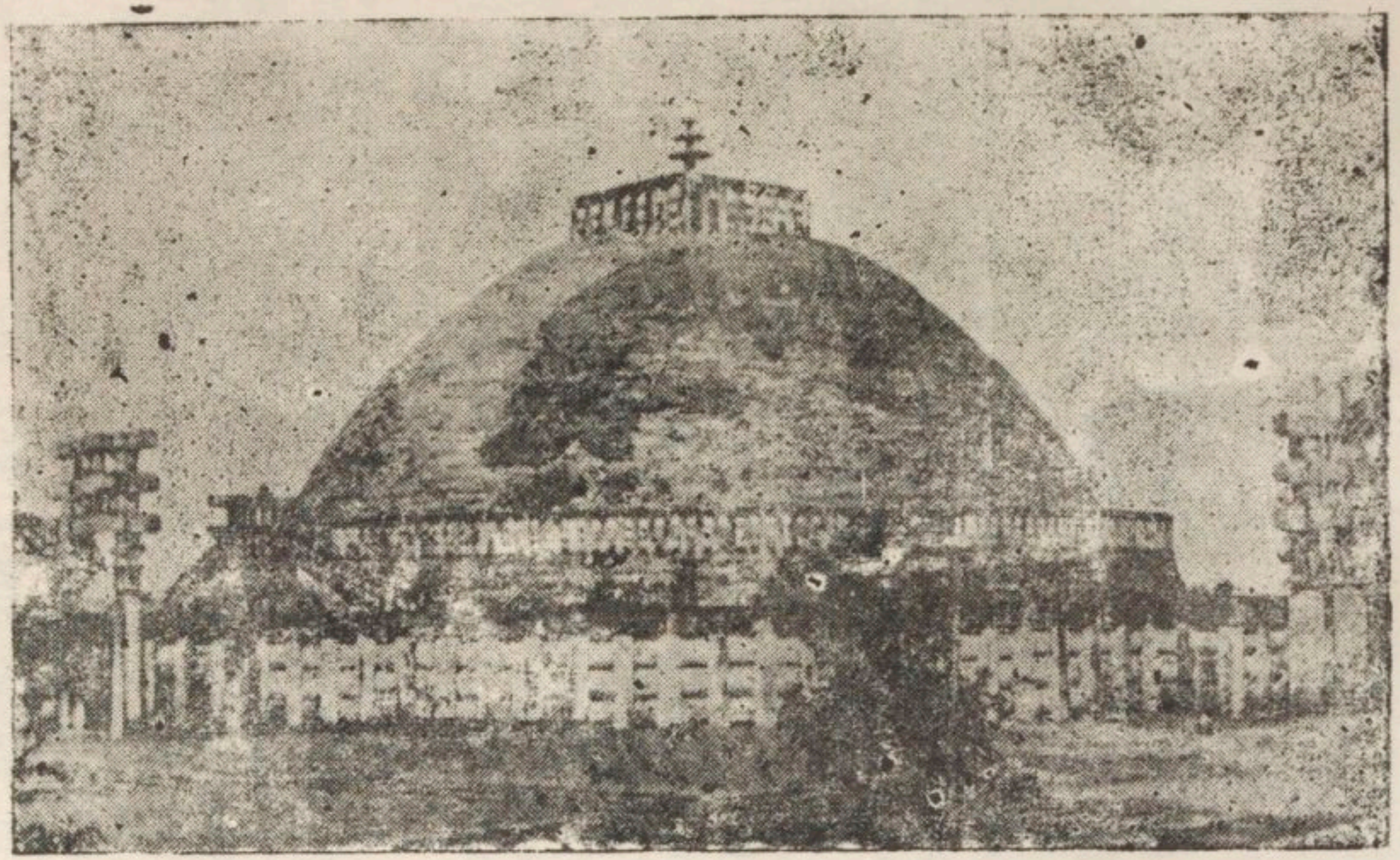

Bảo-tháp ở Sanchi thuộc xứ Bhopal

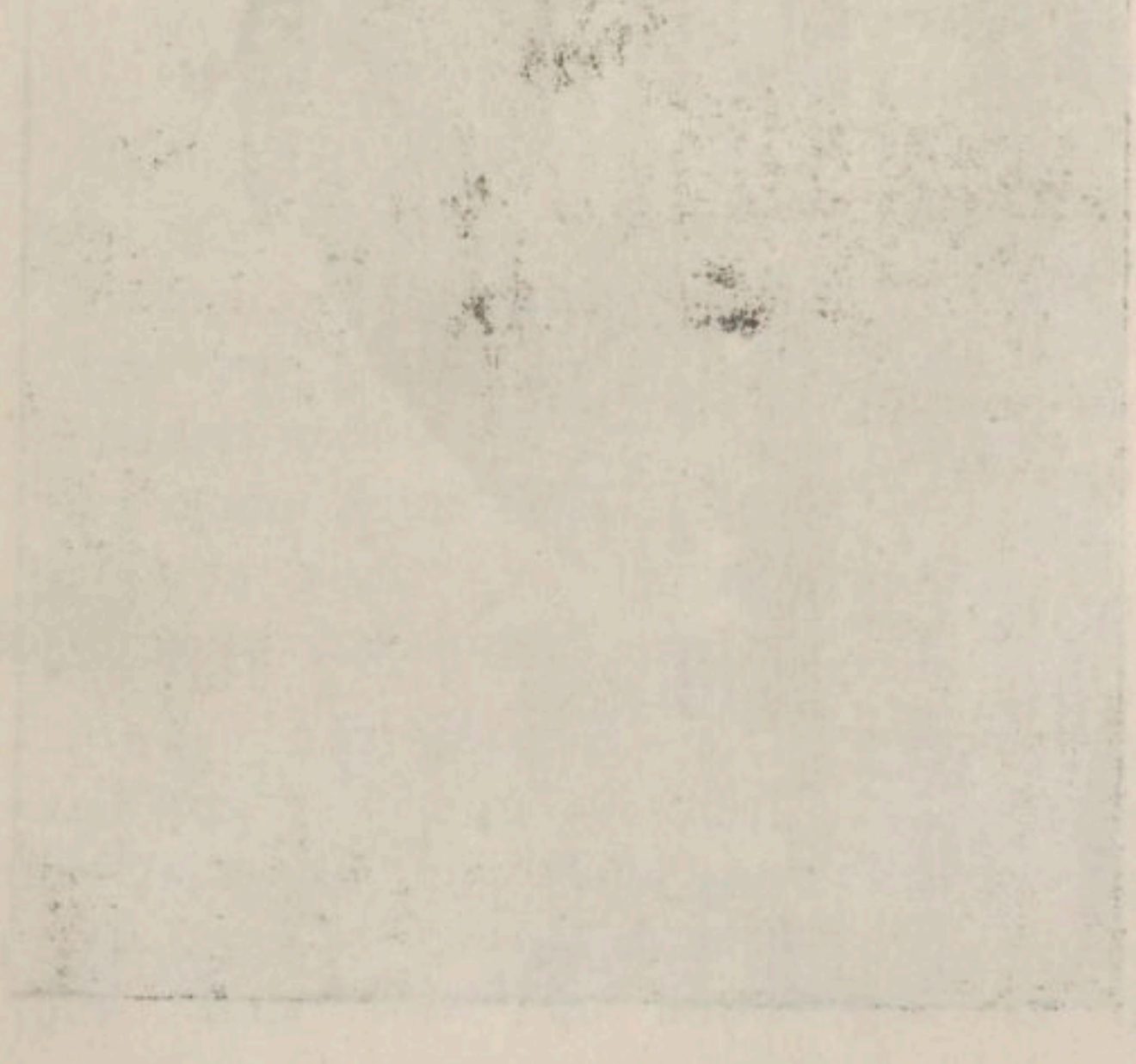

14. --- CẢM-TƯỞNG CỦA KÝ-GIA ĐỐI VỚI CÁC NƠI PHẬT-TÍCH

Chương-trình đi chiêm-bái năm nơi Phật-tích trong khoảng 10 ngày, nay đã hết số ngày ấy rồi mà chúng tôi mới đi được bốn nơi, còn nơi Phật Thích-Ca giáng-sinh là Lâm-Tỳ-Ni (Lumbini) đành phải bỏ giở, vì Đại-đức hướng-đạo cho biết rằng : Phải đi đường bộ qua bãi cát vàng nóng của mùa viêm-nhiệt chừng 30 cây số mới đến nơi, mà xem khí sắc Phái-đoàn ai nấy đều mỏi mệt lắm rồi, vả lại còn phải nghỉ ngơi mấy ngày cho lại sức, để còn sang họp Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới tại TICH-LAN, khai mạc vào ngày 25 tháng 5 Dương-lịch này. Vì những lý-do ấy, nên chiêm-bái xong ở Thứu-Lĩnh, chúng tôi về thẳng ngay chùa Đại-Bồ-Đề nhằm ngày 19 tháng 5, Chư Tăng đón tiếp chúng tôi ngay ở phòng khách, sau dịp thỉnh an, Thượng-tọa thư-ký liền hỏi : « *Cảm-tưởng của Thượng-tọa trong dịp đi chiêm-bái các nơi Phật-tích thế nào, xin cho chư Tăng chúng tôi được nghe với ?* »

— « *Bạch các Cụ, chư Tăng, trong 10 ngày chúng tôi toàn đi tầu, xe đến các nơi Phật-tích mà còn thấy vất-vả, nhọc-nhằn, huống hồ Đức Phật Thích-Ca ở thời-đại trước đây linh hai ngàn rưỡi năm, đường xá chưa mở mang, tầu xe cũng chưa có, mà Ngài đi khắp 18 tiểu-quốc*

trong 49 năm để truyền-bá đạo pháp, giáo-hóa chúng-sinh, huống lại còn gặp bao trở lực của bọn ngoại-đạo ghen-tỵ, bài-báng, và những chúng-sinh ương-ngạnh nan-hóa, xem thế đủ biết tư-tưởng hy-sinh với nguyện-vọng lợi-tha của Đức Phật bền-bỉ, mạnh-mẽ biết nhường nào ? Nếu không phải là bậc Từ-phụ, coi chúng-sinh như con đỏ, tự thụ lấy đau-khổ trước chúng-sinh đau-khổ, hưởng sự vui-sướng sau chúng-sinh vui-sướng thì ai làm được như vậy !

Cũng trong dịp đi chiêm-bái các nơi Phật-tích này, chúng tôi còn khám phá được những truyện yêu-tinh, quỷ-quái, dùng pháp-thuật cao-cường để đấu-chiến với Tề-Thiên Đại-Thánh toan bề bắt Đường-Tăng ăn thịt, cho được phúc trường-sinh, những truyện đến nay tôi mới nhận ra nó đều do những khối óc hoang-đường phịa-đặt ra cả. Họ tưởng cốt phịa-đặt ra như thế sẽ nêu cao giá-trị cho Thầy Đường-Tăng và Tôn-Ngộ-Không cho nó vui truyện thì truyện mới đắt, họ mới có lợi chứ họ có biết đâu là làm cho người thức-giả càng thêm hồ-nghi rằng : Sao đạo-đức như Thầy Huyền-Trang tại sao lại thua kém pháp thuật của Hành-Giả Tôn-Ngộ-Không ? Tệ hơn nữa là khiến số người thiển-trí vào đạo Phật với con đường mê-tín huyền-hoặc. Đại khái các loại tiểu-thuyết hoang-đường đều có cái tai-hại khốc-liệt như vậy. Riêng tôi, tôi cảm thấy Thầy Đường-Tăng để lại đài gương chói-lọi vô-biên là do chỗ Thầy muốn thực-hiện tinh-thần từ-bi cứu-thế của Đức Thích-Ca để cứu khổ nạn cho dân-tộc Trung-Hoa hồi đó. Vì từ cuối Tùy sang Đường trải mấy chục năm hầu khắp nước Tàu gây nạn binh-hỏa rất là nguy-kịch, người ta chỉ thấy nào cha mất con, vợ mất chồng,

cô-nhi nheo-nhóc lầm-than, quả-phụ cô-đơn hờn-oán, nhà cửa tiêu-điều, ruộng vườn hoang dậm sô nhau dầy-séo trên đống xương, vũng máu đồng-loại. Người ta không còn biết tin-cậy vào đâu để cầu bảo-đảm tính-mệnh, tài-sản nữa. Bấy giờ họ mới tỉnh linh-hồn mà quy tâm hướng về Phật-giáo. Nhưng khốn thay, chính-trị đã thối-nát, Tôn-giáo cũng rối-ren, vì nỗi chia môn rẽ phái, cái nạn công-kích, bài-xích lẫn nhau biến thành bao nhiêu hàng rào ngăn đường vào Phật-giáo. Bổ-cứu tai-nạn tầy trời ấy phải là bực giác-ngộ cùng tột chân-lý của Đức Thích-Ca mới mong làm được trọn vẹn. Vì lý-do ấy, Thầy Đường-Tăng phải dấn thân trên con đường xa-xăm sang Tây-Trúc, lao-đao, lận-đận, trèo non, vượt suối, giãi nắng, dầm mưa khắp xứ Thiên Trúc mới tìm được Thầy, học được pháp đến minh được tâm, ngộ được đạo của Đức Thế-Tôn đem về quê-hương, chuyển vận hội chiến-tranh khổ nạn ra thời-kỳ Phật-giáo xương-minh.

Các nơi Phật-tích mà chúng tôi đã đến chiêm-bái, sung-sướng nhất là Bà-la-môn giáo đã trả Bồ-Đề-Tràng về Phật-giáo sau bao nhiêu năm bị chiếm-đoạt, cũng nhờ có chư Tăng 4 nước làm chùa ở chung-quanh để gìn-giữ nên Bồ-Đề-Tràng vẫn còn nguyên-vẹn. Nhưng chúng tôi không khỏi buồn dầu rằng : Thạch Tượng Ngài Quán-Âm đã chìm mất mà Tượng thần Si-Hoa của Bà-la-Môn còn thờ ở dưới chân bệ Đức Thế-Tôn.

Đối với Lộc-Uyển bi-quan nào bằng, chùa xưa, cảnh cũ đã chung cuộc bể dâu từ bao giờ rồi. Tuy thế nhưng chúng tôi rất lạc-quan

là Quý-Hội đã tân tạo lên Phật-điện nguy-nga, tăng-đường đồ-sộ. Quý-hội còn chăn nuôi cho tinh-thần nhân-dân xứ Lộc-Uyển bằng thư-viện, bằng học-đường điều-trị cho thân-thể của họ một khi có bệnh bằng dược-phòng, bằng bệnh-viện. Khi mục-kích thấy cảnh Song-Lâm, chúng tôi đều phải sa lệ trước cảnh bao-la của Pháp-viện, Tăng-đường đều đã bị quân Hung, quân Hồi tàn-phá. Nhưng kim thân của Đức Giáo-Tổ với Bảo-tháp Xá-Lợi của Ngài còn ngất trời. Đạo-tràng Phật thuyết Đại-thừa tại Linh-Thứu, mặc dầu không còn hình thức ở đỉnh núi, nhưng tinh-thần vẫn còn ở trong lòng người ở khắp thế-giới. Đáng tiếc cho phúc duyên của chúng tôi còn mỏng manh nên không được đi đến chiêm-bái khắp cả 48 tòa Bảo-tháp của vua A-Dục xây để tôn thờ dấu vết thiêng-liêng của Đức Thích-Ca cả về quá-khứ lẫn hiện tại ở khắp 5 xứ Ấn-Độ này.

15. — DIỄN GIẢNG TẠI CHÙA HỘI PHẬT-GIÁO ĐẠI-BỒ-ĐỀ

Sáng ngày 20 tháng 5 năm 1950, Ông Tổng thư-ký Hội ĐẠI-BỒ-ĐỀ cho mời lên phòng khách đàm-đạo hồi lâu, ông cho biết rằng : « *Vì các Ngài không báo tin trước, nên hôm Quý Phái-đoàn đến, bản Hội chưa có dịp hội họp đông đủ để được tỏ tình thân-mật với Quý Phái-đoàn. Nay bản Hội đã đưa thiếp mời chư Tăng và quan khách cùng thiện-tín hội-viên tới chùa Hội-quán đây vào hồi 6 giờ chiều hôm 22 này. Hôm đó, trước khi khai giảng xin mời Thượng-tọa lấy tư-cách Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam sẽ chủ lễ khai xá-lợi hai vị Thánh-tăng mà Ngài đã dự lễ hôm vừa rồi, để cho mấy Phái-đoàn Phật-giáo các nước mới tới và các quan-khách đều được chiêm-bái* ». Sau khi nghe ông Tổng thư-ký nói, Phái-đoàn chúng tôi ai nấy rất mực cảm-động, đều đứng dậy cảm ơn.

Dưới đây là thiếp mời bằng Anh-văn của Hội Đại-Bồ-Đề :

The Maha Bodhi Society of India

request your presence at the Sri Dharmarajika Vihara, 4A, Bankim Chalterjee Street (College Square), Calcutta, on Monday, the 22nd May, 1950, at 6 p.m., at a reception to be given in honour of the Buddhist Mission consisting of Ven'ble Abbot To Lien (the leader). Ven ble Bhikkhu Thach Pich and Mr. Pham Chu, the Secretary of the Mission, sent by His Majesty Bao Dai. Head of the Government of Viet-Nam.

Dr. Kalidas Nag, M.A., D.Litt. will preside.

Devapriva Valisinha.
General Secretary

∴

Đúng thời giờ kể trên, lễ khai xá-lợi cử hành, tuy đơn-giản nhưng rất mực trang-nghiêm. Sau 10 phút lễ xong, Ông Tổng thư-ký Hội Đại-Bồ-Đề giới-thiệu Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam với cử-tọa. Xong, tôi nhân-danh Trưởng Phái-đoàn tỏ lời cảm ơn và giới-thiệu ông PHẠM-CHỮ thay tôi lên diễn-đàn dịch bài giảng của tôi nói về " LƯỢC SỬ PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM " ra tiếng Anh.

Dưới đây là nguyên-văn bài diễn-văn :

Thưa các Ngài,

Hiện nay Phật-giáo đã là thế-giới-hóa, các nhà học Phật Đông, Tây đều suy-tôn Ấn-Độ là

đệ nhất Tổ quốc Phật-giáo, thế là lấy Ấn-Độ làm Trung-tâm-điểm của Phật-giáo thế-giới. Đến Việt-Nam chúng tôi cũng được thấm-nhuần với nguồn giòng giáo-lý từ-bi bình-đẳng ấy gần 2.000 năm nay (189-1950 cố nhiên Phật-giáo Việt-Nam phải có một lịch-sử sự thật.

Trước khi bàn đến lược-sử Phật-giáo Việt-Nam, chúng tôi cảm thấy tự đáy lòng thành-thật xin bộc-bạch với Quý Ngài rằng : Chúng tôi bao giờ cũng tu-trì theo chân-lý tuyệt-đối của chư Phật, không hề manh tâm tranh dành lấy một thiên lịch-sử cho Phật-giáo Việt-Nam, cũng không dám mong phô-trương nền tín-ngưỡng của dân-tộc Việt-Nam. Chẳng qua vì giữa nhân-loại đương xô đẩy nhau đi tìm lịch-sử của hiện-tượng để nghiên-cứu, để học hỏi. Phật-giáo cũng đã là pháp-môn hiện-tượng thích hợp với lòng mong cầu của nhân-loại, có đủ phép này phép khác để đối trị sạch hết hiện-tượng thảm họa đương diễn giữa nhân-loại. Nói tóm lại Phật-giáo đã là pháp-môn hiện-tượng bao la giữa đại-đồng thế-giới, đem thu hẹp lại thì Phật-giáo cũng đã là một tôn-giáo truyền-bá vào nước Việt-Nam. Chúng tôi là người được thấm-nhuần, ngày nay may mắn lại được gặp các Ngài ở đây đều là Phật-tử, đều là Phật-lữ hay ít nhất cũng đều là người có Phật-tính, lẽ nào lại không mạnh bạo đem những chỗ đã nghe, đã học về lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam, hầu mong cống-hiến Quý Ngài, để đền bù những tấm thịnh-tình vô-biên của Quý Ngài đối với Phái đoàn Phật-giáo Việt-Nam chúng tôi, tức là đối với cả dân tộc Việt-Nam và tín-đồ Phật-giáo Việt-Nam.

Xét về lịch-sử truyền giáo suốt cổ kim, chúng tôi thấy rằng, một khi có tôn-giáo nước này

truyền vào nước khác, trước nhất phải do hai nguyên-nhân :

1·) Nước có tôn-giáo, sau khi đã thành công chiến thắng và đã đặt được nền thống-trị.

2·) Trước nhất phải do dân-tộc nước có tôn-giáo này với dân-tộc nước chưa có tôn-giáo kia, đã mở cuộc giao-thông buôn bán với nhau qua một thời-gian, để am-hiểu nhau về ngôn-ngữ và kết chặt giây liên-lạc thân-ái.

Nguyên-nhân Phật giáo của Đại-Ấn truyền vào Việt-Nam không ở điểm chiến thắng, thống - trị, mà chính ở điểm hai dân-tộc Ấn-Việt sớm liên-lạc thông-thương với nhau, huống hồ Phật-giáo lại rất thích hợp với tinh-tình dân-tộc cũng như phong-hóa cổ-truyền của quốc-gia Việt-Nam. Điều đó chứng-minh ở điểm này :

Xem trong bản đồ Ấn-Độ Chi-Na tức là bán đảo Đông-Dương, sẽ thấy nước Việt-Nam có tới 7/10 đất đai ở lọt vào khoảng giữa Ấn-Độ và Trung - Hoa, mà đường giao - thông từ Ấn sang Việt-Nam còn thuận tiện hơn từ Trung sang Việt, vì thế nên Phật-giáo của Đại-Ấn đã sớm thấm-nhuần hầu hết dân-tộc Việt-Nam ngay từ thế-kỷ thứ nhất, thứ nhì.

Đứng về phương-diện lịch-sử, chúng tôi thấy trong truyện Đàm-Thiên Pháp-sư có chép rằng : Một buổi kia vua Cao-tổ nhà Tùy có sắc dụ cho Đàm-Thiên Pháp-sư rằng : « Trẫm nhớ đến đạo-đức từ-bi của Đức Thích-Ca Giáo-chủ, không biết báo ơn Đức Ngài thế nào cho xiết, nên chỉ ước mong truyền-bá đạo Ngài thế nào cho đi khắp thiên-hạ. Trẫm đã cho đi rước xá-lợi của Phật về kinh thờ trong 49 ngọn tháp, lại mới xây xong 150 ngôi chùa để làm tiêu-biểu tín-ngưỡng

đạo-đức cho dân nước ta (Tàu). Bây giờ Trẫm lại muốn xây tháp làm chùa ở Việt-Nam, hơn nữa là cử các Pháp-sư sang đó truyền-bá Phật-giáo, hầu mong một ngày gần đây đạo Phật sẽ lan tràn khắp thế-giới. Nay Pháp-sư lựa chọn mấy vị Tăng có đạo-hạnh sang Việt-Nam hoằng-hóa cho dân-tộc xứ đó để họ sớm hiểu biết đạo Bồ-đề ».

Đàm-Thiên Pháp-sư tâu : « Nước Việt-Nam vốn có đường giao-thông sang Ấn-Độ hơn sang nước Tàu ta, nên Ấn-Độ đã có nhiều các bậc đại Pháp-sư, như Khang-Tăng-Hội, Chi-Khương-Lương v. v... sang Việt-Nam truyền-bá Phật-giáo rất sớm, (Pháp-sư Khang-Tăng-Hội sang Việt-Nam vào năm 225, Pháp-sư Chi-Khương-Lương sang vào năm 266 và Pháp-sư Ma-Ha-Kỳ-Vực sang vào năm 294). Hiện ở Việt-Nam các vị Pháp-sư đó đã dịch được nhiều kinh Phật, đã giáo-hóa được nhiều tăng-sĩ và ở Việt-Nam cũng đã có nhiều chùa tháp rồi, nay ta không phải phái Pháp-sư sang Việt-Nam nữa ».

Trở lại mà xét vào lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam sẽ thấy các bộ sách Thuyền-uyển-tập-anh, Thống-yếu-kế-đăng và Đạo-giáo-nguyên-lưu v. v... các bộ sách đó đều nói nhiều về công-nghiệp truyền-bá Phật-giáo từ Ấn-Độ qua Việt-Nam lúc đầu. Mặc dầu năm 189, Mâu-Bác cư-sĩ là người Tàu vì lánh nạn mà truyền Phật-giáo qua Việt-Nam trước Ngài Khang-Tăng-Hội, nhưng bàn về hệ-thống kế-đăng vẫn phải tôn Ngài Khang-Tăng-Hội làm Giáo-tổ thứ nhất của Phật-giáo Việt-Nam, mà chính thân-phụ Ngài Khang-Tăng-Hội sang buôn bán doanh-nghiệp ở Việt-Nam đã lâu năm. Đại-Ấn đã có ba vị cao-tăng rộng lòng phổ-

thông Phật-giáo, chẳng từ gian lao sang xây nền đắp móng cho Phật-giáo Việt-Nam, không những thế mà thôi, lại đến thời kỳ khuếch-trương cho Phật-giáo Việt-Nam thành lâu đài trang-nghiêm, sáng-lạng cũng lại nhờ ở bậc Thánh-tăng của Đại-Ấn là Tổ-sư Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi Ngài sang Việt-Nam vào năm 580, ở chùa Pháp-Vân, quận Thường-Tín thuộc tỉnh Hà-Đông bây giờ. Tăng-đạo Việt-Nam có quy-mô tổ-chức, có hệ-thống nối truyền, để xương-minh mệnh mạch Phật-tổ, để bồi bổ nhân-tâm thế-đạo, là nhờ ở công-đức của Tổ Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi ; vì Ngài đã rỏng-rã 14 năm trụ-trì chùa Pháp-Vân, chỉ một niềm chuyên chú dịch kinh giảng đạo, trong thì đào-tạo chư Tăng, ngoài thì tiếp hóa thiện-tín, rốt ráo lại sáng-lập lên một phái Thuyền-tôn trước nhất, lớn nhất ở nước Việt Nam, gọi là Tôn Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi. Tôn-phái của Ngài truyền nối đến 19 đời ; không những ngọn đuốc-tuệ chói lói khắp non sông Việt-Nam mà ảnh-hưởng còn chấn-động đến cả Trung-Quốc, sự thực đó còn ghi chép ở Việt-Nam Phật-giáo sử. Sau khi Tổ Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi tịch, giữa khoảng năm 603-604, vua Cao-Tổ nhà Tùy được nghe tiếng liền khởi lòng tôn kính, có hạ chiếu cho sang Việt-Nam xây tháp để kính thờ Tổ Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi ở chùa Pháp-vân, chùa Tràng-khánh v. v... lại gửi sang 5 hòm lễ vật tặng ban cho Pháp-Hiền Thuyền-sư là vị Thánh-tăng thứ nhất của Việt-Nam vì được ngài truyền trao tâm-pháp cho nên kế pháp vị thống xuất tăng chúng.

Từ ngài Khang-tăng-Hội truyền Phật-giáo sang Việt-Nam đến ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi truyền Thuyền-tôn sang Việt-Nam trước sau trải qua 345 năm (225-580). Trong thời gian ấy ở Việt-Nam cũng có

nhiều các Tăng-sĩ am-hiểu Phạm-tự, thông-thạo tiếng Ấn, nên cũng được sang cầu đạo, tham-thuyền ở Phật-địa và cũng dịch được nhiều kinh Phật như Ngài Vận-Kỳ Thuyền-sư. Mộc-Xoa-Đề-Bà, Khuy-Xứng Thuyền-sư, Huệ-Diệu Pháp-sư, Trí-Hành Thuyền-sư và Đại-thắng-Đăng Pháp-sư.

Lại đến thời kỳ Việt-Nam chúng tôi nội thuộc nhà Đường, Phật-giáo ở Việt-Nam vẫn thịnh hành lắm, cũng có những bậc cao tăng Việt-Nam có ảnh-hưởng lớn với Phật-giáo Trung-Hoa. Sự thực còn thấy trong bộ sách « Loại hàm anh ngữ » của Tàu và ở sách Kiến-Văn của ông Lê-quý-Đôn là nhà Nho-học trứ-danh ở Việt-Nam, đều chép rằng : « Phụng-Định Pháp-sư và Duy-Giám Pháp-sư đều được vua nhà Đường mời sang Tàu để vào Vương-cung giảng kinh bàn đạo. Đường-cư-Nguyên thi-hào của Tàu hồi đó có thơ tiễn biệt Ngài Phụng-Định khi về Việt-Nam sau này :

Quê nhà trông cõi Việt,
Mây bạc tít mù xa.
Cửa trời vắng kinh kệ,
Mặt bể nổi hương hoa,
Sóng gợn cò in bóng,
Thành xây hến mấy tòa,
Trường-An lòng quấn-quít,
Giao-Châu chuông đêm tà.

Lại có thi-hào Cổ-Đảo tặng thơ tiễn biệt Ngài Duy-Giám Pháp-sư khi rời Vương-cung nhà Đường về Việt-Nam rằng :

Điện xuân giảng kinh luận,
Giường ngự vướng mùi hoa,
Bể Nam quen lối cũ,
Non Việt viếng tuần già,
Ấn mòn khi gió táp,

Áo lấm lút mưa sa,
Kìa kìa, trời lẫn nước,
Tin tức biết bao qua.

Ôi ! Việt-Nam chúng tôi, gần 1000 năm 3 lần thuộc quyền đô-hộ của các triều Hán, Tần, Tùy, Đường, mà giữa thời-gian ấy các triều-đại của Đại-Ấn cũng có các vua anh-hùng như vua Sảng-Đức, (290 trước kỷ-nguyên và vua A-Dục 222 cũng trước kỷ-nguyên) đều gây dựng lên Vương triều Khổng-tước, hùng-cường thịnh-trị, mãi về sau hơn 300 năm, nối đến triều-đại vua Ca-Tỳ-Sắc-Ca mở vận nước cũng không kém hùng-cường, thế mà lịch-sử Việt-Nam chỉ thấy chép những trang hai dân-tộc Ấn-Việt giao-thông buôn bán với truyền bá văn-hóa Phật-giáo chứ không có qua một trang lịch-sử đẫm xương máu xảy ra đáng tiếc. Các nhà học-giả Đông, Tây ngày nay đều công nhận văn-minh Ấn-Độ là văn-minh tinh-thần chứ không phải văn-minh vật-chất, những lời tán-dương đó đủ thấy hầu hết nhân-vật yêu chuộng văn-minh cao-siêu, hòa-bình tuyệt-đối đều tỏ lòng kính-trọng văn-hóa Ấn-Độ chớ không những dân-tộc Việt-Nam quý-mến.

Huống hồ còn có những bậc Thánh-tăng truyền bá sang nước tôi một nền tôn-giáo Từ-bi Bình-đẳng, một nền văn-hóa triết-học cao siêu mà vẫn không kém tinh-thần đại từ-bi, đại hùng-lực. Chính nền văn-hóa đó không những đã sản-xuất ra cho Việt-Nam những vị Cao-tăng ở gần 1.000 năm nước tôi thuộc quyền đô-hộ của người Tàu mà chỉ đem đạo-đức, học-thức để cảm-hóa lòng người, có uy-quyền mạnh khiến họ đỡ sự khinh-miệt người Việt-Nam, lại dự một phần lớn xây đắp nền độc-lập, mãi về sau cho các triều-đại Đinh,

Lê, Lý, Trần, Lê. Phật-giáo đã được công-nhận là quốc-giáo khắp các triều-đại kể trên, cũng như Ấn-Độ đã tôn Phật-giáo làm Quốc-giáo, ở các triều-đại Sảng-Đức, A-Dục, Ca-Tỳ-Sắc-Ca v. v ..

Nền Phật-giáo lại còn đào-tạo nên những bậc Pháp-sư kiêm Thái-sư giúp vua trị nước, ơn thắm muôn dân ở hai triều Đinh. Lê như Khuông-Việt Thái-sư, giúp vua Lê Đại-Hành giữ ngoại-giao ; như Ngài Đỗ-Thuận Quốc-sư dự bộ Tham-mưu, bàn tính quốc quân đại sự ; như Vạn-Hạnh Quốc-sư, giáo-dục cho ông Lý-công-Uẩn trở nên bậc hiền quân ; như Khánh-Vân Pháp-sư. Ở Việt-Nam mà nói đến Phật-giáo hết thảy đều tán-dương Phật-giáo về đời Lý, đời Trần. Vì các đời đó có các vị vua thâm ngộ thuyền tâm như Thánh-tôn Anh-Tôn và Cao-Tôn nhà Lý đến nhà vua xuất-gia thành Phật, như Nhân-Tôn nhà Trần, Trạng-Nguyên xuất-gia chứng-ngộ chánh-pháp nhãn-tạng, như Huyền-Quang Pháp-sư. Gòn đến những bậc Tuệ-Nghiệp Pháp-sư, văn-nhân cư-sĩ thật không sao kể xiết.

Nước Việt-Nam có thể gọi là một nước Phật-giáo, vì hầu hết mỗi làng đều có chùa chiền thờ Phật, Tăng Ni tu-hành, mặc dầu hơn 300 năm nay, Phật-giáo ở Việt-Nam đã bị suy kém vì hoàn-cảnh nội loạn và ngoại xâm xui nên. Nhưng chỉ suy kém về phần tinh-thần giáo-lý, còn đến lòng tín-ngưỡng của dân chúng nay cũng như xưa. Dân Việt-Nam đã có những câu truyền-tụng về nổi trẩy chùa Yên tử cực-điểm khó-khăn rằng : « Đi như cáy, về như cua — vất gậy mà quơ lấy cành », *vậy mà mỗi năm về tháng hai, hằng ngày ít nhất cũng có tới vài ngàn người trèo non vượt suối lên chiêm-bái. Lại đến động*

Hương.Tích ở làng Yên-Vĩ, thuộc tỉnh Hà-Đông đông gấp mười phần thế nữa. Trong cuốn Nhật-trình chùa Hương-Tích đã có những câu rằng :

Làng Yên-Vĩ có non Hương-Tích,
Bao khí thiêng đất Việt đúc nên,
Phật Quám-Âm ngự tòa sen,
Mười phương quý tiện đua chen khấn nguyền.

Khách trẩy chùa Hương này mỗi năm từ cuối tháng Giêng đến cuối tháng Ba Âm-lịch, mỗi ngày ít bù nhiều có tới vài vạn người, còn sự đi chiêm-bái các danh-lam cổ-tích khắp trong nước không thể kể xiết đặng.

Gần đây lại nhờ có ảnh-hưởng Hội Đại-Bồ-Đề và Hội Nghiên-cứu Phật-học ở Đại-Ấn đây lan tràn đến, khiến cho từ 20 năm đến nay cơ-duyên chấn-hưng Phật-giáo ở Việt-Nam cũng rất bồng-bột, từ các thủ-đô lớn đến hầu hết các tỉnh, phủ, huyện, đều có hội chấn-hưng Phật-giáo. Số hội-viên đông-đúc không xiết kể. Cuộc Việt-Pháp chiến tranh xảy ra gần 5 năm rồi, chùa chiền, bia tháp khắp các nơi cũng mang đầy dấu vết tang-thương ; nhưng cục-diện ở Việt-Nam cũng đã hé tia sáng thống-nhất độc-lập, mặc dầu đang ở vào thời kỳ tinh-thần khủng-hoảng, cũng như kinh-tế quẫn bách. Vậy mà lòng công-đức của dân chúng cũng đã gom góp để kiến-thiết, tu bổ chùa tháp. Các giáo-hội Tăng già cũng như các Hội Phật-giáo đương thành lập và đương phục-hưng, các trường Tăng-Ni học ở các thủ-đô lớn cũng đã tổ-chức được hơn 10 trường Phật-học, số Tăng-Ni học-sinh trong các trường đó tổng cộng có tới gần 300. Còn về quan-niệm tín-ngưỡng Phật-giáo của dân chúng quả thật là bồng-bột, hầu như họ đã qua một cuộc bom đạn, khói lửa

khiến cho phần lớn bị cốt-nhục ly tán, tài sản tan không, cái thảm họa đó đã khiến họ càng hiểu chân-lý vô-thượng của Phật dạy, hóa nên không ai bảo ai mà đi lễ bái nghe kinh, cầu đạo lại bắt đầu bồng-bột.

Hiện nay dân-tộc Việt-Nam từ trí-thức đến bình-dân phần nhiều tin-tưởng : Phật-giáo Việt-Nam có cơ chấn-hưng để bồi-dưỡng lại tinh-thần dân-tộc đã có mấy ngàn năm nay.

Ngày nay Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam chúng tôi sang Quý-quốc đây, mục-đích trước là để tỏ lòng chiêm-bái Phật-địa và ca tụng Quý-quốc đã sớm thu hồi chính-quyền độc-lập ; sau là ước mong nối lại giây tinh-thần văn-hóa của Phật-giáo đã bồi dưỡng cho hai dân-tộc bao nhiêu thế-kỷ chung sống trong bầu không-khí trong sạch sáng-suốt vậy.

∴

Sau nửa giờ ông Phạm-Chữ dứt tiếng, kế đến Tổng Lãnh-Sự Pháp và Trưởng Phái-Đoàn Phật-giáo Việt-Nam và Hội Đại-Bồ Đề. Các vị còn nêu cả vấn-đề quan-hệ về Hội-nghị Phật-giáo Quốc-Tế, thành ra cuộc nói chuyện kéo dài ra đến hai tiếng đồng hồ mới giải tán, ai nấy đều đem về một cảm-tưởng hy-vọng ở Hội Phật-giáo thế-giới sắp được thành-lập cho Phật-tử hoàn-cầu đều có một lực-lượng đoàn-kết đại-hùng, đại-lực để cùng thực hiện tinh-thần phụng-sự nhân-loại.

16. — CUỘC GẶP GỠ NHÀ TRƯỞNG-GIẢ BIRLA

Sau khi người Anh trao trả Chính-Phủ Ấn-Độ Xá-lợi của hai vị Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-Liên đo Bác-Sỹ Nerhu, Thủ-tướng Ấn-Độ tiếp nhận rồi giao sang Hội Đại-Bồ-Đề phụng sự. Tuy vậy mà chính-phủ Ấn vẫn còn giữ hai món đó là Quốc - Bảo vô giá, Phật - giáo nước nào muốn xin rước về chiêm bái, tất phải được Chính-phủ Ấn duyệt-y, nhiên hậu Hội Đại - Bồ - Đề mới dám cho rước. Khi tôi được cử làm Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo qua Ấn-Độ, ban Tổng Trị-Sự Hội Việt-nam Phật-giáo cho tôi một số tác-phẩm quý nhất của Phật-giáo Việt-nam đem sang biếu Chính-phủ Ấn để gây thiện-cảm, mong sau này sẽ nhờ Chính - phủ Ấn cho được toại nguyện thỉnh Xá-lợi.

Đem trí tưởng-tượng ra mà đặt đường thì dễ đấy, nhưng đến sự thực-tế thì khi sang đến Ấn-độ mới thấy sự trực-tiếp với Tổng-thống-Ấn để trao tay cho Ngài hòm kinh thực là khó, mà điều khó nhất là khi người ta còn nghi-kỵ Phái-đoàn Phật-giáo chúng tôi là có dính chính-trị. Đối với danh-nghĩa, điều đó chính chúng tôi cũng cần phải tránh nên khi mới đến Ấn-độ, hai lần có các nhà báo đến phỏng vấn về chính-trị, chúng tôi đều từ-chối, lại phải hoạt động theo nhiệm vụ Phái-đoàn Phật-giáo cả ở Ấn-độ lẫn Tích-lan. Các

báo - chí ở Ấn-độ và Tích-lan đều đem các hoạt động hợp chính-nghĩa của Phái-đoàn Phật-giáo nêu lên dư-luận ; lại nhờ có Thượng-tọa Janatana biên thư giới-thiệu với nhà đại Trưởng giả rất được Chính-phủ Ấn trọng nể, vì ông này đã giúp kinh-tế ho Thánh Cam-Địa cách-mệnh thành-công, tức là BIRLA tiên sinh.

Chúng tôi đáp phi-cơ từ Calcutta đến New-Delhi hồi 2 giờ chiều ngày 16 tháng 6, có các viên tòa Đại-Sứ Pháp và đại biểu Phật-giáo New-Delhi đón về chùa Hội - quán dùng cơm nước rồi nghỉ ngơi, 5 giờ chiều Birla tiên sinh cho đón Phái-đoàn Phật giáo chúng tôi vào biệt - thự đàm-đạo. Chúng tôi nói qua mục-đích biếu kinh Chính-phủ Ấn, yêu-cầu Tiên-Sinh giới-thiệu cho được gập Tổng-Thống Ấn. Tiên-sinh nói :

« Việc này kể ra rất khó, nhưng các Ngài cứ yên-tâm, thể nào tôi cũng yêu-cầu được Tổng-thống chúng tôi tiếp quý Phái đoàn vào nội-nhật ngày mai ». BIRLA tiên-sinh hỏi tiếp :

— Cuộc chiến-tranh ở Quý-quốc liệu sắp kết-liễu chưa ?

– Đa số dân Việt - Nam chúng tôi đều cho cuộc chiến tranh ở nước tôi chỉ kết-liễu khi nào người Pháp trả lại hoàn toàn chủ-quyền.

— Sự sinh-hoạt hiện thời của dân chúng có dễ chịu không ?

— Trừ một số ít người hoặc dấu-diếm hoặc chạy được trước khi chiến - tranh thì đời sống của họ còn dễ chịu một chút, còn đều bị thiếu thốn đủ mọi đường.

– Ở Việt-Nam có Gia-giáo không ?

— Trước đây linh 300 năm, ở Việt-Nam đã

có ảnh-hưởng Gia-giáo, nhưng dân chúng theo rất ít, hiện thời chỉ độ 20% thôi.

— Còn thì theo Phật-giáo cả ư ?

— Cũng có một số ít người vô Tôn-giáo còn họ theo Phật-giáo trực-tiếp, hoặc theo gián-tiếp, nhưng họ cũng tự nhận là theo Phật-giáo.

— Lực-lượng của Hội Việt-Nam Phật-giáo ra sao ?

— Trước thời kỳ chiến-tranh có linh một trăm chi-hội khắp cõi Bắc-Việt cộng cả số Hội-viên Tăng, Ni, thiện-tín có tới linh 30 vạn, nhưng từ khi xảy ra chiến-tranh đã tan rã mất nhiều. Nhưng hiện thời cũng đã có nhiều chi tiếp tục hoạt-động. Còn Hội Trung-ương ở Hà-Nội thì sự tiến-hành cả về truyền-bá giáo-dục lẫn cứu-tế xã-hội cũng khả-quan. Đó là tôi chưa nói đến các Hội Phật-học ở Trung-Việt và Nam-Việt, nhất là Sơn-môn Tăng-già ở Trung-Việt có ảnh-hưởng rất sâu xa về Phật-học ở nước tôi.

Chúng tôi hỏi tiếp :

— Xin Tiên-sinh cho chúng tôi được biết quan-niệm của Ngài đối với Phật-giáo ?

— Xin thú thực tôi thuộc về Bà-la-môn giáo, không những riêng tôi mà phần lớn giới tri-thức ở nước chúng tôi tuy thuộc về Bà-la-môn nhưng rất kính-phục Đức Thích-Ca. Sở dĩ chúng tôi kính-phục Ngài như vậy, là vì Ngài đã sớm hy-sinh đời sống diễm-phúc, xa-hoa của vị Hoàng-tử đương tuổi anh-niên, quả quyết đoạn-tuyệt cảnh ngôi cao quyền lớn, vợ đẹp, con yêu, dấn thân theo con đường tu đạo khổ-hạnh, khi chứng-ngộ được đạo lại mạnh-mẽ đem đạo ra cứu đời suốt 49 năm, tức là Ngài đã hy-sinh thân-thể để đi tìm hạnh-phúc chân-thực cho chúng-sinh, Ngài đã nêu cao tấm gương chân-lý sáng-sủa để cải cách

từ Tôn-giáo, cho đến chính-trị, văn-hóa, xã-hội cho nước tôi hồi ấy, lòng vị-tha không bờ bến của Ngài đã kết thành một sức mạnh độc nhất để hướng dẫn hằng hà sa số những tâm-hồn về với chân-lý từ-bi, bình-đẳng, cho biết đường sinh sống với cuộc đời sáng-suốt, êm-dịu. Đức Thích-Ca chính là nhà đại tôn-giáo cách-mệnh, nhưng Ngài chỉ cách-mệnh bằng tinh-thần bình-tĩnh, Ngài còn làm gương cho các nhà cách-mệnh bằng võ-lực bạo-động nữa.

BIRLA tiên-sinh hỏi :

— Xin Thượng-tọa cho biết Đức Phật Thích-Ca khi Ngài còn tại thế có hay nói đến chính trị không ?

— Có, Đức Phật-Tổ Thích-Ca ngày xưa có nói về chính-trị để giúp cho các vua chúa. Dưới đây Bần-tăng xin dẫn chứng một đoạn lịch-sử còn chép về việc Đức Thích-Ca đem chính-trị giáo-hóa cho vua Thắng-Quang ở nước Kiều-tát-La : « Một hôm vua Thắng-Quang đến chiêm-yết Phật rồi xin Ngài dậy phép làm chính-trị.

Phật bảo vua Thắng-Quang rằng : Tuy thân mặc gấm vóc ngồi ngai vàng nhưng tâm phải để đến hạng dân đen áo vải, nhà danh. Miệng ăn sơn hào hải vị, mà trí phải để đến kẻ đổ mồ hôi nước mắt lấy miếng cơm dưa muối. Ý trí tuy khoan khoái, nhưng phải nghĩ đến những tù-hàm oan-uổng, Trong tay thống-lĩnh muôn dân, làm sao cho chúng đều được sống mạnh-mẽ trong lòng nhân-ái từ-bi, cần phải thương muôn dân như con một của mình, hằng mong cầu cho dân-chúng được mọi sự yên-lành. Thấy chúng làm điều ác-nghiệt, phải nhận ở mình có lỗi thiếu dạy bảo. Nên cố khoan tội lỗi rồi giáo-hóa cho họ biết đổi chừa. Thấy dân chúng làm điều hay việc tốt phải khen thưởng để

khuyến-khích cho chúng thêm hăng hái làm điều lợi ích. Nếu nhà vua thương dân như con thì muôn dân sẽ coi nhà vua như cha. Ở Triều đình phải trọn người tài mà trọng dụng, cho mỗi người một việc, xét kẻ gian nịnh mà truất bỏ. Chớ để những lạm hại nước, hại dân, không nên dùng nhiều người làm để phiền phí đến công-quỹ, coi của dân là của mình, sức dân là sức mình, chớ nên đánh sưu-thuế nặng, chớ nên bắt phu-phen nhiều. Những kẻ ương ngạnh không theo pháp-luật thì phải trừng-trị ngay, chớ để di-họa về sau.

Còn cần phải noi gương chính-trị thuần túy của các vị Thánh-vương hiền-thần đời trước. Chớ nên hà-khắc để dân ai-oán làm loạn, chớ nên tàn-sát quá đáng để mang tội báo đền nặng về sau. Đối với các nước lân-bang, nên gây cảm-tình thân-thiện, chớ gây mầm oán thù báo phục, chớ nên cậy khỏe hiếp yếu mà xâm-chiếm đất nước người ta, chớ nên cậy lớn hiếp bé, đem quân đánh chém gây vạ chiến-tranh để bắt người ta thần-phục cống-hiến. Ngẫm suốt cổ kim thiên-hạ, có nước nào mạnh giỏi được mãi, có nước nào bị hèn-yếu mãi, mình đã gây vạ chém giết người ta khi cậy lớn cậy khỏe, tất người ta phải lo toan phục thù báo oán để rửa nhục khi mình đã bị hèn yếu,

Nếu nhà vua đem nhân-đức làm chính-trị như vậy thì ân-uy sẽ nhuần thấm thiên-hạ, tiếng hay sẽ đồn-đại ra khắp các nước gần xa, họ sẽ rủ nhau đến quy-phục đông như về chợ, đem lễ vật đến cống-hiến cho nhà vua, coi nhà vua ngang thánh, thần vậy. Đối với ngôi Tam-Bảo nhà vua chớ nên bài-báng phải nên tôn-kính. Ngôi Tam-Bảo là nền tri-tuệ của dân, nhà vua phải chăm khêu luôn cho thêm tỏ. Ngôi Tam-Bảo là Đạo-sư hướng

dẫn đạo-đức cho dân, nhà vua phải ủng hộ. Ngôi Tam - Bảo là thuyền bè chở dân đến bến hạnh-phúc, nhà vua phải ra tay ủng-hộ cho người cầm lái. Cần phải gắng sức giữ gìn. Ngôi Tam-Bảo, còn phải sáng-lập ra khắp trong nước nhiều đạo-tràng truyền giáo để cho dân-chúng có một nền đạo-vị nuôi sống linh-hồn của chúng mãi mãi.

Nếu Đại-vương nghe theo lời tôi mà trị nước trị dân, thì dân yên nước trị, thiên địa, thần minh chứng-minh ủng-hộ, mưa thuận gió hòa, lúa đậu nhân-dân no ấm, tai vạ không có, nước nhà an-lạc, thiên hạ thái-bình, sau khi nhà Vua băng-hà còn được sinh về cõi giời mà hưởng phần khoái-lạc nữa.

Tôi hỏi: *Đạo của Đức Phật Thich-Ca thuần-túy cao-cả như Tiên - sinh đã biết, tại sao Phật-giáo không được bành trướng ở Ấn-độ?*

Đáp: *Đó chẳng qua là vì Phật-giáo ở nước tôi đến vận-hội suy-nhược, hóa nên trong Tăng-giới không sản-xuất ra được những bậc vĩ tăng như Mã-Minh, Long-Thụ, Thiên-Nhân, Vô-Trước v.v. trong giới Thiện-tín không có bậc Hộ-Pháp như Vua bình xa, Vua Tần Bà Xa La hay ít nhất cũng được như Vua Sảng-Đức, Vua A-Dục v.v. để cùng đem giáo-lý Đại-thừa ra giáo-hóa cho dân-tộc chúng tôi. Trái lại mặc cho họ su - hướng theo về các giáo khác cả. Nhưng hiện thời ở nước tôi, Phật-giáo đã có cơ chấn-hưng, vì từ khi nước tôi đòi được chủ-quyền Độc-Lập, chính phủ Ấn đã tính ngay đến phương-châm dung-hòa Phật-giáo với Bà-La-Môn giáo mong cứu-vãn cái nạn chia rẽ dân-tộc và tôn-giáo.*

-- Thượng-Tọa Janatana đã cho chúng tôi được biết đến quan-niệm đối với Phật-giáo của Tiên-sinh. Chúng tôi còn nhận thấy công-đức vĩ-đại của Tiên-sinh đã sáng-tạo nên Trường Phật-học ở Lộc-Uyển

và tòa Chùa ở ngay Quý Thủ-đô đây. Tòa đền thờ Thần Bà-La-Môn có thể to-tát nhất Ấn-độ cũng là do Tiên-sinh, xuất tài, xuất lực tạo nên. Tiên-sinh cho đắp tượng hai bậc Vĩ-nhân là Vua A-dục và cho vẽ tranh Thánh Cam-Địa đều quỳ lễ trước tượng Phật Thích-Ca. Như vậy, không riêng gì chúng tôi, tất cả các nhân-vật trên thế-giới đến du-lịch quý Thủ-đô đây một khi ngoạn cảnh ngôi đền đó, họ đều nhận chân được lòng sùng-mộ Phật-giáo của Tiên-sinh là nhường nào rồi.

Đến phút cuối cùng, BIRLA Tiên-sinh lại ngỏ ý với chúng tôi rằng:

Xin Thượng-tọa cho biết số tiền chi-tiêu của quý Phái-đoàn đi dịp này hết tất cả bao nhiêu để tôi xin cúng, mong được góp phần công đức.

— Chúng tôi xin trân-trọng cảm ơn tấm đạo tâm vô thượng của Tiên-sinh đối với Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam chúng tôi cũng như đối với toàn dân Việt-Nam. Chúng tôi không dám nhận món tiền của Tiên-sinh tặng, vì chúng tôi đi đây, Chính Phủ Việt-Nam đã chu-cấp đủ cả. Nói đoạn, chúng tôi liền cáo-từ ra về.

17. — PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM YẾT KIẾN BÁC-SĨ « PRASAD » TỔNG-THỐNG ẤN-ĐỘ

Hồi non trưa 17-6-50, chúng tôi nhận được tin Tổng-thống ẤN-ĐỘ sẽ tiếp chúng tôi tại điện Tổng-thống vào hồi 6 giờ chiều. Đúng giờ kể trên, chúng tôi mới tới cửa ngoài đã có linh đón, dẫn vào đến cửa điện đã thấy Tổng-thống ra đón chào. Chúng tôi đáp lễ rồi cùng vào ngồi. Mỗi đoàn-viên ngồi riêng một ghế, riêng tôi, Tổng-thống mời ngồi chung với Ngài một tòa để nói chuyện cho vui. Tôi nhân-danh Trưởng Phái-đoàn đệ hòm kinh kính biếu, Ngài tiếp nhận với lễ-mạo thành-kính và gửi lời cảm ơn Hội VIỆT-NAM PHẬT-GIÁO đã để ý đến Chính-phủ ẤN-ĐỘ do Ngài lãnh-đạo. Ngài còn cho mở hòm kinh ra xem một lúc rồi mới cùng chúng tôi đàm-đạo.

Dưới đây là những lời vàng ngọc của Bác-sỹ PRASAD, Tổng-thống ẤN tiếp chúng tôi :

— *« Tôi rất sung-sướng được tiếp quý Phái-đoàn Phật-giáo, tôi hằng mong gây tinh-thần Phật-giáo giữa ẤN-VIỆT sẽ được nối lại mỗi ngày một thêm chặt chẽ. Chỉ có nối giây tinh-thần Phật-giáo với nhau mới được lâu dài chân-thực, còn các*

mối giày liên-lạc khác, dù thiết chặt đến đâu chăng nữa cũng chẳng mấy mà ăi nát ! Chinh sinh-quán của tôi ở Bouddha Gâya tức Bồ-Đề tràng nơi Phật THÍCH-CA tu thành đạo. Tôi đà phải trực-tiếp can thiệp giúp Phật-giáo đòi Bồ-Đề tràng, nên bên Bà-la-môn giáo người ta mới chịu trả. Chính - phủ Ấn hiện thời không những chỉ bảo-tồn những nơi Phật - tích, lại còn giúp Hội Maha Bồ-Đề chấn-hưng nhiều công cuộc Phật-giáo ở Ấn-Độ nữa. Tôi thấy Phật-giáo cần phải chấn-hưng ở nước tôi ; xin Thượng-tọa cho biết cảm-tưởng của Ngài đối với xứ Ấn-Độ ?

— Thưa Tổng-thống : Chúng tôi nhận thấy ở Quý-quốc có ba tôn-giáo lớn là Phật-giáo, Bà-la-Môn giáo và Hồi giáo, nay Hồi-giáo đã biệt lập thành một nước, chỉ còn có Bà-la-Môn và Phật-giáo. Ở ngay Quý-quốc thì Bà-la-Môn thịnh hơn Phật-giáo nhiều, trái lại, Bà-la-Môn không có một tín-đồ nào ở thế-giới cả. Phật-giáo tuy kém Bà-la-Môn ở Quý-quốc, nhưng lại có hàng mấy trăm triệu Tín-đồ ở khắp thế-giới, lý thế tất nhiên Quý-quốc cần chấn-hưng Phật-giáo, để nhờ đạo Phật gây thiện-cảm với thế-giới. Quý-quốc còn phải dung-hòa Phật-giáo với Bà-la-Môn giáo cho dân-chúng thoát cái nạn vì tôn-giáo mà chia rẽ cái lực-lượng hùng-hậu của quốc-gia, nhất là phải giải-phóng 18 triệu dân nô-lệ để cho họ được sinh-sống trong bầu không-khí tự-bi, bình-đẳng thời cuộc đời họ mới được có giá-trị của con người. Hiện tại muốn xây đắp một nền tảng chắc-chắn cả về tôn-giáo, chính-trị, văn-hóa, xã-hội ở Quý-quốc, cố nhiên cần phải chấn-hưng Phật-giáo.

Phong trào Nam, Nữ tự-do bình-quyền đã lan

tràn đến Quý-quốc hơn ba trăm năm nay. Vậy mà bần Tăng xem ở mấy tỉnh như Ba-la Nại, Can-quit-ta, Đa-nát, dĩ chí Tân-đen-ni đây ít khi thấy đôi vợ chồng trẻ hoặc đôi thanh-niên Nam, Nữ khoác cánh nhau đi ngoài đường, lại qua không có một người phụ-nữ nào mặc áo cánh ra khỏi cửa, đủ thấy nguồn phong-hóa ở Quý-quốc còn chay sạch lắm. Bần-tăng còn thấy cả dân-tộc Quý-quốc chỉ độ một phần trăm ăn vận âu-phục là những người thường tiếp-súc với ngoại-quốc, còn đều dùng quốc-phục với đồ nội-hóa. Người ốm dùng thuốc men, không kiêu cúng ma quỷ và không đốt vàng mã. Người chết đem đốt cho xuống sông là xong, không ma chay kèn trống, sôi thịt và đã không tốn đất-cát tốn tiền-của lại không tốn cả thì giờ nữa. Đám cưới nào cũng đơn-giản, không cỗ-bàn, không tiệc tùng, các việc cúng-lễ ít khi ăn-uống linh-đình ; như thế không những chỉ bồi-bổ cho tinh-thần tự-chủ của một dân-tộc có ngót bốn trăm triệu người, mà còn xây-đắp nền kinh-tế chắc-chắn cho quốc-gia nữa. Bần-tăng thấy tinh-thần thanh, cần, tiết, kiệm và tu, ố, liêm, sỉ còn tươi-sáng ở Quý-quốc nhiều lắm. Nhất là vừa được thành-công rực-rỡ của cuộc cách-mệnh lạnh, không mất một giọt máu, một đốt xương mà giành được chính-quyền độc-lập. Chả thế mà phần nhiều người Âu-châu đã chán ngấy cái khí-vị văn-minh vật-chất, họ đương đổ-xô đến khảo cứu về văn-hóa của Quý-quốc».

Cuộc đàm-đạo đã đến nửa giờ, chúng tôi xin cáo-từ, Tổng-thống còn ân-cần gửi lời thân-ái chào dân-tộc Việt-Nam và ước mong tinh-thần Phật-giáo cũng như tinh-thần hữu-nghị của Ấn-Việt luôn luôn liên-lạc với nhau rất mật-thiết bằng tinh-thần Phật-giáo.

Khi ra khỏi dinh Tổng - Thống Ấn, tự thâm-tâm ký-giả cảm thấy rằng hơn hai tháng lo-âu với gánh nặng Trưởng Phật-giáo bỗng nhẹ hẳn tôi bèn hứng vịnh :

Từ vâng Phật xứ luống lo-âu.
Nhờ sức phù - trì kết-quả thâu,
Gây mối bang-giao cùng Quốc-tế,
Mở đầu Phật-hội với hoàn-cầu,
Thỉnh Kinh ba Tạng noi gương trước,
Ký-sự một thiên rọi đuốc sau.
Gánh nặng Phái-đoàn thôi đã cất,
Phỏ cùng giăng-gió giữ dùm nhau.

PHAI-DOAN PHAT-GIAO VIET-NAM DI TICH-LAN

1. — DỰ HỘI-NGHỊ PHẬT-GIÁO THẾ-GIỚI

10 giờ đêm ngày 23 tháng 5 năm 1950, chúng tôi ở chùa Đại-Bồ-Đề (Calcutta) ra trường bay Calcutta đã gặp một số cả Chư-tăng và thiện-tín là mấy Phái-đoàn Phật-giáo các nước đi họp Hội-nghị Phật-giáo Quốc-tế ở Thủ-đô Tích-Lan. Đi dọc đường máy bay phải đỗ hai lần : Một lần đỗ ở tỉnh Madras để chờ máy bay khác đến đón, lần này đỗ đã hết già nửa ngày. Lần nữa đỗ ở biên giới Ấn-Tích để trình giấy thông-hành chỉ độ 30 phút, vì thế nên mãi 3 giờ chiều hôm 24 mới đến Colombo.

Ở tàu bay xuống, tất cả các Phái-đoàn Phật-giáo đi chuyến máy bay này đều phải cảm-động với bao nhiêu tấm đạo tâm thân-mật của ban Chiêu-tập Hội-nghị và nhân-viên hội Phật-giáo Đại-Bồ-Đề Tích-Lan, vì có tới hàng trăm người, có cả mấy vị cao cấp trong Chính-phủ Tích-Lan, các giới Phật-giáo Tích-Lan đưa ra khá nhiều ô-tô nhà để đón rước. Bất luận quen hay lạ, ai nấy đều tay bắt mặt mừng, thực là vui-vẻ tưng bừng. Làn không-khí cực-lạc nhân-gian đã bắt đầu diễn. Các Phái-đoàn được ban chiêu-tập chia nhau đón về các chùa hoặc nhà tư. Chỉ riêng có Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam là nhờ có thư của Ông Tổng thư-ký Hội Đại-Bồ-Đề Ấn-Độ giới thiệu từ trước, nên ngoài ban chiêu-tập tiếp đón

ra còn có Ông RAJA HEWAVITARNE hiện đương là Bộ-trưởng Bộ Thương-mại trong Chính-phủ Tích, lại là Phó hội-trưởng Hội Đại-Bồ-Đề Tích-Lan với một số các Ông các Bà yếu-nhân của hội đó ra đón. Ông Phó-hội cho biết vì tôi không thạo tiếng Anh và tiếng Tích-Lan mà đến chùa ở không tiện cho tôi về ngôn-ngữ giao-tế, vì theo phép Phật-giáo Tích-Lan thì thiện-tín như Ông PHẠM-CHỮ không được ở chung với chư Tăng, về ở nhà riêng của ông để Ông PHẠM-CHỮ được ở chung với tôi cho tiện việc giao-dịch thông-ngôn trong mọi công việc. Tôi cũng nghĩ, đi đây là cốt được ích chung cho đạo, không được phép câu nệ với những điều chi tiết riêng mình để làm trở ngại đến việc công. Bèn nhận lời về tạm trú nhà Ông RAJA HEWAVITARNE.

2. — NẾP NẾP CỦA MỘT GIA-ĐÌNH PHẬT-GIÁO

Vừa đúng nửa tháng, chúng tôi ở nhà Ông RAJA HEWAVITARNE càng ở lâu càng phục tấm lòng mộ đạo kính Tăng của hai Ông Bà nhà quý-phái đàn-việt này. Nhiều khi ông đi làm về lại lái xe đưa chúng tôi đi chiêm bái, đi hội họp hay đi xem các nơi, cũng vì thế mà các danh-lam thắng-cảnh, các trường học Phật-pháp, hoặc thế-gian, nhà thương, nơi nuôi ông già, bà cả yếu đuối nghèo túng mà không có con cháu, dĩ chí mấy sở kỹ-nghệ và viện Bảo-tàng ở thủ-đô Tich-Lan là tôi đều được đến chiêm bái và thăm xem.

Hơn nữa Bà RAJA HEWAVITARNE lại có một tinh thần đáng phục : Thân danh bà là vợ một ông Bộ-Trưởng lại làm chủ hai xưởng công nghệ lớn ở Thủ-Đô Tich-Lan, năm nay gần 50 tuổi, trong nhà phú-quý cực-điểm, thế mà đầy tớ chỉ vẻn vẹn có hai người. Ông Bà quý-phái đàn-việt này chỉ có hai người con : một giai một gái mà đều còn đang đi học cả. Hai cô cậu này nếu là con nhà phú-quý khác tất nhiên sẽ được chiều chuộng đến bực nào ! Chiều chuộng quá hóa hư hỏng, trở nên những hạng thiếu-niên vô-hạnh, đến khi thành niên sẽ làm hại đến tự-thân chúng, đến gia-đình chúng, cố nhiên di hại đến cả xã-hội. Đằng này không thế, người ta yêu con

khác, bắt con cũng phải làm các việc vặt trong nhà. Chính buổng tôi ở, sáng nào cậu con giai cũng vào mở cửa xem xét, rồi bảo người nhà quét dọn. Cô con gái mỗi buổi đi học về phải săn sóc luôn vào việc cơm nước hầu cha mẹ. Lòng yêu con của ông bà này thực là biết đường thương yêu, muốn cho con sau này nên người kiểu mẫu. Về bốn đức công, ngôn, dung, hạnh, có lẽ Bà đàn-việt này chiếm ưu-điểm trong bạn quần - thoa, vì hôm nào tôi cũng thấy bà ta dậy rất sớm làm việc với người ở, suốt nửa tháng giời không thấy bà ta nặng lời với người ở lần nào. Có một lần tôi thấy bà ta làm việc ở bếp từ 3 giờ sáng cho mãi đến 10 giờ trưa. Tôi xuống hỏi, thì bà trả lời : là đến phiên bà được cúng cơm ngọ 30 vị học-sinh Tăng tại trường Phật-học của Hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan ; cần phải thổi nấu gấp để mang đến kẻo quá ngọ.

Lại mỗi khi gia nhân mang cơm cho chúng tôi, bà tự lên săn sóc từng ly từng tý, không bữa nào là để mặc người ở, khi chúng tôi đi đâu về, chỉ độ mấy phút, đã thấy nước giải khát. Tôi còn thấy ít khi bà bỏ những khóa lễ long trọng ở các chùa, thế mà bà quý-phái đàn-việt này còn làm Giám-đốc 3 viện nuôi ông già bà cả nghèo khổ với không có con cháu và trẻ mồ côi nữa. Bà đàn-việt này thật là người hiểu đạo và tự mình đem mình ra làm việc đạo và vẫn đủ bổn phận làm nội-tướng của một đại gia-đình phú-quý. Bà này thật : « **Giầu mà vẫn siêng-năng, sang mà không biển lận** ». Có thể đem 10 chữ trên này để tặng cho bà rất đích đáng

Dưới đây là bài tôi tặng bà RAJA HEWAVITARNE:

Trong làng mệnh phụ thiếu chi a!
Phú quý nhân từ được mấy bà,
Giầu vẫn cần lao thêm hỷ-xả,
Quý mà phúc hậu lại hiền hòa,
Soi gương tứ-đức đời vong bản,
Rập bảng tam-quy nết vị tha,
Giá đủ tu my hay biết mấy,
Trượng phu ai đứng giữa quần thoa.

3. — LÒNG YÊU QUÝ KHÁCH NGOẠI-QUỐC CỦA ÔNG K-T WIMALASEKERA

Chúng tôi còn cảm động sâu-xa với gia-đình ông : K-T WIMALASEKERA nữa, nguyên nhân chỉ vì con giai ông gặp chúng tôi nói chuyện có một lần tại chùa Đại Bồ-đề Ấn-Độ. Dịp đó cậu ta qua Ấn-Độ cũng về việc Phật, khi về nhà không biết cậu ta nói những gì mà làm cho cả hai cha mẹ và hai chị em của cậu đi hai ô-tô ra tận sân trường bay Colombo đón chúng tôi. Trong khi đón rước mừng mừng rỡ rỡ một cách khẩn đắn tựa hồ như đón người nhà đi đâu xa xôi lâu ngày nay mới về ấy. Vì tôi không thạo tiếng, để cho cả nhà quý-phái đàn-việt này cứ quấn quit lấy ông Phạm-Chữ để nhờ thông ngôn những lời chào mừng và khẩn khoản mới về ở nhà riêng.

Gia-đình này cứ khăng khăng không chịu để cho ông Phó hội-trưởng hội Đại Bồ-đề mời về nhà. Sau tôi phải đôi ba lần nhờ ông Phạm-Chữ nói rõ rằng : « Tôi là đại biểu Phật-giáo Việt-Nam phải ở nơi có tính cách công cộng của đoàn thể Phật-giáo để tiện cho công việc đạo, còn như đối với Quý đàn-việt tôi thâm cảm thấy đạo tâm thân mật nhường ấy, thế nào tôi cũng đến thăm và chơi một ngày để cùng đàm đạo ». Bấy giờ mới chịu để cho ông Phó hội-trưởng đón về. Tưởng rằng như thế thì thôi chả là đến

sáng hôm sau, ông chủ cùng các con giai, con gái lại đều đến nhà ông RAJA HEWAVITARNE để thăm chúng tôi rồi tiếp tục mọi ngày ít nhất ông với các con cũng đến thăm một lần, làm cho tôi vi cảm động rồi đâm ra suy nghĩ : « Mình với gia-đình đàn-việt này có lẽ cũng chỉ là những tấm thân đã bị thay hình, đổi dạng của những kiếp nào đến nay mà đều không biết đó thôi, nhưng đạo tâm vẫn cùng nhau ở trong Phật-Pháp dày lắm, cho nên thiện duyên đến khi cảm - ứng là phải gặp - gỡ, nếu không thì sao mình với người ta còn là khác nước, khác nòi, không phải là thày là bạn, cũng chưa từng gặp nhau bao giờ, mà lại thiết tha đến mực ấy, thực là « Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ » chứ đây lại là : « Hữu duyên vạn lý năng tương ngộ » mà là duyên Phật-Pháp chứ không phải là duyên thế tình ».

Dưới đây là bài tôi vịnh để tặng gia-đình này :

Ba sinh hẳn đã hẹn nhau gì ?
Lạ mặt nhưng lòng có lạ chi.
Đã biết duyên lành đưa hội ngộ,
Thì tin nghiệp xấu bắt phân - ly.
Đỉnh chung mặc đấy pha mầu đạo,
Cực-lạc khuyên ai nhớ lối quê.
Xum họp hỏi chi ai sắp đặt,
Đường tu khéo vụng tỉnh mau đi,

4.— LE TUYÊN THỆ THÀNH LẬP HỘI PHẬT-GIÁO THẾ - GIỚI (25 - 5 - 1950)

Vì ban chiêu tập hội nghị Phật-giáo Thế-Giới đã lượng cơ biết số người đến dự hội nghị và chiêm bái buổi lễ khai mạc này rất đông đúc. Nhất là buổi lễ tuyên thệ của cả hai mươi sáu phái đoàn cùng đứng ra sáng lập Hội Phật-Giáo Thế-Giới. Vì thế nên lễ này trước định cử hành ở tòa khán đài rộng nhất Thủ-đô Tích-Lan, nhưng vì phần các đại biểu Phật-giáo Thế-giới không ưng làm lễ tuyên thệ ở nơi không có dấu vết thiêng liêng của Phật-Tổ, mà phải làm lễ ở ngôi chùa thờ Răng Đức Phật-Tổ, cổ tích của Tích-Lan ở tỉnh Kandy bây giờ. Tỉnh nay cách Colombo chừng 150 cây số, mà lại ở trên ngọn đảo.

Tám giờ sáng hội nghị ở trụ sở Thanh-niên Phật-giáo Tích-Lan ra đi, vì ô-tô cứ phải bò ngược sườn núi chừng 50 cây số, tức là 1/3 đường Colombo đến Kandy, vì thế nên mãi đến gần 11 giờ mới tới. Riêng Ký-giả lấy thế làm may mắn, vì được xem phong cảnh cả thành thị lẫn thôn quê của Tích-Lan. Nếu các độc - giả sang du lịch, sẽ thấy những bức họa « sơn thủy lâu đài » mà ta cho là gấm vóc đem so với phong cảnh đẹp thiên nhiên, của đảo Tích-Lan, sẽ thấy bức tranh kia chả thấm vào đâu.

Trưa hôm nay dùng cơm hai nơi, các thiện tín

thì ăn ở khách sạn do ban chiêu tập thết, còn chư tăng thì dùng cơm chay do một trai chủ dâng thết. Người tiếp ứng chư tăng trong bữa cơm này, từ chủ nhà đến gia nhàn đều đi chân không hết. Khi chư tăng chứng trai xong, hai ông bà và các ông già bà cả Thanh niên nam nữ đến làm giúp tiệc trai này đều giải khăn ra đất để lễ hết vị này đến vị khác.

Cơm ngọ xong, nghỉ ngơi đến 4 giờ chiều mới lại đi tới chùa thờ Răng Phật dự lễ, bắt đầu đến cửa chùa ai nấy đều phải tháo bỏ giầy dép vào đứng sắp hàng nghiêm trang để theo ban Phật nhạc rước vào nơi hành lễ, vừa đúng 5 giờ bắt đầu cử bài Phật nhạc Tích-Lan rồi đến một bài kinh tiếng Phạm độ 25 phút để cầu nguyện Tam bảo gia hộ. Vừa dứt tiếng tụng kinh, thấy tất cả Tăng tục đều đứng dậy nghiêm chỉnh chào một vị Tổ-Sư ngoại 80 tuổi ra ngồi ghế chủ-tọa. Tôi đương nghĩ Ngài già nua thế này thì còn nói làm sao được to tát cho số chợ người này nghe, thi bỗng thấy tiếng Sư-tổ tiếp theo lời giới thiệu, Ngài đọc một bài diễn-văn non 20 phút mà không thấy trông vào bài lần nào. Tiếp theo Hòa-thượng là một vị Hộ-Pháp được cử làm chủ tịch cho thiện tín cũng lên diễn đàn Đại ý hai ngài đều nói với 26 phái đoàn Phật-giáo thế-giới rằng : « Cần phải có một tổ chức thống nhất lực lượng Phật-giáo, đoàn kết Phật-tử bằng một phương diện thành lập hội Phật-giáo Thế-giới, nếu được toàn thể hội-nghị tán thành ». Một vị lão Tăng được ra đáp : « Muốn phục hưng Phật-giáo, muốn cứu vãn nền tín-ngưỡng Phật-giáo hiện thời cần phải lập hội Phật-giáo Thế-giới. Tất cả đại biểu Tăng tục chúng tôi xin tán thành ». Để hưởng ứng một

tiếng tán thành theo với những âm vận Phật nhạc vang rội cả không trung, kế đến ai nấy đều vào làm lễ phát thệ. Một Hòa-Thượng được cử đọc bản tuyên thệ trước Phật-điện để thành lập hội Phật-giáo thế-giới.

5. – BẢN TUYÊN-THỆ

Chúng tôi đại-biểu Phật-giáo các nước và đại-biểu tất cả các tổ-chức Phật-giáo trên hoàn-cầu, hôm nay (25-5-1950) họp trước cửa Tam-bảo tôn-nghiêm ở chùa Răng Phật đây, vốn là nơi chùa lịch-sử của kinh-đô cổ-tích này, chúng tôi cùng nhau phát-thệ rằng : Chúng tôi và tất cả các Phật-tử mà chúng tôi thay mặt đều chí-thành phát thệ : Cả xuất-gia lẫn tại-gia đều sẽ hết sức tuân theo thi hành giáo-pháp và giới-luật của Đức Phật THÍCH-CA. Chúng tôi với các Phật-tử sẽ phải cố gắng đem mình làm những tấm gương trong sạch sáng-suốt giữa nền tín-ngưỡng Phật-giáo để làm cho tinh-thần Phật-giáo chung đúc thành một khối sáng-sủa mạnh-mẽ khắp hoàn-cầu.

Muốn đạt được mục-đích ấy, chúng tôi cùng nhau thề nguyện sẽ phải thống-nhất Phật-giáo, đoàn-kết Phật-tử theo nghĩa « Lục-hòa » với lòng thâm-tín, để dìu-dắt tất cả Phật-tử trên khắp hoàn-cầu làm cho đạo-lý của Phật, tinh-thần thanh-tịnh của chư Tăng được tất cả mọi người trên thế-giới hiểu biết. Mong rằng tinh-thần : « Từ-bi, hỷ, xả của Đức Phật có lực-lượng mạnh mẽ vô cùng để hướng dẫn các dân-tộc và các Chính-phủ của dân-tộc đó đều tin-tưởng cũng như đều hoạt-động theo một con đường từ-bi bình-đẳng để sống chung với cuộc đời sáng-suốt, rửa sạch hết những khối óc tham, sân, si, như thế để

lòng bác-ái, tình hữu-nghị giữa dân-tộc nọ với dân-tộc kia sẽ hòa giải, sẽ thân thiết, ức triệu người như một để cho hòa-bình của nhân-loại sẽ thực hiện. Muốn đạt tới mục-đích vĩ đại đó, phải có một cơ sở vĩ-đại, một chương-trình hoàn-bị, để giao cho một cơ-quan lãnh đạo. Vì thế nên chúng tôi quyết định thành lập hội Phật-giáo thế-giới với tất cả các Trưởng Phái-đoàn Phật giáo có góp mặt góp nhời tại buổi lễ tuyên-thệ này, đều được đủ thẩm-quyền quyết đoán và thi-hành quyết-nghị này.

Chúng tôi rất mực thành kính cầu xin Đức Phật phù-hộ cho tất cả các sự cố gắng của chúng tôi ».

Đọc xong bản quyết-nghị này, tất cả 26 vị Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo đều lần lượt đọc nhời phát-nguyện riêng.

Dưới đây là lời tuyên-thệ của tôi :

Đệ-tử Tỷ-khiêu THANH-LAI, biệt hiệu TỐ-LIÊN nhân danh Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam, hân-hạnh được cùng 25 vị Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo các nước trên thế-giới, dự buổi lễ phát nguyện thành lập hội Phật-giáo thế-giới dưới bóng từ-bi cao cả. Cầu xin Đức Phật chứng cho lời chân-thực tán-thành đề-nghị lập hội Phật-giáo thế-giới giữa lúc này và tuyên-thệ với Đức Từ-bi, với Phật-tử thế-giới rằng : Sẽ cùng nhau áp-dụng những lời đã tuyên-thệ cho được thực hiện làm cho tinh-thần Phật-giáo mỗi ngày được thêm sáng-sủa ở Việt-Nam. Sẽ là công trình gom góp lực-lượng với hội Phật-giáo thế-giới, sự thành công của đệ-tử sau này còn nhờ ở Đức Phật điểm-hóa cho có sự ủng-hộ của Chính-phủ cũng như của dân Việt-Nam với các hội, các tổ-chức

Phật-giáo ở Việt-Nam, nhất là còn phải hy-vọng sự ủng-hộ về tinh-thần của hội Phật-giáo thế-giới nữa.

∴

Trong buổi lễ tuyên-thệ còn có mấy bài diễn-văn mà ký-giả trích dịch những đoạn đặc sắc ở trong các bài của Ông MAHA NAKAYA DE MALWATTE. của Ông DIYAVADANA NILAME (người coi sóc thờ răng Phật) và Bà G. C. LOUNSBERY (đại-diện các đại-biểu Âu-châu). Đây là đoạn văn của Ông MAHA NAKAYA DE MALWATE :

« Thưa chư Tăng và các anh em Phật-tử thế-giới ! Chúng tôi rất lấy làm may mắn được gặp gỡ tiếp rước các Quý-vị trong ngôi chùa lịch-sử này. Hôm nay các Quý-vị tới đây thay mặt cho Phật-tử các xứ đã được tươi sáng với ánh sáng giáo-lý của đấng Đại-từ-bi. Mong rằng điểm này được coi như triệu chứng tốt lành và để chứng tỏ sự thực nghiệm của cổ-truyền rằng : « Đến năm 2500 (cứ theo Phật-lịch Tich-Lan thì năm nay mới có 2494, khác với ta theo Phật-lịch năm nay đã 2513) thì hoàn cầu sẽ được hoàn toàn giác-ngộ ».

Bây giờ đã có cơ-hội thuận tiện nhất để chỉ cho hoàn-cầu biết con đường đưa tới sự thái-bình an-lạc cao cả nhất, mà chỉ có Đức Phật mới cứu cho ta được, vì bây giờ nhân-loại cũng như thời-đại của Đức Phật đã mở mang tinh-thần rất sáng-sủa rộng-rãi. Bởi vậy chúng ta phải nhất quyết đi mà reo rắc mầm tốt trên khắp thế-giới bằng cách khởi một phong-trào « TỪ, BI, HỶ, XẢ » như lời Phật dạy.

Chúng tôi dốc lòng nguyện-vọng cho nền Phật-

học thế-giới được bành-trướng khắp đó đây để làm cho bao tâm-hồn đương sợ hãi gớm ghê của nhân-loại, đương áy náy lo âu, chiến-tranh sẽ không còn trên hoàn-cầu.... Chúng tôi mời các Ngài thượng-khách của chúng tôi đi thăm các ngôi chùa lịch-sử và các lăng-tẩm của chúng tôi.- Xin thay mặt toàn nước Tích-Lan và Giáo-hội Tăng-già, chúng tôi cầu chúc các Ngài mạnh khỏe phúc-tuệ vẹn toàn và chúng tôi ước mong rằng. : Mục-đích của Hội-nghị Phật-giáo thế-giới này là đem lại hòa bình cho thế-giới được kết-quả mỹ-mãn.

Của Ông LE DIGAVADAMA NILAME :

« Chúng tôi là Phật-tử, một phần năm số nhân loại đã cùng nhau từ những phương xa ngàn muôn dặm tới đây hội họp để tỏ cho hoàn-cầu biết sự thống-nhất lực-lượng tin-ngưỡng của chúng ta, một tín-ngưỡng đã vượt lên trên tất cả bao sự khó khăn của hoàn cảnh trưởng ngại. Sự họp mặt của chúng ta ở trong ngôi chùa thờ răng Phật này, mới thật là cuộc hội-nghị xứng đáng của Phật-tử thế-giới, tới ngôi chùa này là nơi dấu vết đã được vị Công-chúa SANA-WAL theo lệnh vua cha đem răng Phật từ Ấn-Độ sang đã 14 thế-kỷ nay để giao-phó cho xứ Lanka này. Thật là lần đầu tiên trong lịch-sử Phật-giáo mà các Phật tử gặp nhau để góp sức gom công đối với tôi là người gìn giữ các thứ báu của Phật, tôi tin vào sự hội họp ở Lanka này là một việc vui mừng lớn lao.

Tất cả chúng ta tự dõng-dạc tuyên-bố với hoàn-cầu rằng : Từ chỗ đất danh tiếng mà chúng ta đến hội họp Hội Phật-giáo thế-giới để từ nay

về sau sẽ làm nẩy nở ra giữa nhân-loại những tư-tưởng của Đức Phật, tình thương yêu của muôn loài, nó sẽ chắc chắn đưa lại hòa-bình hạnh-phúc cho một thế giới đương điêu linh.

Của bà G. C. LOUNSBERY, Hội-trưởng Hội Ái-Hữu Phật-giáo :

Thưa Quý vị,

Các Phái-đoàn châu Âu và châu Mỹ đã cử tôi đến đây để tỏ lòng thành kính với ngôi Tam-bảo trong chốn tôn-nghiêm này, có thể gọi được là Trung-tâm-điểm Phật-giáo của hiện-tại. Bởi vậy nhân danh tất cả các Phái-đoàn châu Âu và châu Mỹ, tôi xin các Ngài nhận tấm lòng thành-kính và tôn-sùng sự cộng-tác của Phật-tử giữa châu Âu, châu Mỹ với châu Á để cùng mong nhờ Phật-tổ độ cho chúng ta có cơ-hội xum họp các mối lòng, các bàn tay công-đức để tước khí giới trong các mối lòng thù oán, các bàn tay tàn sát. Theo đề-nghị của Bác-sỹ G. P. MALALASEKERA, tôi sát nhập tất cả các Phái-đoàn châu Âu và châu Mỹ vào quyết nghị thành lập một hội Phật-giáo thế-giới mà Trung-tâm-điểm hiện thời là Tích-Lan. Chúng ta cùng nguyện với Bác-sỹ rằng : Hội Phật-giáo thế-giới sẽ đem ra nhiều những mối giây tâm trí đoàn-kết và lại là những giây thân-ái với hiểu biết của các Phật-tử trên thế-giới để cho họ có thể cộng-tác mà truyền-bá Phật-giáo. Tôi cầu chúc cho mọi loài đều được hạnh-phúc.

6. — QUANG CẢNH BUỔI LỄ KHAI MẠC HỘI.NGHỊ PHẬT-GIÁO THẾ-GIỚI

Buổi lễ khai-mạc Hội-nghị Phật-Giáo Thế-Giới này do một vị lão Hòa-Thượng chủ-tọa về bên Tăng-Già và Thủ-Tướng Tích-Lan nhận chủ-tịch do lời mời của ban Chiêu-tập, cốt để Ngài có dịp hoan-nghênh các đại-biểu Phật-Giáo trên thế-giới và để tỏ lòng sốt sắng của Ngài đối với tôn-chỉ lập Phật-Giáo Thế-Giới. Hồi 5 giờ chiều 15 mới cử hành, mà mới có 4 giờ chúng tôi đã ra đi. còn một phần ba (1/3) cây số nữa mới tới, thế mà chúng tôi đã phải xuống ô tô để đi bộ. Phần thì đông quá và chính tôi cũng muốn nhận ở lòng dân-tộc Tích-Lan hưởng ứng với Hội-nghị Phật-Giáo Thế-Giới này ra sao.

Thực là quang-cảnh « xe hơi như nước, bóng người như mây ».

Tôi hỏi ông chủ nhà : « *Thành phố đây sao lắm xe ô tô thế nhỉ ?* »

Ông cho biết : — « *Thành phố chúng tôi này, nhà có hai ba chiếc bù với nhà không có chiếc nào, tính trung bình thì mỗi nhà có một chiếc* ».

Thảo nào mà nhìn quang-cảnh của các con đường đi tới khán-đài tựa như những làn sóng ngũ-sắc từ bốn phương tràn lại, vì rằng riêng cờ Phật-giáo theo mầu ngũ-sắc nổi bật lên trên

các ô-tô. Đấy là mỗi xe ô-tô người ta chỉ cắm có một cây hoặc ba cây.

Hai bên vỉa đường thực là quang cảnh chầy hội, nhưng đám chầy hội này nó có một đặc điểm là đủ tất cả các mầu da của các giống người trên thế-giới. Người nào người ấy đều lộ đầy vẻ mặt phong-nhã và hoan-hỷ với bộ quốc-phục của họ, hết thảy đều hăm hở tiến tới nơi hội-nghị, thực không khác gì quần-tiên tới hội bàn-đào.

Tòa nhà dùng để cử hành lễ khai hội-nghị này nó chính là tòa khán-đài mà người ta bảo rằng nó to tát nhất, rộng rãi nhất của Thủ-đô Tich-Lan. Tòa khán đài này, lối kiến-trúc làm rất ít cột mà chạy dài, nếu quy vuông lại có thể hơn mẫu ruộng. Trước khán đài tôn một pho tượng Phật to lắm mà mầu sơn son thiếp vàng đã có vẻ cổ. Chung quanh bệ tượng Phật bầy rải hoa sen không biết bao nhiêu mà kể. Dưới chân bệ đều chôn bốn ngọn đèn điện lớn ở dưới đất cho ánh sáng của nó chiếu ngược lên tượng Phật thành ra ánh đèn chiếu với hào-quang sắc vàng của tượng Phật lộ ra một vẻ thiêng liêng huyền bí, khiến cho người ta đứng bên ngoài chiêm-ngưỡng vào thấy đầy chân tướng uy nghiêm vô hạn.

Còn một đám lớn mây cờ ngũ-sắc treo khắp trên nóc khán đài nó chiếu ánh với đèn điện rồi theo luồng gió thổi mà phất múa chào các Phật-tử thế-giới. Lối để cho các diễn-giả đi vào diễn-đàn còn bầy những chậu lúa vàng để tượng-trưng những cảnh thái-bình sẽ đưa lại cho nhân loại.

Bên ngoài khán-đài là bãi đua, nó có một

bề thế rộng rãi thênh thang cho người ta đứng xem. Người ta ước lượng ngoài sân đua có linh vạn người đến xem, đấy là chưa kể số bao nhiêu người có thiếp mời đến dự lễ với hơn một trăm Đại-biểu của các Phái-đoàn các nước ngồi trong khán đài. Đối với chư Tăng đến dự hội-nghị, hình như ban chiêu tập có mật ý để cho thập phương chiêm ngưỡng oai nghi của các nhà đạo-đức thì phải. Vì ký giả thấy sắp đặt để chỗ chư Tăng ngồi làm nhiều nơi mà mỗi chỗ chỉ có độ vài ba chục vị, chư Tăng đều mặc áo cà-sa sắc vàng cả, thành ra những lớp sóng áo vàng của chư Tăng nổi bật lên giữa những làn sóng y phục ngũ sắc của thiện tín. Cuộc hội-nghị này ban chiêu tập sắp cũng lắm công phu và mỹ-thuật. Đúng 5 giờ, tiếng chuông trống với vận điệu âm nhạc nổi lên ba hồi vừa dứt thì Bác-sĩ MALALASEKERA nhân danh trưởng-ban chiêu-tập ra cảm ơn Hội-nghị, làm lễ khai mạc, Bác-Sỹ vừa dứt tiếng thì giời bỗng đổ mưa gió, nhưng không vì mưa gió mà trì hoãn lại để nhỡ mất cái giờ phút thiêng-liêng độc nhất của lịch sử Phật giáo thế-giới, nghĩa là lễ khai mạc cử việc cử hành.

Chư Tăng Tích-Lan đồng thanh tụng bài kinh Phạm-tự vào 4 cái loa, tiếng thiêng liêng oai hùng truyền ra vang rội trời đất. Thực là đạo mầu thiêng liêng cảm ứng mà lòng người ta không thể nghĩ bàn xiết được, Tất cả hội-nghị đều chứng kiến đạo thiêng liêng thực hiện đó là vì vừa dứt tiếng tụng kinh thì mây quang mưa tạnh, Đương lúc hàng hơn vạn người đều yên lặng chăm chú hướng vào tượng Phật để nghe kinh một cách hoan hỷ cảm động, thi diễn văn bằng tiếng Phạm của Hòa thượng Phirivattaduwe

Pallassa Vayasca Thera, diễn văn của Thủ-tướng Tích-Lan D. S. Sananayaka v. v... đều tiếp tục đọc. Lại đọc đến những bức điện tín của mấy vị Tổng-thống và Thủ-tướng ở các nước gửi đến cầu chúc hội-nghị Phật-Giáo thế-giới thành-công,

Dưới đây xin dịch hai bức thư của một vị Hòa-thượng và một vị Công-Chúa Thái-Lan (Xiêm) Bức thư của Hòa-Thượng Somdich Phara Vajiranaisam là Pháp-Chủ của Giáo-hội Tăng-già Thái-Lan :

« Nhân dịp Hội-nghị Phật-giáo thế-giới nhóm họp, nhân danh Pháp-chủ Tăng-Già Phật-giáo Thái-Lan, tôi mong được tiến những lời chúc tụng thành thực và những lời cầu-nguyện cho sự thành công của Hội-nghị để đưa đến chỗ tiến-hành thực sự về giáo-lý của đức Phật-Tổ để đem lại hạnh-phúc hòa-bình cho thế-giới.

Đức Phật đã chỉ cho chúng ta con đường chính và sự hòa-bình vĩnh-viễn. Tôi cầu xin cho Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới sớm đạt mục-đích để tiến tới ngày kết quả hết sức mỹ-mãn ».

Thư của Công-chúa Ponn Diskul :

« Thưa các quý vị giáo-hữu, Tích-Lan và nước Thái-Lan chúng tôi không xa lạ gì nhau, từ bao thế-kỷ đến nay đã có biết bao nhiêu phái-đoàn Phật-giáo của hai nước chúng tôi đã trao đổi mà lần này là lần thứ 16 của phái-đoàn Phật-giáo Thái-Lan tới xứ này.

Ước mong tình thân-ái của chúng ta được lâu bền mãi mãi. Nhân danh Hội Phật-giáo Thái-Lan và các Phật-tử Thái-Lan, tôi cầu xin chúc các Ngài đều được hạnh-phúc và Hội-nghị thành công rực rỡ ».

7. — LỜI TUYÊN BỐ VÀ DIEN-VĂN CỦA KÝ-GIẢ

Thưa Thủ-Tướng,

Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam lấy làm sung sướng được thấy Ngài áp dụng địa vị Thủ-Tướng ra hộ trì Phật-giáo, nhân danh Trưởng Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam chuyển lời toàn thể Phật tử Việt-Nam trân trọng kính chào Ngài và cảm ơn Ngài và trân trọng kính chào Phật-tử thế-giới. Chúng tôi đến đây để biểu lộ một quan niệm thành kính tha thiết nhất là cầu chúc Hội Phật-giáo Thế-giới này sớm thành công ngõ hầu san sẻ hết sự đau khổ vô biên giữa nhân-loại đã diễn, đương diễn và còn diễn nếu mà nhân-loại không giác-ngộ.

Thưa toàn thể Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới. Trân trọng xin các Quý Ngài hoan-hỷ nhận ở tôi kính cẩn chuyển lời của 18 triệu dân Việt-Nam theo Phật-giáo chào mừng toàn thể Quý Ngài và chúng tôi cũng xin thành thực dâng lời ca-tụng công-đức của Quý Ngài.

Giữa lúc phần lớn nhân-loại đang xô nhau nghiên-cứu phát triển về văn-minh vật-chất mà các Quý Ngài lại họp Hội-nghị cùng nhau để tìm chân-lý tiến-hóa về tinh-thần ; nếu người nào nhận xét ở Hội-nghị này một cách đơn-giản, họ

sẽ cho là phản tiến-hóa, tôi có thể hiểu được thâm-ý của các Quý Ngài, chẳng những không phản tiến-hóa, mà còn muốn cho con đường tiến-hóa hoàn bị nữa. Vì mục-đích Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới của Quý Ngài là muốn cho nhân-loại tiến-hóa cả vật-chất lẫn tinh-thần, chứ không nên thiên khinh, thiên trọng một bên nào cả. Vì một bên nuôi sống cho thể xác, một bên nuôi sống cho tâm-linh, toàn thể Hội-nghị đã hoan-hỷ ưng cho chúng tôi phát-biểu ý-kiến. Vậy chúng tôi xin cống hiến Quý-Ngài vấn đề : « MUỐN CỨU VÃN HIỆN-TƯỢNG THẾ-GIỚI CẦN PHẢI HIỂU BIẾT CHÂN-LÝ PHẬT-GIÁO ».

Đứng về phương-diện tương - đối mà bàn : Kìa trước mắt chúng ta đã thấy muôn nghìn hiện-tượng. Cuộc đời này cố nhiên đã là thế-giới hiện-tượng. Nếu như phóng tầm mắt đạt-quang, ta sẽ thấy các hiện-tượng ấy là con ma ám ảnh nhân-loại, quay chuyển từ đáy lòng nhân-loại phát sinh ra ; còn giống tham, sân, si, nó sẽ nẩy nở ra muôn nghìn tình tứ mâu-thuẫn chênh-lệch, đuổi theo với hoàn-cảnh ; tình theo cảnh chuyển, cảnh càng chuyển, tình càng mê, người ta lại càng nhận ở hoàn-cảnh thật có. Đã nhận ở hoàn-cảnh thật có rồi còn giác-ngộ đâu được nữa mà chẳng hô-hào nhau, xô đẩy nhau theo hoàn-cảnh giả-ảnh để tiến-hóa, tranh dành lấy cái hoàn-cảnh giả-ảnh cho được thỏa thuê với muôn nghìn thứ mưu cầu.

Nhưng, mưu cầu cái gì chứ ? Kìa, lịch-sử thảm-họa đã diễn, đang diễn sẽ diễn và còn diễn mãi mãi, nếu nhân-loại không chịu gột rửa những khối óc tham, sân, si, để cùng đưa nhau đến thế-

giới sinh - tồn, trong bầu không - khí trong sạch sáng sủa, trái lại, cứ đua nhau tiến-hóa với cuộc đời giả-ảnh, tuy nó có giả-ảnh thực đấy, nhưng nó có một sức mạnh lôi cuốn nhân-loại vào nơi đau khổ ! Kia ! Như giấc mộng vốn là giả dối, thế mà người đương trong mộng dữ-dội đó, cũng bị đau khổ, có khi đến nỗi kêu ca khóc lóc. Hiện tại cả nhân-loại đã chán ghét chiến-tranh, sợ hãi tàn sát, thế mà trước mắt chúng ta thấy số người tự hào là tuấn kiệt của nhân-loại, mà họ cứ vẫn xô đẩy nhau tiến - hóa theo con đường bạo động vô ý - thức, kẻ nào tài điên-đảo là kẻ hào-kiệt, kẻ nào tài giỏi gây vạ là hiền tài. Đứng về phương-diện nhân-đạo mà nhận xét, chỉ thấy họ cậy khôn bịp dại, cậy lớn bịp bé, cậy khỏe nuốt yếu để rồi phục-thù báo-oán. Thua keo này bày keo khác, thi nhau bày trò chủ-nghĩa, thi nhau đóng kịch phái đảng, thi nhau hỗn-độn tự-do, thi nhau áp-bức tranh-dành, thi nhau xâm-lăng phá-hoại đến nỗi cả thế-giới đều là chiến địa thảm-thê, về nỗi chém giết nhau cho máu thành sông, cho xương thành núi ; thành sầu giữa nhân-loại mỗi ngày một thêm xây cao, bể khổ giữa nhân-loại mỗi ngày một thêm khơi sâu. Như vậy thì muôn kiếp nghìn đời giữa nhân - loại với nhân - loại, giữa xã-hội với xã-hội chỉ vì những cái giả-ảnh phú-quý quyền-lợi nó trói buộc nhân-loại trong tấn kịch : Oan oan tương báo, thành, bại, oán thù, tương đối của kẻ mạnh với kẻ yếu, diễn hết thảm trạng này đến thảm trạng khác, hết khổ não này đến khổ não khác, đời đời kiếp kiếp nhân-loại chỉ nối nhau quay cuồng trong nhà lửa, nấu nung dằm đuối giữa khổ ải muôn trùng. Đứng giữa thời-đại này, thảm trạng

ấy, nếu chúng ta không có quan-niệm tin-tưởng, không có đường chân-lý để đi, thì chúng ta bi-quan đến cực điểm. Nhưng cũng chưa đến nỗi tuyệt vọng, là vì chúng ta còn nhiều lạc-quan theo với chân-lý nhân-quả tương-đối.

Thế-giới nhân-loại này, đã là hiện-tượng tương-đối của nhân-loại khổ nạn : vậy thì đã có hiện-tượng mê-hoặc, phải có hiện-tượng giác-ngộ, có hiện-tượng tạo-tác, ác-nghiệp, phải có hiện-tượng cảm-hóa tạo-tác thiện-nghiệp và có hiện-tượng khổ-nạn cũng phải có hiện-tượng cứu-khổ cứu-nạn. Cái hiện-tượng giáo-hóa chúng-sinh giác-ngộ để tiến-hóa trên con đường tạo-tác thiện-nghiệp sẽ đưa nhau đến cảnh giới đại-đồng giải-thoát khổ nạn, ấy chính là những pháp-môn phương-diện tùy duyên theo với chân-lý tuyệt-đối trong đại-thừa Phật-giáo. Tất cả các Ngài có mặt ở Hội-nghị Phật-giáo đây, đều là hiện-tượng của chủ-nghĩa Đại-thừa Phật-giáo cả, nhân-loại đang đày đọa giữa hoàn-cảnh đau khổ, họ càng đau khổ bao nhiêu thì họ càng đặt tin tưởng vào quý Hội. Sau khi bế mạc, các Ngài sẽ là những ông mãnh tướng phụng-mệnh Pháp-vương ra tay phá địa-ngục nhân-gian, sẽ lại là những bậc Hiền-tài Đại-sĩ đem pháp mầu tuyệt-đối ra giác-ngộ cho nhân-loại. 18 triệu dân chúng tôi theo Phật-giáo, cũng như các số dân-tộc theo Phật-giáo ở các Quý-Quốc, họ đều thiết-tha mong đợi các quý Ngài làm chân sứ-mệnh « Tự-giác, giác-tha, tự-lợi lợi-tha của đức Giáo-Tổ Thích-Ca ».

Đây tôi xin cùng quý Ngài đứng về phương-diện chân-lý của Phật-giáo mà bàn, chúng ta sẽ thấy tất cả vạn-tượng chỉ là một mảy bụi, tạm thế chỉ là một nhảy mắt còn đem cái gì mà

phân tách ra cho có hiện-tượng thời-gian lẫn không gian, mà cũng không chia quốc-gia này với quốc-gia nọ dân-tộc này với dân-tộc khác, nó chỉ là cái cảnh-giới ở chân-lý hiện ra, tuyệt đối trang-nghiêm, chân-lý đó không có hẳn, mà cũng không không hẳn, chẳng hẳn là một mà cũng không hẳn là hai, vì nó là chân-lý tuyệt đối của « Pháp-môn bất nhị ». Pháp-môn đó có đủ tinh-thần đưa nhân-loại tiến hóa đến cảnh-giới tuyệt-đối, sẽ trút hết khổ não, cho nên trong kinh Đức Phật ngài nói : « Nếu người nào biết được đến đáy nguồn của nhân-tâm, lúc đó sẽ thấy cả quả đất này không còn một tấc nữa ». Một tấc không còn thì còn gì có thế-giới mà xâm lăng tranh cướp. Phật với chúng ta cùng là chúng-sinh không khác ; Phật tức là nhân-loại đã tiến hóa đến cảnh giới đại-đồng bình-đẳng, thì làm gì còn có thảm họa lớn nuốt bé, khỏe hiếp yếu, khôn bịp dại nữa. Vì đó sẽ thấy rằng tuy thế-giới này, nhân-loại này, nhưng thế-giới đã được nhân loại chuyển biến thành cực-lạc mà nhân-loại đã giác-ngộ lên làm Phật. Chân-lý Phật-giáo lúc đó mới thực hiện ra ở cả cõi lòng nhân-loại này. Chúng ta còn gọi đến danh-từ Phật và danh-từ chúng-sinh, là chúng ta còn kêu gọi đến hiện-tượng tương-đối của Đức Phật đã chứng ngộ được chân-lý hoàn toàn để tương-đối với chúng-sinh còn mê-muội hoàn toàn. Chúng-sinh nào được giác-ngộ thì đời suy tôn làm Phật. Sở dĩ tôn làm Phật là để tưởng tượng một chân-lý hoàn toàn chứa chất ở người đã giác-ngộ mà còn để tương-đối với chúng-sinh còn mê muội chưa giác-ngộ. Chân-tướng của chúng-sinh giác-ngộ làm Phật chúng ta thấy ở đâu ?

Sẽ thấy rằng : Núi sông cây cỏ đều là pháp-

thân, tiếng lá rụng, hoa rơi, chim kêu, gió thổi đều là tiếng thuyết-pháp màu-nhiệm của pháp-thân cả. Như vậy trên thế-giới này đều là Phật-quốc cả, nhân-loại đều là hiện-thân chư Phật cả, lúc đó không còn quốc-gia này với quốc-gia kia tương-đối, dân-tộc này với dân tộc kia tương-đối, sẽ thấy cái danh-từ thế-giới nhân-sinh không còn nữa. Phương-diện giáo-lý tuyệt đối của Phật-giáo ta sẽ thấy rằng : Vạn pháp chỉ là nhất tâm ; nói về thế-giới, thì thế-giới chỉ là những hình ảnh của bản-thể pháp-thân hay pháp-giới hiện-tượng ra. Nói về nhân-loại hay cả muôn loài đều có cái thân thanh-tịnh tuyệt đối, thiêng liêng tuyệt đối. Nó không hẳn là có, cũng không hẳn là không. Nói có thì có tự mảy may. Nói là không thì cả thế-giới này đều không. Vi con mắt phàm chẳng trông thấy được cái mảy may nên cho là không, nhưng đã có mắt Phật, cố nhiên sẽ thấy sắc tức không, không tức sắc. Xưa kia Đức Phật Thích-Ca trải qua 49 năm thuyết pháp giảng kinh hơn 300 hội, giác-ngộ vô lượng chúng-sinh mà những giáo-pháp Ngài thuyết-độ sau này biên chép thành ra gần 7000 bộ kinh, cố nhiên ta phải nhận ở Ngài có lịch-sử : Tu thân, hành đạo, thuyết pháp, độ sinh trong 49 năm chứ ? Thế mà gần đến khi nhập Niết-bàn, Ngài bỗng đem pháp-môn « bất nhị » ra để bảo cho chúng-sinh biết rằng : « Từ xưa đến nay ta chưa từng nói một chữ nào ».

Câu nói phút cuối cùng của Phật đó, ý Ngài nói : Trong 49 năm nói ra bao nhiêu ngôn-ngữ văn-tự, nó chỉ là phương-pháp giác-ngộ chúng-sinh mê tâm, mê sắc, hoặc mê cả tâm lẫn sắc, một khi hết mê thì phép đó sẽ vô-dụng. nếu đã giác-ngộ mà cứ khư khư giữ lấy phép đó thì lại vẫn

còn mê. Cũng tỷ như bệnh-nhân khi đã mạnh khỏe mà còn theo bài thuốc chữa khỏi bệnh đó mà uống thêm nữa bệnh sẽ lại sinh ; chân-lý tuyệt đối ấy mặc dầu vẫn sẵn ở tâm-lý chúng-sinh. Khốn nỗi cái lưới vô minh nó đã bao chùm đi từ bao đời kiếp rồi, cho nên phần lớn chúng-sinh bỏ quên đi, hầu như mất hẳn, tuy cũng còn số chúng sinh hiểu biết, nhưng chỉ hiểu biết một phần nào đó thôi. Chỉ duy có Phật với Phật mới hiểu biết hoàn toàn vậy.

Nói tóm lại, cái danh-từ Phật hiểu biết đó là cái tương đối với danh-từ chúng-sinh mê lầm, thế tất nhiên vô lượng pháp-môn của Phật cũng lại là những phương-pháp tương-đối để đối trị với vô lượng sự đau khổ của thế-giới nhân-loại đang hiện-tượng.

Muốn cứu vãn thế-giới nhân loại đang đau khổ cần phải biết áp-dụng chân-lý tuyệt-đối của Phật-giáo để xây đắp nền tảng nhân-gian Phật-giáo cho nhân-loại đều sống lâu dài bình-đẳng tự-do mới có thể kết liễu được chiến tranh, mới có thể tiến tới cảnh-giới đại-đồng, hòa-bình hạnh-phúc. Còn nhân-loại muốn tránh sự đau khổ thì mỗi gia-đình phải có một nền phong-hóa Phật-giáo, mỗi cá-nhân cũng phải có ở tâm-hồn một tinh-thần đạo-đức thuần-túy. Dưới đây xin dịch bốn câu kệ để kết luận :

Bản đồ Pháp-giới hỏi ai tô ?
Rằng tại lòng người chẳng tại mô.
Mười cõi Thánh Phàm tâm tạo đủ,
Nhân nào quả ấy chớ rằng vô.

Dưới đây là bài ký-giả vịnh sau khi giảng xong :

Này đảo Tích-Lan lắm phúc không ?
Hội-đồng Phật-tử khắp Tây Đông,
Á, Âu bốn bể dâng hương thệ.
Tăng Tục năm châu thắt giải đồng.
Phụng sự hòa-bình theo Phật dạy,
Đề-huề thân-ái đội giời chung.
Cõi đời hắc ám soi đèn tuệ,
Dìu dắt nhân-sinh quyết gắng công.

∴

Từ đây trở xuống sẽ chia làm hai đoạn :

a/ Kể lược qua sự hoạt-động của cả 26 Phật-đoàn Phật-giáo từ 26-5 cho đến 7-6-1950.

b/ Kể riêng biệt về các hoạt-động của ký-giả theo những ngày kể trên.

8. — KỂ LƯỢC QUA SỰ HOẠT-ĐỘNG CỦA CÁC PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO

Ngày 27 tháng 5. — Từ 9 giờ sáng đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ hội họp ở Tòa Y. M. B. A. là trụ-sở Thanh-niên Phật-giáo Tích-Lan.

17 giờ 30 Ngài Thủ-tướng Tích-Lan D. S. SENANAYAKE tiếp đãi các Phái-đoàn Phật-giáo.

21 giờ. Hội Ánh-Sáng (Pahan-Pinkamda) ở Raja Maha Vihara de Kelaniya thỉnh tụng kinh Paritta.

Ngày 28. — Từ 8 giờ đến 9 giờ nghe Hòa-thượng KASSAPA thuyết pháp bằng Anh-văn ở Maitriya Hall.

10 giờ, làm lễ đặt viên đá đầu tiên của công cuộc kiến-trúc trụ-sở Hội Phật-giáo thế-giới do Công-chúa Thái-Lan PONN DISKUL và Bà KARPELÈS, đại-biểu Pháp được mời chủ lễ hưng công.

Ông M. D. P. R. GUNAWARDENA đọc diễn-văn hành lễ :

Thật là một đặc ân cho tôi được cử làm Trưởng-ban xây dựng ngôi chùa Hội-quán Hội Phật-giáo thế-giới này, nên tôi được hân-hạnh nói chuyện với các Quý Ngài. Ngày nay các Ngài đã đặt viên đá đầu tiên vào ngôi chùa để cho Phật-tử thế-giới phụng sự chung, nó còn là chỗ nghỉ chân cho Phật-tử thế-giới đi chiêm-bái hay đi du-lịch có chỗ nghỉ ngơi và nó còn là hình ảnh

thiêng-liêng của các dân-tộc trên hoàn-cầu. Tôi tin chắc chắn vào ngôi chùa này để cho mọi người chiêm-ngưỡng sẽ thấy ý chí họ tránh điều ác, làm điều lành hoặc gột rửa cho tâm-hồn được tinh-khiết.

Các Ngài từ mười phương tới đây để cùng nhau lập Hội Phật-giáo thế-giới công nghiệp vĩ-đại của các Ngài đó sẽ được ghi vào lịch-sử huy hoàng của nước chúng tôi. Chúng tôi còn phải cám ơn các Ngài đã làm cho đất nước chúng tôi được thêm vinh-dự, đã để lại trong bao nhiêu tâm-hồn dân-tộc chúng tôi những kỷ-niệm bất diệt.

Các Ngài với chúng tôi đã ý hiệp tâm đầu trong những sự giao-dịch về văn-hóa cũng như về xã-hội, cái đó sẽ có một giá-trị vô-song trong sự theo đuổi công việc giữa các Ngài với chúng tôi sẽ còn tồn-tại mãi mãi.

Tôi chắc chắn rằng các Phật-tử nước tôi sẽ cùng tôi để tỏ lòng thành kính cầu chúc các Ngài đều được phúc-tuệ tinh-tiến.

Chúng tôi không quên cảm ơn các anh chị em Phật-tử trong nước đã góp sức vào việc xây dựng này và mong rằng số đông các vị hảo-tâm khác sẽ cùng theo gương phúc-đức đó để giúp cho chúng tôi làm ngôi chùa này chóng được viên thành phúc quả.

∴

11 giờ giáo-hội Tăng-già Y.M.B.A. Colombo thết tiệc trai riêng, có tới 200 vị Thượng-tọa, Đại-Đức đến dự.

Từ 14 giờ đến 17 giờ, hội họp làm việc.

20 giờ, dự cuộc hát do hội thiện Y.M.B.A. tổ chức.

Ngày 29-5 — Từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ : Hội họp làm việc.

17 giờ 30. Ông KUMARAM RATNAM Thị-trưởng COLOMBO và phu-nhân thết tiệc các Phái-đoàn Phật-tử tại-gia.

20 giờ 30, các bà trong hội Y.M.B.A đãi tiệc trà ở G.O.H. có những điệu nhạc Tích-Lan rất vui.

Ngày 30-5. — Các đại-biểu đi thăm những thành phố lớn.

Ăn sáng tại KURUNEGALA do Hội Phật-giáo bản xứ tổ-chức.

Khánh thành công cuộc mở mang thành phố ANURUDHAPURA.

21 giờ : Rước.

Ngày 31-5. — Thăm các đền chùa và thắng tích tại ANURUDHAPURA.

Ngày 1-6. — Sáng : Thăm đền MIHINTALE (còn gọi là MAHINDA) thờ con vua A-DỤC-CA, người đã mang Phật-giáo truyền vào Tích-Lan.

Chiều : Đến POLONNARUWA. Cuộc tiếp đón các đại-biểu do Ngài P. L. BANDHASARA và hội Phật-giáo POLONNARUWA và MINNERYA tổ-chức.

Ngày 2-6. — Sáng : Thăm thành phố POLONNARUWA, một trong những kinh-đô cổ nhất của Tích-Lan.

Chiều : Thăm lâu-đài SIGIRIYA.

Ngày 3-6. — Buổi sáng đi thăm chùa DAMBULLA có những bức hoành sơn cổ tả đời Đức Phật và sự tích Phật-giáo Tích-lan. Tiếp đón các Phái-đoàn có Hòa-thượng ANANDA THERA và Đại-đức H. B. TENNE ESQ M. P. Đi thăm ALUVIHARA là

nơi chép kinh Phật đầu tiên. Hôm nay thụ trai ở MATALE.

15 giờ 30, tới KANDY, chiêm bái răng của Đức Phật.

17 giờ, ông Thị-trưởng KANDY tiếp các Phái-đoàn.

18 giờ, dự lễ thụ-giới ở chùa MALWATTE.

21 giờ, xem cuộc rước tranh tượng Phật có rất nhiều đuốc và voi.

Ngày 4-6. — Đến PANADURA, dự lễ thụ-giới ở chùa PAIYAGALA.

Ngày 5-6. — Từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ, lại từ 20 giờ đến 23 giờ : Hội họp làm việc.

Ngày 6-6. — Từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 16 giờ : Hội họp làm việc.

17 giờ 30, ông Toàn-quyền LORD SOULBERY đón tiếp.

Ngày 7-6. — 9 giờ, khánh thành tòa điện trưng bày các tặng phẩm của các phái đoàn Phật-giáo có những sách của những nhà khảo cứu Phật-học, những sách của các Phật-tử và những tặng phẩm của nước Pháp cho trường Đại-học Tich-Lan.

∴

Dưới đây lại tóm tắt những thư từ trao đổi trong các cuộc bàn cãi về phương châm làm việc :

Đại-biểu hội Phật-giáo Ấn-Độ, Bác-sĩ BARUA tường trình về công việc hiện tại của hội đó. Ông nói chùa hội quán của hội ông cổ nhất của tỉnh CALCUTTA và trong chùa có Tăng học

mục đích để huấn luyện cho chư Tăng hiểu đạo lý rồi sẽ trở về xứ sở mà giữ gìn đạo Phật. Thượng-tọa JINARATANA đại-biểu Hội Maha Bồ-Đề (Ấn-độ) trình một bản kê khai của hội đó từ năm 1891 nhằm năm Hòa-thượng DHARMA-PALA từ Tích-Lan đến Ấn-Độ du-lịch rồi tự tay phục-hưng Phật-giáo ở Ấn-Độ. Hòa-thượng ngài đã đi du-lịch khắp hoàn-cầu, không những sáng lập hội Maha Bồ-Đề mà còn làm nên nhiều những cơ-sở khác nữa.

Bà KARPELÈS xin với hội-nghị tất cả các bài về Phật-giáo đều được gửi cho Bà M. LA-LOU để đăng hàng năm vào tờ Bibliographique Bouddhique (mục-lục các sách Phật) ở PARIS.

Ông hội-trưởng Liên-đoàn Phật-giáo Mã-lai nói qua về tình hình hoạt-động của Phật-giáo trong bầy tỉnh ở Mã-lai, mà trong đó một nửa phần dân chúng là người Trung-Hoa. Ông M. NORDBERG đọc một tờ tường trình của hội Phật-giáo Phần-Lan do ông sáng lập. Ông RANI, xứ Bhutan trình hội nghị rằng : Tuy nước ông hẻo lánh nhưng vẫn trung thành với Phật-giáo.

Ông Quốc-vụ-khanh Thái-Lan nói về lịch-sử Phật-giáo Thái-Lan và cách tổ chức Tăng-già, cách in kinh-tạng. Đại biểu Tiệp-Khắc đọc một bức thư. Đại biểu Nhật-Bản xin cho thường dân có máy truyền thanh và yêu-cầu can thiệp về việc bỏ dùng bom nguyên-tử. Đề-nghị này lại bị bác vì có tính cách chính-trị. Ông TUN-HLA-OUNG, tham-mưu trưởng, xin xây ở Luân-đôn một ngôi chùa hội Phật-giáo. Ông KRASKOPL yêu-cầu hội-nghị phục-hưng Phật-giáo ở nước Đức. Giáo-sư BARUA xin rằng, ngày Vesak phải được coi như ngày Quốc-lễ. Bác-sĩ MALALASEKERA xin rằng : chữ Hinayana từ nay sẽ được thay bằng chữ Theravada.

Tất cả các quyết - nghị trong cuộc hội-nghị đều được châm - chước áp dụng.

Các nghị-quyết sau này đã được toàn thể ban chấp-hành của hội Phật Thế-giới ưng-thuận.

Tất cả các bài đăng và các sách vở nói về Phật-giáo đều được thông-tri cho tờ báo đã kể trên ở Ba-lê, sự phục hưng nghệ thuật Phật-giáo hội-nghị cho là việc tối cần.

Một chương trình về các báo chí làm cơ-quan cho Phậ -giáo Thế-giới phải được nghiên-cứu rõ ràng, các kinh sách và các tài liệu về văn-hóa cả về ca-nhạc v. v... đều cần phải có.

Trụ-sở trung-ương của hội Phật-giáo thế-giới định đặt ở Tich-lan.

Bác-sĩ G. P. Malalasekera được mọi người bầu làm chủ-tịch ủy ban giám-đốc hội. Không thể chép ra đây tất cả các thư từ của hội-nghị, chúng tôi chỉ chọn lấy những cái có vẻ thú - vị cho các độc-giả, như thư của xứ Népal quê hương của Đức Phật :

Lịch-xử xứ Népal nói rằng : *Cái vùng nấp ở dưới núi Hy-mã-lạp-sơn đã được 6 vị Phật để chân trước Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni. Chính Đức Phật ngài chọn đấy là nơi giáng sinh. Lúc thành Phật, đức Thích-Ca Mâu-Ni không những nhiều lần đến thăm Ca-tỳ-la-vệ mà lại đi vào giữa xứ Népal đến ở đấy, ngài được vua xứ Kiraty là Jitedasi đón tiếp. Một cái bia dựng lên ở chỗ đáng ghi nhớ, bây giờ gọi là Namura, mà ở đấy là nơi Đức Phật ngài giảng kinh Jataka de vyghri.*

Khi hoàng-tử Vidudabha con vua Kosala tàn-sát họ Thích-Ca ; Những người chạy thoát vào trong giữa xứ Népal. Trong kinh nói rằng : hầu hết họ Thích Ca và họ Kolyas đều nương náu vào Phật, Pháp, Tăng trong khi Đức Phật còn tại thế. Sự này còn chỉ rõ rằng các đệ tử trung thành của Đức Phật vẫn tỏ rõ cho nhân gian xứ Népal biết cái lòng từ-bi của đức Phật cả sau khi ngài nhập niết-bàn.

Nhưng chính vua Dharmashoka đã vi Phật-giáo mà chiếm được cả xứ Népal. Ông ta đến thăm xứ Népal năm 259 trước thiên chúa, đi theo có công chúa Carumati, về sau công chúa lấy một người qui-phái xứ Népal tên là Devapala. Cuộc đến thăm ấy được tả trong quyển Swayambhu Purana. Năm cái bia xây do vua dựng là ở giữa và bốn góc tỉnh Ashoka Pantan vẫn còn làm chứng cho cuộc đến thăm ấy. Cái chùa được công-chúa Carumati sau khi đi tu làm Tỷ-khiêu-ny xây, bây giờ đặt tên là Ca-Bahil (Caru Vihara). Hai cột trụ của vua hiện ở Lâm-tỳ-Ny và Ca-tỳ-la-vệ đều ở trong tỉnh Népal Tarai.

Trong những thế-kỷ đầu, Phật-giáo Népal được giữ nguyên vẹn. Chính những Phật-tử xứ Népal đem truyền đạo Phật sang Tây-Tạng vào thế-kỷ thứ 7. Công-chúa Népal là Bhrukuti (con vua Ansuvarma) lấy một ông vua Tây-Tạng là Song-Tsen-Dom-Po vào năm 640 và giúp cho sự đem đạo Phật vào, Tây-tạng và sự truyền giáo. Một đền thờ Bà vẫn còn ở Lhassa. Tất cả các vị Đại-Đức đi đến Tây-Tạng hay là các miền bắc do các trường Đại-học Phật giáo như trường Nalanda và Vikramashila đều dừng lại Népal. Ta có thể kê tên các ông Shanirakahita, Kamalashila và Dipankara Srignana.

Vua Yakshamal trị vì vào thế kỷ thứ 17 chia nước cho ba con. Vua nước Gorkhas là Prithvi Narayan nhân cơ hội ấy tràn vào xứ Népal vào năm 1775. Từ đấy không có những vua Phật-giáo ở Népal, sự thống trị của vua Narayan và của các người nối ngôi rất vững vàng. Mặc dầu những sự khổ sở đau đớn, các Phật-tử xứ Népal vẫn trung thành với tín ngưỡng của Tổ-tiên, không bao giờ họ bỏ cái kiêu hãnh được làm quyến thuộc với các đệ tử Phật. Ngay bây giờ, phần đông xứ Népal theo Phật-giáo, chỉ trừ có vùng phía nam là có lẫn một số đông không theo đạo Phật.

Nhưng các Phật-tử xứ Népal bây giờ không theo Đại-thừa cũng không theo Tiểu-thừa. Đó là một thứ pha trộn riêng biệt của những phần không phải thuộc Phật-giáo chế độ giai cấp và nhiều phong tục mới đã làm thay đổi họ đi. Đã có một lần một Phật-tử nổi danh là Oldfied nhận thấy sự mất hẳn Phật-giáo ở quê Đức Phật. Nhưng, những Phật-tử xứ Népal có thể tự hào rằng : Mặc dầu có những sự tàn sát cấm đoán, họ vẫn còn giữ được đức tính cổ-truyền và một lòng mộ đạo đáng được Thế-giới Phật-giáo khen ngợi.

Nhà Phật-học xứ Népal nổi danh nhất trong các sứ-thần bây giờ là ông Sri Dharmaditya Dharmacarya, những công trình của ông như in quyển Phật-Giáo Ấn-Độ (Buddhist India) và tổ chức diễn thuyết về toàn cõi Ấn-Độ được Phật-tử biết đến.

Theo hầu Ngài có hai vị sư xứ Népal rất cương quyết : Đại-Đức Dharmaloka và Đại-Đức Mahaprajja. Các ông phải đương đầu với nhiều sự cản trở khó khăn. Năm 1926 lại có vị Đại-

Đức cũng như vài vị Đại-Đức trước bị trục xuất ra khỏi xứ Népal. Nhưng được hiểu sự hy sinh cao cả của Hòa-thượng Darmapala sáng lập ra hội Maha Bồ-Đề ở Ấn-Độ, các ông lại giữ trách nhiệm dìu dắt các Phật-tử xứ Népal theo triết-lý thuần túy của Đức Phật khi các ông ấy được phép trở về nước.

Chẳng bao lâu nhiều các vị Đại-Đức ở Népal khác đến theo các ông như các Đại-đức Anirud-dha, Amritananda, Mahanama, Subodhananda, Sa-kyananda, Buddhaghosa ở Tích-Lan và Diến-Điện theo học trở về. Hai vị có tuổi nhất là các Thượng-tọa Karmashila và Dharmaloka Thera chỉ huy các hoạt động Phật-giáo ở Népal với lại đủ mọi phương pháp. Ba vị Tỷ-khiêu nữa là : Asvaghosa, Kumara và Vimalanada đang theo học ở Tích-Lan.

Trong năm 1944, lại có một cuộc trục xuất các Phật-tử xứ Népal, trong thời kỳ khốn quẫn đó, Hội Maha Boddhi Ấn-Độ giúp đỡ rất nhiều cho các Đại-đức bị trục xuất. Cùng năm ấy những Phật tử xứ Népal gặp nhau ở Isipatana và thành lập Hội Dharmodaya Sabha để truyền giáo ở Népal. Hội Sabha, được Hòa-thượng U. Chanda-mani, Mahathera và Bhadanta-Ananda Kausaly-ayana là chánh phó Hội-trưởng trông nom và đã gây cho Hội Sabha một thế lực lớn. Không có các người thì chúng tôi không làm được một việc gì cả. Phái-đoàn của Tích-Lan đến thăm xứ Népal năm 1946. Thượng-tọa Naradha Thera Trưởng Phái-đoàn được vua Maharaja đón tiếp. Đại-đức Amritananda đi theo Ngài nói với vua về trường hợp những Đại-đức xứ Népal bị trục xuất. Những người này được phép trở về

nước. Thượng-tọa Maha Thera Narada lại trở về Népal năm 1946, để dự lễ khánh-thành tháp Sri Lanka Caitya mà ở đấy để xá-lợi mang từ Tích-Lan về. Nhân dịp ấy vua Népal tuyên bố ngày Vaisaka Purnima là ngày quốc-khánh cho tất cả Phật-tử trong nước. Trong cuộc tới thăm ấy một nhành cây Bồ-Đề được giồng. Một tinh-xá được lập cho các Đại-đức và mở một thư-viện cho các Phật-tử. Lần thăm thứ ba của Hòa-thượng Mahathera Naradha năm nay vào dịp lễ Vaisaka có một sự quan-trọng đặc biệt. Những sự đến thăm của Đức Mahathera đã giúp chúng tôi hiểu rõ thêm về giáo-lý thuần túy của Đức Phật và để nối giây liên lạc chặt chẽ với các Hội Phật giáo các nước. Trong 6 năm nay. Hội Sabha đã làm việc và được kết quả là Đạo Phật lại được tin theo ở xứ Népal. Chúng tôi mong cải cách các hình thức mà đã đi sai giáo-lý thuần túy của Đức Phật với sự giúp sức của vài nhà học-giả xứ Népal và mấy người mộ đạo Phật chúng tôi đã thành lập nhiều Viharas như Patan, Palpa, Tansen, Butaul Pokhra, Kathmandu và Bhojpur. Chúng tôi được một ngôi nhà lớn ở Kalimpong ở phía tây xứ Bengale, sẽ làm trụ-sở và do đấy đang điều khiển các hoạt động của chúng tôi. Cơ-quan nguyệt-san của chúng tôi, báo Dharmodaya được đặc điểm là tờ báo độc nhất của xứ Népal. Chúng tôi đã in rất nhiều sách về Phật-giáo bằng tiếng Newari và Népal. Những học sinh Népal gửi sang Tích-Lan học rất tấn tới về đạo Phật và tiếng Phạm. Nếu có cơ hội thuận tiện chúng tôi mong thành lập một trường Phật-học ở Kathmandu mà Đức vua đã cho phép. Một nhà hảo tâm đã cho chúng tôi một ngôi nhà thật lớn.

Những dự tính của chúng tôi làm :

1/ Làm cho những Phật-tử xứ Népal hiểu rõ bổn phận làm đồ-đệ và họ hàng của đức Phật. Về mục-đích ấy chúng tôi muốn mở nhiều trường Phật-học ở Népal.

2/ Tất cả các làng to đều phải có một ngôi chùa với một hay nhiều vị Tỷ-khiêu trụ-trì. Mỗi một chùa phụ thuộc vào một Hội Phật-giáo và hàng tuần ngày thứ bảy đều có lớp giảng đạo và phát thuốc không lấy tiền.

3/ Kinh Tạng, lời giảng và các sách vở khác về Phật-giáo đều phải dịch ra tiếng Newara và Népal và được phổ-thông cho mọi người với giá thật hạ.

4/ Sự cần có một số đông người làm việc đã thấy rõ rệt và chúng tôi mong thấy một số đông các trai trẻ Népal bắt tay vào một công việc Phật-giáo. Như thế cần một số tiền lớn của Hội cấp cho nhiều thanh-niên của xứ tôi đều ra ở nước có Phật-giáo để học Phật-giáo thực nghiệm.

5/ Chương trình của chúng tôi cũng gồm cả việc ấn loát hai tờ báo nữa ; một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Népal. Một tờ báo Anh Dharmodaya cho chúng tôi được luôn luôn giao dịch với các đạo hữu trên hoàn cầu.

6/ Xin với Chính-phủ Népal tìm cách gìn giữ các di tích Phật-giáo hiện nay không có ai canh giữ trách-nhiệm và sự trông nom gìn giữ Lâm-tỳ-ny và Ca tỳ-la-vệ cũng như nhiều chùa cổ khác đều phải giao cho một ủy-ban Phật-tử.

7/ Khuyến khích các Phật-tử các nước khác đến thăm xứ Népal. Những nhà thông-thái và những nhà khảo-sát về các nơi Phật-tích sẽ được

mời khảo cứu về văn-hóa Phật-giáo vĩ-đại bằng tiếng Phạm hiện vẫn được gìn giữ ở xứ Népal trong các thư-viện. Về sự phong phú của các bản tiếng Phạn nói về Phật-giáo chưa in bao giờ, xứ Népal chỉ chịu thua có xứ Tây-Tạng. Chúng tôi mong rằng Chính-phủ của Đức Vua sẽ dành cho những nhà thông thái muốn tham khảo được hết sức dễ dàng.

Thật là một sự giúp đỡ lớn lao cho chúng tôi nếu tất cả các nước Phật-giáo như Tích-Lan, Diến-Điện và Thai-Lan có thể cấp cho chúng tôi những học bổng để cho học sinh Phật-tử xứ Népal được theo đuổi học hành. Trong tất cả các hoạt-động của chúng tôi, chúng tôi vẫn trông vào sự nâng đỡ tinh-thần và vật-chất của các đạo-hữu và về ý tưởng mà hàng nghìn Phật-tử ở các nước sẽ sẵn sàng cộng-tác với chúng tôi, như thế sẽ làm vững chắc sự tin-tưởng trong công việc của chúng tôi.

Sự tuyên-truyền Phật-giáo ngày nay là một sự cần-thiết quốc-tế và cần có những hy-sinh lớn lao của các nước Phật-giáo Âu - Á. Chúng tôi, Phật-tử xứ Népal rất lo lắng góp sức vào công việc lớn lao để làm cho Phật-giáo thành một Tôn giáo quốc-tế, để nhận của những đạo-hữu tất cả những gì mà họ cho chúng tôi và để dâng cho tất cả cái gì mà chúng tôi có thể biếu họ được.

9. — KỂ RIÊNG BIỆT VỀ CÁC HOẠT-ĐỘNG CỦA PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Kỷ-niệm công-đức Phật cứu hai Hoàng-tử

Theo lịch-sử Phật-giáo Tích-Lan, khi Đức Phật Thích-Ca đương giảng đạo tại Colombo, trong triều-đình nước Tích-Lan bỗng sảy ra việc Hoàng-tử MOHADARA và Hoàng tử CHULADARA con của vua Tích-Lan, vì sự tranh nhau nối ngôi báu quá khích-động, sắp sảy ra sự can qua tàn sát, mà đến cả nhà Vua lẫn triều-đình cũng không ngăn nổi cái thảm trạng nồi da sáo thịt sắp diễn ra ấy. Tin ấy đồn đến tai Đức Phật, Ngài liền cho mời cả hai anh em Hoàng-tử đến giảng giải. Lúc đó cả hai Hoàng-tử đều hòa-hợp vì nghe lời Phật trở lại với tình thân cốt nhục.

Sau khi Đức Phật vào Niết-bàn, nhà Vua Tích-Lan nhớ ơn Ngài, mới cất ngôi chùa ở ngay nơi Phật giảng hòa để thờ kính. Hiện ngôi chùa danh-lam cổ-kính nhất ấy vẫn còn ở Thủ-đô mới của Tích-Lan. Chính là ngôi chùa Hội-nghị đến làm lễ đây.

Hằng năm cứ đến ngày Phật giảng hòa cho hai Hoàng-tử là ngày 27-5 dương-lịch, được đặt vào ngày quốc-lễ của Tích-Lan. Hòa-thượng trụ-trì cho biết : Năm nay Chính-phủ Tích-Lan cho

tổ-chức lễ kỷ-niệm này long-trọng hơn mọi năm là vì có Hội-ughị Phật-giáo thế-giới.

Đúng 9 giờ đêm, chúng tôi cùng hai ông bà chủ nhà đi ô-tô đến.

Ông chủ dẫn tôi đến chỗ có hai người đã cầm sẵn gáo đứng bên bể nước, họ liền múc nước rội cho chúng tôi rửa tay, rửa xong đi đến tòa Bảo-tháp. Ông chủ lại vốc hoa mang sẵn trong lẵng đưa cho tôi rồi nói : « Thượng-tọa dâng hoa lễ tháp này trước đã, vì tháp này có xá-lợi của Đức Phật ». Hai tay tôi dơ vốc hoa rồi đi lượn xem có chỗ nào thưa người để vào dàng hoa, mà đi lượn mãi không làm sao len chân vào được với lớp sóng ngũ - sắc, cứ hết lớp này dẹp xuống lại lớp kia đềnh lên của thập phương thiện-tín đương lễ quỳ chung quanh cây bảo-tháp to ngang núi. Sau có mấy người biết chúng tôi muốn dâng hoa đính lễ, họ liền đứng dậy lấy tay ra hiệu để nhường chỗ cho chúng tôi vào lễ.

Đến đâu theo lệ đấy, hai Ông bà chủ đều quỳ xuống đất lễ, nên tôi cũng quỳ lễ. Lễ tháp xong lại trở vào Bảo-điện dâng hoa lễ Phật rồi mới ra đi xem.

Đầu tiên xem dãy nhà một trăm gian làm chạy vòng quanh một nửa tòa Bảo - tháp. Trong trăm gian nhà này đốt không biết bao nhiêu là đèn nến. Tôi hỏi bà chủ nhà :

— *Người ta làm gì trong nhà này mà thắp nhiều đèn nến thế ?*

Bà trả lời :

— *Cái nhà này chỉ làm nên để cho nhân-dân đốt nến, cúng lễ trong những ngày trọng lễ.*

Phần nhiều nến đã bị gió thổi tắt đi rồi đấy, nếu còn đủ cả, thì có tới 84000 ngọn kia.

Ký-giả còn đếm được hai chục cây tre tươi, người ta chặt xuống để nguyên cả cành đem chôn xen lẫn với hàng cây chung quanh chùa, bên trên treo toàn đèn điện bóng ngũ-sắc chiếu với những rừng cờ ngũ-sắc phất-phơ lóng-lánh coi đẹp vô hạn.

Lại còn có những cái Phật-đình mà người ta gọi là kiệu rước Phật của nam nữ thanh-niên Phật-tử họ làm ra để rước. Người ta đều dùng tre nứa làm khung, nhưng bên ngoài trang-hoàng thì mỗi cái một khác ; cái thì dùng các thứ hoa, lá thực kết nên, cái thì dùng hoa lá vải kết nên, lại có cái thì bằng bông ruộm các mầu sắc kết nên. Các khán-giả đều phải khen ngợi các cái kiệu rước Phật đó, họ làm công-phu và mỹ-thuật lắm. Bên trong cái nào ở giữa cũng có tranh Phật, chung quanh thắp nhiều đèn nến, bên dưới theo sau mỗi Phật-đình là những đoàn nam Phật-tử và nữ Phật-tử, mà nam rước riêng, nữ rước riêng. Tuy vậy cũng có rất nhiều ông bà già nhập vào với họ nữa. Mỗi Phật-đình có độ 50 người, 4 người phu kiệu, còn đều đi thành hàng dẫy theo sau Phật-đình, hết tụng kinh lại hát các bài Phật-nhạc coi như hội rước " Tiên đăng, Tiên nhạc " vậy.

Tôi hỏi bà chủ : *Sao lễ không có oản quả mà chỉ có bông hoa đốt đèn, rước, tụng kinh, ca nhạc thế bà nhỉ ?*

Bà ấy trả lời : *Dân Tích-Lan chúng tôi không bao giờ dùng oản quả và làm cỗ dâng cúng Phật. Chư Tăng chúng tôi chỉ có dạy rằng : Cúng Phật tụng kinh chỉ cần đốt nhiêu đèn nến sẽ*

được phúc sinh ra nhiều trí-tuệ, cúng nhiều hoa sẽ được phúc sinh ra nhan sắc mịn-màng tươi-đẹp. Hát các bài Phật nhạc để tán dương công-đức Phật, để khơi gợi lòng người tỉnh ngộ sẽ được phúc giọng tốt tiếng hay.

Từ lúc tôi đến Bảo-tháp và Phật-điện cho đến mãi lúc này, mà tôi không hề thấy qua một vị Tăng nào ngồi hay đứng chỗ nào để tụng kinh cả, thế mà cứ thấy bốn cái loa truyền tiếng tụng kinh vang rội ra ; sau ông chủ nhà mới dẫn đến ngôi nhà giảng cách xa với chùa, thì ra nhà giảng đây mới là nơi chư Tăng đang tụng kinh, mà chỉ có hai chục vị Tăng ngồi ở giữa nhà giảng đối trước mặt một pho tượng Phật, rồi thay phiên nhau tụng độ 15 phút lại thay phiên khác.

Chư Tăng tụng trước, thiện-tin tụng sau, mà đều tụng bằng tiếng Tich-Lan. Trong khi tụng kinh, chỉ khi nào thay phiên mới đánh ba tiếng chuông mà thôi, chứ không hề đánh mõ tụng nhanh liến đi như ở Việt-Nam chúng ta.

Dân Tich-Lan họ tin-ngưỡng chân-chính thuần túy, không có cái mê-tín dị-đoan, có lẽ một phần lớn ở chỗ họ tụng kinh họ hiểu nghĩa ngay, là vì họ tụng ngay bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi còn muốn nói thêm đến tục-lệ của thiện tín Tich-Lan khi đến chùa lễ nữa. Đối với thiện-tín thì người nào đến trước tụng trước, người nào đến sau tụng sau. Người nào đem khăn hay giấy đi sẽ giải xuống mà ngồi, nếu không đem đi tất ngồi xuống đất mà tụng, chớ không làm gì có ai giải chiếu cho ai ngồi cả. Ngay bà chủ nhà đi với tôi là bà Bộ-trưởng, chồng bà đương tại chức, thế mà đến chùa cũng phủ phục ngay

xuống đất mà tụng kinh lễ Phật. Có như thế mới đúng với nghĩa " *xả thân cầu đạo* ".

Người trên như thế, có nhiều người dưới bắt trước, thật là dản dị mà lại biểu-lộ được tinh-thần tự-do trong việc đi lễ Phật tụng kinh. Còn như thói quen đi lễ, khi đến chùa nào là hầu trầu nước, rồi lại hầu tiến lễ, giải chiếu, rồi đến cả hầu làm cỗ bưng mâm, để cho người ta hầu đủ mọi việc trong khi mình đi lễ cầu phúc như vậy, sao gọi là « sả thân cầu phúc » được.

Chiêm bái song, chúng tôi mới đến thăm Sư Cụ Chủ chùa. Bà chủ nhà đi với chúng tôi, vốn là con quy ở chùa này, nhanh nhẹn vào trước để báo tin. Sư Cụ ra đón vào nhà khách mời ngồi. Một Chú tiểu đồng mau mắn bưng ra khay nước đặt cho mỗi người một chén. Bà chủ đứng dậy vái. Sư Cụ bản tự điềm nhiên chắp tay dì dầm, có lẽ là Ngài cầu nguyện thì phải. Tôi hỏi Sư Cụ bản tự : *Ngày lễ long trọng này Sư Cụ có bận việc lắm không ?* — Ngài trả lời : *Không lấy gì làm bận lắm vì đã có Chính-phủ cử ban tổ-chức lễ-nghi.*

HỎI. – Lấy tiền đâu mà tổ chức long trọng thế ?

ĐÁP. – Đã có tiền công quỹ của Chính-phủ.

HỎI. – Thế số thu được của thập phương thì Chính-phủ có lấy không ?

ĐÁP. — Bao giờ Chính phủ chúng tôi cũng cúng số tiền ấy để vào nhà chùa chi dụng. Sư Cụ bản tự lại hỏi :

HỎI. — Ở Việt-Nam có những ngày Quốc-lễ về Phật-Giáo không ?

ĐÁP. — Hồi Pháp-thuộc ở Việt-Nam không có ngày Quốc-Lễ nào cả, nhưng từ ngày độc-lập đến

nay, thì các ngày Đức Thích-Ca giáng sinh và tịch-diệt được coi là ngày lễ chính của Phật-Giáo cũng như ngày Quốc-Lễ.

HỎI. — Giáo lý đạo Phật ở Việt-Nam có được dễ dàng không ?

ĐÁP. — Hơn 20 năm nay nhờ có ảnh hưởng Phật Giáo chấn-hưng ở các nước lân cận, nên ở Việt-Nam cũng có hội Phật-Giáo, Phật học ra đời cho nên các cơ quan truyền bá Phật-Giáo cũng được thành lập, nhưng cũng vẫn bị chính-trị và kinh-tế chi phối kìm hãm, cho mãi đến mấy năm gần đây, mới được tự-do truyền bá, thì lại bị tai hại chiến-tranh tàn phá hủy hại.

HỎI. — Tăng-đồ, tín-đồ hiện tại ở Việt-Nam sinh hoạt ra sao ?

ĐÁP. — Một phần lớn chùa chiền nhà cửa bị tàn phá, ruộng vườn bỏ hoang-dậm, cố nhiên sự sinh-hoạt phải tùng thiếu. Tuy vậy nhưng tinh thần của họ vẫn sống với tin-tưởng vinh-quang mạnh lắm.

Cuộc nói chuyện đã hết đến nửa giờ, trông đồng hồ đã gần 11 giờ rồi, chúng tôi phải xin cáo từ ra về với một kỷ-niệm ngày quốc-lễ của Phật-Giáo Tích-Lan.

10. — THANH-NIÊN PHẬT-GIÁO TÍCH-LAN CÚNG TRAI

Buổi họp chiều hôm 27/5 tại trụ sở Thanh-niên Phật-giáo Tich-lan khi sắp bế-mạc, một ông già gần 60 tuổi ra bạch rằng : Nhân danh trưởng đoàn Thanh-niên Phật-giáo xin kính mời Chư Tăng hội nghị nhận cho đoàn Thanh-Niên Phật-tử chúng tôi cúng dàng bữa ngọ vào ngày chủ nhật sắp tới tức là 28/5 này tại trụ sở của đoàn. Chư Tăng nhận lời.

Hôm sau gần giờ ngọ, chư Tăng ở các nơi đều có xe đưa đến nhà ngồi tạm. Ở đây người ta đặt ra hai nơi ngồi : một ngôi để ngồi tạm, một ngôi ngồi chính thức để làm phép trai thụ trai. Trước cửa nhà ngồi tạm, Thanh-niên Phật-tử tổ chức một lễ nghi không những tỏ ra tinh thần kính trọng chư Tăng mà còn có ý nghĩa khiến chư Tăng phải suy nghĩ đến địa vị của mình mà cố gắng dấn thân trên con đường tu niệm nữa. Số là có 18 thanh-niên cầm 12 cái cán tre chống đỡ một tấm vải dài rộng suốt từ ngoài sân vào đến trong nhà, lại có một đoàn âm nhạc rước vào nhà. Chư Tăng đến nơi không phải chờ ai mời cứ việc trông con đường cầu trắng bắc bằng vải đó mà vào nhà ngồi tạm. Ngồi ở nhà tạm này là cốt để cho người giám trai biết Tăng số để chỉ bảo cho các người làm

trai sắp đặt, hơn nữa là để Chư Tăng đến đông đủ rồi sẽ tiến lên nhà trai mới tránh khỏi sự lộn sộn mất trật tự. Riêng ký giả muốn biên vào ký sự những điều mắt thấy tai nghe ở cuộc lễ cúng trai quan trọng này mới đem cái túi thường mang đi đường để lên trên ghế của mình ngồi, như thế để cho người kiểm Tăng - số biết là đã có người. Xong sang thỉnh Thượng-tọa Jinaratana cùng đi đến nhà trai để xem và hỏi cho biết.

Cái nhà trại đây chính là nhà giảng, có nhiều cửa đi lắm, nhưng hôm nay người ta chỉ để có hai cửa ra vào còn đều đóng hết, khắp mặt đất đều rải chiếu rồi lại rải vải trắng lên trên, cách độ hai thước rưỡi ta lại để hai cái nệm trắng, một cái để ngồi, một cái để dựa. Ký giả hỏi Thượng-tọa Jinaratana : *Bàn ghế đã có sẵn sao không để cho Chư Tăng ngồi ăn cơm cho khỏi tốn tiền mua vải rải và đệm tựa ?*

— *Đáp : Không được, ở xứ Tích-lan không bao giờ có đám trai nào mà chư Tăng ngồi bàn ghế, đến cả các chùa thường cũng vậy. Vì chư Tăng bên tiểu - thừa đều muốn giữ lấy nguyên luật - giáo của đức Phật-tổ đã giậy.*

— *Hỏi : Sao tôi dự nhiều bữa cơm ở các chùa Hội - quán đều thấy chư Tăng ngồi bàn ghế ăn cơm kia mà ?*

— *Đáp : Chắc Thượng-tọa cũng thừa hiểu rằng lễ nghĩa quý hồ hợp cơ, hợp thời và hợp với xứ sở của - nó. Ở hội - quán hội Đại Bồ-đề là nơi có nhiều các Tăng già các nước đến như Thượng-tọa chẳng hạn nên phải ăn bằng bàn ghế cho tiện.*

Ký giả lại thấy ở đằng kia có nhiều người

đương tấp nập bưng một chồng đĩa vừa to vừa nhỏ mà lại có đậy bằng lá chuối tươi cắt tròn tôi liền lại xin Thượng-Tọa dẫn sang xem để hỏi. Ký - Giả nâng lên một chồng đĩa bốn cái. Cái to nhất dựng cơm và bên cạnh có dúm sôi, còn xung quanh có tới bốn năm món ăn mỗi thứ chỉ độ một dúm thôi nhưng mỗi món đều đậy riêng biệt rồi đậy lá chuối. Đĩa thứ hai là các món ăn phụ thêm. Đĩa thứ ba là các thứ bánh ngọt và các thứ quả đã cắt sẵn từng miếng Đĩa thứ tư có một chén chè sữa chua để khi dùng cơm xong tráng miệng, bên cạnh lại có một chén canh nhỏ là thức nước nấu súp rồi chắt ra. Vì chư Tăng ở Tích lan cũng như ở Ấn-độ đều dùng tay ăn, nên ngoài đĩa và thìa ra không còn có bát đũa gì nữa, Ký giả hỏi :

— Để các món ăn vào với cơm thế này, ngộ mặn quá hay có người nào tính không ưa dùng thì làm thế nào ?

— Đáp : Ít khi bị mặn quá, vì ở đây người cúng cơm chư Tăng nhiều, nên người nào nấu nướng bầy đặt quen rồi, còn như các món mình không ưa dùng thì khi chộn món ăn vào cơm sẽ để lại bên đĩa, để về sau người ta cho người nghèo hoặc tự ăn cũng không sao cả.

— Hỏi : Đến bữa ngọ thì chư Tăng phải làm những phép gì rồi mới ăn ?

— Đáp : Phải tưởng tượng rằng người ta làm gì ra tiền để cho mình ăn đây, mình đã đủ đức hạnh để xứng với việc người ta cung cấp cho mình ăn chưa ? Nếu chưa thì khi ăn phải tự mình sinh lòng hổ thẹn. Tuy chưa xứng đáng ăn, nhưng nếu vì mong sống để tu cho thành đạo nên cần phải ăn. Ai cũng phải ngồi lĩnh tâm tưởng nghĩ như

thể. Sau khi suy nghĩ rồi, sẽ lại có một vị Thượng-tọa thuyết-pháp cho mọi người nghe song mới ăn. Khi ăn song lại phải đọc kinh cầu nguyện cho mọi người cúng dàng và giảng công đức cúng dàng. Thượng tọa xem hàng nghìn người đang chờ chư Tăng làm phép cúng trai kia kia.

— Hỏi : Tan nãy một tấm vải trắng có 12 người cầm dơ cao lên trông nô y như cái cầu 12 nhịp, làm như thế có ý nghĩa gì không ?

— Đáp : Phải có ý nghĩa chứ, tấm vải đó là hình ảnh của con đường trong sạch, 12 nhịp đó là ý nghĩa của 12 nhân duyên phiền não, người tu hành có cắt đứt được nó mới qua vòng ô trọc, để tiến lên con đường thanh tịnh. Giơ cao lên là cốt để biểu dương lòng tôn trọng con đường trong sạch của chư Tăng, lại còn có ý nghĩa là nếu người tu hành có trong sạch sẽ được vào dự tiệc trai với các thầy tu trong sạch, nếu mình không trong sạch mà cứ ngồi ăn thì sau sẽ phải mang khối tội nghiệp. Lúc đó Ký-giả đặt đều cãi bướng : Tôi không trộm cắp, không hà hiếp không lừa gạt để lấy của người ta mà ăn, người ta cho thì tôi có quyền ăn, sao lại bảo khối tội nghiệp, nếu thế thì nhỡn tiền của chúng ta thấy giữa thế gian này có biết bao nhiêu người không tu hành, không cầy ruộng, không dệt vải, làm thợ thuyền và buôn bán mà họ vẫn ăn cơm mặc áo và ở nhà của xã hội, có lẽ mai sau đều bị tội lỗi cả sao ?

— Đáp : tuy người ta không làm các việc ở trên mà ăn cơm, mặc áo, ở nhà của xã - hội là vì những người đó có lập - công lập-đức hay ít nhất cũng lập được ngôn-hạnh để giúp ích cho xã-hội mới đáng dùng của xã-hội, nhưng đây lại

là một chuyện, đây hãy bàn vào việc tu hành của chúng ta đã. Người ta chủ ý cúng cho các thầy tu trong sạch, minh khoác áo thầy tu không trong sạch, không đạo đức, mà ăn chả là giả mạo lường gạt người ta là gì? Thượng-tọa nên biết của người ta là của mồ hôi nước mắt, hai sương một nắng, đáng lẽ ra chỉ có người ta với cha mẹ vợ con người ta được hưởng; nay người ta tự bớt phần ăn mặc lại sẻ đến cả phần cha mẹ vợ con đem đến cúng cho mình ăn, mặc, ở là người ta muốn đem tiền gạo đến đổi lấy phúc đức của mình đây; Vì người ta tin chắc chắn ở mình tu hành trong sạch nên có nhiều phúc đức đem cúng dàng cho mình thụ dụng, nếu không trong sạch không đạo-đức để đền giả công ơn người ta cúng dàng, thì tránh sao cho khỏi mang nợ về sau.

Trông đồng hồ 11 giờ 20, sợ trễ giờ ngọ của chư Tăng, Ký-giả liền mời Thượng-Tọa JINARATANA cùng tôi đi ra nhà tạm trú ban nãy, Ra đến cửa đã thấy âm-nhạc ầm ỹ với con đường vải trắng đương lừ lừ trên đầu 12 thanh niên tiến thẳng vào cửa nhà trại, theo sau là linh một trăm chư Tăng.

Lại còn một sự tôn kính đặc biệt này nữa. Mỗi vị Tăng vào đến cửa đã có sẵn một người tháo dép, một người múc nước rửa chân, rửa xong lại đến lần hai người cầm khăn trắng tinh lau chân cho khô, cứ thế cho đến hết lượt. Mặc dầu chân sạch đến đâu người ta cũng cứ rửa. Đến lần ký giả bị rửa lấy làm ngượng quá, xin để tự rửa lấy, nhưng không được, sau đành để cho người ta làm việc phận sự.

Sau cuộc rửa chân, chư Tăng đã yên tọa,

bấy giờ mới làm phép trai, quả đúng như lời Thượng-Tọa JINARATANA đã nói. Cơm xong mỗi vị lại có riêng một bát nước lã đã nấu lọc rồi để nguội và một ống phóng để rửa tay và súc miệng xong lại thấy ra hiệu cho những người thiện-tín ở ngoài vào nghe thuyết pháp, độ 10 phút rồi làm phép triết trai. Vừa rứt tiếng triết trai thì ông già trưởng đoàn thanh-niên Phật-Tử lại nói lên một tiếng hiệu bằng mồm, thế là mỗi vị lại được một phần cúng thức mặc nữa, vị trên thì được một tấm áo pháp, vị dưới thì được cái quầy đều bằng vải vàng. Người ta cúng ăn cúng mặc xong rồi, bây giờ người ta thi nhau lễ để lĩnh phúc đức, vì thế nên lúc đó trước mặt mỗi vị Tăng ít nhất cũng có hai người giải khăn, hoặc giấy để lễ, lễ hết vị này đến vị khác, cả đến thiện nam tín nữ của phái đoàn Phật-Giáo Âu-Mỹ cũng đều ra lễ như dân bản xứ.

Tôi thấy người làm trai cúng và cả chư Tăng chứng trai trong tiệc trai này đều làm đúng phép Phật đã dậy cả, nên tôi rất cảm động với lòng thành kính của thiện tín và tâm phục lòng giữ phép tu hành của chư Tăng Tích - Lan. Có thể đem sáu chữ « Sự đạo - đức, chủ tín tâm » để tán dương ở trai hội này.

11. — HAI CHA CON ÔNG GIÀ CÚNG QUỲ TỤNG KINH BÊN CÁI Ô-TÔ BẸP

Trưa ngày 29-5 chúng tôi đi chiêm bái 4 nơi Phật-tích ở tỉnh Gandèsepura. Từ Colombo đến tỉnh này hơn 300 cây số, mới đi được có hơn 100 cây số, ô-tô chúng tôi bị bẹp một góc và dẹo mất hai bánh trước vì nỗi đi trái đường va phải ô-tô khác, thực là hú hồn, nhưng may sao không có ai việc gì, mà xe của họ không bị hư hỏng. Chủ ô-tô kia lại là một bà với hai cô và một cậu bé vừa đi lễ về đến đó, thấy chúng tôi là 4 vị Tăng xa lạ, lại bị xe hư hỏng giữa đường mà lại là nơi rừng núi, bà chủ đáng quý ấy còn dừng lại bên đường chừng một giờ đồng hồ để cho người lái xe của bà chữa xe cho chúng tôi kỳ đi được rồi bà ta mới chịu lên xe đi. Nếu như người vô đạo thì họ còn mắng cho mỗi người một thôi một hồi, rồi quay ngoắt mà đi chứ đợi đấy họ cho người nhà chữa hộ.

Ngờ đâu xe chúng tôi đi được 20 cây số nữa lại bị vỡ ống nước và cũng lại vẫn ở đường rừng, mà lúc đó đã hơn sáu giờ chiều. Mặt giời đã khuất núi, cảnh đen tối của rừng núi hiện ra rất nhiều trạng thái đe dọa người viễn khách, tôi đã dơm dớm nước mắt với cảnh ngộ đất khách quê người ngôn ngữ bất đồng, những điều bất trắc sẩy ra đêm nay nguy hiểm chưa biết ra sao, đương lúc tiến thoái lưỡng nan, bỗng

có ô-tô khác đi đến, ông chủ xuống hỏi, chúng tôi nói đi chiêm bái, ông liền nói : « *Cách đây chừng 20 cây số có phố Nivekara, có hãng ô-tô hàng, vị nào lên xe đi với tôi đến đó rồi sẽ thuê họ đem xe kéo về, sẽ lại thuê họ chữa một thể, còn đêm nay chư Tăng ngụ ở hàng cơm phố ấy cũng được. Vì phố ấy cũng có nhiều hàng cơm và chỗ ăn nằm cho thập-phương đi chiêm bái* ». Thấy nói mừng quá, chúng tôi liền ngỏ lời cảm ơn và cắt hai vị Tăng Tích-Lan lên đi nhờ, một vị đến thuê xe dẫn họ tới, một vị ở lại tìm hàng cơm rồi bảo cho họ sắp đặt nơi ăn nghỉ. Ô-tô của ông chủ này vừa đi xong, kế đến ô-tô của hai cha con ông già khác cũng đỗ lại. Một cụ già và một ông con chừng 50 tuổi, hai cha con đều quỳ lễ Thượng-tọa JINARATANA, Thấy Thượng-tọa chỉ vào tôi nói vài câu, hai cha con liền quay lại lễ tôi, xong lại quay về nói với Thượng-tọa JINARATANA xin tụng kinh, thế là Thượng-tọa đọc trước, hai cha con đọc sau, lâu đến 20 phút mới đứng dậy. Cụ già trông có vẻ bùi ngùi cho chúng tôi lắm, cụ nói : « *Xe của tôi nếu không có mẹ con nhà chịu mong thì tôi xin hoãn việc về để đưa các Ngài đi* ». Chúng tôi nói sắp có xe đến đón, bấy giờ mới thấy hai cha con ông già quý hóa ấy tươi tỉnh và chào lên xe đi. Tôi hỏi Thượng-tọa JINARATANA : « *Ban nẫy Ngài đọc kinh gì cho người ta thế ?* »

— *Kinh cứu nạn, ở Tích-Lan nhiều người đọc kinh này khi có tai nạn, nhưng khi nào có chư Tăng thì họ để chư Tăng tụng trước, họ tụng sau.*

— *Thế Thượng-tọa có quen ông cụ ấy không?*

— *Không.*

— *Thế thì ông cụ này mộ đạo ít người bì kịp.*

— *Ở Tích-Lan số người như thế nhiều lắm.*

12. — TINH THẦN TRỌNG TĂNG CỦA DÂN PHỐ NIVEKARA

Đêm 29 rạng 30, chúng tôi ngủ ở hàng cơm phố Nivekara ; sáng ra hãng ô-tô cho biết có lẽ đến gần trưa ô-tô mới chữa xong.

Các vị điểm tâm xong, vị thì đi phố, vị thì nghỉ, ông PHẠM-CHỮ cũng đi chơi. Còn một mình tôi ngồi trên gác viết ký sự. Vì dân phố này người ta đồn có Phái-đoàn Phật-Giáo Việt-Nam đến đây, nên chốc chốc lại có mấy người lên tận gác để thăm lễ. Vì tôi không biết tiếng nên chỉ cứ dơ tay đáp lễ, bạn nào lễ xong cũng đứng nhìn một lúc rồi đi ; từ 8 giờ đến 10 giờ, tính ra được hơn 40 người lên lễ. Đến lúc ông PHẠM-CHỮ về, lại dẫn một ông đến giới-thiệu là cựu Thanh-Tra, cứ khẩn khoản mời tôi ra chùa ở phố đó cho dân chúng được chiêm ngưỡng. Thực ra đang lúc tẻ ngắt, tẻ ngơ, còn thiết gì đi đâu nữa. Sau nghĩ : sự minh buồn đây có ai biết, nếu ta không đi là phụ lòng người ta mà lại mang đều la kiêu ngạo. Liền bảo ông PHẠM-CHỮ cùng ra chùa.

Đến nơi, ông cựu Thanh-tra với chúng tôi đương nói chuyện, bỗng thấy có tới tinh 200 người, đủ già, trẻ, trai, gái, sang, hèn kéo đến lễ lấy lễ để. Lễ xong đều đứng vây cả quanh

tôi. Tôi chỉ đáp lễ bằng mấy câu để ông PHẠM-CHỮ thông ngôn lại. Ông PHẠM-CHỮ vừa rứt lời, ai nấy đều ra lễ nữa rồi mới giải tán.

13. — CON PHẬT UỐNG NƯỚC, PHẬT SẼ TRẢ TIỀN

(Lời của ông già bán hàng nước)

Ô-tô của chúng tôi hỏng vừa chữa xong tại phố Nivekara, nhưng mới đi được độ 50 cây số lại bị liệt máy. Đứng chờ chữa lâu quá mới rủ nhau vào hàng nước của một ông già. Thấy chúng tôi vào, ông già vội vàng lấy bốn miếng vải trắng giải vào bốn cái ghế. Tôi hỏi Thượng-tọa JINARATANA :

— Hàng trầu nước mà cũng có sẵn khăn trắng để rải khi có chư Tăng vào hàng nghỉ ?

— Hàng cơm, hàng nước ở Tích-Lan, hễ người nào theo Phật-giáo là hàng họ phải có sẵn khăn để phòng khi có chư Tăng vào thì họ rải. Ở Việt-Nam có thế không ?

— Ở đây chư Tăng mặc luôn áo cà-sa trong mình, nên phải tôn-trọng áo cà-sa. Còn như ở Việt-Nam chúng tôi chỉ có lúc tụng kinh, lễ Phật mới mặc áo cà-sa, ngoài ra chỉ mặc áo thường, nên không cần rải khăn riêng để chư Tăng ngồi.

Đương bàn chuyện thì thấy ông già hàng nước đã rót sáu cốc nước ở trong bốn chai nước cam ra. Uống xong, ông PHẠM-CHỮ chi

tiền nước, ông già hàng nước nhất định không lấy. Ký-giả nói . « *Ông đã già nua lại nghèo khó mới phải ra ngồi dìa đường bán hàng nước để sinh sống. Chúng tôi là những người đi lễ cầu phúc, đáng lẽ phải ra tàm giúp thêm ông mới phải. Huống hồ còn uống hết bốn chai nước cam của ông buôn, nay bán đi mà không lấy tiền. Đã đành rằng ông mộ đạo kính Tăng, chúng tôi rất phục, nhưng còn tiền vốn của bốn chai nước cam chúng tôi vừa uống, thì ai trả tiền cho ông ?* » Ông hàng nước thẳng thắn trả lời : « *Chư Tăng là con trưởng của Phật, con Phật uống nước thì Phật trả tiền, tức là Phật sẽ ban hạnh-phúc cho, nếu các sư trả tiền nước mà tôi lấy, tôi sẽ mất phúc, tôi có dại gì lại lấy tiền nước của chư Tăng* ».

Tôi hỏi Thượng-tọa JINARATANA : « *Đối với ông già bán hàng nước này cảm tưởng của Ngài ra sao ?*

-- *Người bán nước nếu lấy tiền của khách uống nước thì không cần phải nói đến. Đằng này người bán nước, cũng lại chẳng phải là bán không cho mình. vì họ còn nói : « Con Phật uống nước đã có Phật trả tiền ». Đấy là điều chúng ta phải nghĩ ! Riêng tôi nghĩ, chẳng những cảm ơn ông già hàng nước này đã xong, mà chúng ta còn phải lo tu hành để báo ơn ông ta mới đúng nghĩa Phật dạy « Tri ân báo ân ».*

Vịnh ông già bán hàng nước biết đạo :

Giữ đạo tuy nghèo, nghèo chẳng hèn.
Này ông hàng nước quả nên khen.
Gian hàng độ nhật vui thanh bạch,
Chống nước sinh nhai tránh cạnh chen.

Nghèo chẳng tham bo âu Phật chứng,
Túng mà thảo lảo ắt giời đền.
Kìa gương nhật nguyệt soi kim cổ
Thiện giả, thiện lai lẽ tự nhiên.

14. — NGƯỜI CẢNH BINH CÓ LÒNG

Ô tô lại vỡ máy, chuyến này không còn làm sao chữa được nữa, nhưng cũng may đã đến đầu tỉnh rồi. Ô-tô đã chết, trời lại sắp đổ mưa, chúng tôi xuống, khệ nệ sách hành lý định chạy vào trú ở cái nhà còn cách đường độ hai trăm thước tây. Đằng kia có bốn người cảnh binh đang đứng gác hai đầu cầu. Một cảnh binh trẻ tuổi nhất chạy lại, trèo song đỡ lấy hành lý, mang không hết lại phải nhờ một người đang đi ngang đấy mang hộ. Bác ta vội chạy về nhà trước, thì ra cái nhà mà chúng tôi định vào trú đó, chính là nhà của bác ta, bác ta đến gần nhà, thấy ông già đầu bạc bế đứa trẻ đương ngồi, liền đứng dậy vào nhà, rồi đến người đàn bà độ 25 tuổi, vội vã mang ra cửa ba cái ghế, thế là bốn vị sư có đủ ghế ngồi, còn ông PHẠM - CHỮ phải đứng. Bác cảnh binh chắp tay nói « nhà tôi chật hẹp lại có nhiều trẻ nên không dám mời chư Tăng vào nhà » ông PHẠM - CHỮ chuyển lời tôi cảm ơn và hỏ thăm, thì ra ông già ban nẫy là bố, còn người đàn bà trẻ tuổi là vợ của người cảnh binh quý hóa đó.

Tôi thấy người trẻ tuổi mà có lòng, có đạo, để ý ngắm trong nhà xem phong thể. Thì có gì đâu, đồ sang trọng nhất là 4 cái ghế vừa đưa ra cho chúng tôi ngồi đó, vẻn vẹn có ba gian

nhà tre lợp lá dừa, cửa trước, cửa sau đều bằng liếp với mấy cái chõng tre chẳng giây gai như kiểu ta mắc võng ; một lũ trẻ bốn đứa suýt soát nhau đang đùa nghịch ở nền nhà nhẵn thín. Chỉ có đặc điểm nhất là xung quanh vách đất quét vôi trắng nõn với 6, 7 bức ảnh Phật và ảnh chùa tháp, còn điểm thêm mấy bức ảnh mà tôi không biết tên ; nhưng có lẽ là ảnh những vĩ-nhân của Tích-Lan xưa. Lúc đó tôi phê bình thầm rằng : Nhà này tuy nghèo, nhưng phong độ không nghèo, người này tuy làm cảnh binh, nhưng khí phách ra người hiền lương. Tôi đương ngồi xem, bỗng bác ta mang ra 5 cốc nước mời uống Tôi nhấp thử thấy thơm, lại ngòn ngọt. Mới hỏi Thượng-Tọa JINARATANA : *Coi bộ nhà này nghèo thế mà cũng có chè hảo hạng và đường nhỉ ?*

ĐÁP. — Thượng-Tọa có đi nhiều ở Tích-Lan sẽ thấy tinh-thần ái-hữu của dân họ cao lắm, ít người chịu đem sự nghèo túng ra đối với bè bạn vì thế nên nhà nào cũng có chè với đường để khi có bạn đến thì thết.

HỎI. — Thế ngộ nhà nghèo cùng thì làm sao?

ĐÁP. — Dân Tích-Lan ít người nghèo cùng qúa, vì họ không có quan tham lại nhũng, ít khi có trộm cướp, cũng ít khi có đám kiện tụng về sâm chiếm hà hiếp lẫn nhau, từ trên đến dưới ít khi chơi cờ bạc, hát xướng. Nền phong hóa thuần túy đó là do Phật-Giáo đào-tạo nên.

Đã tạnh mưa. Bác Cảnh-bình lại khệ nệ đem hành lý tiễn chúng tôi đi cho tới khi ôtô đến đón, mới chào rồi lại về đầu cầu làm phận sự.

Đi đường trường hơn 300 cây số, bốn lần ôtô vỡ máy ở giữa đường rừng, đồng quê ở nơi

khác đất nước, khác giống nòi, giá đặt cảnh ngộ nguy hiểm ấy vào địa hạt của một dân tộc khác, thì tình lữ-thứ của người viễn khách đem vào Ký-sự cố nhiên nó chỉ là một thiên ai-oán chua cay với những con mắt quen suy bì mầu da, chia tách nòi giống để bạc đãi nhau. Ký-giả cũng gặp những cảnh ngộ gian nguy mà có những thiên ký sự đầy những tấm đạo tàm thân mật xâu xa của dân Tích-Lan đủ các hạng người, đối với chúng tôi là người không thờ chung tổ-quốc sống chung cảnh khổ, có lẽ Đức Phật đầu cơ ra tai nạn cho tôi được mắt thấy tai nghe để thêm đi sâu vào lòng mộ đạo và tinh thần ái hữu của dân Tích-Lan.

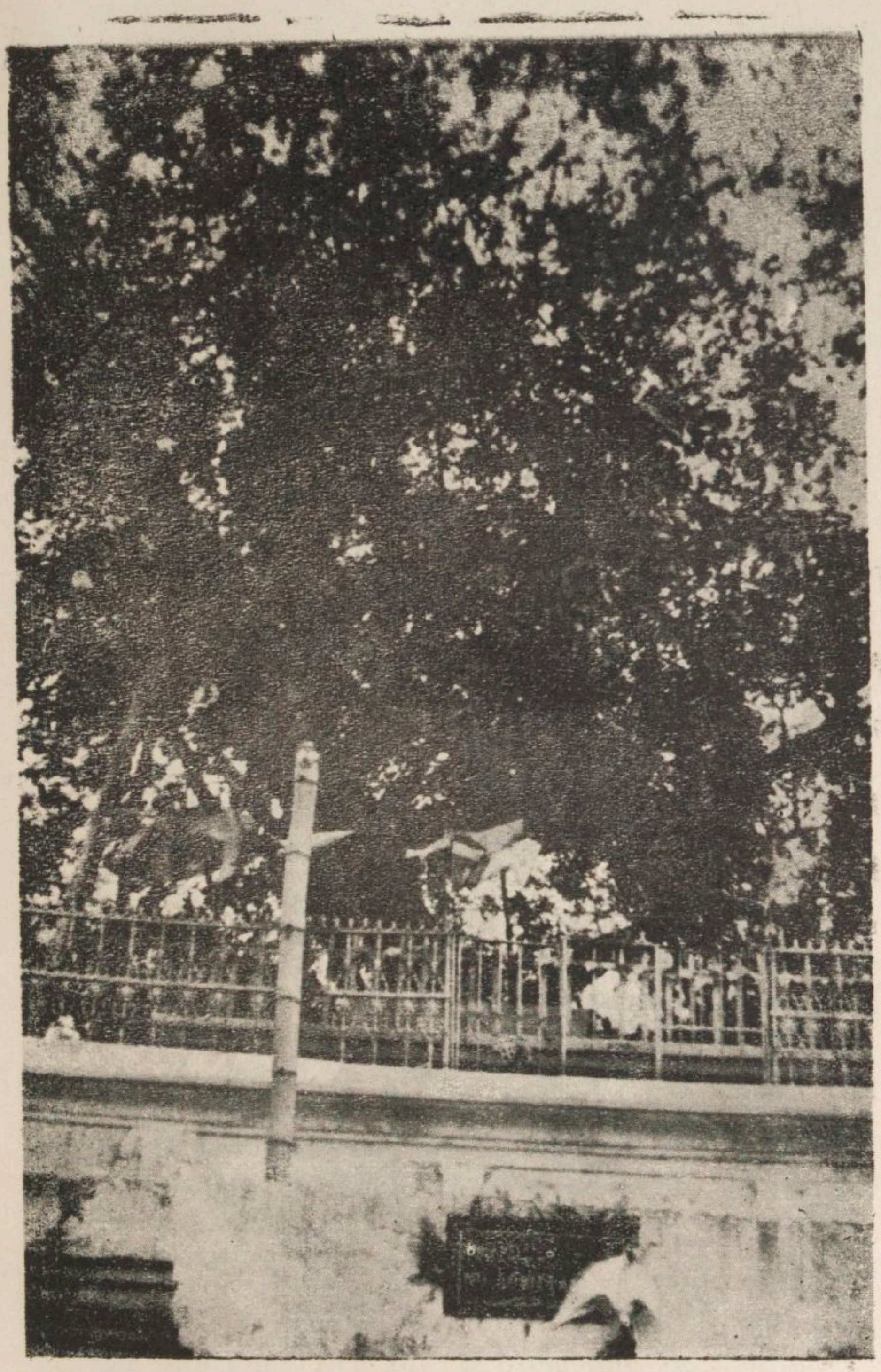

Điện Bồ-đề

15. — TỈNH GANDESEPURA VỚI PHẬT-GIÁO TÍCH-LAN

Thượng-tọa JINARATANA đã có dịp cho biết kinh đô cổ kính nhất và nhiều chùa tháp cổ nhất, to nhất của Tích-Lan đều ở tỉnh Gandesepura. Trước đây quân HUNG-NÔ và quân HỒI đã tàn phá nhưng cũng may còn lại được vài nơi là vì họ không giám phá, như điện Bồ-Đề và tháp Xá-lợi. Từ khi người Anh-cát-Lợi trả quyền Độc-lập cho Tích-lan, tỉnh này được đứng vào đầu chương trình kiến-thiết, vì nó là một tỉnh quan hệ với lịch-sử Phật-giáo, là nền quốc giáo của Tích-Lan,

Từ xưa đến nay, bao giờ tỉnh này cũng là nơi để cho các Phật-tử thế-giới đến chiêm bái và khảo - cứu về Phật-giáo tiểu-thừa và nơi họp chỗ của tín đồ Phật-giáo Tích-Lan, đến đó hội họp để đi chiêm bái nhất là ngày 30 và mùng một hàng tháng, thiện tín đi hành hương đông không thể tưởng tượng được. Ký-giả có hạnh-phúc được đi chiêm bái khắp các nơi Phật tích ở tỉnh này.

∴

A. — Chiêm bái điện Bồ-đề

Các nơi Phật - tích tuy ở trong tỉnh lỵ, nhưng lại ở cả trong các quả đồi, núi.

Giữa đỉnh một quả đồi thấp nhỏ có cây Bồ-đề sống linh 1800 năm, cái cây mà người ta gọi nó làm tiêu biểu cho đạo từ-bi quảng - đại này chỉ có hai cành mà không được to lắm, giá đo chiều rộng chỉ độ thước rưỡi ta, trông có vẻ cằn cỗi lắm, có lẽ sợ gió lay gẫy, nên đã có sáu cây sắt to chống lấy hai cành ở trên một khoảng lưng chừng, đồi to chừng 8 miếng đất và cao độ bảy thước tây, chỗ đó gọi là Điện Bồ-đề, chứ kỳ thực không có tòa điện nguy-nga, đồ-sộ như chúng ta vẫn tưởng. Bên ngoài vây kín bằng hàng rào chấn song sắt, chỉ để có một cửa đi lên. Tôi xin lên chiêm bái, vị lão Tăng giữ hương đăng nói : ngoài vài vị Tăng chúng tôi lên đèn hương và quét dọn lá Bồ-đề, không ai được lên.

Tôi hỏi : *Bồ-đề là tiêu-biểu cho đạo Đại-từ-bi quảng-đại, làm sao lại cấm ngặt thế ?*

ĐÁP. — Vì để cho lên thì chỉ nửa ngày là cây Bồ-đề này sẽ bị các con Phật vặt hết lá đem về lấy khước.

— Thế thì cấm là phải.

Lão Tăng lễ rồi ngắt một dúm lá Bồ-đề đưa tôi mà bảo rằng : « *Cầm lấy đem về Việt-Nam làm quý vật* ». Bên ngoài Điện Bồ-đề có mấy cái hương án bằng đá đục trạm trông có vẻ mỹ-thuật cổ của Phật-giáo, để dâng hương hoa ; thập phương lễ bái, tụng kinh đều ở cả bên dưới, xung quanh điện Bồ-đề ; người sau mới trồng thêm chục cây Bồ-Đề nữa, các cây trồng sau có cây dường-dà đến vài sào ruộng. Vua DEVAMPIZA ngày xưa có xây tường ở chung quanh vườn Bồ-Đề, tuy chưa bị đổ vỡ hư hỏng, nhưng những vết vạc đẽo của gió mưa đã đánh dấu một nơi Phật - tích có vẻ cổ lắm, Cây Bồ-đề ở điện Bồ-đề chính tay công-chúa SIN-

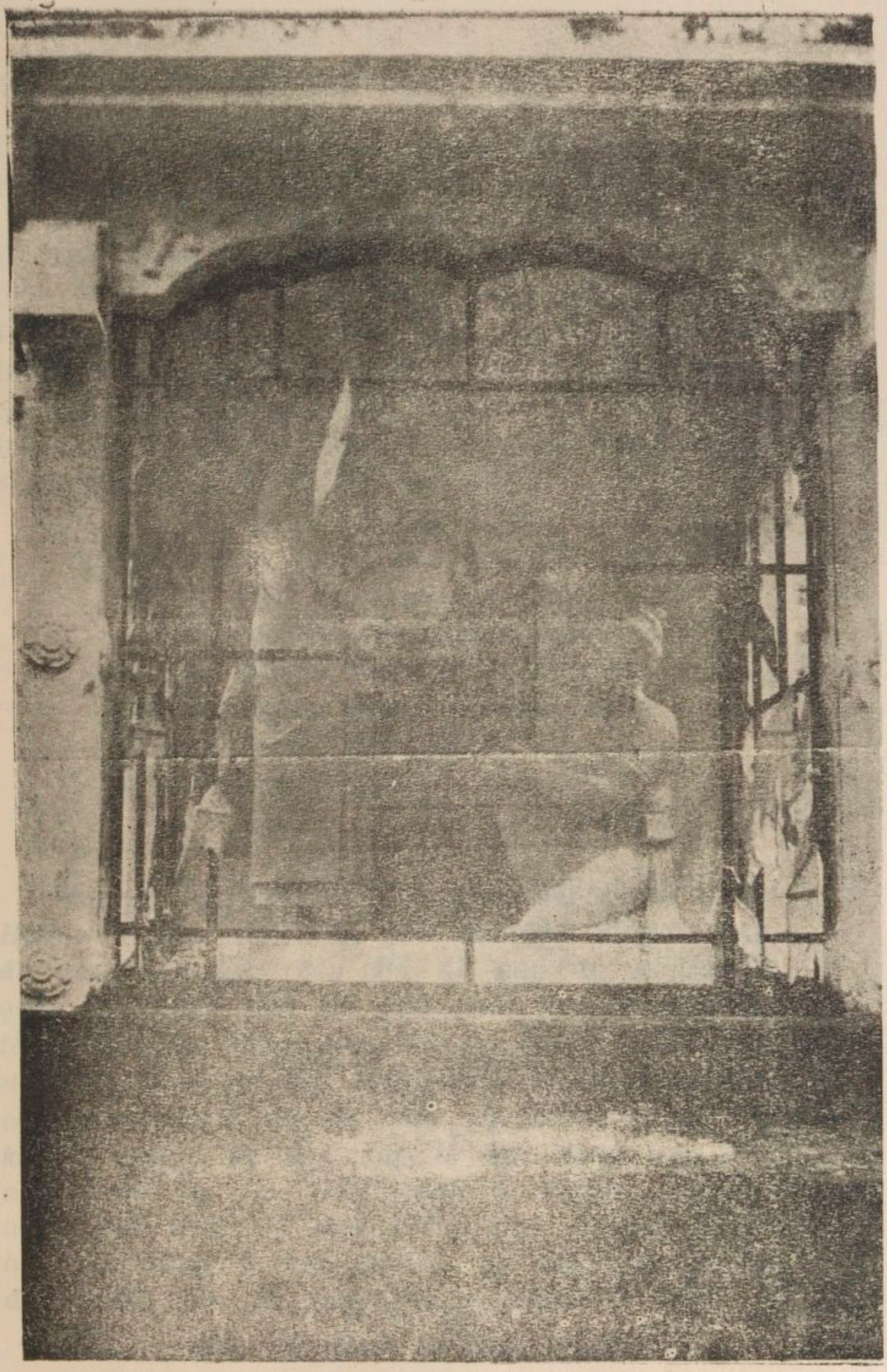

Lão Hòa-thượng và Công chúa

GHAMITTE con vua A-DỤC triết cành ở cây Bồ-Đề nơi Đức Phật ngồi tu thành đạo. Khi nó ra rễ lại tự tay công-chúa cắt, rồi tự công-chúa vượt bể Ấn-độ qua Tích-Lan trao cho một vị lão Tăng đem trồng, Hiện giờ ở vườn Bồ-đề còn hai pho tượng đá to thờ ở riêng một đài, một pho tạc hình công-chúa đang qùy dâng cái chậu ương cành Bồ-đề, một pho tạc hình vị lão Tăng đương bưng lấy cái chậu Bồ-Đề ở tay công-chúa trao sang. Ký-giả có vịnh tức cảnh :

Kìa đài kỷ niệm cây Bồ-Đề,
Hai tượng tinh thần khéo tạc ghê,
Sư đỡ trên tay nghành đạo-đức
Chúa trao tận mặt nhánh từ-bi.
Hương thuyền muôn thủa thơm làng sãi,
Đèn tuệ ngàn hương tỏ mặt huê,
Giả sử đời còn Sư Vãi ấy
Thuyền-lâm đâu đến nỗi suy-vi. ? !

***

Thượng-tọa JINARATANA cho biết rằng : « *Giặc Hung và giặc Hồi, khi đến tàn phá kinh-đô này, đã định tàn phá cây Bồ-đề này đi, nhưng hễ quân lính đến nơi lại ghê rợn, sau không một tên quân nào dám động chạm đến cả. Hầu hết dân Tích-Lan họ đều tưởng-tượng như Đức Phật vẫn hiện tại ở đó để cứu độ chúng-sinh, nên không những họ đến đây lễ bái đông mà thôi, nhiều nơi họ còn triết cành ở những cây bên ngoài kia đem về nhà trồng cho mát-mẻ- Nhiều nơi họ trồng ở bên đường, lại làm lên những đền miếu con, để rước tượng Phật lên thờ.*

HỎI. — Bên Việt-Nam có thế không ?

ĐÁP. — Không, đền miếu thờ ở các ngả đường

hay gốc cây ở Việt-Nam có lẽ còn nhiều hơn. Nhưng trong đền miếu đó, họ chỉ thờ những ông Thần, bà Thánh, đố vị Sư thông-minh nào tìm thấy được ở trong kinh Phật có nói đến tên các ông, bà, cô, cậu của họ thờ cúng.

∴

B. — Chiêm bái bảo-tháp to nhất thế-giới

Cũng ở trong tỉnh lỵ Gandesépura này còn có hai tòa bảo tháp to nhất thế-giới, mà đã hư hỏng mất một tòa, chỉ còn nguyên vẹn được một tòa-trên chóp có viên ngọc trị giá 4 triệu bạc Đông-Dương, của Chính-phủ Diến-Điện cúng. Thượng-Tọa JINARATANA cho biết rằng : Các bảo tháp ở Ấn-Độ và ở Tích-Lan hiện thời, chỉ có tòa tháp này là còn có nhiều Xá-lợi của Phật nhất, cả dân Tích-Lan họ đều tin rằng : Nước họ còn giữ được nhiều Xá-lợi của Phật ở tháp này, nên dân họ còn được nhiều hạnh-phúc. Tòa bảo tháp này do vua Tích-Lan ngày xưa xây, bên dưới chân tháp còn có hai pho tượng Quốc-vương và Hoàng-hậu Tích-Lan bằng đá đứng chắp tay hướng lên tháp, để kỷ-niệm kỳ công đệ-nhất Phật-Giáo Tích-Lan.

Chính-phủ Tích-Lan mới xây giải tường bao bọc xung quanh tháp, giải tường này đặc biệt nhất là có tới một nghìn đầu voi rất to, đắp theo với giải tường, trông có vẻ đẹp và hùng tráng lắm. Thượng-Tọa JINARATANA cho biết bức tường này xây hết một số tiền là 1 triệu bạc Đông-Dương.

∴

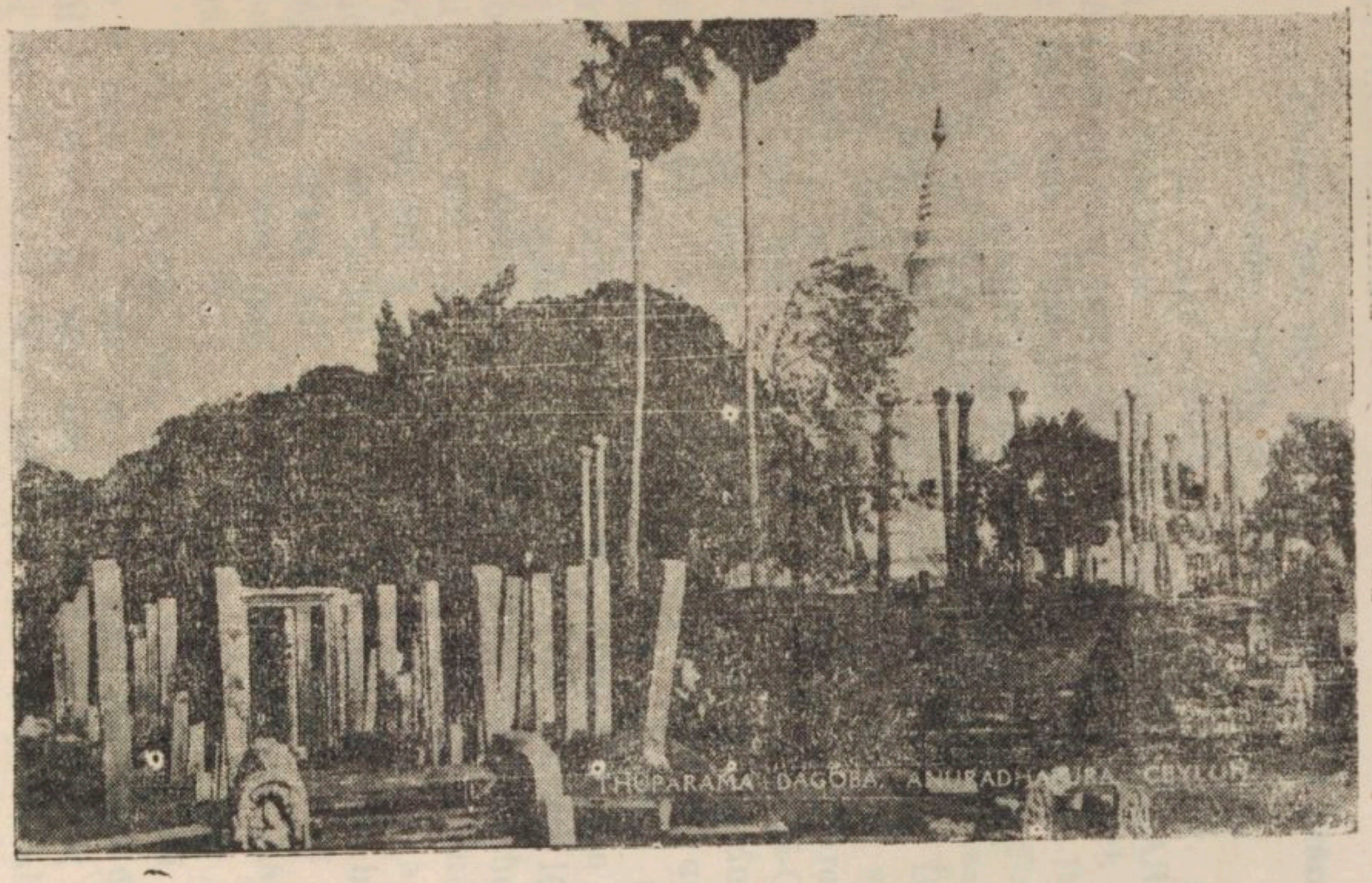

Bảo-tháp ở Tich-Lan

Di-tích của Tăng-đường bị tàn phá vì giặc Hung và Hồi

C. — Chiêm bái nơi xương minh Phật-giáo trước nhất ở Tích-Lan

Cũng tỉnh Gandesepura chừng 15 cây số, có giải núi Mihimtale. Theo lời Thượng-Tọa JINARATANA thuật chuyện : « Giải núi này có một lịch sử độc nhất của Phật-Giáo Tích-Lan, vì vua A-Dục sai Hoàng-Tử MAHINDA là con của Ngài sang Tích-Lan truyền bá Phật-Giáo. Hoàng-Tử MAHINDA sang đến núi này tình cờ gặp vua Tích-Lan là DEVAMPURA đang săn bắn. Hoàng-Tử cho mời vua DEVAMPURA lại nói rằng : « Vâng mệnh Phụ-vương tôi sang đây làm sứ-mệnh của Đức THÍCH-CA, để truyền-bá đạo lý của Ngài. Nay tôi muốn được ông giúp đỡ. Vua DEVAMPURA cảm phục quá, liền quỳ xuống hôn chân Thái-Tử và phát thệ xin theo tri hướng, lại thề với Hoàng-Tử xin từ nay bỏ hẳn nghề chơi săn bắn, tức thì ra lệnh cho quẳng hết cung tên, lưới, nỏ xuống hang núi ». Giải núi này từ đấy được thiết lập thành nơi đại đạo-tràng trước nhất ở Tích Lan. Vua A-Dục có ban Xá-lợi của Phật để thờ ở tòa bảo-tháp trên chỏm núi ấy. Tuy bảo-tháp này đã hư hỏng cũng như các bảo-tháp khác. nhưng Xá-lợi của Phật vẫn còn ».

Khi đến chân núi, bắt đầu tiến lên, tôi đã có ý đếm xem được bao nhiêu bực mới đến đỉnh núi có bảo-tháp. Mới lên được độ 1/3 đường mà tôi đã đếm được hơn 500 bực, sau thấy có nhiều chỗ cần phải hỏi cho biết, đành bỏ dở không đếm nữa, nhưng nếu đếm cho đến hết, cũng chỉ độ nghìn hai, nghìn ba bực thôi. Bực xây chỉ độ 5 tấc ta chứ không cao.

Vì sao tôi không đếm nữa ? Đến đây đã là một giải núi cao chót vót mà lại bằng phẳng

rộng rãi bao la, còn dầy những đường bệ của Phật-điện, có sở của Tăng đường, đánh dấu một lịch-sử Phật-giáo oai-hùng về thời dĩ-vãng. Thế mà quân giặc Hung và Hồi nỡ tàn phá chỉ còn lại hàng bao nhiêu cột đá, tảng đá v. v. Cảm súc nhất là khi đi đến chỗ hai món bảo khí để đựng món ăn uống của Chư Tăng ngày xưa : Một cái thuyền đá để đựng cháo cho Chư Tăng, gắn chám đường còn lành lặn nguyên, đo chiều dài được 12 thước tây, chiều rộng và sâu đo được một thước. Còn cái thuyền đựng canh bằng 1/3 cái đựng cháo, ngay ở nơi hai cái thuyền đá đó, còn có bực xuống hồ là nơi Chư Tăng tắm rửa ngày xưa, Vốn núi này đã có đầy cây cối cổ-thụ, thật là cảnh trí rừng thuyền, thế mà người ta còn mới giồng thêm dị thảo, kỳ hoa, từ chân lên đến tít ngọn núi và ở các ngả đường ngang dọc trên núi ; những đàn chim nhẩy nhót ngạo nghễ trên các hàng cây kêu kêu hót hót, hình như đương mách bảo : « Đây là cảnh thoát trần, cố tiến lên, cố tiến lên ! » Nếu mà quân giặc họ không tàn phá, thì cái cảnh trí thiên tạo, lẫn nhân tạo này còn hùng-vĩ trang-nghiêm biết mấy ! Giả sử có những cây bút tài hoa tả cảnh ở Phong-Thần, ở Tây-Du có tái-sinh cũng khó mà tả hết được cái đẹp của nó.

Đứng đấy mà trông lên tòa bảo-tháp ở ngọn núi trên, hãy còn cao xa tít mù tắp, thế mà các ông già, bà cả đều cố hăng-hái ra tay ghì chặt vào cái gậy để leo lên. Một bà cụ nhà quê đầu bạc phơ đương ngồi thở, tôi hỏi đùa :

— *Cụ già yếu như vậy thì ra chùa làng mà lễ cũng được, can gì mà phải lên đây cho mệt mỏi ?*

Bà cụ trả lời bằng một giọng phều-phào :

— « Chùa làng tôi làm gì có xá-lợi của Phật, có lẽ chẳng qua chỉ là bái-vọng, công-đức nào bằng được đến lễ bái ở nơi có thân kim-cương của Phật. Mỗi tháng con nó để cho hai ngày đi lễ cầu phúc lại còn sợ mệt. Tôi đi lễ Phật đây tuy có mệt, nhưng rất vui sướng, chứ 28 ngày đun bếp thổi cơm, giữ nhà, ẵm cháu còn mệt hơn và còn buồn khổ hơn nữa ».

— A-Di-Đà Phật, cụ thành tâm lắm, Đức Phật đã chứng rồi đấy, mời cụ đứng dậy leo với chúng tôi cho vui chân.

Lên đến nơi, người nào cũng mệt nhoài, phải ngồi nghỉ và xin nước uống rồi mới đi lễ được. Chúng tôi vào dâng hương, lễ xong ra đi xem, Thượng-tọa JINARATANA cho biết : *« Cây tháp này nếu còn nguyên vẹn, thì cũng như cây tháp thờ xá-lợi Phật mà chúng ta đến lễ hôm qua đó ».* Lúc đó tôi tưởng như gần với nền trời xanh, trông thấy khắp đảo Tích-Lan toàn một mầu xanh ngắt của bức bình phong núi, và các tấm gương nước trong veo, bèn ngâm :

Quanh Phật-đài non nước, nước non,
Chùa xưa tháp cũ ngất càn khôn,
Chẹn hương vừa ngát đài mây gió,
Phảng phất nhường như chướng thạch hồn(1).

Được đến chiêm bái những tòa điện tháp nguy-nga, đồ-sộ cả về thiên-tạo lẫn nhân-tạo, của 4 nơi Phật-tích, đây là phần thưởng thứ nhất của đời tôi. Trái lại cũng rất ai oán với tạo-hóa đa đoan, đã tạo ra những ông vua chúa có đạo như vua A-DỤC, vua DEVAMPURA và hoàng-tử

---

(1) — Thạch hồn tỷ với chân thần bất diệt.

MAHINĐA với công-chúa SINGHAMITTA, cùng nhau xây đắp nên nền Phật-giáo cả về tinh - thần lẫn vật-chất, hình-thức ở Ấn-Độ và Tích-Lan mà nghìn muôn đời về sau, dù cho các chính-phủ có sùng mộ Phật giáo đến đâu chăng nữa cũng không thể làm nên được ; làm sao mà lại còn tạo ra những chúa vô - đạo như chúa quân Hung, quân Hồi, để họ tàn phá hầu hết những nơi làm nền tảng phong-hóa, đạo - đức chung của nhân-loại như vậy Không biết bọn tàn nhẫn, họ ở suối vàng ngày nay có nghe thấy những điều ai oán của thiên hạ mà tự ngậm ngùi, hối hận không ?

∴

Dưới đây xin kết-luận về dịp đi chiêm bái này :

Quá trưa hôm 30, chúng tôi đến nơi, đã thấy quang cảnh như hội chùa Hương-Tích vậy. Dân Tích-Lan gọi tỉnh Gandesepura này là kinh-đô Phật-giáo thực không ngoa. Khắp trong tỉnh chỗ nào cũng có cây cối rườm-rà, ít khi có ánh nắng. Ở dưới đất trồng cỏ sén bằng, khách thập phương lễ bái xong ra các bãi cỏ đó nghỉ ngơi, người thì ngồi, người thì nằm, người thì ra suối tắm gội. Ô-tô của thập phương để ở vệ đường bên suối, chỗ nào cũng nhiều. Còn xe ra vào tựa như một thị-trấn lớn, chứ thực ra tỉnh này vừa nhỏ lại ít người buôn bán. Thoạt đến tỉnh đã thấy mấy chiếc cổng làm theo mỹ-thuật nhà Phật, mỗi cái cổng đều bắc loa, để truyền ra các bài kinh, bài văn, những khi chư lăng tụng kinh cho thiện-tin tụng theo, quả là một chợ người tụng kinh.

Tôi thấy đông-đúc quá như vậy, tưởng chừng

Cổng điện Bồ-đề

thế nào cũng có các trò ăn tiền như các nơi hội chùa ở Việt-Nam, nên đã để ý tìm cả ngày lẫn đêm, quả không có một trò gì có tính cách ăn tiền và hủ-bại, cũng không có thấy một hàng cơm nào cheo những đùi thịt lủng-lẳng như hội chùa Hương, hội Phủ-Giầy, Kiếp-Bạc ở ta. Trái lại, thì hàng giải khát nhiều vô kể, bán toàn nước cam nước chanh, nước chè pha lẫn với sữa bò. Mỗi hàng còn chất hàng đống quả dừa non, theo giá tiền ta chỉ độ vài hào một quả, ai mua xong, họ cầm dao vạc luôn núm rồi uống chứ không phải dùng đến cốc chén chi cả. Hàng nào cũng có nhiều thanh bông hoa quả, như chuối ngự, dưa và cam với các thứ bánh ngọt. Lại còn có mấy khách-sạn rộng rãi, mát mẻ, có nhiều buồng ăn, ngủ riêng cho thập phương đi lễ bái về ở đêm. Các khách-sạn này, đều của các nhà Phật-tử tổ-chức, cũng nhằm vào mục-đích chấn-hưng Phật-giáo. Sáu người chúng tôi ăn ở hai ngày mà ông chủ khách-sạn không lấy một xu nào.

Tôi hỏi : *Như vậy thì lấy gì mà sinh sống ?*

ĐÁP. — Tôi có nghề nghiệp khác, hàng tôi bán nhờ đất Phật ở đây tuy cũng có ăn lãi một chút của các nhà phong-phú bản-quốc, còn các Ngài là Phái-đoàn Phật-giáo ở ngoại-quốc đến, tức là thượng-khách của chúng tôi, chúng tôi được cung tiếp là phúc lắm.

Chúng tôi đến chiêm-bái khắp các nơi đã kể trên, nơi nào cũng đông-đúc, nhất là ở điện Bồ-đề, tháp xá-lợi, náo nhiệt, tưng bừng chừng như cực-lạc ở nơi này, người ta gọi tỉnh này là « kinh-đô Phật-giáo », tôi xin đặt cho nó thêm một tên nữa là « Phật-tích hiện tại kinh kỳ », theo với cảm-tưởng ấy, tôi có vịnh :

Tích-Lan có tỉnh Găng-đề-sê,
Phật-tử mười phương lũ lượt về.
Chợ họp hương hoa thông mấy phố,
Loa truyền kinh giáo dậy tứ bề,
Lưng trời bảo tháp chen đầu lễ,
Rợp đất Bồ-Đề sụt gối quỳ,
Nếu chẳng nhân gian đây Cực-lạc,
Thì đâu Phật-tích tại kinh kỳ.

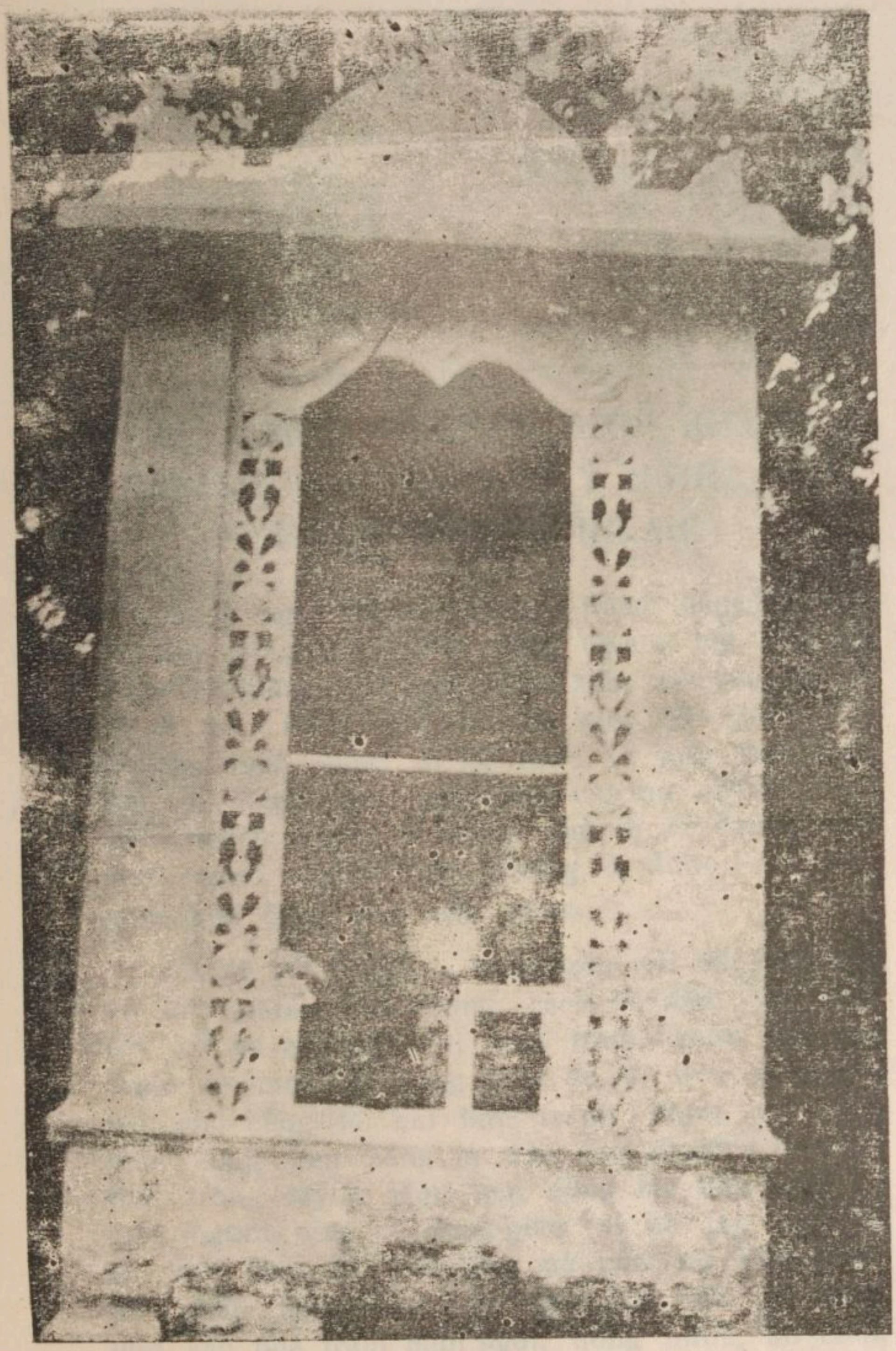

Đức Phật Thích-Ca cao trượng sáu đứng trong tòa thạch-đai ở điện Bồ-đề

16. — MỘT TỔ-CHỨC GIÚP KHACH HÀNH-HƯƠNG CÓ ĐẦY Ý NGHĨA CUA NHÂN DÂN TÍCH-LAN

Vì là ngày 30 và mùng 1 nhân dân Tích-Lan về tỉnh GANDESEPURA này chiêm bái các nơi Phật-tích đông đúc qúa, nên giữa các con đường chính sứ, nhân dân họ có một tổ - chức giúp đỡ cho mọi người đi lễ, thực là một tinh thần bác - ái đáng phục, mục-đích của họ cốt làm cho giầu, nghèo ai ai cũng có thể đi lễ được, còn như người nào vì bận không đi được, cũng vẫn gom góp được tiền cầu phúc.

CÁCH TỔ CHỨC — Khắp trên giải đất Tích-Lan có bao nhiêu con đường, cách độ năm. sáu chục cây số lại có một nơi nhà trạm, trước cửa nhà trạm có một cái cổng trào đồ-sộ, trên cùng của hai mặt cổng là hai bức tranh Phật, còn toàn thân cổng ken bằng lá dừa, có chương hoa kết thái, trông mỹ-lệ lắm, bên cổng lúc nào cũng có mấy người cầm cờ Phật-giáo (vì họ tập đoàn đi lễ, mỗi đoàn đi ô-tô đều có cắm cờ Phật-giáo) họ phất cờ chào, ô-tô đều phải đỗ, sẽ được mời vào nhà trạm nghỉ ngơi, uống nước, ăn cơm, ăn uống đầy đủ lắm, mà bất cứ là quen hay lạ, ăn xong đều không phải trả một khoản tiền gì cả Lượt đi dọc đường chúng tôi phải chối từ với

nhiều nơi: lượt về đến nhà rạm ở phố HELSNANRA, có báo hiệu đặc biệt là có chư Tăng đến, rồi có ngót 100 người ồ ra vây kín cả ô-tô để mời một cách khẩn khoản, ý tôi cũng muốn biết rõ cách tổ-chức cao quý của họ để vào ký-sự, mới rủ nhau xuống, được mời vào tòa nhà riêng mà họ đã ấn định để cúng; chư Tăng khi đến, có khăn trắng mới tinh rải phủ bàn ghế, lại có vẩy nước hoa thơm ngào ngạt; họ biết luật lệ của chư Tăng, không dùng món ăn phi thời hóa nên mỗi vị chỉ được một cốc nước cam với một miếng trầu, còn được họ lễ để lấy công đức vô kể, mọi người lễ chào mừng xong, tôi bảo ông trưởng-ban tổ-chức đưa đi xem khắp lượt các nơi.

Cái nhà trạm này dài tới 7 gian, làm bằng tre, lợp lá dừa, cũng chương hoa, kết thái như sắp vào đám hội có độ 50 thiện-tín đang ăn cơm, mà món ăn khá sang.

Tôi hỏi : *Hai hôm nay được chừng bao nhiêu khách hành-hương vào ăn uống ở quý trạm ?*

— *Được một vạn linh năm ngàn người.*

Lại dẫn vào xem chỗ thổi nấu, ký-giả thấy hiện còn tới 10 tạ gạo, ba nồi cơm nguyên, với một nồi đương sới giở, bốn xanh mười món ăn hãy còn nóng. Các món rau đậu sống hãy còn ngổn ngang. Đến xem nhà sắp đồ nước, có tới hàng mấy nghìn trai nước cam, nước chanh, phần nhiều chỉ còn vỏ ; chuối ngự còn treo đến 20 buồng ; dừa, cam còn khá nhiều, nhất là bánh ngọt họ làm đến sáu thứ.

Tôi hỏi : *Mỗi tháng vào ngày 30 và mồng một, các ông đều có tổ-chức như thế này phải không ?*

— Thưa phải, chỉ có sự trang-hoàng thì kỳ này nhiều hơn, là vì hội-nghị Phật-giáo thế-giới đi chiêm bái qua đây.

— Mỗi kỳ làm tốn độ bao nhiêu, và lấy tiền đâu mà làm ?

— Mỗi kỳ trung-bình hết độ hai vạn bạc Đông-dương, nhưng kỳ này hết nhiều hơn. Số tiền này là của tất cả mọi người hảo-tâm, từ người phu xe, người thợ cầy, đến các nhà hào-quý đều có góp vào, không những chỉ góp tiền mà thôi. người góp gạo, người góp củi, người góp các món nấu, người góp hoa quả, bánh trái v. v... chúng tôi không phải bỏ bán cho ai cả, thế mà kỳ nào làm xong cũng còn thừa tiền.

— Cách tổ-chức cho thập phương đi chiêm bái, đến đâu đói khát có chỗ ăn uống đầy đủ, khang-trang thế này thực là một phong-tục thiện-mỹ, nhưng giá để cho người nào ăn uống sẽ phải trả tiền, có phải khỏi phiền đến các người nghèo khổ phải lo tiền đóng góp không ?

— Nếu ai ăn uống xong cũng đều phải trả tiền, nó lại là sự buôn bán, không còn gọi là mỹ-tục được nữa. Dân chúng tôi bất luận giầu nghèo, ai được góp vào công cuộc này đều lấy làm hỷ-xả, chứ không một ai cho là phiền, vì họ cho rằng đã được đóng góp vào việc cầu phúc chung, mặc dầu không đi lễ được đấy, nhưng vẫn được phúc như người đi lễ. Bao giờ sự đi đến các nơi Phật-tích chiêm bái của dân Tích-Lan chúng tôi cũng đông-đúc, vui-vẻ, là vì nước chúng tôi chỗ nào cũng có tổ-chức giúp đỡ cho đồng-bào chúng tôi đi chiêm bái một cách chu đáo.

Trong hai ngày ở một nhà trạm này, đã có

tới một vạn linh năm nghìn khách ăn uống, về việc đi chiêm bái Phật-tích, huống hồ còn khắp các nhà trạm trong nước, đủ thấy lòng mộ Phật của dân Tích-Lan sâu xa đến thế nào. Hôm qua Ông Tỉnh-trưởng tỉnh Gandesepura nói : « *Cứ đến kỳ 30 và mồng một, trong tỉnh này trung-bình cũng có tới bốn vạn người lui tới lễ bái các nơi Phật-tích* ». Quả thực ông nói không sai.

17. — ĐI CHIÊM BÁI CHÙA RĂNG PHẬT

GIẢI ĐỀ : Sau khi Đức THÍCH-CA vào Niết-Bàn, rước Ngài vào đàn hỏa (đàn thiêu) thì toàn thân của Ngài đã biến thành những viên Xá-lợi, những Xá-lợi đó đều rước vào bảo-tháp nhưng còn một chiếc răng đốt làm sao cũng không cháy. Đến khi chia Xá-lợi của Phật cho vua các nước rước về thờ, thì chiếc răng vô giá đó, chia về phần vua Tích-Lan, Hiện giờ thờ tại chùa Răng Phật ở tỉnh Kandy, chính là ngôi chùa mà Hội-nghị Phật-Giáo thế-giới đã làm lễ tuyên-thệ.

Chùa Răng Phật, thường lệ một năm chỉ có một ngày lễ trọng mới được rước Răng Phật ra cung ngoài cho thập phương chiêm bái, đến khi đã rước vào cung trong, dù cho bậc nào cũng không được vào vì sợ người khác rước trộm. Vì có cuộc hội nghị Phật - Giáo thế - giới nên Hòa-Thượng trụ-trì mới tổ chức riêng một ngày trọng lễ vào ngày mùng 3 tháng 6 ; ngày đó, rước Răng Phật ra cho Phật-tử thế - giới chiêm bái.

Trước giờ rước ra cung ngoài, các vị Trưởng Phái - Đoàn xuất gia phải vào nội cung lễ xin rước ra. Tôi cùng với một Hòa-Thương đại biểu Phật-Giáo nước Ý hân-hạnh được mời vào trước nhất, lúc vào đến nơi tôi còn thấy hai cái khóa sắt to ngang bàn tay đeo ở hai cánh cửa sắt

chưa ngỏ. Một vị lão Hòa-Thượng trong bốn vị Hòa-thượng túc trực cầm hai chìa khóa mở cửa, một vị Hòa-thượng khác đưa cho vị Hòa-Thượng nước Ý một cái đai bằng vải vàng để thắt ngang lưng rồi mới được vào, lại có một Hòa-Thượng nữa đưa cho một vốc hoa để rải trước bảo - tháp vàng có Răng Phật ở trong, rải hoa xong liền qùy cầu nguyện độ nửa phút rồi lui ra. Kế đến lượt tôi và tất cả các vị Trưởng Phái-Đoàn xuất-gia lễ, sau đều theo lễ nghi như thế cả. Lễ xong, một vị lão Hòa-Thượng mở cái chụp đậy bằng vàng ra để cho bốn Hòa-Thượng cùng với các Trưởng Phái-Đoàn cùng rước bảo - tháp có Răng Phật ra cung ngoài, Hòa-Thượng trụ - trì đã cho khóa trái hai cửa nách chùa không cho thập phương vào chiêm bái vội, để cho các vị Phái-Đoàn Phật-Giáo cả Tăng lẫn tục được chiêm bái trước và tế nhận riêng hết non tiếng đồng hồ.

Tôi nhận thấy cái răng Phật đây khác với răng người ta nhiều lắm. Chiều dài chừng độ hai tấc rưỡi ta, và to chừng bằng ngón tay chỏ mà tròn, mầu sắc vàng vàng tựa như ngà lâu đời.

Hết giờ chiêm bái của các Phái-đoàn, hai cửa nách Phật-điện vừa được mở, tôi tưởng chừng như sụp đổ hết với sự chen - chúc của thập phương kéo lên chiêm-ngưỡng răng Phật, và cứ như thế gần ba tiếng đồng hồ mới ngớt người.

Lại đến quang cảnh đám rước ảnh Phật đêm nay của chùa Răng Phật, 9 giờ hơn mới rước, mà mới 6 giờ chiều, từ cửa chùa ra cho đến hơn một cây số, hai bên đường hàng phố rộng lắm, đều có anh em cảnh - binh xếp cho bốn hàng người ngồi bên trong, để đứng

ngăn người xem bên ngoài ; còn bên ngoài, người đứng như nêm cối, nhưng cả người ngồi người đứng đều rất mực nghiêm-chỉnh, kính cẩn, mặc dầu chỗ có cảnh-binh hay không ; chúng tôi đứng trên gác nhìn xuống ai cũng phải kính phục tinh-thần kỷ luật của dân Tích-Lan.

Đúng 7 giờ, hàng mấy nghìn ngọn đèn điện bóng ngũ sắc bật thành bảy từng trước cửa chùa để tượng trưng cho 7 giây đèn « giác » sẽ khai quang cho con đường mê muội của bầy tỉnh.

Một tiếng dậy trời của súng thần - công nổi hiệu, đám rước bắt đầu cử hành. Đi trước dẹp đường là một đoàn múa đuốc. Bốn đầu gậy họ đem buộc bốn túm dẻ rồi tẩm dầu đốt lên cháy sáng rực trời. Họ vừa đi vừa múa theo bài theo điệu trông nhịp nhàng tựa như đám hỏa long múa khai lộ vậy. Nối sau còn có rất nhiều cây đuốc, đi dàn ra hai bên vệ đường, mỗi bên 250 cây. Đuốc không phải bằng đóm mà bằng lồng đan bằng giây thép với một thứ vỏ quả như vỏ dừa khô, đốt cháy đượm lắm mà không có khói khét. Kéo theo sau có 5 xe bò vỏ đó để đốt có thể cung cấp cho 500 cây đuốc khai lộ ấy suốt đêm.

Từ đầu đến cuối đám rước, có tới 60 con voi vừa lớn vừa nhỏ đi làm 20 đoàn, mỗi đoàn 3 con, người ta đem bao nhiêu những đồ may sẵn bằng gấm vóc, và các thứ vải hoa khoác kín cả toàn thân voi, thành ra những đoàn voi bằng gấm vóc biết đi (60 con voi đã được huấn luyện cho nên nó đi nhịp nhàng đều lắm) các con voi nhớn đi hàng giữa, trên lưng voi có Phật tượng, Phật đình, Phật tháp cho đến các thứ đựng xá-lợi và hòm kinh. Các voi con đi hai

bên, có con đến bốn người cưỡi trên lưng nó để cầm các thứ cờ quạt, tàn tán v.v... Tôi còn phải kể cái đẹp của hai con voi gấm hoa điểm thêm các thứ hạt ngọc châu, kim kính, chân chỉ, hạt bột, lại có mắc điện riêng trong mình nó để đốt những ngọn đèn điện ngũ sắc cỏn con. Trên lưng nó mang hai cái tháp vàng vẫn để thờ xá-lợi Phật mà chính mắt tôi đã thấy từ chiều. Mỗi đàn voi đi cách nhau chừng 50 thước ta, quãng giữa là đoàn ca nhạc. Đoàn nhiều nhất là 32 người, ít nhất là 16 người, cộng thành 19 đoàn ca nhạc, mỗi đoàn-trưởng ăn mặc lối võ sĩ đi trước đàn voi để đánh nhịp. Các nhạc sĩ đều cởi trần, trước ngực đều đeo một miếng thêu diềm kim kính, vai họ khoác một cái tua như yếm dãi, thêu chân chỉ hạt bột. Dưới ngang lưng lại còn thắt một cái hoa cân sòe ra ba khổ, dài đến đầu gối, cũng đều có thêu mạng, trên đầu đội mũ võ, trong người lại còn đeo nhiều các quả chuông, quả nhạc hai tay đều có cầm nhạc-khí, khi họ dún dẩy múa hát theo điệu bộ đều lắm mà trông có vẻ oai-hùng và vui-vẻ.

Đám rước đi gần nửa cây số, chỉ có một đoàn múa đuốc, 19 đoàn nhạc-sĩ, 20 đoàn voi với 500 cây đuốc đi điểm thêm vẻ huy hoàng rực rỡ cho các bức tranh ảnh Phật tôn-nghiêm trên mình voi.

Tôi có hỏi Hòa-Thượng trụ-trì chùa răng Phật rằng : Phí tổn hết bao nhiêu về việc chi tiêu vào đám rước này. Ngài cho biết hết chừng 5000 đồng roupies (2 vạn bạc ta) nhưng thập phương cúng vào cũng đủ.

∴

18. — TINH THẦN HOẠT-ĐỘNG CỦA HỘI ĐẠI BỒ-ĐỀ TÍCH-LAN

Vừa nửa tháng Phái-Đoàn Phật-Giáo chúng tôi ở nhà riêng của ông RAJAHEWA là Phó hội-trưởng hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan, mới có nhiều dịp được ông ta đưa đi thăm các cơ-quan của hội này hiện đương hoạt động. Dưới đây xin kính mời các Phật-tử tùy hỉ các việc đại phúc đức của hội đại Bồ-Đề Tích-Lan.

1·/ CƠ-QUAN TRUYỀN-BÁ. — Hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan có một cơ-quan truyền bá Phật-Giáo rất hoàn bị tức là tờ Phật-Giáo tập chí, mỗi tháng xuất bản 4 kỳ, mỗi kỳ ra được 6000 số Ngoài tờ Phật-Giáo tạp chí, mỗi tháng còn xuất-bản được nhiều các kinh sách Phật nữa. Trong ban biên-tập toàn là các vị văn Tăng, tuệ-sĩ đảm đương ; ông phó Hội-trưởng cho biết rằng : « Kinh sách báo chí của hội chúng tôi có nhiều khi phải biếu không, hoặc chỉ lấy đủ tiền in. Thế mà chỉ nhờ vào nhà in riêng của hội chúng tội mà cơ-quan truyền-bá đứng vững ». Tôi đã mục kích nhà in này, có tới sáu cái máy lớn, còn các máy nhỏ không kể, các thứ chữ và phụ tùng đầy đủ lắm.

2·/ TRƯỜNG HỌC PHẬT. — Hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan nhờ có Hòa-Thượng Sumangala là một

Đại-Sư sáng lập nên hội ày, trước đây Ngài tự xuất tiền riêng để mở một trường học rất quy mô, rất vĩ-đại. Mặc dầu Ngài tịch đã lâu, mà trường Phật-học vẫn tiến. Trường Phật-học này hiện thời có tới 800 học sinh cả Tăng lẫn cư-sĩ đủ cả ba bậc, Đại, Trung, Tiểu-học, trong trường có cả học-sinh Tăng Ấn-Độ, Trung-Hoa và Diến Điện. Sự ăn ở của học-sinh chia làm hai hạng Hạng ngoại trú, ở ngoài đến buổi vào học, hạng này không phải trả một knoản tiền gì cho Hội cả. Hai là hạng nội trú, ăn ở luôn trong trường, tuy không phải trả tiền học nhưng phải trả tiền lương ăn.

Giáo-Sư toàn là chư-Tăng có tới 20 vị để đủ dậy cho các lớp. Tiền chi vào việc cung cấp giáo-sư và tạp chi mỗi năm hết một vạn roupies tức là linh bốn vạn bạc Đông-Dương, được chính phủ Tích-Lan trợ cấp mỗi năm 4000 roupies, còn thì công quỹ của hội chịu ; học sinh Tăng về hạng nội-trú, tuy nói là phải chịu tiền ăn, nhưng thực ra ít khi phải đóng tiền vì các nhà thiện tín đã cắt lượt nhau làm cơm đem đến tại trường cúng.

3· CƠ-QUAN THANH-NIÊN PHẬT-TỬ. — Hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan có cơ-quan đào tạo thanh-niên Phật Tử to tát lắm. Mục đích chính là để đào tạo cho các thanh-niên nam nữ, có những đức tính thuần-túy để sống với cuộc đời có giá-trị cho con người. Chương-trình huấn-luyện trong cơ quan thanh-niên Phật-tử này có đủ các môn học về Trí, Đức, và Thể-dục. Hiện trong đó đã có 1500 thanh-niên trí-thức.

4·/ CƠ-QUAN CẤP DƯỠNG CÔ-ĐỘC. — Hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan đã có tới 3 cơ-quan nuôi trẻ

mồ-côi và các ông già bà cả nghèo khổ, không có con cháu, hoặc con cháu nghèo qúa. Cả ba cơ-quan này đều do Bà RAJAHEWA đứng giám-đốc.

Các ông bà kém phúc đức được cấp dưỡng trong các cơ-quan này, chẳng những chu đáo về ăn ở, mà còn được có những phương-tiện để an ủi về tâm hồn nữa. Tôi thấy đầu giường của mỗi bà già đều có lọ cắm hoa, nếu hôm nào không có người cho hoa, các bà ấy sẽ bẻ các cành lá đem vào cắm để niệm Phật. Ôi ! con người ta đã bị suốt đời cặm cụi, gian lao, từ thủa trắng răng đến bạc đầu, để đóng góp với gia-đình, với xã-hội, thực là trăm cay, nghìn đắng mà chỉ vì kém phúc-đức nhân-duyên, hóa nên không con không cháu, lại không cửa, không nhà, với cảnh-ngộ nghèo cùng, khốn khó, mặc dầu đã hân-hạnh có nơi nương tựa. Cơ-quan của những tấm lòng thương nòi giống lập ra cho được ấm no về thể sác, nhưng cái ưu phiền vô vỗ cô đơn ở tâm hồn người ta nó dầy vò, nó cắn dứt, cố nhiên phải có phương-pháp chăn nuôi về tâm hồn mới có thể yên ủi được phần nào chăng ?

Tôi thấy bà Giám-đốc cơ-quan nuôi các ông bà già quan-quả của Hội Phật-giáo Tích-Lan này thực đã đi sâu vào đến tâm-lý của hạng người kém phúc kể trên.

5°/ CƠ-QUAN NHÀ THƯƠNG. — Năm 1912, Hòa-thượng DHARMAPALA tự bỏ tiền riêng ra lập cho Hội Bồ-Đề Tích-Lan một bệnh-viện, nhằm vào mục-đích bảo-tồn nền Y-học của Tích-Lan. Hòa-thượng sáng lập bệnh-viện này, có để lại cho Hội một số tiền là 6 vạn roupies để luân lưu sinh tức mà chi dùng cho các khoản chi phí của nhà thương này. Mỗi tháng phải trả

tiền lương Y-sĩ và mua thuốc v. v... hết số tiền dưới 500 roupies.

Nhà Y-sĩ nổi danh là ANVEDU, mỗi ngày ông tự đến nhà thương thăm bệnh-nhân không lấy tiền. Các bệnh-nhân ở nhà thương và ở ngoài đến xin thuốc, không phải trả một khoản tiền gì.

6°/ TRƯỜNG BẢO-TRỢ GIÁO-DỤC Ở TRONG TỈNH COLOMBO. — Đây là một trường thành lập trước nhất ; hiện thời là một trường dạy học không lấy tiền, to nhất và kiểu-mẫu nhất ở Colombo.

Trường học Rajadiriga. — Trường này do Ông MUDLIJAR DONGARALISH MAREITARAC, tức là ông thân-sinh ra Hòa-thượng DHARMAPOLA sáng lập từ năm 1898. Hiện thời do Ông RAJAHE-WA đứng Giám-đốc. Trường này hiện thời có tới 1200 học-sinh nam nữ, có đủ từ lớp mẫu-giáo cho đến trung-học. Tất cả có tới 32 Giáo-sư do Chính-phủ Tích-Lan trả lương. Tiếng Tích-Lan là tiếng chính trong việc giảng dạy, còn tiếng Anh chỉ là tiếng phụ. Nhưng học-sinh từ 8 tuổi đã phải học Anh-văn, vì tiếng Anh ngày nay ở các cơ-quan hành-chính còn dùng. Học trò đến 16 tuổi, phải qua một kỳ thi lên lớp Cao-đẳng.

Còn có nhiều các lớp học chuyên-nghiệp cho các trò nghèo. Học trò trai học nghề đắp nặn, nghề mộc, nghề gò, nghề vẽ v. v... ; trò gái học nghề thêu, dệt, đan, khâu...:

Đã có nhiều học trò nam, nữ làm ra được các đồ rất tinh-sảo, giao sang Đại-lý công phát hành lấy tiền ăn học.

Mỗi buổi sáng học trò đều phải đọc 5 điều giới của Phật, trước khi khai học.

7./ THUYỀN-LỮ-VIỆN. — Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan, hiện đương làm một viện thuyền-lữ, mục-đích để cho các Phật-tử Tích-Lan ở xa lại và các Phật-tử Thế-giới khi tới Tích-Lan du-lịch sẽ được vào viện này ăn ở. Viện này làm 6 tháng nữa thì được hoàn thành. Số tiền kiến-trúc viện này theo lời Ông Phó Hội-trưởng sẽ hết tới 30 triệu roupies tức là linh 120 triệu bạc Đông-dương, tòa nhà này làm xong có thể hết đến số tiền ấy thực ; tôi đã đi xem hết lượt, thấy có nhiều buồng, mỗi buồng đều có đủ chỗ cho bốn người ở và có đủ các nơi tắm gội, xuất xử, có cả bếp nấu riêng.

Ông Phó Hội-trưởng có nói với tôi một câu rất thân mật rằng : « *Vị thượng-khách đến viện thuyền-lữ này trước nhất là Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam, nên bản Hội sẽ xin dành riêng một phòng lấy tên là " PHÒNG VIỆT-NAM ".*

Xem tinh-thần kiến-trúc viện thuyền-lữ này, đủ thấy Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan quý trọng Phật-tử thế-giới đến nhường nào.

Tôi tin rằng Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan có thể làm cho Phật-giáo bành-trướng được.

8./ TỔ-CHỨC LẠI CƠ-QUAN TRUYỀN-BÁ PHẬT-GIÁO Ở THỦ-ĐÔ ANH. — Hôm mùng 8 tháng 6 dương-lịch, Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan, mời các đại-biểu Phật-giáo của cả 26 nước hội họp tại Trụ-sở riêng.

Hòa-thượng D. V. P. VAJIRANANATHERO, Hội-trưởng tường trình rằng : « Trước đây Hội Đại Bồ-đề Tích-Lau chúng tôi, có lập một cơ-quau

truyền-bá Phật-giáo ở Thủ-đô nước Anh, sau vì chiến tranh phải đình-trệ hết mọi công việc. Nay xin các Đại-biểu Phật-giáo Thế-giới giúp đỡ thực-tế để tổ-chức lại cơ-quan đó ».

Một số Đại biểu Phật-giáo Thế-giới cố nhiên phải có tôi được mời làm ủy-viên trong ban tổ-chức lại cơ-quan truyền-bá Phật-giáo ở Luân-Đôn, do Ông Phó Hội-trưởng Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan đứng điều khiển các công việc này. Có vài nhân-viên của một Phái-đoàn khác còn có óc riêng rẽ, nên mới thốt ra câu hỏi tôi về vấn-đề này : « *Sao chúng ta lại phải giúp cho Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan bành-trướng Phật-giáo ở Anh ?* »

Tôi trả lời : « *Đức Phật truyền lại cái nền-tảng từ-bi, bình-đẳng, phận sự của các Phật-tử phải lo tính làm sao cho nhân-loại xây được lâu-đài hòa bình hạnh-phúc trên nền tảng đó.*

Nay các Phật-tử thế-giới cùng chung đúc lực lượng để giúp Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan bành trướng cơ-quan truyền-bá Phật-giáo ở Luân-Đôn thế là các Phật-tử thế-giới đã tiến tới con đường " Vô ngã sở " của Đức Từ-phụ. Chúng ta đã biểu lộ được tinh-thần đoàn-kết, không còn chia rẽ giống nòi để di-hại về hậu-họa cho giữa các dân-tộc cũng như giữa nhân-loại. Có thể họa may sau này mới hướng-dẫn nhân-loại cùng hòa giải với tình hữu-nghị thân mật được. Đến như Phật-tử ở nước nào phải làm việc Phật cho lợi lạc dân-tộc ấy, thế cũng là theo Phật dạy " báo ân địa ", nghĩa là đền ơn đất nước mình đang nương nhờ để sinh sống mà tu hành.

Nhưng nếu chỉ biết có một phận sự ấy, cố nhiên còn bị giam hãm trong tinh-thức nhân ngã,

trái hẳn với tôn-chỉ từ-bi quảng-đại.

Nói tóm lại, nếu các bậc Tổ-sư ngàn xưa, vị nào cũng khư-khư giữ quan-niệm riêng rẽ ở đâu biết đấy, thì xứ sở của chúng ta ngày nay đã làm gì có Phật-giáo ? ».

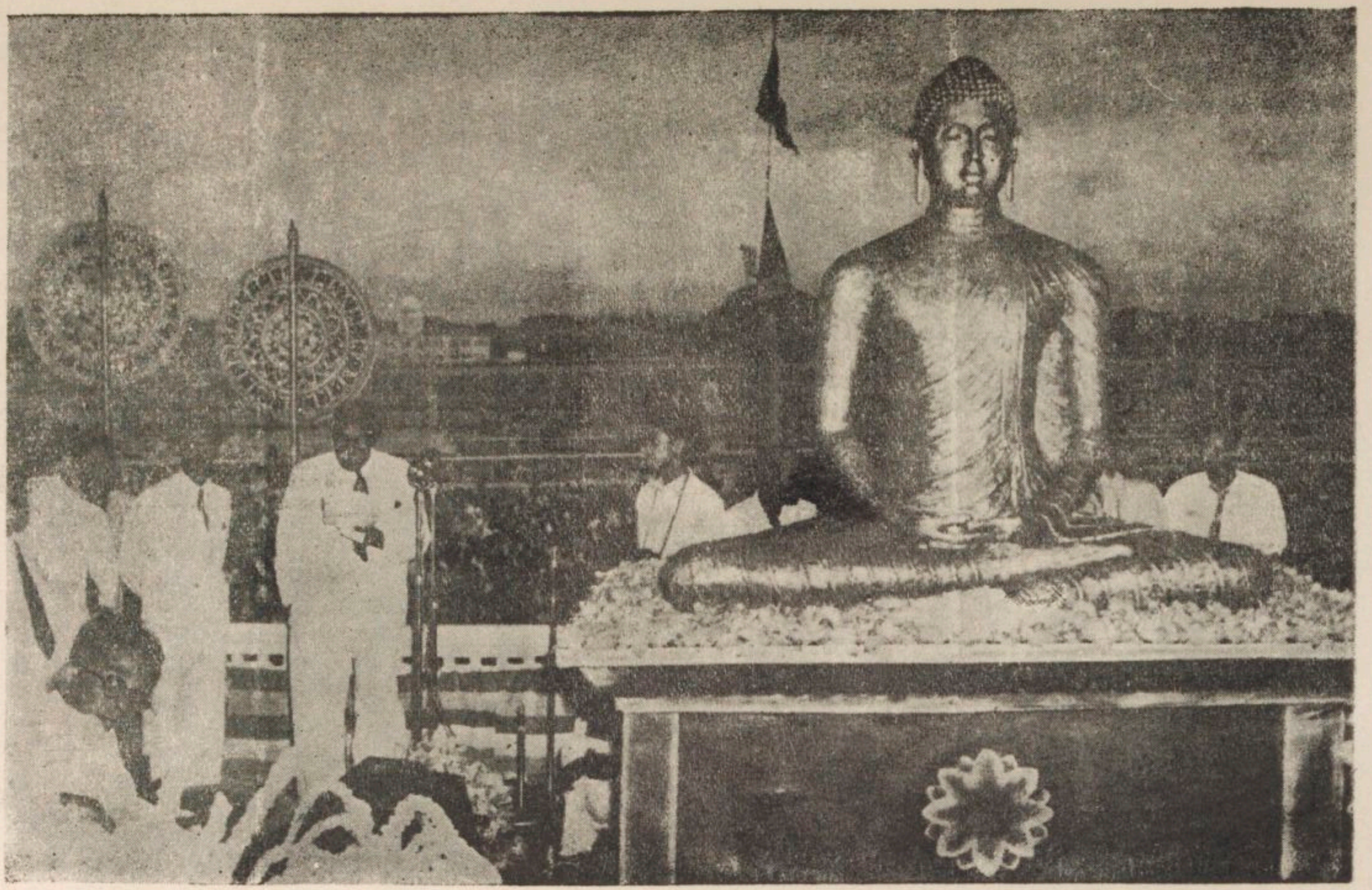

Thủ tướng Tích-Lan đương diễn-thuyết trước Hội-nghị Phật-giáo thế-giới

19. — KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HỘI-NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ-GIỚI

Hội nghị Phật-Giáo thế-giới họp tại Colombo kinh-đô xứ Tích-Lan từ ngày 25/5/1950 đến ngày mùng 8/6/1950 thì bế mạc.

Hội-nghị này có Đại-Biểu Phật-Giáo của 26 nước trên hoàn-cầu dự, do Tổng-Hội Phật-Giáo Tích-Lan chiêu tập. Ấy là một cuộc họp mặt đầu tiên của Phật-Tử thế-giới trong lịch sử Phật-Giáo hiện tại.

Mục-đích của cuộc Hội-nghị :

Theo lời mời của Ủy-ban chiêu tập thì cuộc Hội-nghị này có mục-đích.

a) Các Hội, các tổ-chức Phật-Giáo các nước gặp nhau để trao đổi tin tức về Phong-trào Phật Giáo trên thế-giới.

b) Đi đến một tổ-chức Phật-Giáo thế-giới có mục-đích thống-nhất các lực-lượng Phật Giáo trên hoàn cầu.

c) Tìm những phương tiện thiết thực để giúp các Phật-Tử thế-giới, giải quyết những vấn đề quan-hệ đến nhân-sinh.

d) Để các Đại-Biểu Phật-Giáo có dịp đi chiêm ngưỡng Xá-Lợi Đức Phật Thích-Ca tại tỉnh Kandy và Gandesepura tại Tích-Lan là những nơi đã nổi

tiếng trên hoàn-cầu. Vì thế trong chương trình do ban tổ chức thảo ra có các cuộc đi chiêm bái Phật-tích.

SỰ ĐÓN TIẾP. — Ủy-Ban chiêu tập Hội-nghị, nhận nhiệm-vụ xếp đặt chỗ ăn ở cho các Đại-biểu thế-giới tại Colombo và các nơi khác ở Thủ-Đô Tích-Lan, cả đến các nơi cư trú cho các Phái-Đoàn Phật-Giáo ngoại-quốc đến chiêm bái. Trong suốt thời kỳ hội-nghị họp tại Colombo mỗi phái-đoàn được trú ở một gia-đình Phật-Giáo Tích-Lan. Các Đại-Biểu Tăng trú ở các chùa riêng. Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam vì không hiểu tiếng Anh, cần phải có ông PHẠM-CHỬ là nhân-viên Bộ Ngoại-Giao đi với tôi về nhiệm vụ thông-ngôn ở chung cho tôi tiện việc giao-thiệp. Vì thế Ban tổ chức để Phái-Đoàn Việt-Nam cùng trú ở nhà ông RAJAHEWA là Bộ-Trưởng Bộ Thương-Mại trong chính-Phủ Tích-Lan, lại là Phó-hội Đại Bồ-Đề Tích-Lan.

May tôi ở nhà này nên đã khảo-sát được nhiều công việc Phật của Hội Maha Bồ-đề Tích-Lan, nhất là giây liên-lạc giữa Hội ta và Hội Maha Bồ-đề Tích-Lan đã được thắt chặt.

Có thể nói sự đón tiếp các Đại-biểu Phật-giáo ngoại-quốc của Ban chiêu-tập thật là chu-đáo, lòng quý khách của dân Tích-Lan đã nổi tiếng từ xưa, nay chúng tôi đã được trông thấy tận nơi. Từ Thủ-tướng Tích-Lan cho đến người dân nghèo, ai ai cũng tỏ ra tấm tình nồng hậu đối với các Đại-biểu Phật-giáo. Những ngày các Phái-đoàn đi chiêm-bái các nơi ở hai tỉnh đường xa có tới 600 cây số một lượt thế mà trên dọc đường nhiều nơi căng không biết bao nhiêu biểu ngữ với rợp đường những Quốc-kỳ Tích-

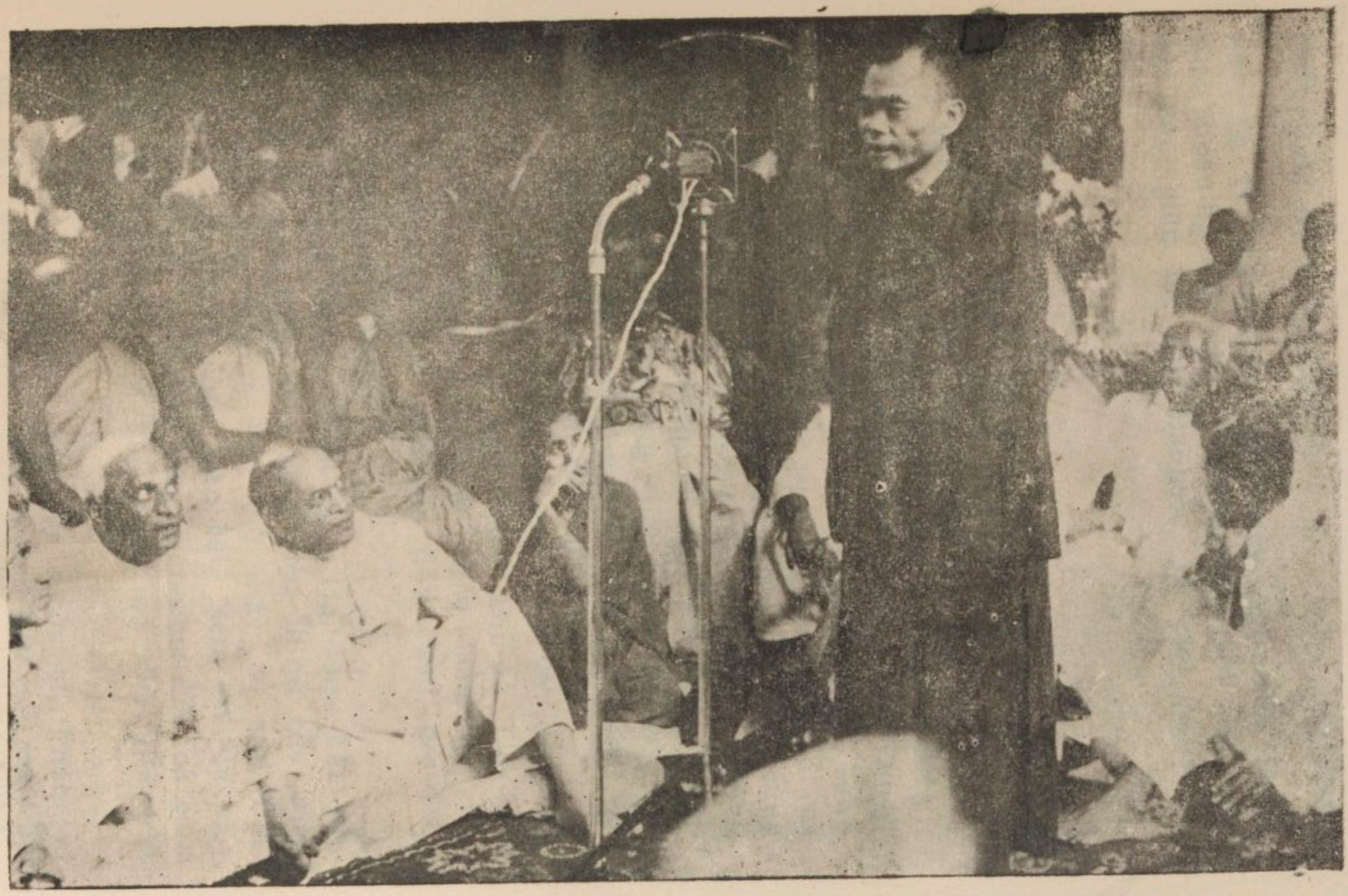

Thượng-tọa Tố-Liên đương diễn-thuyết trước máy truyền thanh giữa cuộc Đại hội nghị (25-5-1950)

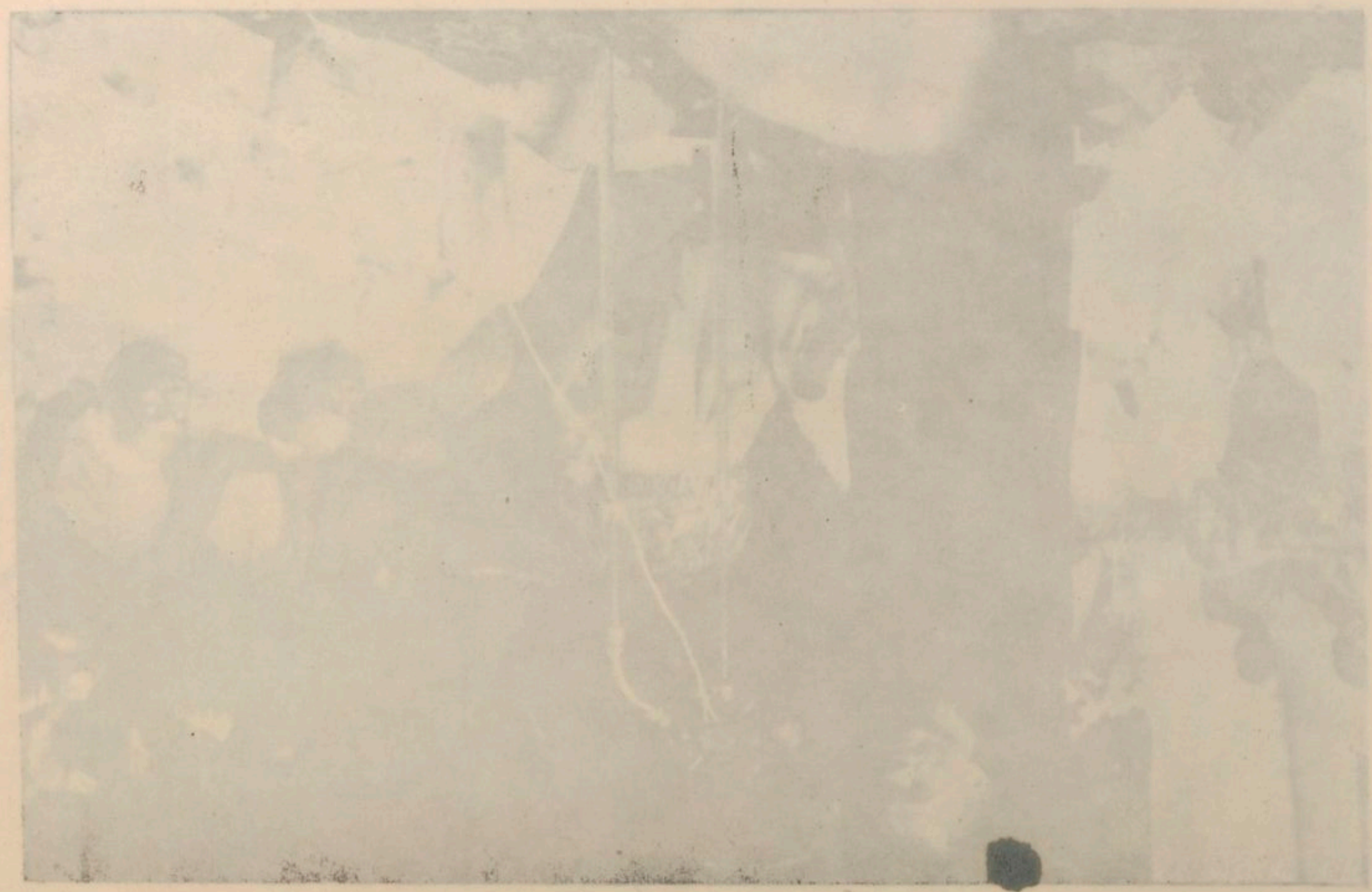

Lan và cờ hiệu Phật-giáo mầu ngũ sắc. Tình hình hoan-nghênh Hội Phật-giáo thế-giới này và hết sức giúp đỡ các Đại-biểu về mọi phương-diện.

∴

Buổi lễ tuyên-thệ

Trước ngày khai mạc Hội-nghị Phật-giáo thế-giới, có một lễ tuyên-thệ ở ngôi chùa " PHẬT SỈ " tức chùa thờ Răng của Đức Phật Thích-Ca. Chùa này cách với Colombo 150 cây số, sáng sớm ngày 25, tất cả các Phái đoàn Phật-giáo với hàng vạn giáo-hữu đi ô-tô từ Colombo đến cùng với chư Tăng, thiện-tín toàn tỉnh Kandy cử hành lễ tuyên-thệ. Bằng một quyết-nghị đọc trước Tam-bảo, kế đến các Trưởng phái-đoàn ai nấy đều phải có mấy điều phát-nguyện riêng, cùng đọc trước Tam-bảo và giữa đại-chúng.

Buổi khai mạc đầu tiên 5 giờ 26 phút, tại trụ-sở công cộng to nhất của Thủ-đô Tích-Lan được cử lễ khai mạc. Thủ-tướng Tích-Lan chủ-tọa, Ngài thân đọc diễn-văn đón chào các Đại-biểu Phật-giáo thế-giới.

Tuy rằng thế, Chính-phủ Tích-Lan hết sức tránh sự can thiệp vào công việc chính của cuộc Hội-nghị này, không bao giờ thấy có một Đại-biểu ở trong các cuộc bàn cãi. Xem thế đủ biết từ Chính-phủ cho đến dân Tích-Lan đều có cảm tình tốt đẹp đối với các nước có Phật-giáo rất sâu xa.

26 đoàn Đại-biểu của các nước có Phật-giáo cử đến dự Hội-nghị này, thêm vào số Đại-biểu chính-thức, còn có các Đại-biểu bán chính-thức,

phần nhiều là các nhà vì hâm-mộ Phật-giáo tự xuất tiền đến dự.

Tuy vậy trong các việc tranh luận, chỉ có các Đại-biểu chính-thức mới có thẩm-quyền. Các Phái-đoàn Phật-giáo đi dự Hội-nghị này, mỗi đoàn trung-bình từ 6 đến 8 người. Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam ít nhất, vì chỉ có 3 người.

Riêng các nước mà Phật-giáo được tôn làm quốc-giáo như Xiêm-La, Diến-Điện, Tích-Lan, Bhutan, Tây Tạng, họ rất chú ý đến cuộc Hội-nghị Phật-giáo thế-giới này, cử nhiều nhân-tài đến dự. Cầm đầu Phái-đoàn Phật-giáo Diến-Điện là một nhà luật-học trứ-danh, đã dự một phần quan-trọng về việc thảo hiến-pháp Diến-Điện. Cầm đầu Phái-đoàn Phật-giáo Xiêm là một Bộ-trưởng Thương-mại. Hoàng-gia Xiêm còn cử thêm một Công-chúa đến thay mặt.

Đại-biểu Xiêm-La, Tích-Lan, Diến-Điện đoàn-kết thành một khối, được coi như có lực-lượng hơn hết ở Hội-nghị. Phái-đoàn Phật-giáo ở các nước Âu-châu hầu như bị yếu thế trong các cuộc bàn cãi.

Một điều nữa cần nhắc đến, sáng 27 bắt đầu khai mạc Hội-nghị chính-thức tại trụ-sở Thanh-niên Phật-giáo. Ban Tổ-chức tự cử lấy Chủ-tịch. Thư-ký buổi họp chứ không do Hội-nghị cử, mà Hội nghị cũng yên lặng không ai phản đối. Không những thế, các Đại-biểu cứ thi nhau tường trình về tình hình Phật-giáo của xứ sở mình cho công chúng biết. Kỳ thực có ai được cử ra để phán đoán các tờ trình ấy đâu ? Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam thấy Hội nghị thiếu tổ chức, đã hai lần sẽ lời yêu cầu ban Tổ-chức sửa lại chương-trình nghị-sự, nhưng không công hiệu. Ban

Tổ-chức có cho tôi biết rằng : « Phần nhiều các Phái-đoàn muốn nói cả ». Ban Tổ-chức cũng có vài lần mời Phái-đoàn Việt-Nam tường trình. Tôi trả lời : *Chủ-tịch Hội-nghị không do chúng tôi công cử ra thì chúng tôi tường trình với ai ? Vả lại có một trăm Đại-biểu đến dự mà mỗi Đại-biểu tường trình hết độ một giờ thì còn thời giờ đâu mà bàn cãi vào mục-đích chính. Chúng tôi đã phải cùng các Đại-biểu phát thệ trước đấng Từ-bi cao cả để phụng-sự tôn-chỉ, để lập Hội Phật-giáo thế-giới. Huống hồ còn một vấn-đề quan-trọng nữa, là những phương-tiện thực-tế để giúp đỡ cho các Phật-tử thế-giới và để giải quyết vấn-đề quan-hệ của nhân-sinh, nó là một điều then chốt của cuộc Hội-nghị này. Chúng tôi từ mấy ngàn dặm đến đây để chơi ư ? Dân Việt-Nam chúng tôi đương lầm-than đau-khổ, chúng tôi không được phép đi chơi, thật ra lòng vì Phật-giáo thế-giới của ban Chiêu-tập các Ngài quý báu không kể xiết được, chỉ vì thiếu kinh-nghiệm nên các Ngài đã vô tình đưa Hội-nghị đi vào con đường úng-tắc, không có tổ-chức. Đáng lẽ ra, trước khi khai mạc Hội-nghị lần đầu tiên, ban Tổ-chức các Ngài sẽ tuyên-bố chỉ giữ thường-vụ để ứng tiếp các Phái-đoàn, các Phật-tử, còn phải để Đại-hội-nghị cử lấy Chủ-tịch, Thư-ký ra điều khiển, sẽ cùng định chương-trình nghị-sự. Kế đến bầu các tiểu-ban chuyên-môn để nghiên-cứu các vấn-đề rồi mới đến các Phái-đoàn tường trình xong thì các tiểu-ban nghiên-cứu cũng xong, sẽ đem ra Đại-hội-nghị bàn cãi để duyệt-y. Đằng này ban Tổ-chức các Ngài không thế, các Ngài tự cử người ra điều khiển Hội-nghị, để các Trưởng Phái-đoàn trình bầy đã đến hai ngày rồi mà tường trình chưa hết, các tiểu-ban chưa bầu.*

Ngày mai 28-5 chủ nhật nghỉ, lại kể luôn đến bốn ngày đi chiêm-bái, khi về còn hai ngày nữa, sao kịp ?

Các báo Tích-Lan đem câu hỏi tôi nói đó công-bố, thành ra dư luận sôi nổi. Lại được thêm các Đại-biểu Hội Đại Bồ-đề Ấn-Độ, Anh, Mỹ, Pháp, Tích-Lan ủng-hộ nhiệt liệt, ban Tổ-chức và cả Hội-nghị đều đổi thái-độ, về cuối buổi họp chiều là bầu luôn 5 tiểu-ban. Đại-hội-nghị còn vừa đi chiêm bái vừa hiệp nhau từng ban một nghiên-cứu sẵn sàng, để đem về Hội-nghị bàn cãi và duyệt-y. Năm tiểu-ban nghiên-cứu được thành lập :

1/ Tiểu-ban dự thảo Hiến-chương và Điều-lệ Hội Phật-giáo thế-giới.

2/ Tiểu-ban « Thống-nhất » và « Đoàn-kết » có nhiệm-vụ nghiên-cứu những phương-pháp để thực hiện sự đoàn-kết giữa các Phật-tử thế-giới.

3/ Tiểu-ban báo chí tuyên-truyền có nhiệm-vụ nghiên-cứu những phương-pháp tuyên-truyền đạo Phật.

4/ Tiểu-ban « Xã-hội » có nhiệm-vụ nghiên-cứu về Phật-giáo tham dự các công việc xã-hội.

5/ Tiểu-ban « Truyền-giáo » nghiên-cứu cách tổ-chức các Phật-tử thế-giới đi truyền-bá đạo Phật trên khắp hoàn cầu.

∴

Tiểu-ban thảo Hiến-chương cho Hội Phật-Giáo thế-giới

Tiểu-ban này do vị Trưởng Phái-Đoàn Phật-Giáo Diến-Điện làm chủ-tịch cùng với Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam, Ông PHẠM-CHỮ được tôi

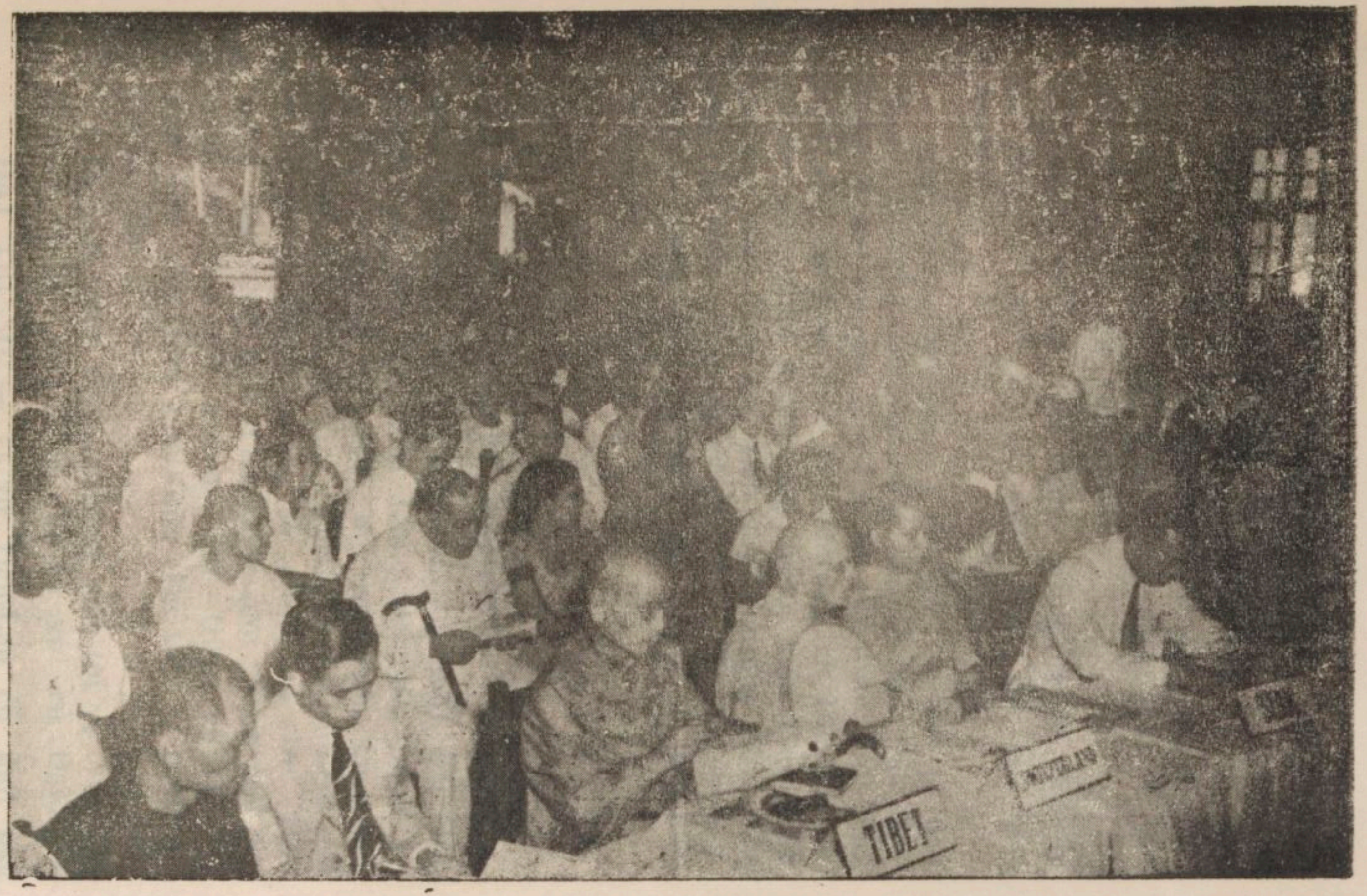

Đại hội nghị ở trụ-sở Thanh niên Phật giáo Tích Lan (27-5-1950)

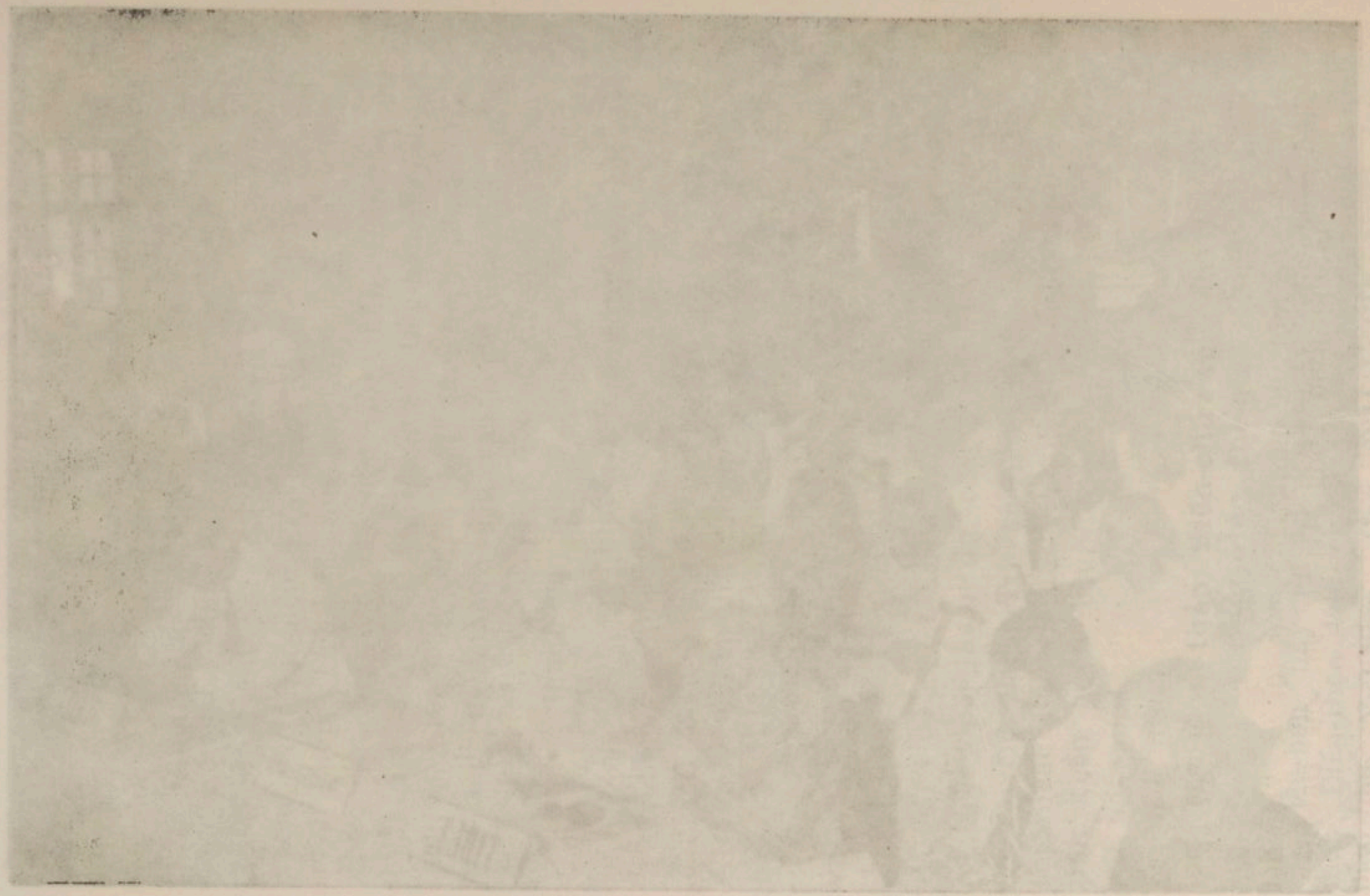

ủy-nhiệm với các điều đại cương về « Nguyên-tắc » và « Hệ-thống » tôi đã thảo sẵn để đem ra cùng ban này khởi thảo Hiến-chương. Hiến-chương thảo xong, đem ra trình Hội-nghị bàn cãi và sửa đổi trong ba buổi họp.

Nhưng những điều chỉnh trong Hiến-chương do tiểu-ban thảo ra đã được toàn thể Hội-nghị duyệt-y.

Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam có thể tự hào rằng : Đã đứng đầu phản-đối Ban tổ-chức lẫn Hội-Nghị đi sai nguyên tắc, trái lại vẫn được Hội-Nghị mời vào dự Ban thảo Hiến-chương và Điều-lệ, tức là dự một phần quan-trọng trong việc thảo Hiến chương này. Còn các Ban dự thảo của bốn Tiểu Ban kể trên cũng được đưa bàn cãi và duyệt-y. Khi in xong đều gửi đến các nước có Đại-Biểu đến họp.

∴

Việc bầu đại-biểu Phật-Giáo thế-giới

Theo như trong Hiến-chương, một Đại Hội-đồng Phật-Giáo Thế-Giới trong đó mỗi nước có một Đại-Biểu, sẽ có quyền tối cao trong các công việc của Hội Phật-giáo Thế-Giới ủy nhiệm thi hành trong Phật-Giáo xứ sở mình và Đại Hội-Đồng bầu ngay một Chủ-Tịch, một Tổng thư ký, năm Phó thư-ký và một Thủ-Quỹ, để bắt tay vào làm việc Hội Phật-Giáo Thế-Giới ở ngay nơi thành lập.

Đây là một đề-nghị riêng của tôi về việc đặt Trụ-sở và bầu Ban Tổng Trị-Sự với cử Đại-Biểu.

ĐẶT TRỤ-SỞ. — Vì xứ Tích-Lan có một bầu

không khí quang đãng, êm đềm rất thuận tiện cho Phật-Giáo Thế-Giới, vì Phật-Giáo chính thức làm quốc-giáo của Tích-Lan. Vậy thì Trụ-Sở của Hội Phật-Giáo Thế-Giới tạm thời hãy đặt ở Tích-Lan.

BẦU BAN TỔNG TRỊ-SỰ. — Vì các Phật Tử Tích-Lan đã có công lớn trong việc chiêu-tập hội-nghị Phật-Giáo Thế-Giới, vậy thì ba chức quan trọng như Chủ-Tịch, Tổng Thư-ký và Thủ-Qũy, hóa đầu đều phải để người Tích-Lan đảm nhận, có thế mới liên lạc mật thiết được với nhau trong mọi công việc.

CỬ ĐẠI-BIỂU. — Mỗi Phái-Đoàn Phật-Giáo chính-thức được cử đến dự Hội-nghị, sẽ cử lấy một vị làm Đại-Biểu trong Đại Hội-Đồng Phật-Giáo Thế-Giới. Sau khi cử xong, sẽ đệ trình danh sách lên ban Tổng-Trị-Sự.

Đề-nghị này của tôi được phần đông các Phái-Đoàn Phật-Giáo Thế-Giới tán thành và Hội nghị đã áp dụng thi hành. Cho nên đến khi bầu ba nhân-vật của Phật-Giáo Tích-Lan làm Chủ Tịch, Tổng thư-ký và Thủ-qũy ra đảm nhiệm công việc của Hội Phật-Giáo Thế-Giới, đều được toàn thể hội-nghị hoan-hô chuẩn nhận.

Lại còn phải nhắc đến thành phần của Việt, Mên, Lào cử Đại-Biểu vào dự Đại Hội-đồng Phật-Giáo Thế-Giới.

Theo Hiến-chương mỗi nước Phật-Giáo chỉ được cử một Đại-Biểu vào Đại Hội-Đồng Phật-Giáo Thế-Giới. Vì thế mà Hội-nghị Phật-Giáo Thế-Giới họp tại Colombo, Ấn-Độ có đến 4 Phái-Đoàn Trung-Hoa cũng có 3 Phái-Đoàn, cũng được cử có một Đại-Biểu.

Tiểu ban « thống - nhất » đề nghị Việt, Mên, Lào cũng chỉ được có một Đại-Biểu, để đại diện cho Phật-Giáo Liên-Bang Đông-Dương. Đề-nghi ấy được Đại Hội-nghị chuẩn y. Hai Phái - Đoàn Mên, Lào yên lặng.

Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam do tôi ủy ông PHẠM-CHỮ, lên tiếng rằng : Mỗi nước có Phật-Giáo được cử một Đại-Biểu là phải. Việt-Nam là một nước độc-lập, không phải là nước Liên-Bang Đông-Dương, Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam theo Hiến - Chương có quyền cử một Đại - Biểu đại-diện cho Phật-Giáo Việt-Nam vào Đại-Hội Đồng Phật-Giáo Thế-Giới.

Lời yêu cầu của Việt-Nam cũng đã được một số Trưởng Phái-Đoàn hưởng ứng nhưng vẫn bị thiểu số, những lời bàn đi tán lại cũng đã sôi nổi, mà vẫn chưa giải quyết xong. Ông PHẠM-CHỮ theo ý tôi ra trả lời quyết liệt rằng : Quốc Gia Việt-Nam đã được độc-lập, vậy thì Phật-Giáo Việt-Nam phải được cử riêng một Đại-Biểu, nếu không được như lời yêu cầu, Phái-Đoàn chúng tôi xin rút lui, vì rằng 18 triệu dân Việt-Nam theo Phật-Giáo không bao giờ chịu liệt Việt-Nam vào Liên-Bang Đông-Dương.

Mấy câu cương quyết đó, đã chuyển được Đại Hội-Nghị đều tán thành, để Phái-Đoàn Việt-Nam được cử riêng một Đại-Biểu vào Đại Hội-Đồng Phật-Giáo Thế-Giới. Tôi nhân danh Trưởng Phái-Đoàn Phật-Giáo Việt-Nam ra đảm nhiệm Đại-Biểu Phật-Giáo Việt-Nam trong Đại Hội-Đồng Phật-Giáo Thế-Giới.

Nhưng tôi còn ngỏ ý nếu sau này Phật-Giáo Việt-Nam cử được Đại-Biểu sứng đáng hơn tôi, thì tôi xin nhường, Đại Hội-Nghị chuẩn-y.

Những nỗi khó khăn mà Phái-đoàn Phật-giáo của chúng tôi đã vượt qua

1/ Hội-nghị bàn cãi bằng tiếng Anh, mà tôi không biết một tiếng Anh nào.

2/ Phái-đoàn ít người quá, ngoài ông PHẠM-CHỮ ra, trong Phái-đoàn không còn ai giúp tôi.

3/ Phải thảo Hiến-chương và Điều-lệ cho tổ-chức Phật-giáo thế-giới mà qua không có sẵn một tài-liệu nào cả.

4/ Phải đối phó với nhiều vấn-đề gay go như bị liệt vào liên-bang Đông-Dương.

5/ Đưa Hội-nghị ra khỏi con đường úng-tắc.

∴

Những phương-châm giải-thoát các nỗi khó khăn

1/ Tôi đã đặt đường gây thiện-cảm sang Tích-Lan, từ ngót một tháng trước bằng cách nhờ ông Thư-ký Hội Đại Bồ-đề Ấn gởi bản đề-nghị với Phật-giáo thế-giới, cho ban Tổ-chức xem trước và có kèm cả thư của Hội Đại Bồ-đề Ấn-Độ giới-thiệu với các cơ-quan Phật-giáo Tích-Lan nữa. Vì thế cho nên khi chúng tôi đến Tích-Lan, được ưu-đãi đặc biệt, và khi phản đối ban Tổ-chức mà ban Tổ-chức vẫn thân mật.

2/ Ý hiệp tâm đầu với nhiều Đại-biểu, nhưng mật-thiết nhất là Phái-đoàn Hội Đại Bồ-đề Ấn-Độ, Hội Bồ-đề Tích-Lan, Phái-đoàn Pháp và Diến-Điện.

3/ Tôi còn nhờ có chút kinh-nghiệm, nên giữ vững được lập-trường chắc chắn, cũng như thái-độ cương-quyết.

4/ Ông PHẠM-CHỮ là thông-ngôn của phái-đoàn, mặc dầu còn ít tuổi, nhưng ông đã tỏ ra rất thông-thạo tiếng Anh, lại linh-hoạt về ngoại-giao, nên gây được nhiều cảm-tình với người ngoại-quốc, nhất là ông lại tâm đầu ý hiệp với tôi trong nhiều công việc.

5/ Được Ông RAJAHEWAVITARNE là Phó Hội Bồ-đề Tích-Lan làm Cố-vấn cho tôi, nhất là lại được Bà RAJAHEWAVITARNE hết sức săn-sóc đến sự ăn uống của tôi để giữ sức khỏe.

Hội-nghị đã vượt qua những nỗi khó khăn và sau lại đạt được những kết-quả là vì :

a) Bên ngoài có báo chí Tích-Lan đem các lời phản đối Hội-nghị của Phái-đoàn Việt-Nam và Hawai gây dư luận.

b) Bên trong ban Tổ-chức cũng như các Phái-đoàn đọc báo biết dư-luận không hay, liền thay đổi thái-độ. Lại có thêm lực-lượng của Phái-đoàn Ấn-Độ, Tích-Lan, Anh, Mỹ, Pháp đề-nghị, Phái-đoàn Việt-Nam lại lên tiếng yêu cầu đổi chương trình hội họp.

c) Trưởng Phái-đoàn Diến-điện với tôi, tuy không bàn định gì với nhau trước, nhưng vì đều quan-tâm về vấn-đề giải cứu Đại hội-nghị ra khỏi con đường ùng-tắc sẽ lại tiến đến kết-quả, nên hai chúng tôi đều đã thảo sẵn các điều đại-cương về Hiến-chương và Điều-lệ, cho nên đến khi hai chúng tôi với Đại-biểu Ấn-Độ được cử vào Tiểu-ban dự thảo Hiến-chương và Điều-lệ chỉ phải họp nhau để trao đổi ý-kiến có một vài buổi là đã có Hiến-chương với đại-cương của Điều-lệ mang ra cho Đại hội-nghị bàn cãi. Mặc dầu đã có tới ba buổi bàn cãi sửa đổi,

nhưng cũng chỉ sửa đổi về chi-tiết là được duyệt y ; cả đến bốn Tiểu-ban khác cũng cố gắng làm việc cả những ngày đi chiêm bái, nên các vấn-đề then chốt đều được giải quyết xong cả.

Hội-nghị Phật-giáo thế-giới họp tại Colombo đã thu được những kết-quả tốt đẹp :

1/ Các Trưởng Phái-đoàn của 26 nước đã cùng nhau làm lễ tuyên-thệ với bản quyết-nghị đọc trước Tam-bảo để cầu Đức Từ-bi chứng-minh và biểu-dương tinh-thần thống-nhất với lực-lượng đoàn-kết.

2/ Đại hội-nghị đã duyệt-y bản Hiến-chương và các đại-cương cho Điều-lệ, tức là đã đặt nền móng chắc chắn cho Hội Phật-giáo thành lập.

3/ Hội Phật-giáo thế-giới đã có một ban Tổng Trị-sự với 26 Đại-biểu của các nước Phật-giáo trên khắp hoàn-cầu, đều phải phụng-sự chung một tôn-chỉ, thực hiện tinh-thần Phật-giáo trên khắp thế-giới, giải quyết vấn-đề quan-trọng của nhân-sinh.

KÍNH TẶNG THƯỢNG-TỌA TỐ-LIÊN
TRƯỞNG PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Quốc-tế Cao-tăng hội họp bàn,
Hiển-chương Phật-giáo để tuyên-dương.
Tiếng chuông Đại-Việt còn ngân mãi,
Hồi khánh Sây-Lăng vẫn chuyển vang.
Ví đạo Từ-bi mà tiến phát,
Thì rầy tục lụy phải tiêu tan.
Người đời nếu giác chân-như tính,
Cực-Lạc tưng bừng cõi thế-gian.

VŨ-PHƯỢNG-MINH

Muốn cứu đời qua bước hiểm sâu,
Thuyền tu, xe pháp, phải đương đầu ;
Nhẹ thân tỉnh-giác hồi chuông nguyện,
Thẩm vẻ từ-bi chiếc áo nâu.
Du-lịch bước bay trời bốn cõi,
Tao-phùng vai gánh hội năm châu.
Mong sao Quán-Sứ đi về tiện,
Mà được thừa-nhan hỏi đạo-mầu.

Quần-Phương Thượng, Hải-Hậu,
Nam-Định.
Ngày 1-1-1951
Nhàn-Vân-Đình : TRẦN-DUY-VÔN
đốn phụng

MUC LUC

PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO V. N. ĐI ẤN-ĐỘ

SỐ BÀI	TÊN BÀI	SỐ TRANG
1./	Duyên khởi	9
2./	Từ Bắc vào Nam	17
3./	Từ Nam đến Ấn-Độ	23
4./	Hội Phật-giáo Ấn-Độ đối với Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam	31
5./	Chiêm bái Xá-lợi hại vị Thánh Tăng	39
6./	Ngài Thủ-hiến Bangale hỏi về Phật-giáo Việt-Nam	43
7./	Cư-sĩ Barua cho biết về tình hình Phật-giáo Ấn-Độ	45
8./	Một vị Đại-đức hỏi về Phật-giáo Việt-Nam	49
9./	Chiêm bái Bồ-đề tràng	55
10./	Chiêm bái Lộc-Uyển	67
11./	Chiêm bái Song-Lâm	81
12./	Chiêm bái Thứu-Lĩnh	89
13 /	Thăm suối nóng	97
14./	Cảm-tưởng của Ký-giả đối với các nơi Phật-tích	99
15./	Diễn-giảng tại chùa Hội Phật-giáo Đại Bồ-đề	103
16./	Cuộc gặp gỡ nhà Trưởng-giả Birla	115
17./	Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam yết kiến Bác-sĩ Prasad là Tổng-thống Ấn-Độ	123

PHÁI-ĐOÀN PHẬT-GIÁO V. N. ĐI TÍCH-LAN

SỐ BÀI	TÊN BÀI	SỐ TRANG
1./	*Dự Hội-nghị Phật-giáo thế-giới*	131
2./	*Nền nếp của một gia-đình Phật-giáo*	133
3./	*Lòng yêu quý khách ngoại-quốc của ông K. T. Wimalasekera*	137
4./	*Lễ tuyên-thệ thành lập Hội Phật-giáo T. G.*	139
5./	*Bản tuyên thệ*	143
6./	*Quang cảnh buổi lễ khai-mạc Hội-nghị Phật-giáo thế-giới*	149
7./	*Lời tuyên-bố và diễn-văn của Ký-giả*	153
8./	*Kể lược qua sự hoạt-động của các Phái-đoàn Phật-giáo*	161
9./	*Kể riêng biệt về các hoạt động của Phái-đoàn Phật-giáo Việt-Nam*	173
10./	*Thanh-niên P. G. Tích-Lan cúng trai*	179
11./	*Hai cha con ông già cúng quỳ lụng kính bên cái ô-tô bẹp*	185
12./	*Tinh-thần trọng Tăng của dân phố Nivedara*	187
13./	*Con Phật uống nước. Phật sẽ trả tiền*	189
14./	*Người cảnh-binh có lòng*	193
15./	*Tỉnh Gandesepura với P. G. Tích-Lan*	197
16./	*Một tổ-chức giúp khách hành-hương có đầy ý nghĩa của nhân dân Tích Lan*	207
17./	*Đi chiêm bái chùa Răng Phật*	211
18./	*Tinh-thần hoạt-động của Hội Đại Bồ-đề Tích-Lan*	215
19./	*Kết-quả và tình hình tổng-quát của Hội-nghị Phật-giáo thế-giới*	223

Nhà kho sách xưa Quán Ven Đường

In tại nhà in
ĐUỐC - TUỆ
73, Quán-sứ
= Hà-nội =

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)